

Tỳ Kheo
Thích Tuệ Hải



KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG GIẢI QUYỂN 2



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TỶ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

- ☀ Sinh năm 1968, tại Bến Tre
- ☀ Xuất gia tu học tại
Thiền Viện Thường Chiếu (1986 - 1994)
- ☀ Trụ trì Chùa Long Hương, Xã Long Tân,
Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai từ 1994 đến nay.
- ☀ Ủy Viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương
nhiệm kỳ 2012 – 2017; 2017 – 2022.

Điện Thoại: 0251 86 00 258

Di Động: 0911 258 258

Email: tykheo.thichtuehai@yahoo.com

Website: www.chualonghuong.org

www.quynguyen.org

www.quynguyen.com





KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA GIẢNG GIẢI QUYỂN 2

THƯỢNG TỌA THÍCH TUỆ HẢI

GIẢNG GIẢI

PL 2562 – DL 2018

MỤC LỤC CHUNG

QUYỂN 1

MỤC LỤC CHUNG	
MỤC LỤC QUYỂN 1.....	
LỜI TỰA.....	
GIẢI NGHĨA TÊN KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA	
1. PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT.....	
2. PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI	
3. PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA	
5. PHẨM “DUỘC THẢO DỤ” THỨ NĂM	
6. PHẨM “THỌ KÝ” THỨ SÁU	
7. PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” THỨ BẢY	
8. PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” THỨ TÁM	
9. PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ” THỨ CHÍN	
10. PHẨM “PHÁP SU” THỨ MƯỜI.....	

QUYỂN 2

MỤC LỤC CHUNG	
MỤC LỤC QUYỂN 2.....	
11. PHẨM “HIỆN BẢO THÁP” THỨ MƯỜI MỘT.....	
12. PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA” THỨ MƯỜI HAI	
13. PHẨM “TRÌ” THỨ MƯỜI BA	
14. PHẨM “AN LẠC HẠNH” THỨ MƯỜI BỐN.....	

15. PHẨM “TÙNG ĐỊA DỮNG XUẤT” THỨ MƯỜI LĂM.....
16. PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG” THỨ MƯỜI SÁU
17. PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI BẢY
18. PHẨM “TÙY HỖ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM
19. PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI CHÍN
20. PHẨM “THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT” THỨ HAI
MƯỜI
21. PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” THỨ HAI MƯỜI MỘT.....
22. PHẨM “CHỨC LỤY” THỨ HAI MƯỜI HAI.....
23. PHẨM “DUỘC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ” THỨ HAI
MƯỜI BA.....
24. PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI BỐN.....
25. PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” THỨ
HAI MƯỜI LĂM
26. PHẨM “ĐÀ LA NI” THỨ HAI MƯỜI SÁU.....
27. PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ”
THỨ HAI MƯỜI BẢY
28. PHẨM “PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾT PHÁT” HAI
MƯỜI TÁM.....
- TÓM LƯỢC KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

MỤC LỤC QUYỂN 2

MỤC LỤC CHUNG	2
MỤC LỤC QUYỂN 2.....	4
PHẨM “HIỆN BẢO THÁP” THỨ MƯỜI MỘT	5
PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA” THỨ MƯỜI HAI	31
PHẨM “TRÌ” THỨ MƯỜI BA	56
PHẨM “AN LẠC HẠNH” THỨ MƯỜI BỐN.....	69
PHẨM “TÙNG ĐỊA DỪNG XUẤT” THỨ MƯỜI LĂM.....	101
PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG” THỨ MƯỜI SÁU	123
PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI BẢY	148
PHẨM “TÙY HỸ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM	171
PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI CHÍN	182
PHẨM “THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI.....	207
PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” THỨ HAI MƯỜI MỘT	219
PHẨM “CHỨC LỤY” THỨ HAI MƯỜI HAI.....	230
PHẨM “DƯỢC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BA ...	235
PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI BỐN.....	255
PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” THỨ HAI MƯỜI LĂM.....	277
PHẨM “ĐÀ LA NI” THỨ HAI MƯỜI SÁU	339
PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BẢY	357
PHẨM “PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT” THỨ HAI MƯỜI TÁM	382
TÓM LƯỢC KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA	401

PHẨM “HIỆN BẢO THÁP” THỨ MƯỜI MỘT

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, trước Phật có tháp bằng bảy báu, cao năm trăm do tuần, ngang rộng hai trăm năm mươi do tuần, từ dưới đất nổi lên trụ ở giữa hư không; các món vật báu trau giồi, năm nghìn bao lớn, nghìn muôn phòng nhà, vô số tràng phan để nghiêm sức đó, chuỗi ngọc báu rũ xuống, muôn nghìn linh báu treo trên tháp. Bốn mặt đều thoáng đưa ra mùi hương gỗ Ly cầu chiên đàn khắp cùng cả cõi nước.

Các phan lọng đều dùng bảy thứ báu vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khô hợp lại thành, cao đến ngang cung trời Tứ Thiên Vương, trời Đao Lợi rưới hoa Mạn đà la cúng dường tháp báu.

Các Trời khác và Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân v.v... nghìn muôn ức chúng đều đem tất cả hoa, hương, chuỗi ngọc, phan lọng, kỹ nhạc mà cúng dường tháp báu, đồng cung kính tôn trọng ngợi khen.

Bảy giờ trong tháp báu vang tiếng lớn ra khen rằng: Hay thay! Hay thay! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Có thể dùng tuệ lớn bình đẳng vì đại chúng nói Kinh Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm Diệu Pháp Liên Hoa. Đúng thế! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Như lời Phật nói đó, đều là chân thật.

Đây là phẩm Kinh hết sức quan trọng, rất chuyên môn đối với tất cả những người tu theo đạo Phật. Từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ tư là Khai. Từ phẩm thứ tư tới phẩm thứ mười là Thị và phẩm thứ mười một này là Ngô Phật Tri Kiến.

Đầu phẩm Hiện Bảo Tháp, Đức Phật diễn tả Tháp bằng bảy báu được trang trí bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu và mai khôi. Là công hạnh tu hành được kết tinh lại để bây giờ Tri Kiến Phật hiện ra và dung chứa Đức Phật trong đó. Chính Đức Phật Đa Bảo ở trong tháp báu vang tiếng khẳng định những lời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, giảng dạy và dùng phương tiện để cứu độ chúng sanh muôn loài từ trước tới giờ là đúng: *“Đúng thế! Đúng thế! Đức Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn! Như lời Phật nói đó, đều là chân thật.”*

VĂN KINH

Bảy giờ, bốn chúng thấy tháp báu lớn trụ trong hư không, lại nghe trong tháp vang tiếng nói ra đều được Pháp hỷ, lấy làm lạ chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính chấp tay rồi đứng một bên.

Lúc đó, có vị Đại Bồ Tát tên Đại Nhạo Thuyết biết lòng nghi của tất cả Trời, Người, A tu la v.v... trong thế gian mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có tháp này từ đất nổi lên, lại ở trong tháp vang ra tiếng như thế?

Lúc đó, Phật bảo ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát: Trong tháp báu này có toàn thân Như Lai, thời quá khứ về trước cách đây vô lượng nghìn muôn ức vô số cõi nước ở phương đông có nước tên Bảo Tịnh, trong nước

đó có Phật hiệu là Đa Bảo, Đức Phật đó tu hành đạo Bồ Tát phát lời thệ nguyện lớn rằng: Nếu Ta được thành Phật sau khi diệt độ trong cõi nước ở mười phương có chỗ nào nói Kinh Pháp Hoa, thì tháp miếu của Ta vì nghe Kinh đó mà nổi ra nơi trước để làm chứng minh khen rằng: Hay thay! Đức Phật đó thành Phật rồi lúc sắp diệt độ ở trong đại chúng Trời, Người bảo các Tỷ kheo rằng: Sau khi Ta diệt độ muốn cúng dường toàn thân của Ta thì nên dựng một tháp lớn.

Đức Phật đó dùng sức nguyện thần thông nơi nơi chỗ chỗ trong mười phương cõi nước, nếu có nói Kinh Pháp Hoa, thì tháp báu đó đều nổi ra nơi trước, toàn thân Phật ở trong tháp khen rằng: Hay thay! Hay thay!

Đại Nhạo Thuyết! Nay tháp của Đa Bảo Như Lai vì nghe nói Kinh Pháp Hoa nên từ dưới đất nổi lên khen rằng: Hay thay! Hay thay!

Ở đây ngài Đại Nhạo Thuyết thấy cũng như toàn chúng bắt đầu thấy, một điều hết sức lạ thì sanh Pháp hỷ, tức là thấy vui mà vui trong Chánh Pháp, chứ không phải vui một cách bình thường như chúng ta là vui cười theo kiểu thế gian. Khi tháp báu hiện ra trước đại chúng và công nhận lời nói của Đức Thế Tôn là đúng thì toàn chúng bắt đầu sanh Pháp hỷ. Vì vậy tất cả đại chúng đều được tắm mình trong Chánh Pháp và vui với niềm vui đã nhận được đạo lý. Lúc này mặc dù chưa hiểu nguyên nhân, nguồn gốc của tháp này từ đâu ra. Cái tháp thì từ dưới đất vọt lên, ý nghĩa này một chút nữa chúng ta lần lần tháo gỡ. Tháp này được toàn thân Như Lai từ nghìn xưa đã là cái chỗ nguyên sơ, thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm màu của chúng ta.

Khi mà chúng ta đủ tất cả công hạnh tu hành thì Tự Tánh bắt đầu hiển lộ. Người nào công phu chưa tới thì Tự Tánh chưa hiển lộ. Tức là khi Tự Tánh hiển lộ rồi là Phật Tri Kiến bắt đầu hiện hữu, từ đây cho đến suốt quãng đời còn lại của chính mình. Cho nên người nào mà công hạnh tu hành đến chỗ này thì Phật Tri Kiến bắt đầu hiện ra, khi Phật Tri Kiến hiện ra rồi thì chúng ta đủ sức, để có thể khẳng định rằng điều mình tu từ trước đến giờ là đúng, giống như lời Đức Phật Đa Bảo khen Đức Phật Thích Ca là tất cả những lời nói, tất cả những việc làm của Ngài từ trước đến giờ đúng với Chánh Pháp. Có nghĩa là trong đạo Phật gọi người ấy có chánh kiến.

Ngay khi mình đủ tự tin và hoàn toàn không còn bất kỳ nghi ngờ nào nữa, khi ấy chư Phật mười phương đến chứng minh cho chúng ta. Một phen chúng ta ngộ Tánh, một phen chúng ta nhận được Tri Kiến Phật thì lúc đó chúng ta đủ con mắt tuệ để thấu rõ con đường đi đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát do sức thần của Đức Như Lai mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con nguyện muốn thấy thân của Đức Phật đó. Phật bảo ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma ha tát: Phật Đa Bảo đó có nguyện sâu nặng: Nếu lúc tháp báu của Ta vì nghe Kinh Pháp Hoa mà hiện ra nơi trước các Đức Phật, có Phật nào muốn đem thân Ta chỉ bày cho bốn chúng, thì các vị Phật của Phật đó phân thân ra nói Pháp ở các cõi nước trong mười phương đều phải nhóm cả một chỗ, vậy sau thân của Ta mới hiện ra.

Đại Nhạo Thuyết! Các vị Phật của Ta phân thân nói Pháp ở các cõi nước trong mười phương nay nên sẽ nhóm lại. Ngài Đại Nhạo Thuyết bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Chúng con cũng nguyện muốn thấy các vị Phật của Thế Tôn phân thân để lễ lạy cúng dường.

Bấy giờ, Phật phóng một lần sáng nơi lông trắng giữa chạng mày, liền thấy năm trăm muôn ức na do tha hằng hà sa cõi nước ở phương Đông. Các cõi nước đó đều dùng pha lê làm đất, cây báu, y báu để làm đồ trang nghiêm, vô số nghìn muôn ức Bồ Tát đầy dẫy trong nước đó. Khắp nơi giăng màn báu, lưới báu phủ trên, Đức Phật trong nước đó đều dùng tiếng lớn tốt mà nói các Pháp và thấy vô lượng nghìn muôn ức Bồ Tát khắp đầy trong nước đó vì chúng sanh mà nói Pháp. Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía, trên dưới chỗ tương sáng lông trắng chiếu đến cũng lại như thế.

Lúc đó, các Phật ở mười phương đều bảo chúng Bồ Tát rằng: Thiện nam tử! Ta nay phải qua thế giới Ta Bà, chỗ của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng để cúng dường tháp báu của Đa Bảo Như Lai.

Ở đây bắt đầu chúng ta thấy một điều quan trọng trong Phật Pháp là khi tháp báu hiện ra và Đức Phật Đa Bảo có nguyện rằng *“Khi tháp báu hiện ra rồi mà người nào muốn thấy thân Phật ở trong Tháp Đa Bảo đó thì tất cả những Phật phân thân ở mười phương pháp giới phải hội tụ về”*. Ở đây có hai ý.

Thứ nhất: Nếu chúng ta muốn thấy cái chân thật trong mình thì chúng ta không còn bất kỳ vọng niệm nào hướng ra bên ngoài cả. Ví dụ mình đang ngồi đây mình nghĩ

chuyện ở nhà, hoặc nghĩ chuyện miên man ở nơi nào đó. Bây giờ không được nghĩ tiếp, tất hết tất cả những vọng niệm đó thì chúng ta được cái không vọng niệm xảy ra ở nơi tâm của mình. Đồng thời chúng ta đi sâu hơn nữa là được nhập định và khai mở trí tuệ của mình để nhận ra Phật Tri Kiến. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Thứ hai: Ở đây trong Kinh nói là Phật phân thân, chứ không phải là ý niệm chúng sanh phân thân như chúng ta. Có nghĩa là cái thấy biết của chúng ta là cái thấy biết giác ngộ giải thoát hoàn toàn, chứ không phải còn cái thấy lầm mê nữa. Đây là điều chúng ta phải biết, lúc nào Tự Tánh chúng ta hiện là tất cả ý niệm của chúng ta đều là ý niệm giải thoát hoàn toàn. Chúng ta hướng về chỗ nào thì chỗ ấy liền thành giác ngộ giải thoát, và mười phương pháp giới khi chúng ta phát khởi ý niệm ra, đều là giải thoát hoàn toàn thì lúc đó mới được gọi là Phật phân thân.

Tất cả những ý niệm của chúng ta đều là ý niệm giác ngộ hoàn toàn thì Phật Tri Kiến mới hiển bày. Đó là điều chúng ta phải biết. Cho đến chỗ hoàn toàn giác ngộ của một Hành giả khi hòa nhập vào Tri Kiến Phật, tất cả những động niệm được sanh ra đều là những động niệm giác ngộ hoàn toàn. Chứ không phải chúng ta nghĩ chuyện này, nghĩ chuyện kia gọi là Phật phân thân.

Ví dụ từ trước đến giờ, chúng ta đã hiểu là chúng ta nghĩ chuyện này nghĩ chuyện kia, chúng ta cũng công phu, để dừng những suy nghĩ miên man của mình. Khi những ý nghĩ miên man của chúng ta dừng lại, mà Phật Tri Kiến của chúng ta vẫn không hiển lộ, chúng ta cũng đã từng nhiều lần tu tập và nhiều lần đạt được định, mà Tri Kiến Phật có nhận được đâu.

Vì vậy một Hành giả tu Pháp Hoa cho đến khi những động dụng trong tâm đều là những động dụng giác ngộ hoàn toàn, khi ấy Phật Tri Kiến mới hiện lộ.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bắt đầu hội tụ các Phật phân thân của Ngài trở về, liền khi đó lông trắng giữa chạng mày phóng ra luồng hào quang, tức là cái thấy biết lia hai bên, là trí tuệ giác ngộ giải thoát, là ánh sáng giác ngộ hoàn toàn, trong ánh sáng đó tỏa sáng phủ khắp mười phương, hiện tất cả chư Phật phân thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Phật đó đang hướng đến cõi Ta Bà để tụ hội về.

Đoạn này có nghĩa là khi một Hành giả đã đạt ngộ giải thoát toàn triệt, phút giây hòa nhập trong Phật Tri Kiến, tức là cái thấy biết Phật, là cái thấy biết giác ngộ hoàn toàn, thì phút giây ấy năm uẩn hoàn toàn tan biến, hòa thành ánh sáng giác ngộ phủ khắp mười phương pháp giới, đó là ý nói hào quang của Đức Phật chiếu khắp mười phương pháp giới và hiện tất cả các Đức Phật phân thân. Tức là ánh sáng giác ngộ chiếu sáng tới đâu thì chỗ đó liền hiện thành cõi giới giác ngộ giải thoát toàn triệt, có nghĩa là cõi Phật hiện tiền và khắp pháp giới mười phương dung thông thành một cõi giới Phật.

Như vậy cõi Ta Bà của chúng ta cũng đang ở trong pháp giới toàn chân của chư Phật. Vì vậy mà hiện tiền Phật ở cõi Ta Bà, cũng như chư Phật phân thân ở mười phương pháp giới chính là hiện tiền cõi Phật, cho nên nói chư Phật mười phương đồng hội tụ về trước khi mở Tháp Đa Bảo.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, cõi Ta Bà liền biến thành thanh tịnh, đất bằng lưu ly, cây báu trang nghiêm, vàng ròng làm dây

để giăng ngăn tám đường, không có các tụ lạc làng xóm, thành ấp, biển cả, sông ngòi, núi sông cùng rừng bụi. Đốt hương báu lớn, hoa Mạn đà la trải khắp cõi đất, dùng lưới màn báu giăng trùm ở trên, treo những linh báu, chỉ lưu lại chúng trong hội này, dời các trời người để ở cõi khác.

Lúc đó, các Đức Phật đều đem theo một vị Bồ Tát lớn để làm thị giả qua cõi Ta Bà đều đến dưới cây báu, mỗi cây báu cao năm trăm do tuần, nhánh lá hoa trái thứ lớp rất trang nghiêm. Dưới các cây báu đều có tòa sư tử cao năm do tuần cũng dùng đồ báu tốt mà trau giồi đó.

Khi ấy, các Đức Phật đều ngồi xếp bằng trên tòa này, như thế lần lượt đến khắp đầy cả cõi Tam thiên Đại thiên mà ở nơi thân của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật phân ra trong một phương vẫn còn chưa hết.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni vì muốn dung thọ các vị Phật của mình phân thân, nên ở tám phương lại biến thành hai trăm muôn ức na do tha cõi nước, đều làm cho thanh tịnh, không có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh cùng A tu la, lại cũng dời các hàng trời người để ở cõi khác.

Những nước của Phật biến hóa ra đó cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm cao năm trăm do tuần, nhánh lá hoa trái đều có thứ lớp tốt đẹp, dưới cây đều có tòa báu sư tử cao năm do tuần, dùng các thứ báu để trau giồi. Những nước đó cũng không có biển cả sông ngòi và các núi lớn: Núi Mục chân lân đà, núi Thiết vi, núi Đại thiết vi, núi Tu di v.v... thông làm một cõi nước Phật, đất

báu bằng thẳng, các báu xen lẫn nhau làm màn trùm khắp ở trên, treo các phan lọng, đốt hương báu lớn, các hoa trời báu trải khắp trên đất.

Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì các Phật sẽ đến ngôi, nên ở nơi tám phương lại đều biến thành hai trăm muôn ức na do tha cõi nước, đều làm cho thanh tịnh, không có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A tu la, lại dời các hàng trời người để ở cõi khác. Những nước biến hóa ra đó cũng dùng lưu ly làm đất, cây báu trang nghiêm, cao năm trăm do tuần nhánh lá hoa trái thứ tự bằng báu cao năm do tuần, cũng dùng chất báu tốt mà trau giồi đó.

Những nước này cũng không có biển cả sông ngòi và các núi: Núi Mọc chân lân đà, núi đại Mọc chân lân đà, núi Thiết vi, núi đại thiết vi, núi Tu di v.v... thông lại làm một cõi nước Phật đất báu bằng thẳng, các báu đương xen lẫn nhau thành màn trùm khắp ở trên, treo các phan lọng, đốt hương báu tốt, các thứ hoa trời báu trải khắp trên đất.

Bấy giờ, ở phương Đông, các Đức Phật trong trăm nghìn muôn ức na do tha hằng hà sa cõi nước của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật phân thân ra, thấy đều nói Pháp đến nhóm ở cõi này. Tuần tự như thế, các Đức Phật trong cõi nước ở mười phương thấy đều đến nhóm ngôi ở tám phương. Bấy giờ, mỗi phương các Đức Như Lai ngôi khắp đầy trong bốn trăm muôn ức na do tha cõi nước.

Đức Phật hội tụ các vị Phật phân thân ở mười phương về. Khi ấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngôi ở cõi Ta Bà. Các vị Phật phân thân ở mười phương hội tụ về, các Ngài

trần ngập khắp cõi Ta Bà. Lúc ấy Đức Phật mới lấy thêm một số cõi xung quanh và biến thành thanh tịnh, dùng lưới màn báu giăng trùm ở trên, treo những linh báu. Đây là điều rất đặc biệt.

Cõi giới đó không có các tụ lạc, làng xóm, thành ấp, biển cả, sông ngòi, núi sông cùng rừng bụi. Tất cả các cõi giới đều bình đẳng và quý đẹp như lưu ly, pha lê, thanh tịnh, đẹp đẽ hoàn toàn. Có nghĩa, khi chúng ta không còn vọng niệm để so sánh cao thấp thì tất cả những cái trước mặt chúng ta là bình đẳng, đẹp đẽ.

Cảnh giới của chư Phật lại tuyệt diệu hơn. *“Cõi đó không có Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh cùng A tu la. Lại cũng dờn các hàng Trời, Người để ở cõi khác”*. Thật sự tâm chúng ta hoàn toàn thanh tịnh rồi thì một móng khởi ác trong đó không có, không có ganh tỵ nhỏ nhen, không có tham dục. Lúc đó thanh tịnh tuyệt đối, không còn thiện, không còn ác, Hành giả đó mới hòa nhập vào Tri Kiến Phật.

Lúc Tự Tánh chuẩn bị hiện thì không còn ba đường sáu ngõ ở nơi tâm. Lúc đó bắt đầu dung chứa tất cả các Phật ở mười phương về. Có nghĩa tất cả ý niệm sanh ra lúc này là ý niệm giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Chúng ta học Kinh Pháp Hoa phải hiểu tới chỗ này, đừng nghĩ chúng ta phải làm điều này, chúng ta phải làm điều kia, điều đó chỉ đúng với tâm thức chúng ta thôi chứ chưa phải là đúng với chân lý. Cái đúng của chân lý thật sự là phải hết tất cả cái đúng của trần gian này.

Công phu phải đạt tới đỉnh điểm này thì ngay khi ấy chúng ta nhận ra Tri Kiến Phật. Tất cả những cảnh giới định sâu chứng ngang với Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ

thiền lúc này cũng không còn nữa. Phải hết những định đó một lần thì Tri Kiến Phật mới hiện.

Trong Thất Giác Chi của đạo Phật, không xả là không đạt được chỗ tận cùng của Phật Pháp. Chỗ xả của Thất Giác Chi không phải là xả bỏ niệm thiện ác, mà phải xả bỏ tất cả những định dù sâu dù cạn, tất cả những định do công phu ngàn đời, để đời này chúng ta nhập định hàng triệu năm đi nữa, lúc này không xả thì không nhận được Phật Tri Kiến, cho nên gọi là đời tất cả trời người qua một bên.

Trước khi hòa nhập vào Phật Tri Kiến, không còn bất kỳ cảnh giới nào dù đó là cảnh giới Trời vô sắc . Ở trong Kinh diễn tả Phật phân thân hội tụ về đầy ngập cõi Ta Bà nên Đức Phật mới lấy thêm những cõi giới lân cận, những cõi giới lân cận đó cũng đời các chúng Trời, Người, cùng Ngạ quỷ, Súc sanh v.v... đi cõi khác, để cõi giới đó còn thuần thanh tịnh và tất cả các cõi nước thông thành một cõi thì mới dung chứa các vị Phật phân thân ở mười phương về.

Ý đoạn này muốn nói mảnh đất tâm hoàn toàn thanh tịnh, tức là Hành giả phải đạt tới cảnh giới giác ngộ giải thoát hoàn toàn thì thông đồng một cõi Phật, tức là dung thông với pháp giới mười phương thì khắp pháp giới mười phương chỗ chỗ, nơi nơi đều hiện tiền Phật.

Như vậy ở cõi Ta Bà cũng là hiện tiền giác thì chư Phật phân thân khắp mười phương cũng là trí tuệ giác ngộ, mà đạt đến cảnh giới giác ngộ này là cảnh giới không không gian, không thời gian, dung thông vô ngại, do vậy ở mười phương pháp giới là cái hiện tiền, hiện hữu trí tuệ giác ngộ ngay tại đây, đó là cảnh giới chư Phật phân thân của Đức Phật Thích Ca ở mười phương hội tụ về. Có nghĩa là khi tới

cảnh giới Phật rồi thì tất cả chư Phật đều đồng đẳng cảnh giới, đồng đẳng trí tuệ, thông đồng một cõi thuần giác, không có sự sai biệt trong cảnh giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“*Mười phương pháp giới thông đồng một cõi*”: Lúc này không còn có cõi Ta Bà, không còn có Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, mà tâm Hành giả vượt qua tất cả những cảnh giới định để mười muôn cõi nước không còn ngăn ngại nữa, gọi là mười muôn cõi nước thông đồng cõi Phật. Lúc này toàn pháp giới là Phật, là thanh tịnh hoàn toàn đồng cảnh giới chư Phật. Lúc đó mới được mở Tháp Đa Bảo.

Cho nên muốn nhận được Tri Kiến Phật, muốn mở cửa Tháp Đa Bảo đúng nghĩa Kinh Pháp Hoa thì phải đạt tới cảnh giới Phật, không còn có bất kỳ ý niệm nào vướng mắc trong Tam giới này. Và tâm người đó thuần thanh tịnh, thông đồng mười phương pháp giới không phải do lực định nữa, mà do phá vỡ tất cả những cái định và cái động. Cái động là tâm thức dao động của chúng ta, cái định là do lực công phu của chúng ta, lúc đó tan hết thì Phật Tri Kiến bắt đầu hiện.

Lúc đó toàn cõi mười phương pháp giới hết sức thanh tịnh. Những cái chúng ta thấy bây giờ nó rục rở hào quang. Không phải là những vật dụng trần gian bình thường nữa mà rục rở hào quang, khi ấy tất cả những cái đang hiện hữu đều là những vật báu cho nên trong Kinh nói được trang nghiêm bằng pha lê, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô v.v...

Người nào một phen thấy tất cả cảnh giới đều bình đẳng thành một cõi báu lung linh, huyền ảo, tỏa sáng rục rở khắp mười phương và không còn bất kỳ giới hạn nào là người đó

thấy Đức Phật đang ở hội Linh Sơn thuyết Kinh Pháp Hoa đang hiện hữu và mãi mãi hiện hữu trong pháp giới mười phương.

VĂN KINH

Lúc đó, các Đức Phật đều ngồi tòa sư tử dưới cây báu, đều sai vị giả qua thăm viếng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đều đưa cho đầy bụm hoa báu mà bảo vị giả rằng: Thiện nam tử! Người qua đến núi Kỳ Xà Quật, chỗ của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, theo như lời của Ta mà thưa cùng Phật thế này: Như Lai có được ít bệnh ít khổ sức khỏe an vui và chúng Bồ Tát cùng Thanh Văn đều an ổn chăng? Rồi đem hoa báu này rải trên Phật để cúng dường mà thưa rằng: Đức Phật kia cùng muốn mở tháp báu này. Các Đức Phật sai người đến cũng như vậy.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thấy các vị Phật của mình phân thân đến ngồi trên tòa sư tử, đều nghe các Phật cùng muốn đồng mở tháp báu, Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy trụ trên hư không, tất cả hàng bốn chúng đồng đứng dậy chấp tay một lòng nhìn Phật.

Khi ấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dùng ngón tay hữu mở cửa tháp bảy báu vang ra tiếng lớn, như tháo khóa chốt mở cửa thành lớn.

Tức thời, tất cả chúng trong hội đều thấy Đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu ngồi tòa sư tử, toàn thân không rã như vào cảnh thiên định lại nghe Phật đó nói: Hay thay! Hay thay! Thích Ca Mâu Ni Phật sướng thích nói Kinh Pháp Hoa đó, Ta vì nghe Kinh đó mà đến cõi này.

Bấy giờ, hàng tứ chúng thấy Đức Phật đã diệt độ vô lượng nghìn muôn ức kiếp về trước nói lời như thế đều khen là việc chưa từng có, đều đem hoa trời báu rải trên Đức Phật Đa Bảo và Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc đó Đức Đa Bảo Phật ở trong tháp báu chia nửa tòa cho Thích Ca Mâu Ni Phật mà nói rằng: Thích Ca Mâu Ni có thể đến ngồi trên tòa này. Tức thời Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vào trong tháp báu ngồi xếp bằng trên nửa tòa đó.

Bấy giờ, hàng đại chúng thấy hai Đức Như Lai xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp báu thì đều nghĩ rằng: Đức Phật ngồi trên cao xa, cúi mong Đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được ở trên hư không.

Tức thời, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dùng sức thần thông tiếp hàng đại chúng đều ở hư không, rồi dùng tiếng lớn mà khắp báo đó rằng: Ai có thể ở trong cõi Ta Bà này rộng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nay chính phải lúc. Như Lai không bao lâu sẽ vào Niết Bàn, Phật muốn đem Kinh Pháp Hoa này phó chúc cho có người.

Sau khi tất cả Phật phân thân tụ hội về rồi thì chuẩn bị mở tháp báu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là dụ cho trí giác hiện tiền. Khi tất cả cái dụng hạnh, tất cả những chủng tử nghiệp thức của Hành giả, những thiên định đều được xóa tan rồi thì Hành giả đó một phen mở cửa Tháp. Tức là tất cả những Phật phân thân khắp mười phương pháp giới tụ hội về thì mới mở cửa Tháp Đa Bảo.

Thật sự lúc dọn dẹp cõi nước bên ngoài, dọn dẹp ở cõi tâm để mười phương pháp giới thông đồng thành một cõi

giới Phật thì cõi Phật đã hiển lộ rồi. Nhưng ở đây diễn tả thêm Đức Phật đứng lên mở cửa Tháp Đa Bảo gây ra một tiếng động lớn, giống như mở khóa cửa thành lớn. Ý đoạn này muốn nói đến cái khoảnh khắc ngũ uẩn hoàn toàn thành không, ngã chấp hoàn toàn được tan biến, dung thông vô ngại, hòa vào cảnh giới Vô Tướng, hiển hiện trong pháp giới thanh tịnh không có không gian, không có thời gian.

Đó là dấu ấn không thể nào quên đối với Hành giả. Lúc đó dù sanh tử ngàn kiếp đi nữa cũng không bao giờ quên, mới được gọi là ngộ Phật Tri Kiến.

Khi ấy tâm chúng ta được giải thoát hoàn toàn đến chỗ Vô Thượng Bồ Đề. Lúc này đại bi tâm mở khắp pháp giới mười phương. Tất cả chúng sanh đều nằm trong pháp giới tâm của chúng ta, cho nên tình thương tràn ngập khắp pháp giới. Đó là tháo chốt mở cửa Tháp Đa Bảo, khi ấy trí tuệ khai thông hoàn toàn.

Lúc đó trí tuệ đã hòa tan thành một cõi giác sáng rực phủ trùm pháp giới mười phương. Khi ấy Hành giả đã thấu thoát chân lý và thấy rõ con đường thành Phật của mình không còn nghi lầm, cho nên Kinh nói trong tháp vang ra tiếng: *“Hay thay! Hay thay! Thích Ca Mâu Ni Phật sưông thích nói Kinh Pháp Hoa”*.

Tự Hành giả đó tuyệt đối không còn một chút mảy may nghi lầm. Tự nơi thâm sâu đó có một sự quả quyết rằng mình không còn lầm đường lạc lối nữa. Đây đúng là chân lý. Và chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau nhiều ngày tọa thiền, tới canh ba Đức Phật đứng dậy và nói: *“Việc Ta đã xong!”* Đó là tiếng gầm của sư tử.

Từ đó về sau Hành giả không bao giờ còn lầm đường, không bao giờ còn lạc lối. Được như vậy người này được quyền ăn ngon ngủ yên. Chưa được một lần chấn động như vậy, chưa được một lần tuyệt đối sạch những nghi ngờ nào nơi tâm thì người đó tự biết là mình chưa ngộ Tánh. Phải tuyệt đối bản ngã không còn thì mới hòa đồng mười phương pháp giới, bản ngã còn thì còn mình và còn cảnh giới thì chưa phải.

Cho nên mười phương pháp giới thông đồng một cõi, tuyệt đối không còn sự ngăn ngại nào trong tâm Hành giả. Không còn định, không còn loạn và không còn cảnh giới, lúc đó chỉ là sự thanh tịnh rộng suốt mười phương pháp giới mà thôi. Tan biến bản ngã hoàn toàn thì Phật Tri Kiến hiển lộ. Khoảnh khắc hiện hữu Phật Tri Kiến là sự chấn động lớn đối với Hành giả. Chính Hành giả không còn mê lầm nữa. Khi ấy Hành giả rớt vào cảnh giới phúc lạc vô biên và hoàn toàn tan biến thành một cõi giác ngộ thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu.

Đức Phật Thích Ca bước vào Tháp Đa Bảo và được chia nửa tòa ngò. Đây là Hành giả đã hoàn toàn triệt ngộ. Vì Đức Phật Đa Bảo là trí tuệ giác ngộ của tất cả chúng ta từ vô thủy, Đức Phật Thích Ca là trí tuệ giác ngộ hiện tiền, bây giờ cùng ngò trên một pháp tòa có nghĩa là trí tuệ giác ngộ thật sự thì dung thông vô ngại, không có quá khứ và vị lai, mà chỉ hiện tiền thuần nhất sự giác ngộ thuần khiết thanh tịnh như thế mà thôi.

Bấy giờ, hàng đại chúng thấy hai Đức Như Lai xếp bằng trên tòa sư tử trong tháp bảy báu thì đều nghĩ rằng: “Đức Phật ngò trên cao xa, cúi mong Đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho bọn chúng con đều được ở trên hư

không”. Tức thời Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dùng sức thần thông tiếp hàng đại chúng đều ở hư không.

Đoạn này muốn nói tất cả chúng hội là những người đã đạt đến cảnh giới giác ngộ hoàn toàn là người đã không còn bất kỳ chỗ trụ nào, vì đã nhập Phật Tri Kiến là đã hòa nhập vào cảnh giới vô sở trụ tuyệt đối, khi ấy toàn tâm của Hành giả là hiện tiền cảnh giới toàn giác, cho nên trong Kinh diễn tả là nhờ thần lực Đức Phật Thích Ca đưa cả hội chúng lên hư không, để thấy Đức Phật Đa Bảo và Đức Phật Thích Ca đồng ngồi trong tháp báu, tức là tất cả những diệu dụng của trí tuệ chỉ hiện tiền toàn tri toàn giác mà thôi. Là cảnh giới sáng suốt nhiệm mầu, là một cõi sáng toàn triệt, không không gian, không thời gian là cảnh giới Thật Tướng Vô Tướng hiện tiền. Khi ấy khắp pháp giới mười phương dung thông vô ngại thành một cõi giới Phật. Đến đây Hành giả mới hoàn toàn ngộ Phật tri kiến.

VĂN KINH

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đấng Thánh Chúa Thế Tôn

Dù diệt độ đã lâu

Ở trong tháp báu này

Còn vì Pháp mà đến

Các ông lại thế nào

Há chẳng siêng vì Pháp?

Phật Đa Bảo diệt độ

Đã vô lượng số kiếp

Nơi nơi đến nghe Pháp

Vì khó gặp được vậy.

Phật kia bản nguyện rằng:

**Sau khi Ta diệt độ
Nơi nơi tháp Ta qua
Thường vì nghe Pháp Hoa**

Đức Phật Thích Ca khen Đức Phật Đa Bảo là Thánh chúa diệt độ quá lâu, bây giờ nói Kinh Pháp Hoa còn phải hiện ra. Tức là khi nói Kinh Pháp Hoa là Phật Tri Kiến hiện ra cho nên tất cả chúng sanh đừng có nghĩ tới chuyện khác, đừng có làm việc khác ngoài việc làm sao hiển hiện Phật Tri Kiến của mình.

“Các ông lại thế nào. Há chẳng siêng vì Pháp?”: Nếu chúng ta vì Pháp thì chúng ta phải hướng về Phật Tri Kiến, tức là hướng về chỗ chân thật sáng suốt màu nhiệm của chính mình để chúng ta làm, để chúng ta sống. Ngày nào chúng ta chưa nhận ra Phật Tri Kiến là ngày đó chúng ta chưa có yên thân. Chúng ta phải có sự phấn đấu cho riêng mình bằng việc này. Còn tất cả những người quên việc này để làm việc khác, tức là chúng ta lại quên cái chỗ chính yếu mà chư Phật mười phương muốn dạy mình.

VĂN KINH

**Lại vô lượng các Phật.
Số nhiều như hằng sa
Của Ta phân thân ra
Vì muốn đến nghe Pháp
Và cùng để ra mắt
Phật diệt độ Đa Bảo
Nên đều bỏ cõi đẹp
Cùng với chúng đệ tử
Trời, Người, Rồng, Thần quỷ
Và các việc cúng dường**

**Muôn Pháp lâu ở đời
Cho nên đến cõi này.
Ta vì các Phật ngồi
Dùng sức thần thông lớn
Dời vô lượng trời người
Làm cho nước thanh tịnh.
Các Đức Phật mỗi mỗi
Đều đến dưới cây báu
Như hoa sen trang nghiêm
Nơi ao báu trong sạch
Dưới mỗi cây báu đó
Có tòa báu sư tử
Phật xếp bằng ngồi trên
Sáng suốt rất đẹp đẽ
Như giữa đêm tối tăm
Đốt đuốc lớn lửa sáng.
Thân Phật thoảng hương thơm
Bay khắp mười phương nước
Chúng sanh được hương xông
Vui mừng không kể xiết
Thí như luồng gió lớn
Thổi lay nhánh cây nhỏ
Dùng cách phương tiện đó
Làm cho Pháp ở lâu.
Nói cùng hàng đại chúng
Sau khi Ta diệt độ
Ai có thể hộ trì
Độc nói Kinh Pháp này
Thì nay ở trước Phật
Nên tự phát lời thệ.
Coi Phật Đa Bảo kia
Dầu đã diệt từ lâu
Do bản thệ nguyện rộng**

**Mà còn rền tiếng lớn.
 Đức Đa Bảo Như Lai
 Và cùng với thân Ta
 Nhóm họp các hóa Phật
 Phải nên biết ý này
 Các hàng Phật tử thấy
 Ai có thể hộ Pháp
 Nay nên Pháp nguyện lớn
 Khiến Pháp ở đời lâu
 Có ai hay hộ được
 Kinh Diệu Pháp Hoa này
 Thì là đã cúng dường
 Thích Ca cùng Đa Bảo.
 Đức Đa Bảo Phật đây
 Ở trong tháp báu lớn
 Thường dạo qua mười phương
 Vì để nghe Kinh này.
 Cũng là để cúng dường
 Các hóa Phật đến nhóm
 Trang nghiêm rất sáng đẹp
 Các thế giới vô lượng.
 Nếu người nói Kinh này
 Thì là đã thấy Ta
 Cùng Đa Bảo Như Lai
 Và các vị hóa Phật.**

Đức Phật ca tụng và khuyến khích chúng ta trì Kinh Pháp Hoa. Ngâm ý Đức Phật nhóm các Đức Phật hóa thân ở các nơi về thì chúng ta phải hiểu mức độ thâm sâu đó. Khuyến khích chúng ta nên bắt đầu phát tâm để làm cho Kinh Pháp Hoa thường trụ ở đời này, cho tất cả chúng sanh đều được nghe. Và người nào nói Kinh này thì thấy Đức Phật Thích Ca và thấy Đức Đa Bảo Như Lai.

VĂN KINH

Các Thiện nam tử này
Đều nên suy nghĩ kỹ
Đây là việc rất khó
Phải phát nguyện rộng lớn
Bao nhiêu Kinh điển khác
Số nhiều như hằng sa
Dẫu nói hết Kinh đó
Cũng chưa đủ làm khó,
Hoặc đem núi Diệu Cao
Ném để ở phương khác
Cách vô số cõi Phật
Cũng chưa lấy làm khó.
Nếu người dùng ngón chân
Động cõi nước Đại thiên
Ném xa qua cõi khác
Cũng chưa lấy làm khó,
Hoặc đứng trên Hữu Đảnh
Nói vô lượng Kinh khác
Vì để dạy bảo người
Cũng chưa lấy làm khó.
Nếu sau lúc Phật diệt
Người ở trong đời ác
Có thể nói Kinh này
Đây thì rất là khó,
Giả sử lại có người
Dùng tay nắm hư không
Để mà khắp đạo đi
Cũng chưa lấy làm khó.
Sau khi Ta diệt độ
Nếu người tự thọ trì
Hoặc bảo người thọ trì

**Đây thì là rất khó,
Hoặc đem cả cõi đất
Đề trên móng ngón chân
Bay lên đến Phạm Thiên
Cũng chưa lấy làm khó.**

Đức Phật ví dụ nếu chúng ta đứng trên núi Diệu Cao, chúng ta chỉ dùng ngón chân búng một cái văng núi đi cõi khác cũng không khó nữa. Hoặc dùng thần thông phép mầu dời cõi Tam thiên Đại thiên thế giới đi chỗ khác vẫn chưa lấy làm khó. Cái khó là trong đời ác trước này có người nói Kinh Pháp Hoa để chúng ta được nghe thì đó là điều rất khó.

VĂN KINH

**Sau khi Phật diệt độ
Người ở trong đời ác
Tạm đọc Kinh Pháp này
Đây thì mới là khó.
Giả sử gặp kiếp thiêu
Gánh mang những củ khô
Vào lửa không bị cháy
Cũng chưa lấy làm khó,
Sau khi Ta diệt độ
Nếu người trì Kinh này
Vì một người mà nói
Đây thì mới là khó
Hoặc người trì tám muôn
Bốn nghìn các tạng Pháp
Đủ mười hai bộ Kinh
Vì người mà diễn nói
Khiến các người nghe Pháp**

**Đều được sáu thần thông
Dù được như thế đó
Cũng chưa lấy làm khó
Sau khi Ta diệt độ
Nghe lãnh Kinh điển này
Hỏi nghĩa thú trong Kinh
Đây thì mới là khó.
Hoặc có người nói Pháp
Làm cho nghìn muôn ức
Đến vô lượng vô số
Hằng hà sa chúng sanh
Chúng được A La Hán
Đủ sáu phép thần thông
Dầu có lợi ích đó
Cũng chưa phải là khó,
Sau khi Ta diệt độ
Nếu người hay phụng trì
Những Kinh điển như đây
Đây thì là rất khó.**

Dù chúng ta lấy cỡi đất để trên móng chân bay qua cõi Trời Phạm Thiên, việc đó cũng không khó gì. Đối với chuyện phép mầu thần thông cũng không có dính dáng gì tới chuyện này.

Như phẩm Pháp Sư người đó phải đủ tiêu chuẩn mới được giảng Kinh Pháp Hoa. Tìm một người muốn vì người khác giảng nói là người đó phải ngộ nhập Phật Tri Kiến mới được gọi là trì Kinh Pháp Hoa đúng nghĩa. Trong đi đứng nằm ngồi, trong cuộc sống của họ đều ở trong bể giác, chứ không phải bằng cái giác ngộ bình thường. Ở trong bể giác ngộ đó mà đi đứng, động dụng, nói năng, là người đó đang trì Kinh Pháp Hoa. Nó vượt hết tất cả những định, những

thứ lớp định đó thì người đó mới trì Kinh Pháp Hoa. Chúng ta còn động niệm là chúng ta chỉ đọc chữ thôi, không phải trì Kinh.

VĂN KINH

Ta vì hộ Phật đạo
 Ở trong vô lượng cõi
 Từ thuở trước đến nay
 Rộng nói nhiều các Kinh
 Mà ở trong Kinh đó
 Kinh này là bậc nhất
 Nếu có người trì được
 Thì là trì thân Phật,
 Các Thiện nam tử này!
 Sau khi Ta diệt độ
 Ai có thể thọ trì
 Và đọc tụng Kinh này
 Thì nay ở trước Phật
 Nên tự nói lời thệ.
 Kinh Pháp đây khó trì
 Nếu người tạm trì đó
 Thì Ta rất vui mừng
 Các Đức Phật cũng thế
 Người nào được như vậy
 Các Đức Phật thường khen
 Đó là rất dũng mãnh
 Đó là rất tinh tấn
 Gọi là người trì giới
 Bậc tu hạnh Đầu đà
 Thì chắc sẽ mau được
 Quả Vô thượng Phật đạo.
 Có thể ở đời sau

**Đọc trì Kinh Pháp này
Là chân thật Phật tử
Trụ ở bậc thuần thiện,
Sau khi Phật diệt độ
Có thể hiểu nghĩa này
Thì là mắt sáng suốt
Của Trời, Người trong đời
Ở trong đời kinh sợ
Hay nói trong chốc lát
Tất cả hàng Trời, Người
Đều nên cúng dường đó.**

Phần cuối Đức Phật khen người trì Kinh Pháp Hoa là trì thân Phật, là gìn giữ cái thân bất sanh bất diệt của Đức Phật. Họ luôn luôn an trú trong bể tánh bất sanh bất diệt từng giờ từng phút từng giây giữa cuộc sống này, để làm lợi lạc khắp tất cả chúng sanh hữu tình trong ba cõi, không phải chúng ta làm lợi một hai người trong cõi này. Dù chúng ta có độ hết người trong quả đất này cũng chưa tới đâu, đó chưa phải là trì Kinh Pháp Hoa. Khi một người trì Kinh Pháp Hoa đúng nghĩa theo Đức Phật nói ở đây, là người đó phải luôn ở trong bể giác, đi đứng nằm ngồi thật sự thanh tịnh không hề có ý niệm nào khác, đó là người đang trì Kinh Pháp Hoa.

Đây là phẩm ngộ Phật Tri Kiến. Sau khi Hành giả đủ lòng tin ở nơi mình có Phật Tri Kiến rồi, đồng thời sống đúng với cái thấy biết Phật, thì từ ở trong tâm của Hành giả cũng như cái thấy biết ở ngoài, hoàn toàn là cái thấy biết Phật thì lúc đó Phật Tri Kiến mới hiển lộ (Phật Đa Bảo xuất hiện).

Khi ấy khẳng định cái thấy biết của Hành giả là đầy đủ chánh kiến đối với Phật đạo (Đức Phật Đa Bảo khen “Hay

thay! hay thay! Thích Ca Mâu Ni Phật sống thích nói Kinh Pháp Hoa”). Cái chánh kiến đó là cái thấy biết giác ngộ, cái thấy biết Phật cho nên mọi động dụng, mọi thấy biết của Hành giả trong lúc đó đều là trí tuệ giác ngộ, đều là Phật (Trong Kinh nói Phật phân thân giáo hóa ở mười phương).

Khi Hành giả ở nơi tâm hoàn toàn giác ngộ thì chỉ là cảnh giới thuần giác ngộ mà thôi, không có trong, không có ngoài, không có thời gian, không có không gian, đó là sự giác ngộ dung thông vô ngại. Khi ấy khắp pháp giới dung thông thành một cõi Phật (Đó là lúc chư Phật phân thân của Đức Phật Thích Ca giáo hóa ở mười phương hội tụ về).

Lúc này chỉ là sự hiện hữu cái toàn tri, toàn giác. Cái giác biết toàn tri đang hiển hiện và chỉ hiển hiện trí tuệ toàn tri mà thôi, không có thời gian, không có không gian, đó là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở cửa Tháp Đa Bảo và cùng Đức Phật Đa Bảo ngồi chung một tòa nhưng thật sự lúc đó không có hai Phật, mà chỉ là sự hiện tiền toàn tri, toàn giác.

Đồng thời đại chúng lên giữa hư không thấy hai Đức Phật cùng một lúc, có nghĩa là cái toàn tri, toàn giác hiển hiện đó là khi Hành giả đạt tới cảnh giới toàn tri, toàn giác hiện tiền, hòa nhập trong cảnh giới vô sở trụ, vô sở chúng, vô sở đắc. Khoảnh khắc ấy là khoảnh khắc ngũ uẩn hoàn toàn không, hòa nhập vào cảnh giới vô ngã, đó thật sự là khoảnh khắc ngộ Phật Tri Kiến.

* * *

PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA” THỨ MƯỜI HAI

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Phật bảo các vị Bồ Tát và hàng Trời, Người, bốn chúng: Ta ở trong vô lượng kiếp về thời quá khứ cầu Kinh Pháp Hoa không có lười mỏi. Trong nhiều kiếp thường làm vị quốc vương phát nguyện cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, lòng không thối chuyển. Vì muốn đầy đủ sáu Pháp Ba la mật nên siêng làm việc bố thí lòng không lẫn tiếc, bố thí voi, ngựa, bảy báu, quốc thành, vợ, con, tôi tớ, bạn bè, cho đến đầu, mắt, tủy, óc, thân, thịt, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng.

Thuở đó, nhân dân trong đời sống lâu vô lượng, vua vì mến Pháp nên thôi bỏ ngôi vua, giao việc trị nước cho Thái tử. Đánh trống ra lệnh cầu Pháp khắp bốn phương: Ai có thể vì Ta nói Pháp Đại thừa, thì Ta sẽ trọng đời cung cấp hậu hạ.

Khi ấy có vị tiên nhân đến thưa cùng vua rằng: Ta có Pháp Đại thừa tên là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nếu Đại vương không trái ý ta, ta sẽ vì Đại vương mà tuyên nói.

Vua nghe lời vị tiên nhân nói, vui mừng hơn hở, liền đi theo vị tiên nhân để cung cấp việc cần dùng: hoặc hái trái, gánh nước, hoặc lượm củi, nấu ăn cho đến dùng thân mình làm giường ghế, thân tâm không biết mỏi. Thuở đó theo phụng thờ vị tiên nhân trải qua một nghìn năm, vì trọng Pháp nên siêng năng cung cấp hậu hạ cho tiên nhân không thiếu thốn.

Đức Phật nói về quá khứ lúc Đức Phật còn là vị Bồ Tát đi cầu đạo. Ngài tinh tấn tu hành không lúc nào lười mỗi, trải qua rất nhiều đời nhiều kiếp như vậy.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là giai đoạn Hành giả ngộ đạo, tới đây lại nói một chuyện gần như không gắn kết, nhưng sự thật ở phần sau chúng ta sẽ thấy rõ thâm ý của chư Phật.

Qua phẩm Hiện Bảo Tháp có người nhận được lý này, có người lại không nhận được. Vì người không nhận được là người đó chưa trải qua việc cật khổ cầu đạo không lười mỗi như Đức Phật ngày xưa. Đức Phật muốn gợi nhắc, nếu bây giờ chúng ta chưa ngộ thì chúng ta phải có đại nguyện cầu Kinh, tu hành không lười mỗi, dù trải qua trăm nghìn muôn ức kiếp. Cầu Kinh là cầu nhận được Tri Kiến Phật của chính mình. Hiện tại chưa nhận được thì chúng ta không nên buồn nản, vì chính Đức Phật của chúng ta ngày xưa đã cực khổ, đã cật mẫn, đã tinh tấn và không biết lười mỗi trong bất kỳ đời nào, nên ra đời là Ngài cầu học Kinh Pháp Hoa liền, Ngài cầu ngộ được Phật Tri Kiến của mình liền, chứ Ngài không làm việc khác giữa đời này.

Muốn ngộ được Phật Tri Kiến của mình, tức là muốn nhận được Kinh Pháp Hoa, muốn hiểu và sống bằng Kinh Pháp Hoa thì người đó ngoài siêng năng tu tập, phải hành đầy đủ sáu Pháp Ba la mật, trong đó có Bồ thí Ba la mật.

Vì muốn đầy đủ sáu Pháp Ba la mật nên siêng làm việc bố thí lòng không lẫn tiếc, bố thí voi, ngựa, bảy báu, quốc thành, vợ, con, tôi tớ, bạn bè, cho đến đầu, mắt, tủy, óc, thân, thịt, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng.

Chúng ta nên hiểu từ bố thí. Bố thí là chúng ta đem vật sở hữu của mình cho người khác, đó là hình ảnh bố thí ở

bên ngoài. Còn ở đoạn Kinh này đang nói đến giai đoạn công phu chuyên môn nên chữ bồ thí chúng ta hiểu là: Bồ tức là khắp, thí tức là cho. Bồ thí tức là cho khắp, mà cho có nghĩa là buông xả, là không vướng mắc, là xả ly. Bồ thí có nghĩa là Hành giả không còn vướng mắc bất cứ điều gì trong Tam giới này.

Quốc thành là nói tắt cả của cải vật chất và những vật sở hữu của chúng ta. Bồ thí quốc thành là không vướng mắc vào của cải vật chất và tất cả những cái sở hữu trong Tam giới này. Khi Hành giả đã ngộ Tri Kiến Phật là nhập vào cảnh giới vô trụ cho nên không còn chỗ vướng mắc. Đó là bồ thí quốc thành.

Có người thắc mắc tu thì sao phải đem vợ con ra bồ thí? Như vậy có nhẫn tâm lắm không? Ở đây thì tức là vợ. Mà người vợ là tượng trưng sự nhiễm ái, là cội gốc của sanh tử, là sự luyến ái, đắm trước nơi duyên cảnh bên ngoài của chúng ta. Vợ chồng có nghĩa là những kết nối, là những giao tiếp, những giao thoa của chúng ta với cảnh duyên bên ngoài từ ngàn xưa tới giờ.

Ngay phút chốc ngộ Phật Tri Kiến thì tất cả những ái nhiễm từ ngàn xưa cho tới bây giờ bị búng tận gốc, không còn bất kỳ một ý niệm ái nhiễm nào từ cảnh duyên bên ngoài nữa thì đó là bồ thí vợ.

Còn tử tức là con, con là từ trong mình sanh ra, tức là tất cả những hiểu biết, tất cả những sở chứng, sở đắc trong công phu thì ngay khi ngộ Phật Tri Kiến, tất cả sở chứng sở đắc đều tan biến. Đó gọi là bồ thí tử.

“Bồ thí đến đầu, mắt, tủy, óc, thân, thịt, tay, chân, chẳng tiếc thân mạng.” Đầu óc là cái gì? Bồ thí nào lấy gì

tu? Hành giả khi đã ngộ Phật Tri Kiến thì liền thấy tất cả hiểu biết từ xưa đến giờ của mình là sai lầm nên hoàn toàn tan biến. Khi ấy tất cả những tâm ý, những vọng tưởng, những khôn lanh, những kiến thức vốn có từ ngàn xưa hoàn toàn tan biến, những cái huyền ảo giả dối được huân tập từ bên ngoài phút giây ấy cũng tan biến, phút chốc ngộ Phật Tri Kiến là phút giây ngũ uẩn giai không, tức là thân tâm thành không nên được gọi là bố thí đầu, mắt, tủy, óc, thân, thịt, tay, chân.

Phẩm trước là ngộ, bây giờ là đang sống bằng Phật Tri Kiến của mình thì tâm chúng ta hoàn toàn vô trụ. Nếu người nào còn chấp trước tiền của, còn luyến ái tình cảm vợ chồng con cái, còn chấp thân và còn chấp tâm thì đạo lý sâu màu kia không thể nào tiếp nhận được đâu, nhất là đối với Kinh Pháp Hoa.

Đức Phật kể thuở trước Ngài là vị quốc vương cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, thôi bỏ ngôi vua ra yết thị, ai có Kinh Đại thừa tới để dạy dỗ thì Ngài sẵn sàng phụng thờ, dám bỏ ngôi vị cao quý của mình. Có nhiều khi Ngài kể là lấy thân mình làm giường để cho người kia nằm, làm ghế cho người kia ngồi. Người tâm đạo không quên thân được như thế này thì không thể học được đạo màu đâu.

“Hoặc hái trái, gánh nước, hoặc lượm củi, nấu ăn cho đến dùng thân mình làm giường ghế, thân tâm không biết mỏi.” Khi biết được vị Thầy có đạo lý thì họ sẵn sàng buông cái mạng mình ra, không còn chấp bất cứ cái gì để cho ông Thầy xoay trở mạng mình. Thậm chí lấy thân làm giường, làm ghế để người kia nằm ngồi thì trong tâm không hề có một ý niệm lui sụt, người này trước sau gì cũng ngộ đạo. Nếu mình học đạo mà vẫn còn khoảng cách giữa mình

và vị Thầy, hoặc chúng ta chưa tìm ra bậc Chân sư thật sự thì khoan hãy giao cái mạng này.

Đây là lối dạy hết sức khéo léo của Đức Phật. Khi gặp đạo lý rồi, chúng ta chấp nhận buông thân mạng này thì mới có thể tiến đạo được. Còn người học đạo mà thấy thân tâm này, danh dự này vẫn còn lớn, tức là ngã chấp còn lớn thì rất khó thâm nhập đạo lý.

Người học đạo khi biết đạo lý rồi thì họ gần như không nặng bất cứ hình tướng nào bên ngoài, họ chỉ biết đạo lý mà thôi. Không phải chúng ta điên cuồng săn đuổi đạo lý. Nhưng chúng ta thấy rõ ràng đạo lý là cái gì hết sức quan trọng. Đôi lúc ông Thầy phải hiện tướng này tướng nọ để đo tâm mình.

Vì vậy mà giai đoạn tâm sư học đạo, chúng ta phải hết sức đề dặt để tìm Thầy. Khi đã gặp rồi thì bằng tất cả trí tuệ vốn có của chính mình mà rà xét vị Thầy, khi đã chấp nhận vị Thầy đó rồi thì chúng ta phải buông thân mạng giao hết cho vị Thầy xoay chuyển, từ đó đến hết đời Thầy bảo sống thì sống, bảo chết thì phải chết.

Chúng ta nên yên tâm vì vị Thầy chân chính không để cho chúng ta đi sai đường đâu. Nếu là vị Chân sư thật sự thì vị đó không bao giờ cho đệ tử mình rớt trở lại trầm luân. Vì Thầy đã thấu hiểu chân lý, nên tất cả những người đến để tìm cầu đạo lý thì vị Thầy toàn tâm toàn ý cứu thoát đệ tử mình. Cho nên những người có duyên theo Thầy học đạo nên biết rằng, tất cả những phương tiện dạy đạo của Thầy đều muốn nâng đỡ và chuyển hóa đệ tử mình đến giác ngộ giải thoát, chứ không có việc khác. Nếu chúng ta đã gặp Chân sư thì đó là phước nhiều đời của mình.

Khi tìm được Chân sư rồi, chúng ta cố gắng bằng tất cả khả năng của mình để học được đạo của Thầy. Đó là cái chính mà mình đến với Thầy. Và ngược lại ông Thầy đến với đệ tử thì bằng tất cả khả năng, phải khai mở Phật Pháp cho đệ tử. Hai người phải đến với nhau bằng tâm đó mới gọi là duyên Thầy trò.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Ta nhớ kiếp quá khứ
 Vì cầu Pháp Đại thừa
 Dầu làm vị quốc vương
 Chẳng ham vui ngũ dục
 Đánh chuông rao bốn phương
 Ai có Pháp Đại thừa
 Nếu vì Ta giải nói
 Thân sẽ làm tôi tớ.
 Giờ có tiên Trường Thọ
 Đến thưa cùng Đại vương
 Ta có Pháp nhiệm mầu
 Trong đời ít có được
 Nếu có thể tu hành
 Ta sẽ vì ông nói.
 Khi vua nghe tiên nói
 Sanh lòng rất vui đẹp
 Liên đi theo tiên nhân
 Cung cấp đồ cần dùng
 Lượm củi và rau trái
 Theo lời cung kính dâng
 Lòng ham Pháp Đại thừa
 Thân tâm không lười mỗi,**

**Khấp vì các chúng sanh
Siêng cầu Pháp mầu lớn
Cũng không vì thân mình
Cùng với vui ngũ dục
Nên dầu làm vua lớn
Siêng cầu được Pháp này
Do đó được thành Phật
Nay vẫn vì ông nói.**

Phản trùng tụng lặp lại ý trước.

VĂN KINH

Phật bảo các Tỳ kheo rằng: Thuở ấy, vua đó thì chính thân Ta, còn tiên nhân đó nay chính là ông Đề Bà Đạt Đa. Do nhờ ông thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa làm cho Ta đầy đủ sáu Pháp Ba la mật, từ bi hỷ xả, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi món đẹp, thân sắc vàng tía, mười trí lực, bốn món vô sở úy, bốn món nhiếp Pháp, mười tám món bất cộng, thần thông đạo lực, thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác rộng độ chúng sanh, tất cả công đức đó đều là nhân thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa cả.

Ngài Đề Bà Đạt Đa thời Đức Phật luôn theo gây rối Tăng đoàn và việc giáo hóa của Đức Phật, có lần đòi Đức Phật nhường để Ngài lãnh đạo Tăng đoàn. Ngài cùng một số vị Lục Quân Tỳ kheo sống không giới hạnh, không phù hợp với đời sống thanh tịnh tăng trong Tăng đoàn của Đức Phật và luôn hành động đối nghịch lại với những điều Đức Phật dạy cho Tăng đoàn. Nhưng với phạm hạnh và trí tuệ giải thoát của Đức Phật nên Tăng đoàn vẫn giữ được lục hòa, giới hạnh thanh tịnh và tinh tấn tu hành đạt ngộ giải thoát rất đông.

Đức Phật muốn gọi nhắc Đề Bà Đạt Đa thuở quá khứ đã là Thầy Đức Phật, nhưng tại sao thời Đức Phật thành Phật thì ông lại quấy phá, mà Đức Phật vẫn gọi là thiện tri thức? Người học đạo khi nào nhận ra được tất cả thuận nghịch đều là thiện tri thức của chính mình thì người đó tu tốt. Thật sự là tốt. Đức Phật khẳng định nhờ nghịch hạnh thiện tri thức Đề Bà Đạt Đa mà Ta mới tu được trọn vẹn sáu Pháp Ba la mật.

Khi một người ngộ được Phật Tri Kiến rồi mà chuyện thuận nghịch không hóa giải được, là người đó chưa thật ngộ. Đó là ý của Đức Phật muốn chỉ dạy người ngộ Phật Tri Kiến phải thông được hai mặt thuận nghịch. Ở phẩm trước đã nói cảnh giới ngộ Phật Tri Kiến, còn phẩm này là thể hiện đời sống của người ngộ Phật Tri Kiến, tức là người đó không còn vướng mắc vào tất cả những vật sở hữu ở trần gian này, không còn nhiễm ái và sạch những kiến thức cùng sở đắc sở chứng, dung thông vô ngại không còn thuận nghịch làm dao động nữa thì đó mới là đời sống của người ngộ Phật Tri Kiến.

VĂN KINH

Phật bảo hàng tứ chúng: Qua vô lượng kiếp về sau, ông Đề Bà Đạt Đa sẽ được thành Phật hiệu là Thiên Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Thiên Đạo, lúc Thiên Vương Phật trụ ở đời hai mươi trung kiếp, rộng vì các chúng sanh mà nói Pháp mầu, hằng hà sa chúng sanh được quả A La Hán, vô lượng chúng sanh phát tâm Duyên Giác, hằng

hà sa chúng sanh phát tâm Vô thượng đạo, được vô sanh nhẫn đến bậc Bất thối chuyển.

Sau khi Đức Thiên Vương Phật nhập Niết Bàn, Chánh Pháp trụ lại đời hai mươi trung kiếp, toàn thân Xá lợi dựng tháp bằng bảy báu, cao sáu mươi do tuần. Các hàng trời, nhân dân đều đem hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương đốt, y phục, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng báu, kỹ nhạc, ca tụng để lễ lạy cúng dường tháp đẹp bằng bảy báu đó. Vô lượng chúng sanh được quả A La Hán, vô lượng chúng sanh ngộ Bích Chi Phật, bất khả tư nghì chúng sanh phát tâm Bồ đề đến bậc Bất thối chuyển.

Đức Phật bảo các Tỳ kheo: Trong đời vị lai, nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Đề Bà Đạt Đa, sanh lòng trong sạch kính tin chẳng sanh nghi lằm, thì chẳng đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, được sanh ở trước các Đức Phật trong mười phương, chỗ người đó sanh ra thường được nghe Kinh này. Nếu sanh vào cõi nhân thiên thì hưởng sự vui rất thắng diệu, nếu sanh ở trước Phật thì từ hoa sen hóa sanh.

Đọc trong hệ thống Kinh Nguyên Thủy, chúng ta thấy ngài Đề Bà Đạt Đa phá Đức Phật nhiều chuyện thấy rất khó tha thứ được, nhưng tới hệ thống Kinh điển Đại thừa, Đức Phật thọ ký cho ngài Đề Bà Đạt Đa thành Phật. Người nào nghiên cứu hệ thống Kinh Nguyên Thủy bây giờ nghe tới Kinh này mà có lòng tin thanh tịnh và chấp nhận người như ngài Đề Bà Đạt Đa có ý đồ làm thân Phật ra máu, có ý đồ hãm hại Đức Phật, có ý đồ quấy phá Tăng đoàn mà thành Phật thì không bao giờ chúng ta bị đọa ba con đường ác và

sanh ra đời được gặp Phật. Chúng ta tin nổi ngài Đề Bà Đạt Đa thành Phật không?

Ở đây khẳng định một điều khi người nhận ra Phật Tri Kiến rồi thì người đó một lần thấy tất cả những chúng sanh trong tâm mình đều thành Phật, không hề thay đổi được. Dù chúng sanh đó hiện tại đang làm cái gì, nhưng chắc chắn chúng sanh đó sẽ thành Phật thì người đó sanh ra đời sẽ gặp Phật. Không phải chỉ sanh ra đời đâu mà lúc nào người đó cũng có thể gặp Phật. Người nào đã có Tri Kiến Phật thì người đó trước sau cũng sẽ thành Phật, điều đó không còn nghi lằm. Và đây cũng là một phần kiến giải sau khi ngộ Tánh.

Từ trước tới giờ Đức Phật chỉ thọ ký cho những vị Bồ Tát, những vị Thanh Văn, thọ ký cho người tu thuận hạnh theo Đức Phật, chứ còn nghịch phá Đức Phật thì chưa thọ ký. Nhưng bây giờ Đức Phật bắt đầu thọ ký cho người tu nghịch, người làm ác trong thời Đức Phật tại thế, quấy phá Đức Phật, làm hại Tăng đoàn mà người này vẫn còn thành Phật được. Như vậy điều đó muốn khẳng định rằng một người tội lỗi nhiều, họ cũng có khả năng thành Phật. Nếu người nào thấy điều này một cách chắc thật thì người đó đã hiểu đạo lý một cách rất sâu sắc. Và hiểu đạo lý ở tâm này thì chắc chắn không bao giờ bị đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

Phẩm Đề Bà Đạt Đa, Đức Phật muốn cho tất cả người học Phật phải nhìn lại mình, sau khi chúng ta có lần ngộ đạo hay hiểu đạo, chúng ta chấp nhận được tất cả chúng sanh đều thành Phật. Những người đó đã từng làm khó khổ mình, những người đã từng hãm hại mình, những người đó đã từng làm ác, mà mình thấy người đó có thể thành Phật được

thì biết rằng đạo lý chúng ta rất sâu, cho nên chúng ta chắc chắn là không bao giờ bị đọa ba con đường ác nữa.

Khi nào chúng ta vẫn còn nhìn với cặp mắt thị phi, người nào tốt mới hy vọng được, còn người nào xấu thì không bảo đảm thành Phật, biết rằng đạo lý chúng ta chưa sâu sắc. Tức là chúng ta không nhìn ra được tất cả chúng sanh đều có Tri Kiến Phật, không nhìn ra tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, chúng tỏ chúng ta chưa nhận được đạo lý đúng.

Đức Phật thọ ký cho ngài Đề Bà Đạt Đa rồi, Đức Phật thừa biết tâm chúng sanh, khi học trong Kinh biết Đề Bà Đạt Đa là người ác mà bây giờ Đức Phật lại thọ ký cho thành Phật. Nên Đức Phật vừa thọ ký xong là Đức Phật nói liền, nếu người nào tin chuyện ta thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa này mà tâm thanh tịnh, không hề có tâm suy tư, không cần phải xét lại, không cần phải nghĩ tưởng, mà tin một cách chắc thật thì người đó trước sau gì cũng thành Phật.

Người nào đủ hiểu như thế này là người đó đã nhận được Tri Kiến Phật, tức là người đó ngộ đạo. Khi một người ngộ đạo rồi thì thấy cả hai mặt thuận nghịch đều là toàn chân, chứ không còn là vọng, không còn là giả và thật nữa. Người ngộ Tánh rồi thì tất cả đều là đạo.

Bà Bàn Long Uẩn nói: “*Trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư*”. Tức là thấy đạo lý không phải là cái chuyện ở trong tâm mình nữa, mà tất cả mọi cái đều là đạo lý. Có vị Thiên sư nói: “*Xúc mục tức Bồ đề*”. Thấy rõ mọi điều hiện ra trước mắt là Bồ đề, là giác ngộ, tất cả đều là Phật Pháp. Người nào hiểu biết như thế này, từ chuyện thuận tới chuyện nghịch cũng là Pháp mà Pháp đó chính là Phật Pháp thì người đó mới sống đúng với Tri Kiến Phật.

Khi Đức Phật thọ ký cho ngài Đề Bà Đạt Đa thành Phật thì tất cả những người trong thời đó đều sanh tâm không vui, tự thăm sâu bên trong họ không chấp nhận. Như vậy trong lòng còn thuận nghịch thì chắc chắn các vị ấy không chấp nhận Đề Bà Đạt Đa thành Phật.

Còn những người nhận được đạo lý là cái thấy biết của họ không vướng kẹt ở hai đầu. Họ phải thông được hai bên, hai chiều thuận nghịch giữa cuộc sống này thì người đó mới nhận ra được sự bình đẳng tuyệt đối, ở trong đó không có bất kỳ dao động nào và không có sự so sánh phân biệt cao thấp. Họ thấy nghe bằng cái chân thật chứ họ không phải thấy nghe bằng cái đầu phân biệt nữa. Do đó Đề Bà Đạt Đa dù là người ác vẫn thành Phật. Có lòng tin thanh tịnh ấy, người đó được Đức Phật chấp nhận. Người đó sanh ra đời được gặp Phật, được các Đức Phật mùi phương độ, chỗ người đó sanh ra thường được nghe Kinh này.

Dùng từ chỗ người đó sanh ra, chúng ta cứ nghĩ là chúng ta sanh ra từ kiếp này đến kiếp kia. Nhưng ở đây chúng ta đã học phẩm Hiện Bảo Tháp rồi thì nó ở chiều sâu của chuyên môn, nên nói chỗ sanh ra là chỗ hiện hữu của mình. Có nghĩa trong mọi hành động sống giữa đời này thì người đó thấy bằng Tri Kiến Phật, nghe bằng Tri Kiến Phật, nghĩ bằng Tri Kiến Phật, niệm bằng Tri Kiến Phật, chứ không phải nghe bằng phàm phu nữa. Từng giờ từng phút từng giây, lúc nào cũng hiện hữu Tri Kiến Phật thì người đó mới có khả năng hiểu được Kinh Pháp Hoa.

Bây giờ chúng ta thấy chân, một chút nữa chúng ta thấy vọng, bây giờ chúng ta thấy đúng, chút nữa chúng ta thấy sai, thấy người làm thiện chúng ta chấp nhận, thấy người làm ác chúng ta không chấp nhận thì đó là cái thấy của tâm

thức, không phải cái thấy của Phật Tri Kiến. Cho nên nơi nơi chỗ chỗ người đó sanh ra không được nghe Kinh Pháp Hoa.

Tất cả mọi sự vật và hiện tượng đang hiện hữu, những nơi chốn chúng ta đang tiếp nhận đều bằng cái thấy biết Phật để mà thấy và biết mọi cái hiện hữu đó. Cho nên tất cả mọi cái đều chân, không còn là vọng là hư như trước. Chúng ta bỏ giả về chân, đó là giai đoạn đang công phu, còn người nhận ra Tri Kiến Phật rồi thì không còn chuyện bỏ giả về chân nữa. Toàn pháp giới đang hiện hữu chính là sự hiển hiện của toàn tri, đó là đang sống bằng Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Bấy giờ, ở hạ phương vị Bồ Tát theo hầu Đức Đa Bảo Như Lai tên là Trí Tích bạch với Đức Đa Bảo Phật nên trở về bổn quốc. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Trí Tích rằng: Thiện nam tử! Chờ giây lát, cõi đây có Bồ Tát tên Văn Thù Sư Lợi có thể cùng ra mắt nhau luận nói Pháp màu rồi sẽ về bổn độ.

Lúc đó, ngài Văn Thù Sư Lợi ngồi hoa sen nghìn cánh lớn như bánh xe, các vị Bồ Tát cùng theo cũng ngồi hoa sen báu, từ nơi cung rồng Ta Kiệt La trong biển lớn tự nhiên vọt lên trụ trong hư không, đến núi Linh Thứu, từ trên hoa sen bước xuống đến chỗ Phật, đầu mặt kính lạy chân hai Đức Phật, làm lễ xong, qua chỗ Trí Tích cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi một phía.

Ngài Trí Tích Bồ Tát hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Ngài qua cung rồng hóa độ chúng sanh số được bao nhiêu?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: Số đó vô lượng không thể tính kể, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm lường được, chờ chừng giây lát sẽ tự chứng biết.

Ngài Văn Thù nói chưa dứt lời, liền có vô số Bồ Tát ngồi hoa sen báu từ biển vọt lên đến núi Linh Thứu trụ giữa hư không. Các vị Bồ Tát này đều là của ngài Văn Thù Sư Lợi hóa độ, đủ hạnh Bồ Tát đều chung luận nói sáu Pháp Ba la mật. Những vị mà trước kia là Thanh Văn ở giữa hư không nói hạnh Thanh Văn nay đều tu hành nghĩa Không của Đại thừa.

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với ngài Trí Tích rằng: Tôi giáo hóa ở nơi biển việc đó như thế.

Lúc ấy, ngài Trí Tích Bồ Tát nói kệ khen rằng:

**Đại trí đức mạnh mẽ
Hóa độ vô lượng chúng
Nay trong hội lớn này
Và tôi đều đã thấy
Diễn nói nghĩa thật tướng
Mở bày Pháp Nhất thừa
Rộng độ các chúng sanh
Khiến mau thành Bồ đề.**

Ngài Trí Tích biết rõ ngài Đề Bà Đạt Đa là người có đạo hạnh không tốt trong Tăng đoàn của Đức Phật mà bây giờ được Đức Phật thọ ký tương lai sẽ thành Phật, Trí Tích không thông hiểu việc ấy nên thỉnh Phật Đa Bảo thôi đi về không ở nữa. Lúc đó Đức Phật Thích Ca nghe ngài Trí Tích nói vậy, Phật bảo chờ trong giây lát sẽ có chuyện vui cho người.

Trí Tích là tích chứa, gom nhóm, huân tập kiến thức học hiểu của chúng ta. Nhưng khi ngộ Tánh rồi thì tất cả những huân tập đó đều tan biến, mỗi khoảnh khắc đang sống đều là những khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền. Do vậy hình ảnh ngài Trí Tích nói với Phật Đa Bảo trở về bổn quốc, khi ấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo *“Thiện nam tử! Chờ giây lát, cỡi đây có Bồ Tát tên Văn Thù Sư Lợi có thể cùng ra mắt nhau luận nói Pháp mầu rồi sẽ về bổn độ”*, có nghĩa là tâm huân tập đã tan biến trong Bản Giác thanh tịnh.

Liên khi ấy ngài Văn Thù Sư Lợi xuất hiện, tức là Hành giả đã hội nhập Phật Tri Kiến của mình, tức là Bản Giác thanh tịnh thì từ Bản Giác thanh tịnh mà hiển thị năng lực và diệu dụng hà sa của mình là có vô số vị Bồ Tát tùy tùng đi theo. Khi ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi *“Ngài qua cung rồng hóa độ chúng sanh số được bao nhiêu?”*. Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: *“Số đó vô lượng không thể tính kê, chẳng phải miệng nói được, chẳng phải tâm lường được, chờ chừng giây lát sẽ tự chứng biết”*, tức là tất cả thức biến thành diệu dụng hà sa của trí tuệ, đó là hình ảnh của vô số Bồ Tát từ biển tâm thanh tịnh vọt ra.

Lúc mới ngộ Tánh thì những cù cặn nghiệp tập còn sót đọng trong tâm thức, thỉnh thoảng nó nổi dậy nhưng ngay lúc đó nó được nhuộm sáng bởi ánh sáng giác ngộ thì tâm Hành giả hòa tan trong Tri Kiến Phật, chứ không phải tâm hơn thua, diệt trừ ý niệm như trong giai đoạn chưa thấy tánh. Người thấy tánh là một phen rõ thấu tất cả nghiệp chướng xưa nay, những thuận nghịch nơi tâm, những sự huân tập của tâm thức, tất cả những chúng sanh tâm đều được thành Phật.

VĂN KINH

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: Ta ở biển chỉ thường tuyên nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Kinh này rất sâu vi diệu là báu trong các Kinh, trong đời rất ít có vậy có chúng sanh nào siêng năng tinh tấn tu hành Kinh này mau được thành Phật chăng?

Ngài Văn Thù Sư Lợi nói: Có con gái của vua rồng Ta Kiệt La mới tám tuổi mà căn tính lanh lẹ, có trí tuệ, khéo biết các căn tính hành nghiệp của chúng sanh, được Pháp tổng trì, các tạng Pháp kín rất sâu của các Phật nói đều có thể thọ trì, sâu vào thiên định, rõ thấu các Pháp. Trong khoảnh sát na phát tâm Bồ đề được bậc Bất thối chuyển, biện tài vô ngại, thương nhớ chúng sanh như con đờ, công đức đầy đủ, lòng nghĩ miệng nói Pháp nhiệm mầu rộng lớn, từ bi nhân đức khiêm nhường, ý chí hòa nhã, nàng ấy có thể đến Bồ đề.

Trí Tích Bồ Tát nói rằng: Tôi thấy Đức Thích Ca Như Lai ở trong vô lượng kiếp làm những hạnh khổ khó làm, chứa nhiều công đức để cầu đạo Bồ đề chưa từng có lúc thôi dứt: Ta xem trong cõi Tam thiên Đại thiên hẳn đến không có chỗ nhỏ bằng hạt cải, mà không phải là chỗ của Bồ Tát bỏ thân mạng để vì lợi ích chúng sanh, vậy sau mới được thành đạo Bồ đề, chẳng tin Long Nữ đó ở trong khoảng giây lát chứng thành bậc Chánh giác.

Nói luận chưa xong, lúc đó con gái của Long vương bỗng hiện ra nơi trước đầu mặt lễ kính Phật rồi đứng một phía nói kệ khen rằng:

**Thấu rõ tướng tội phước
Khấp soi cả mùi phương
Pháp thân tịnh vi diệu
Đủ ba mươi hai tướng
Dùng tám mươi món tốt
Đề trang nghiêm Pháp thân
Trời, Người đều kính ngưỡng
Long thần thấy cung kính
Tất cả loài chúng sanh
Không ai chẳng tôn phụng
Lại nghe thành Bồ đề
Chỉ Phật nên chúng biết
Tôi nói Pháp Đại thừa
Độ thoát khổ chúng sanh.**

Trí Tích thấy chuyện ngài Văn Thù Sư Lợi giáo hóa ở cung Rồng, bắt đầu trao đổi với nhau. Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù: “*Việc giáo hóa của Ngài như thế nào?*” ngài Văn Thù nói: “*Ta chỉ nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thôi*”. Tức là nói để khai mở Tri Kiến Phật mà thôi, ngoài ra không dạy cái gì khác. Ngài Trí Tích hỏi: “*Ở đó có ai tinh tấn không?*” Ngài Văn Thù trả lời: “*Có con gái vua Rồng mới tám tuổi đủ đạo hạnh Bồ Tát và có khả năng thành Phật tức khắc*”. Trí Tích không tin nổi.

Lúc đó con gái vua Rồng là Long Nữ hiện ra nói câu đầu tiên rất tuyệt vời: “*Thấu rõ tướng tội phước*”. Khen Đức Phật một câu hết sức siêu xuất. Khen một câu mà bình thường chúng ta thấy nó không là cái gì, nhưng nếu chúng ta hiểu về cái tướng tội phước thì mới thấy khó có ai đủ sức khen Đức Phật một câu tuyệt vời như thế này.

Trong một sát na hiện hữu thì tất cả chúng sanh muôn loài trong khắp pháp giới mười phương, được Đức Phật thấy rõ tướng tội phước, chứ không phải một hai chúng sanh hiện ra trước mặt. Sự hiện hữu của tất cả chúng sanh đang có trong pháp giới mười phương, Đức Phật đều thấy rõ trước đó hằng hà sa số kiếp. Tất cả chúng sanh ở đâu, làm việc gì, có bao nhiêu căn lành, có bao nhiêu ác nghiệp, đã từng được gặp Phật Pháp hay không gặp Phật Pháp, có tâm quý kính Tam Bảo hay hủy báng Tam Bảo, tất cả những tâm thiện ác của chúng sanh muôn loài đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra, Đức Phật đều biết tường tận từng ý niệm một.

Tất cả những ý niệm ấy của chúng sanh tạo nhân gì, dẫn đến quả gì, để dẫn dắt tất cả chúng sanh muôn loài đi trong sanh tử từ đời này qua đời khác, từ thuở quá khứ cho tới hiện tại Đức Phật đều thấy, đều biết rõ từng chi tiết nhỏ nhiệm của tất cả các đời kiếp sanh tử của tất cả chúng sanh khắp pháp giới mười phương này đồng một lúc, cho tới hiện nay, tất cả chúng sanh đang có mặt là do tạo nhân quả gì trong quá khứ để hình thành kiếp sống hiện tại của tất cả chúng sanh. Đồng thời Đức Phật thấy rõ tất cả chúng sanh đang hiện có trong pháp giới mười phương với những suy nghĩ, hành động là nhân để dẫn đến quả báo gì trong tương lai, những nhân đã tạo của chúng sanh sẽ kéo dài bao lâu thì dừng đoạn nhân quả đó và chuyển tiếp thành nhân quả mới như thế nào.

Cứ như thế hằng hà sa số nhân quả của hằng hà sa số chúng sanh được tạo ra, rồi kết thúc dòng nhân quả đó, rồi chuyển sang dòng nhân quả mới. Hằng hà sa số chúng sanh trải qua hằng hà sa số kiếp sanh tử trong vị lai, từ tạo nhân đi đến quả báo, rồi kết thúc dòng nhân quả và tạo dòng nhân

quả mới như thế nào thì Đức Phật đều thấy, đều biết rất rõ ràng từng nhân quả nhỏ nhiệm. Những nhân quả đó dẫn dắt chúng sanh đi trong lục đạo luân hồi như thế nào, thăng trầm ra làm sao, Đức Phật đều thấy, điều biết tường tận từng nhân quả nhỏ nhiệm.

Đồng thời những người tu tập trong pháp giới mười phương tu như thế nào, tinh tấn hay giải đãi, tất cả các Pháp hành đó đạt được những kết quả gì, chứng đắc từng quả vị thánh nào, trải qua vô số kiếp hành hạnh Bồ Tát như thế nào, phương tiện độ sanh ra làm sao, đến khi nào đủ đạo hạnh, chứng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì Đức Phật đều thấy, đều biết không thiếu sót.

Khấp soi cả mười phương.

Pháp thân tịnh vi diệu.

Đủ ba mươi hai tướng.

Thấu rõ tướng tội phước không phải là bao nhiêu trong Pháp hội này, mà khấp soi cả mười phương. Một chúng sanh nào làm việc gì, nhân quả ra làm sao, đời nào nó sẽ như thế nào, kiếp nào nó sẽ được tới đâu v.v... Đức Phật thấy hết cả mười phương như thế một lượt.

Ai mới có thể hiểu nổi chuyện này của Đức Phật? Rõ ràng người chuẩn bị thành Phật mới có đủ trí hiểu Đức Phật như thế này. Bình thường không ai hiểu nổi, chỉ khen Đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ, là bậc Đại Trí Tuệ, Từ Bi thương chúng sanh vô lượng v.v... Chúng ta chỉ nói bên ngoài thôi, người này mới là người thấy được Đức Phật thấu rõ tướng tội phước mà khấp soi cả mười phương, mười phương pháp giới này bất kỳ một mảy may nhỏ nhiệm nào xảy ra trong một sát na thôi Đức Phật biết rất rõ, Đức Phật biết rất rõ

một tỷ năm nữa cái đó nó sẽ như thế nào và tỷ năm sau nữa cái kia sẽ ra làm sao, Đức Phật thấu rõ không hề lầm lẫn bất kỳ một mảy may nào. Đức Phật thấy rõ bề mặt bề trái của nó, thấy cả tương lai hình thành Pháp này như thế nào và lúc hoại diệt Pháp này ra làm sao, lúc khởi đầu như thế nào và tận cùng nó ra làm sao, thấu rõ không hề lầm lẫn.

Trong một sát na với trí tuệ Đức Phật là khắp mười phương Đức Phật biết một lượt. Đó là trí tuệ rộng lớn siêu tuyệt của Đức Phật, một bậc toàn giác Thế Tôn. Một sát na tâm thôi là Đức Phật biết tất cả những cái thành, những cái hoại, những cái suy, những cái được, những cái mất của khắp pháp giới này. Những nhân, những quả của mười phương pháp giới trong một chớp nhoáng thì Đức Phật đều thấy đều biết hết tường tận không hề lầm lẫn.

Người nhập trong Pháp giới tánh thật sự mới đủ hiểu một lần hết mười phương pháp giới này trong một sát na. Người nào còn một chút riêng tư, chưa có lần hòa nhập vào Pháp giới tánh thì người đó không hiểu được chuyện của mười phương pháp giới này đâu. Khi hòa nhập vào pháp giới thanh tịnh Tự Tánh toàn chân thì rực sáng cả pháp giới mười phương, tất cả mọi sự vật hiện tượng trong pháp giới mười phương đều được tỏa sáng rực rỡ cùng một lúc.

Một người thấu triệt Pháp giới tánh, hòa nhập và sống bằng Pháp giới tánh, mới đủ sức đủ trí tuệ mà khen Đức Phật như thế. Chúng ta thấy trí tuệ Long Nữ tuyệt vời siêu xuất, khen một câu thôi mà hết tất cả Kinh sách thế gian này chưa có câu nào hơn.

*Lại nghe thành Bồ đề.
Chỉ Phật nên chứng biết.
Tôi nói Pháp Đại thừa.
Độ thoát khổ chúng sanh.*

Bốn câu cuối khen ý nguyện của Long Nữ, chỉ Đức Phật chúng biết thôi, do Đức Phật thấu rõ tướng tội phước. Cả chúng hội này không mấy người biết đâu. Cầu Đức Phật chứng minh cho niệm thành Phật của Long Nữ, trong phút chốc sẽ thuyết Kinh khắp mười phương pháp giới, thành Phật rồi không chỉ nói chuyện ở đây mà có thể giảng ở cung trời hay tất cả các cõi.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Xá Lợi Phất nói với Long Nữ rằng: Người nói không bao lâu chứng được đạo Vô thượng, việc đó khó tin. Vì sao? Vì thân gái như ướm chẳng phải là Pháp khí, thế nào có thể được thành Vô Thượng Chánh Giác? Đạo Phật xa rộng phải trải qua vô lượng kiếp cần khổ chứa nhóm công hạnh, tu đủ các độ, vậy sau mới thành được. Lại thân gái còn có năm điều chướng: Một, chẳng được làm Phạm Thiên Vương; hai, chẳng được làm Đế Thích; ba, chẳng được làm Ma Vương; bốn, chẳng được làm Chuyển Luân Thánh Vương; năm, chẳng được làm Phật. Thế nào thân gái được mau thành Phật?

Lúc đó, Long Nữ có một hột châu báu, giá trị bằng cõi Tam thiên Đại thiên đem dâng Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long nữ nói với Trí Tích Bồ Tát cùng tôn giả Xá Lợi Phất rằng: Tôi hiến châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?

Đáp: Rất mau.

Long Nữ nói: Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó.

Đang lúc đó cả chúng hội đều thấy Long Nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ Tát, liền qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, ngôi tòa sen báu thành bậc Đẳng chánh giác, đủ ba mươi hai tướng, tám mươi món đẹp, khắp vì tất cả chúng sanh trong mười phương mà diễn nói Pháp màu.

Khi ấy trong cõi Ta Bà hàng Bồ Tát, Thanh Văn, Trời, Rồng, Bát bộ, Nhân cùng Phi nhân đều xa thấy Long Nữ kia thành Phật khắp vì hàng nhân, thiên trong hội đó mà nói Pháp, sanh lòng vui mừng đều xa kính lạy, vô lượng chúng sanh nghe Pháp tỏ ngộ được bậc Bất thối chuyển, vô lượng chúng sanh được lãnh lời thọ ký thành Phật. Cõi Vô Cấu sáu diệu vang động, cõi Ta Bà ba nghìn chúng sanh trụ bậc Bất thối, ba nghìn chúng sanh phát lòng Bồ đề mà được lãnh lời thọ ký.

Trí Tích Bồ Tát và ngài Xá Lợi Phất tất cả trong chúng hội yên lặng mà tin nhận đó.

Ngài Xá Lợi Phất trước đã được Đức Phật thọ ký thành Phật, nhưng vẫn chưa thành Phật cho nên vẫn còn trí phân biệt, trong Kinh nói người nữ thân ô uế có năm điều không thể làm được. Thứ nhất là không làm Phạm Thiên Vương. Tức là về cõi Trời thì được nhưng làm vua trời thì không được. Hai là chẳng được làm Đế Thích. Thứ ba là chẳng được làm Ma Vương, nếu về cõi ma thì chỉ làm ma dân, ma con thôi. Thứ tư chẳng làm được Chuyển Luân Thánh Vương, vì phải có đủ ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ

đẹp. Thứ năm chẳng được làm Phật. Long Nữ mới có tám tuổi khả năng thành Phật khó người tin, huống chi loài Rồng. Người tâm còn phân biệt không cách nào họ tin nổi.

Lúc đó Long Nữ mới hiện hình biến tướng: *“Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó”*. Nghĩa là Long Nữ nói với ngài Xá Lợi Phất: ông hãy dùng sức thần của ông là bao nhiêu thần thông phép mầu, bao nhiêu năng lực gom lại coi tôi thành Phật còn nhanh hơn tôi dâng xâu chuỗi Đức Phật nhận. Trong thoáng chốc Long Nữ thoát biến thành nam tử. Phút chốc thành Phật là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp hiện ra, khắp vì tất cả chúng sanh mà diễn nói Pháp sâu mầu.

Chúng ta tin nổi điều này không? Phút chốc thành Phật là phút chốc hòa nhập trong pháp giới toàn chân, khi ấy mới đủ sức làm Thầy cả mười phương và thuyết Pháp cho các cõi nghe một lượt. Những lời nói, những ngôn ngữ Đức Phật cả ba thời đều thiện, bất cứ lời nào nói ra là quá khứ đúng, hiện tại đúng và tương lai đúng. Trải qua khắp thời gian, không gian đúng thì đó là chân lý. Lời nói Đức Phật là chân lý chưa hề sai chạy bất kỳ một mây may nào. Dù hàng tỷ năm về sau lời nói Đức Phật vẫn đúng.

Chúng ta tu đúng thì chuyện thành Phật sẽ chắc chắn với chúng ta trong nay mai. Chừng đó thôi đừng có thêm nữa, thêm nữa không ai đủ sức hết, không ai vượt thứ lớp cả. Thấy như nó vượt thứ lớp, nhưng không phải. Không phải đời này họ mới tu, mà họ đã tu những đời trước, bây giờ họ quay lại đây, họ nhận lại chuyện này để tiến thêm. Như vậy là họ vượt thứ lớp của đời này nhưng đời trước họ đã từng làm rồi, họ đã từng tu tập rồi.

Tất cả mọi cái giữa vũ trụ nhân sinh này, không có cái gì qua vượt bậc cả. Nó rất là thứ lớp, rất là trật tự, rất là trình tự, tiến từng bước từng bước rõ ràng từ chúng sanh cho tới thành Phật, phải trải qua địa nào là dứt khoát phải trải qua địa đó. Nếu người nào nói đời này tu, tôi vượt bậc thì biết người đó tu chưa tới nơi, mà phải thấy được nhân quả nhiều đời nhiều kiếp mình đã từng tu như thế nào, rồi thì đời này mình mới có chút gì đó.

Người mới học đạo một hai đời, niệm hai ba câu niệm Phật thôi là đã quên tới quên lui rồi, chứng tỏ người đó ít huân tập. Mà huân tập đến độ chắc chắn nhận được đạo lý sâu mâu thì là quá nhiều đời, người đó có khả năng là Bồ Tát, vì họ nguyện xuống cõi này để cứu độ chúng sanh. Và họ còn liên tục đi tới đời này đời kia, đi tới cõi này cõi khác để họ giáo hóa chúng sanh. Họ hành đạo Bồ Tát cho tới khi họ đủ phước và trí mới được thành Phật.

Nếu ở đây chúng ta nhìn Long Nữ là tám tuổi thì chúng ta nhìn lầm. Long Nữ chỉ đời này hiện tám tuổi thôi. Những bậc Đại Bồ Tát mới có trí tuệ hiện làm thân Long Nữ. Có nhiều khi chúng ta không thấy nổi đời trước người này là ai, đang ngồi trước mặt mình. Đừng nhìn trên hình tướng mà chúng ta cho là người này bị nghiệp nặng, người kia nghiệp nhẹ. Có nhiều khi vị Bồ Tát hiện ra không đủ hảo tướng trên diện mạo của mình, nhưng việc tu học và năng lực của họ không ai có thể so sánh kịp, năng lực đó không phải là họ huân tập một đời, vì họ muốn phá cái chấp trước của chúng sanh, mà hiện tướng bất thường như thế, ai nhìn các vị có tướng bất thường kém phước là đã lầm.

Cho nên trong Kinh, một vị Đại Bồ Tát đã đủ đạo hạnh, tạm hiện tướng Long Nữ trước đại chúng, sau khi diện kiến

Đức Phật và đại chúng rồi thì Ngài thể hiện trọn vẹn đạo hạnh của mình là thành nam tử, đủ đạo hạnh Bồ Tát chứng thành Phật quả.

PHẨM “TRÌ” THỨ MƯỜI BA

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương Đại Bồ Tát và ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát Ma ha tát cùng chung với quyến thuộc hai muôn vị Bồ Tát đều ở trước Phật nói lời thệ rằng: Cúi mong Đức Thế Tôn chớ lo, sau khi Phật diệt độ chúng con sẽ phụng trì đọc tụng nói Kinh điển này, đời ác sau, chúng sanh căn lành càng ít, nhiều kẻ tăng thượng mạn tham lợi dưỡng cúng dường, thêm lớn căn chướng lành, xa lìa đạo giải thoát, dầu khó có thể giáo hóa, chúng con sẽ khởi sức nhẫn lớn đọc tụng Kinh này, thọ trì giải nói biên chép, dùng các món cúng dường cho đến chẳng tiếc thân mạng.

Lúc đó, trong chúng có năm trăm vị A La Hán đã được thọ ký đồng bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng tự thệ nguyện ở nơi cõi khác rộng nói Kinh này.

Lại có bậc học và vô học tám nghìn người đã được thọ ký đồng từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về phía Phật nói lời thệ rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ở cõi khác rộng nói Kinh này. Vì sao? Vì người trong nước Ta Bà nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạy, tâm không chân thật.

Ở đây có hai cách thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Thứ nhất là nhóm ngài Dược Vương Bồ Tát và ngài Đại Nhạo Thuyết Bồ Tát, các vị là người giác ngộ vì hạnh nguyện làm lợi lạc chúng sanh, cho nên các vị không ngại việc sanh tử sẽ ở lại cõi này để thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Còn

nhóm các vị Thanh Văn đã được Đức Phật thọ ký thành Phật nhưng nguyện đi cõi khác không ở cõi Ta Bà này nữa. Tâm các vị Bồ Tát và tâm các vị Thanh Văn khác nhau.

Chúng ta thấy một điều rất lạ. Khi các vị Bồ Tát đã phát nguyện xuống cõi này để giáo hóa chúng sanh thì dù cực khổ cách mấy các vị cũng không ngần ngại. Nhưng các vị chưa đứng vào hàng Bồ Tát thì dù có tu tập tốt, có giác ngộ giải thoát nhưng vẫn sợ cõi Ta Bà không dám quay lại lần thứ hai.

Chúng ta mỗi người tu trong đạo tràng đồng học đồng tu với nhau, nhưng trình độ căn cơ và chỗ tu chứng rất khác biệt. Có người đối với họ việc sanh tử là huyền mộng họ tới lui đây rất bình thường, nhưng rồi có người rất sợ cuộc sanh tử này, nhất là cõi Ta Bà. Cõi này như trong Kinh nói là: *“Nhiều điều tệ ác, ôm lòng tăng thượng mạn, công đức cạn mỏng, giận hờn, dua vạ, tâm không chân thật”*, thì với kinh nghiệm sống một đời của mình, từ khi có mặt trong cuộc đời cho tới giờ phút này chưa có ai tự thấy mình được an lạc, được hạnh phúc cả, cho nên muốn trở lại đây là điều rất khó.

Thường các vị tu tập tốt cũng như các vị ở cõi giới khác, đặc biệt là rất muốn hành hạnh Bồ Tát để thành Phật ngay cõi Ta Bà này, tuy khó khổ nhưng nếu tu tập tốt thì thăng tiến rất nhanh. Cũng như Đức Phật, muốn thành tựu đạo quả Phật thì từ cung trời Đâu Suất xuống cõi Ta Bà tu tập. Đối với Trì Kiến Phật các vị hiểu rất rõ, không còn nghi ngờ và thừa sức để sống được bằng Trì Kiến Phật. Việc sanh tử đối với các vị không còn quan trọng nữa, cho nên sẵn sàng quay lại cõi Ta Bà để vì chúng sanh diễn nói Kinh Pháp Hoa. Các

vị ân nhân, chịu khó khổ thọ trì đọc tụng Kinh này mà không có niệm sợ hãi.

Chúng ta đặt lại câu hỏi: Đòi sau trở lại đây như vậy nữa mình có dám không? Nếu chúng ta không có chút gì ngần ngại, mà có ý nguyện muốn quay lại cõi này, thì công phu tu hành và trí tuệ của chúng ta ngang bằng với các vị Bồ Tát. Thường các vị giác ngộ nhận ra được đạo lý rồi thì điều đầu tiên là tự động lòng đại bi của họ chan khắp pháp giới. Phút giây đó họ thông cảm với tất cả đau khổ của chúng sanh đang lầm mê trong sanh tử, tức là bạn đồng sanh cộng tử với mình, hay nói khác hơn là tất cả quyền thuộc nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta.

Một đời chúng ta có không biết bao nhiêu người thân. Những người đó cũng lo lắng, cũng nuôi mình lớn lên, cũng dạy mình, cũng giúp chúng ta rất nhiều. Việc mình sanh tử đến bây giờ là bao nhiêu triệu kiếp rồi, như vậy kể ra tất cả chúng sanh có mặt trong cõi Ta Bà này là thân bằng quyến thuộc thật sự của chúng ta, không ai là kẻ thù, không ai là người xa lạ với chúng ta. Cho nên giác ngộ rồi, đầu tiên chúng ta phải thấy ra điều này, mình giải thoát được thì mình không nỡ bỏ người thân của mình, nên chúng ta sẵn lòng trở lại.

Vì vậy ngoài việc nghĩ họ là người thân, đại bi tâm của chúng ta cũng thương và thông cảm một cách tuyệt đối với tất cả những lầm mê của chúng sanh trong các cõi. Cho nên lòng từ bi của các bậc giác ngộ, chúng ta không đủ kiến thức để hiểu được hết tâm từ bi của các vị, vì khi thật sự giác ngộ mới có tâm từ bi. Khoảnh khắc ngộ đạo là trí tuệ tỏa sáng, thông suốt mọi điều, thấu triệt chân lý, đồng thời thấu rõ việc mê lầm sanh tử của chúng sanh muôn loài khắp

pháp giới này, khi ấy lòng từ bi tương thông và phủ khắp chúng sanh muôn loài, nên phát khởi phương tiện hành hạnh Bồ Tát đi trong sanh tử để độ tận chúng sanh.

Cho nên chúng ta yên tâm, mặc dù chúng ta chưa được giác ngộ, chưa được giải thoát, nhưng chắc chắn bên cạnh chúng ta có những vị Bồ Tát đang lo lắng từng giờ từng phút cho mình. Đây là điều chúng ta thấy ấm lòng. Tất cả các vị giác ngộ chưa bao giờ buông bỏ một chúng sanh nào cả. Không có lúc nào các vị rời chúng ta. Mặc dù chúng ta chưa có gì, chúng ta chưa là gì, nhưng chúng ta tin chắc lúc nào cũng có các vị Bồ Tát với tâm từ bi không bỏ rơi chúng sanh, vì họ đã thấy tất cả chúng sanh đều là thân bằng quyến thuộc.

Người nhận được chân lý là người thấy được tất cả các pháp với mình không là hai nữa. Mỗi một chúng sanh đau khổ chính là thân vị Bồ Tát đang đau khổ. Các vị đang cảm nhận để thông cảm một cách sâu sắc với đau khổ vướng mắc của chúng sanh. Vì vậy không có phút giây nào các vị không lo lắng để cứu độ chúng sanh. Cho nên đừng ai than rằng giữa đời này chúng ta cô đơn. Chúng ta yên tâm là chúng ta có chư Phật mười phương, có chư Đại Bồ Tát mười phương luôn luôn quan tâm đến chúng ta, không có phút giây nào tạm rời. Do vậy chúng ta mở tâm hướng về chư Phật ở mười phương, chư Đại Bồ Tát, chư vị Thánh Hiền với lòng thương yêu tôn kính, để chúng ta kết nối được những từ tâm, những từ lực của các Ngài đến với mình, để chuyển hóa được thân tâm này vượt thoát làm mê sanh tử.

VĂN KINH

Khi đó, dì của Phật là Đại Ái Đạo Tỳ kheo ni cùng chung với bậc học và vô học Tỳ kheo ni sáu nghìn người đồng từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mắt chẳng tạm rời.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Kiều Đàm Di: Có chi có sắc buồn mà nhìn Như Lai, tâm ngươi toan cho rằng Ta chẳng nói đến tên ngươi, để thọ ký thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ư?

Kiều Đàm Di! Ta trước từng nói tất cả Thanh Văn đều đã được thọ ký, nay ngươi muốn biết thọ ký đó, đời tương lai sau ngươi sẽ ở trong Pháp hội của sáu muôn tám nghìn ức Đức Phật làm vị đại Pháp Sư và sáu nghìn vị học, vô học Tỳ kheo ni đều làm Pháp sư. Ngươi lần lần đủ đạo hạnh Bồ Tát như thế sẽ được thành Phật hiệu là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiều Đàm Di! Đức Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật đó và sáu nghìn Bồ Tát tuần tự thọ ký được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, mẹ của La Hâu La là bà Gia Du Đà La Tỳ kheo ni nghĩ rằng: Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký riêng chẳng nói đến tên tôi.

Phật bảo bà Gia Du Đà La: Ngươi ở đời sau trong Pháp hội của trăm nghìn muôn ức Đức Phật, tu hạnh Bồ Tát, làm vị đại Pháp sư, lần lần đầy đủ Phật đạo ở trong

cõi Thiện Quốc sẽ được thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Bản Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Phật sống lâu vô lượng vô số kiếp.

Lúc đó bà Đại Ái Đạo Tỳ kheo ni và bà Gia Du Đà La Tỳ kheo ni cùng cả quyến thuộc đều rất vui mừng được việc chưa từng có, liền ở trước Phật mà nói kệ rằng:

**Đấng Thế Tôn Đạo Sư
Làm an ổn Trời, Người
Chúng con nghe thọ ký
Lòng an vui đầy đủ.**

Các vị Tỳ kheo ni nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng: Chúng con cũng có thể ở cõi nước phương khác rộng tuyên nói Kinh này.

Từ trước tới giờ Đức Phật thọ ký cho các vị Tỳ kheo Tăng. Còn bà Kiều Đàm Di dì của thái tử Tất Đạt Đa và bà Gia Du Đà La vợ thái tử trước khi đi tu. Hai bà cũng xuất gia là Tỳ kheo Ni, cùng với sáu ngàn vị Tỳ kheo Ni ở trước Phật buồn vì thấy Phật thọ ký với các vị Tăng mà mình không được nói tới thì nghĩ rằng: *“Thế Tôn ở nơi trong hội thọ ký riêng chẳng nói đến tên tôi”*.

Phẩm trước Đức Phật đã thọ ký chung cho tất cả các bậc hữu học và vô học. Tức là những người đã chứng quả A La Hán hoặc những người chưa chứng quả, những người theo học Phật dù là chúng sanh nào, cũng có khả năng thành Phật. Nhưng hai vị không chịu, phải kêu tên mình ra thọ ký mới vừa ý, chứ chung chung là không vừa ý. Riêng bà Gia Du Đà La cứ nghĩ hồi xưa thái tử là người thân sống bên

chạnh mình, cái gì cũng nói cho mình nghe, bây giờ thành Phật không nói tới nghe cũng buồn trong bụng, đòi Phật thọ ký. Tâm trạng người chưa chứng đắc đạo quả thì lòng mong mỏi muốn mình được là người quan trọng. Mặc dù đứng trước Phật, trước đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì cũng muốn có tên tuổi của mình. Đó là tâm lượng của tất cả chúng sanh.

Sau khi Thập Đa Bảo hiện rồi thì từ người ác như Đề Bà Đạt Đa vẫn được Đức Phật thọ ký thành Phật. Rồi người con gái ở cung Rồng Ta Kiệt La cũng được thành Phật, cho tới bây giờ là quyền thuộc trước khi thái tử xuất gia đi tu cũng được thọ ký thành Phật.

Dù cõi Người, cõi Rồng hoặc cõi chúng sanh khác cũng có khả năng thành Phật, phải thấy tận nguồn luyến ái của mình. Chính tình cảm này nó giấu kín khiến chúng ta khó thấy. Nếu người công phu sâu thì trí tuệ tỏa sáng thì không có ý niệm nào khuất lấp, nếu công phu cạn chúng ta không thấy ra điều này. Và cái luyến ái là cái sâu nặng nhất, khó phá vỡ nhất trong tâm của Hành giả. Kẻ thù thấy vậy chứ chúng ta buông nó cũng dễ, sự chấp mắc tiền bạc danh lợi chúng ta buông nó cũng dễ, nhưng tình cảm thì rất khó. Nếu nhìn ở bên ngoài thì chúng ta thấy Đức Phật thọ ký cho những vị thân thương của thái tử Tất Đạt Đa trước khi thành Phật. Nhưng nhìn ở mặt công phu thì Hành giả tu theo Kinh Pháp Hoa phải thấy cho ra nguồn gốc luyến ái của mình, không phải đời này mà đã nhiều đời nhiều kiếp.

Trước phút thái tử Tất Đạt Đa chứng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì có những loại ma hiện ra, trong đó có ma nữ hiện hình Gia Du Đà La, bằng đủ mọi quyền rũ để mời mọc thái tử Tất Đạt Đa trở lại con đường

tâm thường thế tục. Đó là tâm nhiễm ái sau cùng của một Hành giả. Ái là đầu mối của sanh tử luân hồi. Nếu trong Mười Hai Nhân Duyên phá Vô minh nó cũng hết cái vòng nhân duyên đó, ngang chỗ Ái chúng ta phá được cũng dứt được vòng Mười Hai Nhân Duyên.

Khi Hành giả muốn sạch được hết tất cả những Hoặc nghiệp, những Vi tế hoặc của chính mình thì cũng phải phá trừ được cái nhiễm ái ở trong tâm. Cái này rất là khó thấy. Cái nhiễm này nó rất lạ. Chúng ta bình thường dính buồn thương giận ghét, bên ngoài dễ thấy. Nhưng người nào nếu được chúng ta thương yêu theo kiểu tình cảm thế gian nam nữ thì một phen cắt được không phải dễ.

Khi Phật Đa Bảo hiện ra thì dần dần Hành giả sẽ thấy ra tất cả mọi cái thuận nghịch cũng có khả năng biến hóa thành Phật. Cõi người và ở cõi khác cũng có khả năng thành Phật. Và tâm nhiễm trước, cũng như tâm luyến ái đều có khả năng biến chuyển trở thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất cả cái này đều ở trong vòng tâm thanh tịnh kia, cho nên bằng tâm thanh tịnh sẽ soi thấu tất cả những cù cặn nghiệp tập, những vi tế hoặc, những trần sa hoặc, những hoặc nghiệp, những vi tế ngã chấp pháp chấp. Khi đã soi thấu rồi thì tất cả mọi thứ đều được hóa tán và tan biến vào trong bể giác thanh tịnh.

Như con vật ở trong bóng tối nó bò ra ánh sáng thì nó được nhuộm bởi ánh sáng mặt trời. Khi mặt trời trí tuệ hiện lên thì tất cả những cù cặn nghiệp tập tự động trỗi dậy. Khi cù cặn nghiệp tập trỗi dậy là tự động biến thành trí tuệ. Đây là điều đặc biệt của người nhận được Phật Tri Kiến. Cho nên tâm ái hiện ra cũng biến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nhìn tám mươi muôn ức na do tha vị Đại Bồ Tát, các vị Bồ Tát đó đều là bậc Bất thối chuyển, chuyển Pháp luân bất thối được các Pháp tổng trì, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước Phật một lòng chấp tay mà nghĩ rằng: Nếu Đức Thế Tôn dạy bảo chúng ta nói Kinh này, thì chúng ta sẽ như là Phật dạy rộng tuyên nói Pháp này.

Các vị đó lại nghĩ: Nay Đức Phật yên lặng chẳng thấy dạy bảo, chúng ta phải làm thế nào?

Lúc đó, các vị Bồ Tát kính thuận ý của Phật và muốn tự thỏa mãn bốn nguyện, bèn ở trước Phật nói lớn tiếng mà phát lời thệ rằng: Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, chúng con đi khắp vòng qua lại khắp mười phương thế giới hay khiến chúng sanh biên chép Kinh này, thọ trì, đọc tụng, giải nói nghĩa lý, nghĩ nhớ chân chánh, đúng như Pháp mà tu hành, như thế đều là sức oai thần của Phật. Cúi mong Đức Thế Tôn ở phương khác xa giữ gìn cho.

Khi đã giác ngộ rồi thì không cần có sự nhắc thức nào các vị cũng phát đại nguyện, không phải chỉ giáo hóa cõi Ta Bà, mà các vị đi mười phương thế giới giáo hóa Kinh Pháp Hoa. Một người khi đã thấy được trong tâm chúng ta, hoặc hoàn cảnh thuận nghịch biến thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi thì mười phương pháp giới cũng đồng như thế. Tức là tâm người đó bắt đầu mở rộng thấy khắp tất cả pháp giới, chỗ chỗ nơi nơi đều là Phật Tri Kiến, chỗ chỗ nơi nơi đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên

các vị phát tâm đi mười phương để thọ trì biên chép Kinh Pháp Hoa.

Tức là nơi nào, chốn nào, phút giây nào Trì Kiến Phật cũng hiển lộ. Và người đó đang sống trong chỗ thanh tịnh của Phật Trì Kiến. Thọ trì Kinh Pháp Hoa là sống bằng Trì Kiến Phật của chính mình thì trong từng khoảnh khắc hiện hữu hiện tiền cũng như chỗ mệnh mông pháp giới kia là hiện hữu toàn chân là trí tuệ tỏa sáng rực rỡ của Trì Kiến Phật, đó là hình ảnh chư vị Bồ Tát dạo đi khắp mười phương thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

Tức thời, các vị Bồ Tát đều đồng tiếng mà nói kệ rằng:

Cúi mong Phật chớ lo
Sau khi Phật diệt độ
Trong đời ác ghê sợ
Chúng con sẽ rộng nói.
Có những người vô trí
Lời ác mắng rửa thầy
Và dao gậy đánh đập
Chúng con đều phải nhẫn.
Tỳ kheo trong đời ác
Trí tà lòng dua vạy
Chưa được nói đã được
Lòng ngã mạn đầy đầy,
Hoặc người mặc áo nạp
Lặng lẽ ở chỗ vắng
Tự nói tu chân đạo
Khinh rẻ trong nhân gian
Vì ham ưa danh lợi

Nói Pháp cho bạch y
Được người đời cung kính
Như lục thông La hán
Người đó ôm lòng ác
Thường nghĩ việc thế tục
Giả danh A luyện nhĩ
Ưu nói lỗi chúng con
Mà nói như thế này
Các bọn Tỳ kheo này
Vì lòng tham lợi dưỡng
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Tự làm Kinh điển đó
Đối làm người trong đời
Vì muốn cầu danh tiếng
Mà giải nói Kinh đó
Thường ở trong đại chúng
Vì muốn phá chúng con
Đến quốc vương, quan lớn
Bà la môn, cư sĩ
Và chúng Tỳ kheo khác
Chê bai nói xấu con
Đó là người tà kiến
Nói luận nghĩa ngoại đạo
Chúng con vì kính Phật
Đều nhẫn các ác đó
Bị người đó khinh rằng
Các người đều là Phật
Lời khinh mạn dường ấy
Đều sẽ nhẫn thọ đó.
Trong đời ác kiếp trước
Nhiều các sự sợ sệt
Quý dữ nhập thân kia
Mắng rửa hủy nhục con

**Chúng con kính tin Phật
Sẽ mặc giáp nhẫn nhục
Vì để nói Kinh này
Nên nhẫn các việc khó,
Con chẳng mền thân mạng
Chỉ tiếc đạo Vô thượng.
Chúng con ở đời sau
Hộ trì lời Phật dạy
Thế Tôn tự nên biết
Tỳ kheo đời ác trước
Chẳng biết Phật phương tiện
Tùy cơ nghi nói Pháp
Chau mày nói lời ác
Luôn luôn bị xua đuổi
Xa rời nơi chùa tháp
Các điều ác như thế
Nhớ lời Phật dạy bảo
Đều sẽ nhẫn việc đó
Các thành ấp xóm làng
Kia có người cầu Pháp
Con đều đến chỗ đó
Nói Pháp của Phật dạy.
Con là sứ của Phật
Ở trong chúng không sợ
Con sẽ khéo nói Pháp
Xin Phật an lòng ở
Con ở trước Thế Tôn
Mười phương Phật đến nhóm
Phát lời thệ như thế
Phật tự rõ lòng con.**

Các vị Bồ Tát lặp lại lời thệ nguyện của mình. Dù đời ác này có những người chê bai, có người chỉ trích nhưng các vị

vẫn an ở trong Chánh Pháp, vẫn thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa và phải dùng sức đại nhẫn để vượt qua tất cả khó khăn.

* * *

PHẨM “AN LẠC HẠNH” THỨ MƯỜI BỐN

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các vị Bồ Tát này rất là ít có, vì kính thuận Phật nên phát thệ nguyện lớn: ở nơi đời ác sau, hộ trì đọc nói Kinh Pháp Hoa này.

Thế Tôn! Các vị Đại Bồ Tát ở đời ác sau, thế nào mà có thể nói Kinh này?

Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: Nếu vị Bồ Tát ở đời ác sau muốn nói Kinh này, phải an trụ trong bốn Pháp:

Một, an trụ nơi Hành xứ và nơi Thân cận xứ của Bồ Tát, thì có thể vì chúng sanh mà diễn nói Kinh này. Văn Thù Sư Lợi! Thế nào gọi là chỗ Hành xứ của Đại Bồ Tát? Nếu vị Đại Bồ Tát an trụ trong nhẫn nhục hòa dịu khéo thuận mà không vụt chạc lòng cũng chẳng kính sợ, lại ở nơi Pháp Không phân biệt mà quán tưởng như thật của các Pháp cũng chẳng vịn theo, chẳng phân biệt, đó gọi là chỗ hành xứ của Bồ Tát.

Thế nào gọi là chỗ Thân cận của Đại Bồ Tát? Vị Đại Bồ Tát chẳng gần gũi quốc vương, vương tử, đại thần, quan trưởng, chẳng gần gũi các ngoại đạo phạm chí, ni kiền tử v.v... và chẳng gần những kẻ viết sách thế tục ca ngâm; sách ngoại đạo cùng với phái Lộ già da đà, phái Nghịch lộ già da đà, cũng chẳng gần gũi những kẻ chơi hung hiểm đâm nhau, đánh nhau và bọn Na la v.v... bày các cuộc chơi biến hiện.

Lại chẳng gần gũi bọn hàng thịt và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn chài lưới, hạng người sống với nghề ác, những người như thế hoặc có lúc lại đến thì Bồ Tát vì nói Pháp Không có lòng mong cầu.

Lại chẳng gần gũi những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, hạng người cầu quả Thanh Văn, hoặc ở trong phòng, hoặc chỗ kinh hành, hoặc ở trong giảng đường chẳng cùng ở chung, hoặc có lúc những người đó lại đến, Bồ Tát theo cơ nghi nói Pháp không lòng mong cầu.

Văn Thù Sư Lợi! Lại vị Đại Bồ Tát chẳng nên ở nơi thân người nữ cho là tướng có thể sanh tư tưởng dục nhiễm mà vì nói Pháp, cũng chẳng ưa thấy. Nếu vào nhà người chẳng cùng với gái nhỏ, gái trinh, gái hóa v.v... chung nói chuyện, cũng lại chẳng gần năm giống người bất nam để làm thân hậu.

Chẳng riêng mình vào nhà người, nếu lúc có nhân duyên cần riêng mình vào thì chuyên một lòng niệm Phật.

Nếu vì người nữ nói Pháp thì chẳng hở răng cười, chẳng bày hông, ngực, nhấn đến vì Pháp mà còn chẳng thân hậu, hưởng lại là việc khác.

Chẳng ưa nuôi đệ tử Sa di ít tuổi và các trẻ nhỏ, cũng chẳng ưa cùng chúng nó đồng một Thầy. Thường ưa ngồi thiền ở chỗ vắng tu nhiếp tâm mình.

Văn Thù Sư Lợi! Đó gọi là chỗ Thân cận ban đầu.

Sau khi các vị Bồ Tát phát tâm thọ trì Kinh Pháp Hoa thì ngài Văn Thù Sư Lợi hỏi Đức Phật làm sao có thể an trú thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà không bị chướng ngại? Đức Phật dạy, thứ nhất là an trú nơi Hành xứ và nơi Thân cận xứ.

“*Hành xứ*”: Chúng ta an trú trong nhẫn nhục, hòa dịu, khéo thuận mà không vụt chạc, lòng cũng chẳng kính sợ, lại ở nơi Pháp không phân biệt mà quán tưởng như thật của các pháp, là chỗ Hành xứ ban đầu.

Một người kể từ lúc nhận được Tri Kiến Phật của mình thì người đó thấy như thật tất cả các pháp, không rớt vào sự phân biệt. Thấy cái nghịch nó cũng chân thật, thấy cái thiện nó cũng chân thật, thấy người nam cũng là chân thật, thấy người nữ cũng là chân thật, chứ không phải thấy để phân biệt nam nữ, phải trái, hơn thua. Nó vượt qua tầm thấy vô thường, thấy như huyền, mà tất cả các pháp đều hiện tiền như thật.

Cái đang nghe là cái như thật đang nghe một cách rõ ràng, không hề so sánh là lúc đó chúng ta đang trì Kinh Pháp Hoa, tức là chúng ta đang sử dụng cái Hành xứ. Cái chỗ chúng ta đang hành, tất cả mọi cái đều hiện tiền như thật cả. Thật này không phải cái thật theo tâm phàm phu của chúng ta. Mà tất cả mọi cái đang hiện hữu như thế này không hề có sự phân biệt phải trái, không hề có bất kỳ ý niệm phân biệt của tâm thức nào thì tất cả mọi cái đều hiện tiền như thật.

Như quý vị đang nghe như vậy thì cái nghe đang rõ ràng là cái hiện tiền như thật của tất cả chúng ta. Chúng ta phải thấy sự thật đang hiển bày để rõ ràng tất cả các pháp đang

diễn ra thì đó là cái hiện tiền như thật. Nếu Hành giả muốn đạt được sự an lạc thì đầu tiên phải sống bằng cái thật này. Cái thật này luôn luôn hiển lộ nơi lục căn chúng ta. Do cái chân thật này, mà chúng ta đang rõ ràng tất cả mọi hiện tượng đang diễn ra trong lúc này, giờ phút này tất cả mọi cái hiện ra nó vốn là như vậy, chúng ta không có chuẩn bị trước để chúng ta nghe âm thanh nhưng âm thanh hiện chúng ta rõ. Ngay khi âm thanh hiện, chúng ta vẫn rõ ràng và sau khi âm thanh mất, chúng ta vẫn luôn như thật rõ ràng thì gọi là Hành xứ ban đầu.

Hành giả tu Pháp Hoa phải nhận ra được điều này và phải sống như vậy gọi là Hành xứ ban đầu. Lúc nào chúng ta cũng trú trong chỗ như thật đó. Cái như thật lúc nào cũng hiển bày. Sự thật thì luôn hiển lộ nhưng chính cái tâm đó làm cho chúng ta mê mờ không rõ sự thật, chứ không phải tâm đó đủ sức che sự thật.

Dù chúng ta phân biệt nhiều, dù chúng ta phân biệt ít, dù chúng ta buồn, dù chúng ta thương, dù chúng ta giận, dù chúng ta ghét thì sự thật đó luôn luôn hiển hiện và rõ biết tất cả những tâm ấy.

Nếu chúng ta hiểu Pháp Hoa rồi thì cái thuận cũng là chân, cái nghịch cũng là chân, cái không âm thanh cũng là chân, có âm thanh hiện ra cũng là chân, tướng có cũng là chân, tướng không cũng là chân, chúng ta phải nhận cho rõ tất cả những điều như vậy. Trong mọi thời mọi lúc, chúng ta luôn luôn ở trong cái Như Như bất động đó, mà hay biết tất cả mọi cái thì người đó đang Hành xứ ban đầu.

“*Thân cận xứ*”: Nếu như người mới nhận Tri Kiến Phật, mà không có thời gian sống riêng tư để bảo nhiệm cái Tri

Kiến Phật của mình, mà chúng ta gần gũi các vua quan để chúng ta bàn việc nước và chúng ta tạo uy tín cho mình thì thời gian thành Phật sẽ lâu xa hơn.

Nếu chúng ta ngộ không sâu mà chúng ta tiếp xúc cuộc sống liền thì việc hòa nhập vào Tri Kiến Phật sẽ mất thời gian nhiều hơn. Chỉ trừ những vị ngộ rất sâu, tức là người đã nhận rõ ràng Tri Kiến Phật của mình, đã trải qua tất cả những thuận nghịch, đã thấu tận tới tướng chân thật là Vô Tướng thì giờ phút nào cũng hiển hiện cái trí giác thanh tịnh của mình thì việc gần gũi vua quan đại thần, gần gũi ngoại đạo thì luôn đủ lực để chuyển hóa họ quay về với Chánh Pháp.

Cho nên thân cận tức là gần gũi và sống đúng với chỗ chân thật, gọi là thân cận với Tự tánh chân thật của chính mình, chứ không phải thân cận là mình làm quen với nhiều người. Rồi những người có tâm ác, những bọn hàng thịt và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn, chài lưới, vị Bồ Tát này muốn sống an lạc là cũng không được gần gũi nữa. Nếu gặp duyên để nói Pháp với những người này thì chúng ta sẵn sàng nói Pháp, để hướng họ về Chánh Pháp mà không có lòng mong cầu.

Những Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di người nào không có tâm mong cầu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không được gần gũi. Đức Phật dạy chúng ta quá kỹ. Thật ra trong giai đoạn chúng ta đang tu tập, mình biết lực mình không đủ nên tránh duyên. Khi nào đủ lực rồi thì ai mình cũng có thể sống gần, ai mình cũng có thể sống chung và làm cho họ thức tỉnh. Nếu như bây giờ chúng ta gần gũi những vị có tư tưởng không đồng, đương nhiên bước đường tu của chúng ta sẽ bị trục trặc. Hai người

sống chung một nhà mà tư tưởng không đồng đã thấy rồi rồi.

Chúng ta muốn cầu thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là muốn cầu thành Phật, nhưng sống chung với người cầu quả vị thấp, hai tư tưởng không đồng nhau thì dù là tu sĩ đi nữa, vẫn sống luôn luôn có sóng gió không bình yên. Do vậy Đức Phật dạy chúng ta khi tu tập mà muốn được an lạc đúng nghĩa với Kinh Pháp Hoa, muốn an trú trong Tri Kiến Phật của mình thì đừng gần gũi với người có tâm cầu những quả vị thấp kém. Trong giai đoạn chúng ta đang công phu thì chúng ta phải quyết lòng công phu cho tới nơi tới chốn, sau đó đủ sức chúng ta sẽ gần gũi trở lại để giáo hóa họ.

Chúng ta phải tự xét lại lực của mình, giờ này chúng ta nên gần ai và để làm cái gì. Nếu muốn được yên ổn an lạc thì chúng ta phải tìm người mà gần gũi nương tựa tu tập, nếu không nó sẽ chướng duyên làm chúng ta chùn bước, trở ngại công phu tu hành. Do đó chúng ta phải biết khéo léo tránh duyên, vì giai đoạn chúng ta còn non nớt yếu đuối thì đừng ra sương ra gió nhiều.

Những vị Tăng không được gần người nữ, không nhìn nơi thân người nữ để sanh tưởng dục nhiễm. Đi đến nhà người nữ thì phải có người đi chung, không nói chuyện riêng. Trong trường hợp bắt buộc dĩ phải gặp thì chúng ta phải giữ chánh niệm và trong lòng phải chuyên một lòng niệm Phật. Đức Phật dạy rất kỹ.

Thời xưa quý Thầy đắp y bày vai bên hữu, do vậy mà Đức Phật dạy khi nói chuyện với người nữ thì phải quán y lại không được bày vai ra. Đức Phật dạy không nuôi đệ tử

Sa di ít tuổi và những trẻ nhỏ không cùng chúng học chung một Thầy. Thật ra những chùa có nuôi điếu cũng là hạnh nguyện của quý Thầy, thường những mầm non của Phật Pháp ban sơ chưa đủ trí để nhận hiểu Phật Pháp, do vậy vào chùa để làm ảnh hưởng công phu thiền định của quý Thầy.

Đây là chỗ thân cận ban đầu của Hành giả, là một trong bốn điều mà Hành giả phải giữ gìn mọi cách để cho mình được an lạc. Dù sống trong hoàn cảnh nào, dù trong điều kiện gì thì chúng ta phải tìm ra sự an lạc cho chính bản thân mình, rồi sau khi nội lực chúng ta đủ chúng ta mới đem việc đó giúp đời.

VĂN KINH

Lại nữa, vị Đại Bồ Tát quán sát Nhất thiết pháp không như thật tướng chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không, không có thật tính, tất cả lời nói phô dứt, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng khởi, không danh, không tướng, thật không chỗ có, không lường, không ngăn, không ngại, không chướng, chỉ do nhân duyên mà có, từ điên đảo mà sanh cho nên nói, thường ưa quán sát Pháp tướng như thế đó gọi là chỗ thân cận thứ hai của vị Đại Bồ Tát.

Thật Tướng của tất cả các Pháp là Vô Tướng, là không có tướng Không, cũng không có tướng Có, khi cái thấy vượt ngoài có không thì là cái thấy định tuệ đồng đẳng, tức là bằng cái thanh tịnh thường hằng mà rõ biết vạn Pháp nên vạn Pháp hiện hữu như thật tướng. Vì vậy cái thấy “*chẳng điên đảo, chẳng động, chẳng thối, chẳng chuyển, như hư không*” vì cái thanh tịnh rõ biết đó là cái không lạng, là cái bất sanh bất diệt, nó thông thấu khắp mười phương pháp

giới mà thường hằng thanh tịnh. Do vậy tất cả các Pháp hiển hiện vượt ngoài danh tướng và không có sanh diệt đó là chỗ thân cận thứ hai của Bồ Tát.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu có vị Bồ Tát
 Ở trong đời ác sau
 Lòng không hề sợ sệt
 Muốn nói Kinh Pháp này
 Nên trụ vào Hành xứ
 Và trụ Thân cận xứ.
 Thường xa rời quốc vương
 Và con của quốc vương
 Quan đại thần, quan lớn
 Kẻ chơi việc hung hiểm
 Cùng bọn Chiên đà la
 Hàng ngoại đạo Phạm chí
 Cùng chẳng ưa gần gũi
 Hạng người tăng thượng mạn
 Hàng học giả tham chấp
 Kinh, luật, luận Tiểu thừa
 Những Tỳ kheo phá giới
 Danh tự A La Hán
 Và những Tỳ kheo ni
 Ưa thích chơi giỡn cười
 Các vị Ưu bà di
 Tham mê năm món dục
 Cầu hiện tại diệt độ
 Đều chớ có gần gũi.
 Nếu những hạng người đó

Dùng tâm tốt mà đến
Tại chỗ của Bồ Tát
Đề vì nghe Phật đạo
Bồ Tát thì nên dùng
Lòng không chút sợ sệt
Chẳng có niệm mong cầu
Mà vì chúng nói Pháp.
Những gái hóa, gái trinh
Và các kẻ bất nam
Đều chớ có gần gũi
Để cùng làm thân hậu.
Cũng chớ nên gần gũi
Kẻ đồ tể cắt thái
Săn bắn và chài lưới
Vì lợi mà giết hại
Bán thịt để tự sống
Buôn bán sắc gái đẹp
Những người như thế đó
Đều chớ có gần gũi.
Các cuộc chơi giỡn dữ
Hung hiểm đâm đánh nhau
Và những dâm nữ thấy
Trợn chớ có gần gũi.
Chớ nên riêng chỗ khuất
Vì người nữ nói Pháp
Nếu lúc vì nói Pháp
Chẳng được chơi giỡn cười
Khi vào xóm khát thực
Phải dặt một Tỳ kheo
Nếu không có Tỳ kheo
Phải một lòng niệm Phật
Đây thì gọi tên là
Hành xứ, Thân cận xứ.

Dùng hai xứ trên đây
 Có thể an lạc nói.
 Lại cũng chẳng vịn theo
 Pháp thượng, trung và hạ
 Hữu vi hay Vô vi
 Thật cùng Pháp chẳng thật
 Cũng chẳng có phân biệt
 Là nam là nữ thấy
 Lại chẳng được các Pháp
 Chẳng biết cũng chẳng thấy
 Đây thì gọi tên là
 Hành xứ của Bồ Tát.
 Tất cả các món Pháp
 Đều không, chẳng chỗ có
 Không có chút thường trụ
 Vẫn cũng không khởi diệt
 Đây gọi là thân cận
 Chỗ người trí hăng nung.
 Chớ đảo điên phân biệt
 Các Pháp có hoặc không
 Là thật, chẳng phải thật
 Là sanh chẳng phải sanh,
 Ở an nơi vắng vẻ
 Sửa trau nhiếp tâm mình
 An trụ chẳng lay động
 Như thể núi Tu Di
 Quán sát tất cả Pháp
 Thấy đều không thật có
 Dường như khoảng hư không
 Không có chút bền chắc.
 Chẳng sanh cũng chẳng xuất
 Chẳng động cũng chẳng thối
 Thường trụ một tướng thể

**Đó gọi là Cận xứ.
Nếu có vị Tỳ kheo
Sau khi Ta diệt độ
Vào được Hành xứ đó
Thì lúc nói Kinh này
Không có lòng e sợ
Vị Bồ Tát có lúc
Vào nơi nhà tịnh thất
Lòng nghĩ nhớ chân chính
Theo đúng nghĩa quán Pháp.
Từ trong thiên định dậy
Vì các bậc quốc vương
Vương tử và quan, dân
Hàng Bà la môn thầy
Mà khai hóa diễn bày
Rộng nói Kinh điển này
Tâm vị đó an ổn
Không có chút khiếp nhược.
Văn Thủ Sư Lợi này!
Đó gọi là Bồ Tát
An trụ trong sơ Pháp
Có thể ở đời sau
Diễn nói Kinh Pháp Hoa.**

Đức Phật nói thêm, không được thân cận người bất nam, những người huỳnh môn. Là những người nam không phải là người nam thật, mà mang tính nữ. Người này tính tình thật là khó chịu, gần những người này rõ ràng là sẽ có nhiều việc rắc rối. Người bất nam không phải là người nam cũng không phải là người nữ. Thường trong Phật Pháp những người lục căn không đầy đủ và những người huỳnh môn thì Đức Phật không cho xuất gia.

Bây giờ thì cũng có một số thuộc dạng đó ở trong Phật Pháp làm ảnh hưởng rất nhiều, vì đa số người đó không thể có chánh kiến được. Khi thân đã mất cân bằng thì khó có thể chỉnh sửa cho họ quay lại lắm. Cho nên Đức Phật dạy những người Hành giả muốn nói Kinh Pháp Hoa được an ổn thì không được gằn gỏi người huỳnh môn.

Người nói Kinh Pháp Hoa không có lỗi lầm, tâm không khiếm nhược là người ấy đã hoàn toàn sống bằng Tri Kiến Phật, đã nhận ra được thật tướng của các Pháp, tâm họ hoàn toàn thanh tịnh nên rất vững vàng khai thị tất cả chúng sanh, để cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến.

VĂN KINH

Lại Văn Thù Sư Lợi! Sau khi Đức Như Lai diệt độ, ở trong đời Mạt Pháp muốn nói Kinh này, phải trụ nơi hạnh an lạc, hoặc miệng tuyên nói hoặc lúc đọc Kinh đều chẳng ưa nói lỗi của người và của Kinh điển; chẳng khinh mạn các Pháp sư khác, chẳng nói việc hay dở, tốt xấu của người khác. Ở nơi hàng Thanh Văn cũng chẳng kêu tên nói lỗi quấy của người đó, cũng chẳng kêu tên khen ngợi điều tốt của người đó.

Lại cũng chẳng sanh lòng oán hiềm, vì khéo tu lòng an lạc như thế, nên những người nghe Pháp không trái ý. Có chỗ gạn hỏi, chẳng dùng Pháp Tiểu thừa đáp, chỉ dùng Pháp Đại thừa mà vì đó giải nói làm cho được bậc Nhất Thiết Chúng Trí.

Đức Phật dạy người nói Pháp muốn trụ nơi hạnh an lạc thật sự thì tuyên nói và đọc tụng, không được thấy lỗi của người khác. Đó là điều hết sức quan trọng.

Thường một vị giảng sư lên tòa nói lỗi người khác có hai điều: Thứ nhất là có phiền hà với người khác, mình nói không được nên lên tòa bắt đầu đem ra nói. Thứ hai là không thấy lỗi mình mà nhìn thấy lỗi người là mình đã sai quấy rồi, mà còn đem cái sai quấy của người khác ra nói thì chúng ta lại phạm tiếp lỗi thứ hai. Nếu mình đem nói lỗi người khác trên tòa là mình gây xáo trộn việc hoằng hóa của người bên cạnh, đương nhiên sẽ có sự chống phá trở lại và sự chống phá đó sẽ gây ảnh hưởng bước đường giáo hóa của mình.

Không được nói lỗi Pháp sư, đây là điều cấm kỵ nhất trong Phật Pháp. Lên tòa mà nói lỗi Pháp sư là mình tự thấy mình hay hơn người kia, hoặc nói Thầy kia giảng chỗ đó còn sai, là chúng ta rớt vào lỗi lầm rất lớn khiến cho bản thân chúng ta không được an lạc.

Nếu chúng ta không nói lời khinh mạn, không nói xấu vị Pháp sư khác trên pháp tòa, không kể việc hay dở của Pháp sư ra, không nói việc tốt xấu, thậm chí ca tụng người khác cũng không cần thiết mà chỉ thuận nói Phật Pháp mà thôi thì chúng ta sẽ có nhân quả tốt đẹp là người nghe không trái ý của mình. Tức là người nghe sẽ thuận theo ý mình để họ tu tốt. Ngược lại, nếu chúng ta nói xấu người khác thì chúng ta có nhân quả là người nghe sẽ trái ý mình. Bản thân người nghe họ nghe chỗ đó thấy hay nhưng về nhà họ thấy không đồng ý, họ sẽ trái với ý mình.

Khi được người ta gạn hỏi, không được dùng Pháp Tiểu thừa mà đáp. Tức là không dùng Pháp đối đãi để đáp, mà phải làm sao nói cho người ta nhận được chỗ chân thật nó vượt khỏi đối đãi. Phải nói để người ta nhận Nhất Thiết Chung Trí, để họ tu tập đạt tới chỗ đó, chứ không phải nhận

cái này bỏ cái kia theo cái nhìn phân biệt phải quấy hai bên nữa, vậy nên dù được gạn hỏi cũng phải dùng Pháp Đại thừa để nói.

VĂN KINH

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Vị Bồ Tát thường ưa
 An ổn nói Kinh Pháp
 Ở nơi chỗ thanh tịnh
 Mà sắp đặt sàng tòa
 Dùng hương dầu xoa thân
 Tắm gội các bụi dơ
 Mặc y mới sạch sẽ
 Trong ngoài đều sạch thơm
 Ngồi an nơi pháp tòa
 Theo chỗ hỏi vì nói.
 Nếu có vị Tỳ kheo
 Cùng với Tỳ kheo ni
 Các hàng Ưu bà tắc
 Và hàng Ưu bà di
 Quốc vương và vương tử,
 Các quan cùng sĩ dân
 Dùng Pháp nghĩa nhiệm màu
 Vui vẻ vì họ nói
 Nếu có người gạn hỏi
 Theo đúng nghĩa mà đáp
 Nhân duyên hoặc thí dụ
 Giải bày phân biệt nói
 Dùng trí phương tiện này
 Đều khiến kia phát tâm
 Lần lần thêm đông nhiều**

Vào ở trong Phật đạo.
Trừ lòng lười biếng trễ
Cùng với tướng giải đãi
Xa rời các ưu não
Tâm từ lành nói Pháp
Ngày đêm thường tuyên nói
Giáo Pháp Vô thượng đạo
Dùng các việc nhân duyên
Vô lượng món thí dụ
Mở bày dạy chúng sanh
Đều khiến chúng vui mừng
Y phục cùng đồ nằm
Đồ ăn uống thuốc thang
Mà ở nơi trong đó
Không có chỗ mong cầu
Chỉ chuyên một lòng nhớ
Nhân duyên nói Kinh Pháp
Nguyện Ta thành Phật đạo
Khiến mọi người cũng vậy
Đó là lợi lành lớn
Là an vui cúng dường
Sau khi Ta diệt độ
Nếu có vị Tỳ kheo
Có thể diễn nói được
Kinh Diệu Pháp Hoa này
Lòng không chút ghen hờn
Không các não chướng ngại
Cũng lại không ưu sầu
Và cùng mắng nhiếc thảy
Lại cũng không sợ sệt
Không dao gậy đánh đập
Cũng không xua đuổi ra
Vì an trụ nhẫn vậy

Người trí khéo tu tập
 Tâm mình được đường ấy
 Thì hay trụ an lạc
 Như Ta nói ở trên
 Công đức của người đó
 Trong nghìn muôn ức kiếp
 Tính kể hay thí dụ
 Nói chẳng thể hết được.

Phản trùng tụng lặp lại ý trên.

VĂN KINH

Lại Văn Thù Sư Lợi! Vị Đại Bồ Tát ở đời rốt sau lúc Pháp gần diệt mà thọ trì đọc tụng Kinh điển này, chớ ôm lòng ghen ghét đua dối, cũng chớ khinh mạn người học Phật đạo, vạch tìm chỗ hay dở của kia. Nếu hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, hoặc cầu Thanh Văn, hoặc cầu Duyên Giác, hoặc cầu Bồ Tát đạo, đều không được làm não đó, khiến cho kia sanh lòng nghi hời mà nói với người rằng: Các người cách đạo rất xa, trọn không thể được bậc Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các người là kẻ buông lung, biếng trễ đối với đạo.

Lại cũng chẳng nên hí luận các Pháp có chỗ giành cãi. Phải ở nơi tất cả chúng sanh, khởi tưởng đại bi, đối với các Đức Như Lai sanh tưởng như cha lành, đối với các Bồ Tát, tưởng là bậc đại sư, với các Đại Bồ Tát ở mười phương phải thâm tâm lễ lạy, với tất cả chúng sanh đều bình đẳng nói Pháp. Vì thuận theo Pháp nên chẳng nói nhiều, chẳng nói ít, nhấn đến người ưa Pháp cũng chẳng vì nói nhiều.

Văn Thù Sư Lợi! Vị Đại Bồ Tát ở đời rất sau lúc Pháp muốn diệt nếu thành tựu được hạnh an lạc thứ ba đây, thì lúc nói Pháp này không ai có thể nào loạn, được bạn đồng học tốt chung cùng đọc tụng Kinh này, cũng được đại chúng thường đến nghe thọ. Nghe rồi hay nhớ, nhớ rồi hay tụng, tụng rồi hay nói, nói rồi hay chép, hoặc bảo người chép, cúng dường Kinh quyển cung kính tôn trọng ngợi khen.

Điều thân cận thứ ba, khi mình hiểu được Kinh điển Đại thừa rồi, biết mình có khả năng thành Phật rồi, gặp những người tu thấp hơn chúng ta không được quyền có tâm khinh thường họ và không được quyền chê trách họ.

Học Kinh Pháp Hoa chúng ta cũng cố được đạo đức của mình. Trong lúc chúng ta hành đạo phải dứt trừ tâm đua dôi, ganh ghét, khinh người học thấp. Mặc dù chúng ta hiểu Kinh điển Đại thừa, dù trí tuệ chúng ta cao, nhưng đối với người họ thiếu kiến thức hơn, mình cũng không được quyền có lời mắng nhiếc họ, không được quyền nói họ cách đạo rất xa, trọn không thể được bậc Nhất Thiết Chúng Trí. Giai đoạn đầu có khi họ mới bước vào học Phật, họ gặp Giáo lý bình thường căn bản, nhưng chưa chắc trong giai đoạn họ học đạo căn bản mà họ không có căn khí Đại thừa. Vì họ chưa đủ duyên để nghe như mình mà thôi, chứ đừng nghĩ rằng người ta đang học đạo bình thường sơ đẳng đó người ta thua mình.

Chúng ta không được quyền khinh thường một chú Sa di nhỏ tuổi trong chùa, vì chú tiểu đó sau này sẽ trở thành Hòa thượng có đạo đức. Chúng ta không được quyền khinh thường một giọt nước nhỏ, vì giọt nước nó nhiều lâu ngày sẽ thành một hồ nước lớn. Chúng ta không được quyền

khinh thường một con rắn độc nhỏ, vì sau này nó trở thành rắn độc lớn nó có thể cắn chết mình. Người mới phát tâm học đạo trí tuệ họ rất non kém, nhưng chưa chắc mai kia họ non kém hoài.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh bình đẳng như nhau, họ chưa khai mở được Phật tánh chứ không phải là họ không có Phật tánh. Mình có duyên được học Phật trước mình hiểu trước. Nếu người nào có tâm khinh thường người khác thì biết người đó cũng không tới đâu. Đó là sự thật. Tại vì người đó không hiểu rõ Phật Tri Kiến của mình, cho nên thấy chúng sanh khác còn bị thấp hơn mình, chứ khi hiểu rõ Phật Tri Kiến thì thấy tất cả các pháp là bình đẳng thì không bao giờ có tâm nhìn sai biệt trong khi đối diện với mọi người. Chúng ta tôn trọng mọi người một cách bình đẳng như vậy, để một ngày nào đó người kia đủ duyên họ có thể thành Phật thì gần gũi học đạo mình không có ngượng, chứ bây giờ mình coi thường người ta mai kia người ta thành Phật rồi, không biết làm sao lại gần để học đạo.

Điều căn bản nhất trong Kinh điển Đại thừa, là khi nhận được Tri Kiến Phật rồi phải thấy được cái bình đẳng của tất cả các pháp, cho nên tâm khinh thường, đua dối, ganh ghét và coi rẻ người khác không xảy ra. Trừ trường hợp họ hiểu Phật Pháp còn lệch lạc nên mới sanh tâm phân biệt so sánh cao thấp.

Chúng ta không thể nói Pháp gây nhiễu loạn người. Tức là chúng ta đừng bao giờ trong lúc bàn bạc đạo lý với huynh đệ, mình nghĩ mình giỏi hơn mình có thể lý luận hay hơn người ta, mình có thể nói được lời khôn khéo để cho họ

buồn phiền thì đó là điều cũng không nên. Đức Phật dạy chúng ta rất kỹ.

Cho nên khi giao tiếp nói chuyện với người khác là vì mục đích muốn nâng đỡ người khác, vì mục đích muốn người khác hiểu được chân lý, chứ chúng ta đừng vì cái giỏi của mình mà triệt hạ người bên cạnh, tỏ vẻ mình là người hiểu biết Phật Pháp hơn và người ta không bằng mình.

Thể hiện cái hiểu biết của mình mà trong tâm hơn thua thì nó không còn là Phật Pháp nữa. Giai đoạn đầu khi mới hiểu chân lý thì rất thích lý luận, thích thể hiện khả năng hiểu biết và thích dùng lý luận, để thể hiện sự hiểu biết của mình trước công chúng. Làm như vậy chúng ta không phải sống trong hạnh an lạc như Đức Phật nói.

Người hiểu đúng chân lý nói ra lời đúng với chân lý cho người kia tu tập, chứ không phải nói ra để tỏ vẻ mình hơn người kia. Chúng ta học đạo phải khéo tránh lỗi này. Lỗi này nó trở thành bệnh rồi, dần dần mình coi người ta không bằng mình, không ai chịu nổi mình hai câu, mình thấy mình hay lắm rồi, nhưng thật sự cái hay đó là bản ngã mình lớn, chứ không phải mình lớn trong Phật Pháp.

Lỗi đó người tu Thiền dễ mắc phải. Vì mỗi lần tâm thức biến chuyển thì tự động tâm người đó rất thông và thuyết cũng thông, nếu không khéo gìn giữ mình thì bản ngã lớn lên, cho nên chúng ta phải biết cách dừng lại. Chúng ta học đạo lý càng giỏi thì ngã chấp càng lớn. Rồi chúng ta lập tông phái riêng cho mình để chúng ta giáo hóa theo kiểu riêng của mình, theo cách nhận định đạo lý đó. Mặc dù lý luận không sai với Phật Pháp, nhưng ở trong lại coi thường mọi người thì đó là lỗi lầm.

Trong lục hòa có kiến hòa đồng giải, tức là chúng ta phải nói chuyện Phật Pháp khi đúng duyên chúng ta mới nói, nhưng nói trên tinh thần hòa giải và muốn chia sẻ cái thấy biết của mình với nhau trong sự thông cảm tuyệt đối, chứ không có tâm ganh đua để chứng tỏ mình hiểu biết Phật Pháp hơn người thì đó là an lạc hạnh thứ ba.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu muốn nói Kinh này
 Phải bỏ lòng ghen hờn
 Ngạo dua dối tà ngụy
 Thường tu hạnh chất trực
 Chẳng nên khinh miệt người
 Cũng chẳng hí luận Pháp
 Chẳng khiến kia nghi hối
 Rằng người chẳng thành Phật,
 Phật tử đó nói Pháp
 Thường nhu hòa hay nhẫn
 Từ bi với tất cả
 Chúng sanh lòng biếng trễ
 Bồ Tát lớn mười phương
 Thương chúng nên hành đạo
 Phải sanh lòng cung kính
 Đó là Đại sư ta,
 Với các Phật Thế Tôn
 Tưởng là cha vô thượng,
 Phá nơi lòng kiêu mạn
 Nói Pháp không chướng ngại
 Pháp thứ ba như thế
 Người trí phải giữ gìn

**Một lòng an lạc hạnh
Vô lượng chúng cung kính.**

Lại Văn Thù Sư Lợi! Các vị Đại Bồ Tát ở đời rất sau lúc Pháp gần diệt có vị nào trì Kinh Pháp Hoa này ở trong hàng người tại gia, xuất gia sanh lòng từ lớn, ở trong hạng người chẳng phải Bồ Tát sanh lòng bi lớn, phải nghĩ thế này: Những người như thế thì là mất lợi lớn. Đức Như Lai phương tiện tùy nghi nói Pháp chẳng nghe, chẳng biết, chẳng hay, chẳng hiểu, chẳng tin, chẳng hỏi. Người đó dẫu chẳng hỏi, chẳng tin, chẳng hiểu Kinh này, lúc Ta được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người đó tùy ở chỗ nào, Ta dùng sức thần thông, sức trí tuệ dẫn dắt đó khiến được trụ trong Pháp này.

Văn Thù Sư Lợi! Vị Đại Bồ Tát đó ở sau lúc Như Lai diệt độ nếu thành tựu được Pháp thứ tư này thì lúc nói Pháp này không có lầm lỗi, thường được hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, quốc vương, vương tử, đại thần, nhân dân, Bà la môn, cư sĩ thấy cúng dường cung kính tôn trọng ngợi khen, hàng chư Thiên ở trên hư không vì nghe Pháp cũng thường theo hầu. Nếu ở trong xóm làng thành ấp, rừng cây vắng vẻ, có người đến muốn gạn hỏi, hàng chư Thiên ngày đêm thường vì Pháp mà vệ hộ đó, có thể khiến người nghe đều được vui mừng.

Vì sao? Vì Kinh này được sức thần của tất cả các Đức Phật thuở quá khứ, vị lai, hiện tại giữ gìn vậy.

Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, nhân đến danh tự còn chẳng nghe được, hà huống là được thấy thọ trì đọc tụng.

Điều thứ tư, Đức Phật dạy một vị Bồ Tát hành tâm đại bi rất đặc biệt. Ví dụ chúng ta giảng thuyết Kinh Pháp Hoa, ở đây có người họ không chịu nghe, không chịu hỏi, không chịu tin, chúng ta phải khởi tâm đại bi lớn thương họ và phát nguyện sau khi thành Phật thì tìm người đó độ trước.

Nếu muốn hành hạnh Bồ Tát, muốn thành Phật mà không trải qua quá trình học Kinh Pháp Hoa thì con đường đến đạo Phật còn rất xa và con đường sanh tử còn dài. Người nào học Kinh Pháp Hoa giống như đào giếng thấy bùn tức là gần tới nước rồi thì quả vị thành Phật rất gần. Người này chúng ta không lo. Nhưng lo là người không học Kinh Pháp Hoa, không tin, không hiểu, không hỏi, không thưa, đó là người rất đáng thương vì họ sẽ lầm đường lạc lối, họ không quay về với Chánh Pháp thì chắc chắn họ sẽ bất an và đau khổ lâu dài.

Khi giảng dạy Chánh Pháp bị người ta chống đối không chấp nhận mình, họ chẳng những không nghe mà còn chê bai, nếu chúng ta buồn phiền là chúng ta sai, mà chúng ta phải khởi tâm đại bi thương họ và phát nguyện khi thành Phật độ họ. Người như vậy mới đủ đại bi tâm và có thể an trụ trong Chánh Pháp. Nếu họ không chấp nhận mà chúng ta coi họ là kẻ thù thì đời này chúng ta có rất nhiều kẻ thù và khi thành Phật chúng ta không có bao nhiêu quyến thuộc.

Trong lòng chúng ta còn có niệm lấy bỏ nặng nề như thế, chúng tỏ cái thấy biết chúng ta không trọn vẹn. Điều rất lạ! Nếu người hiểu biết đúng đạo lý thì người đó không còn thù

oán và không còn tình cảm riêng tư. Lúc đó tình thương của họ là bình đẳng khắp pháp giới, thù và thương ngay khi nhận Phật Tri Kiến là dứt hẳn, cho nên họ không bị người chống đối, không có chúng sanh nào là đối nghịch với họ cả. Tất cả đều là người thương, tất cả đều là thân bằng quyến thuộc, tất cả đều ở trong Pháp giới tánh.

Người nào có tâm như vậy thì dù có giảng Pháp ở đâu, chư Thiên cũng tới hộ vệ và Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Cư sĩ hướng về người đó để cúng dường. Rõ ràng người mà trong tâm không còn đối thủ là đức người đó rất lớn, do sức ảnh hưởng tình thương của họ nảy nở. Chúng ta thấy điều này rất đặc biệt trong Phật Pháp.

Khi một người nhận Tri Kiến Phật rồi là đại bi tâm khai mở, khắp chúng sanh là người họ thương, cho nên đi đâu, ở đâu, làm việc gì, tất cả những người mà họ gặp được, họ tiếp xúc đều là những người họ thương cả thì không có sự chống đối nào. Tất cả chúng sanh đều là quyến thuộc của họ, không còn là đối thủ nữa. Tất cả mọi người đều đến với nhau bằng tình thương, giúp đỡ nhau trong chân trời Phật Pháp, nâng đỡ nhau cho tới ngày thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này ở trong vô lượng cõi nước, nhẫn đến danh tự còn chẳng nghe được, hà huống là được thấy thọ trì đọc tụng.

Chúng ta có phước lớn mới được nghe giảng và đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Còn có những cõi nước khác, hoặc những hành tinh khác, có những chúng sanh chưa từng nghe danh tự Kinh Pháp Hoa là gì. Cho nên trong lúc được nghe Kinh Pháp Hoa mặc dù mình chưa hiểu trọn vẹn tất cả những

nghĩa lý của Kinh, nhưng chúng ta nên mừng là mình có phước lành hơn hằng hà sa số chúng sanh trong các cõi giới khác, danh tự Pháp Hoa còn chẳng nghe được, hà huống là được thấy, thọ trì, đọc tụng.

VĂN KINH

Văn Thù Sư Lợi! Thí như vua Chuyển Luân Thánh Vương sức lực mạnh mẽ muốn dùng uy thế hàng phục các nước, mà các vua nhỏ chẳng thuận mệnh lệnh, bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương đem các đạo binh ra đánh dẹp, vua thấy binh chúng những người đánh giặc có công, liền rất vui mừng theo công mà thưởng ban. Hoặc ban cho ruộng, nhà, xóm, làng, thành, ấp, hoặc ban cho đồ y phục trang nghiêm nơi thân, hoặc cho các món trân bảo vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, voi, ngựa, xe, cộ, tôi tớ, nhân dân, chỉ viên minh châu trong búi tóc chẳng đem cho đó.

Vì sao? Vì riêng trên danh vua có một viên châu này, nếu đem cho đó thì các quyền thuộc của vua ắt rất kinh lạ.

Văn Thù Sư Lợi! Như Lai cũng như thế, dùng sức thiền định trí tuệ được cõi nước pháp, giáo hóa trong ba cõi mà Ma vương chẳng khứng thuận phục, các tướng hiền thánh của Như Lai cùng ma đánh nhau. Những người có công lòng cũng vui mừng, ở trong hàng chúng vì nói các Kinh khiến tâm kia vui thích, ban cho các Pháp thiền định, giải thoát, vô lậu căn lực. Và lại ban cho thành Niết Bàn, bảo rằng được diệt độ để dẫn dắt lòng chúng làm cho đều được vui mừng, mà chẳng vì đó nói Kinh Pháp Hoa này.

Văn Thù Sư Lợi! Như vua Chuyển Luân thấy các binh chúng những người có công lớn, đem viên minh châu khó tin từ lâu ở trong búi tóc chẳng vọng cho người, mà nay cho đó.

Đức Như Lai cũng lại như thế, làm vị đại Pháp vương trong ba cõi, đem Pháp mầu giáo hóa tất cả chúng sanh. Thấy quân Hiền Thánh cùng ma ngũ âm, ma phiền não, ma chết, đánh nhau có công lớn, diệt ba độc, khởi ba cõi, phá lưới ma. Lúc ấy Như Lai cũng rất vui mừng, Kinh Pháp hoa này có thể khiến chúng sanh đến bậc Nhất thiết trí là Pháp mà tất cả thế gian nhiều oán ghét, khó tin, trước chưa từng nói mà nay nói đó.

Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là lời nói bậc nhất của Như Lai, ở trong các lời nói thì là rất sâu, rất sau mới ban cho, như vua sức mạnh kia lâu gìn viên minh châu mà nay mới cho đó.

Văn Thù Sư Lợi! Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các Đức Phật Như Lai, ở trong các Kinh thì là bậc trên hết, lâu ngày giữ gìn chẳng vọng tuyên nói, mới ở ngày nay cùng với các ông mà bày nói đó.

Đức Phật ví dụ để nói lên giá trị Kinh Pháp Hoa. Đây là tạng bí mật của chư Như Lai trong mười phương. Người nào được nghe Kinh này là phước lành lớn. Đức Phật ví như binh, tướng vua Chuyển Luân Thánh Vương đi dẹp những binh ma khác, có công nên được ban thưởng vàng bạc châu báu, nhưng viên minh châu trong búi tóc không ban. Kinh Pháp Hoa ví như viên minh châu trong búi tóc vị Chuyển Luân Thánh Vương, là tạng bí mật của chư Như Lai mười phương không thể vì giảng nói cho chúng sanh khác.

Có nghĩa tất cả những chúng Hiền Thánh của Đức Phật tu tập tốt, sau khi dẹp trừ tất cả những phiền não có được sự an lạc rồi thì buổi đầu tạo phương tiện giáo hóa để cho tất cả các vị chúng quả Niết Bàn. Ban đầu tạo ba thừa để giáo hóa chúng sanh chứ không phải là chuyện thật. Nhưng cuối cùng mục đích chính của chư Phật, muốn cho tất cả chúng sanh thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên Đức Phật nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Kinh Pháp Hoa là tạng bí mật của chư Phật mười phương, cho nên tất cả chúng ta khi học Kinh Pháp Hoa là chúng ta được học tạng bí mật của chư Như Lai, chứ không phải bản Kinh bình thường. Do vậy, tất cả chúng ta đều phải có sự trân trọng quý kính bản Kinh này. Chính Đức Phật đã nói đi nói lại rất nhiều lần giá trị cao tột của Kinh Pháp Hoa. Điều vinh dự là chúng ta được học, được nghe, được tụng, được đọc bản Kinh này.

Nếu như chúng ta chưa đủ duyên nhận ra Tri Kiến Phật để chúng ta sống đúng với Tri Kiến Phật như Kinh diễn dạy, nhưng chúng ta được lợi lành là chúng ta đã được nghe đúng với Chánh Pháp, đúng với tạng bí mật chư Như Lai từ mười phương ba đời tất cả chư Phật chỉ dạy tới giờ phút này. Tất cả những người nào tu muốn thành Phật đều phải học, phải hiểu, phải nhận chân và ngộ được bản Kinh Pháp Hoa thì mới được thành Phật. Còn người nào chưa có lần học Kinh Pháp Hoa, chưa có hiểu ý chỉ Kinh Pháp Hoa là chưa nhận được Tri Kiến Phật thì việc thành Phật với người đó còn xa.

Chúng ta có duyên lành học được bản Kinh này thì trong tâm thức chúng ta đã gieo được mầm mống Phật. Đời này kiếp này nếu chúng ta không xong việc thì mầm mống này,

chúng tử này chắc chắn nó sẽ nảy nở ở đời sau và trước sau gì mình cũng thành Phật.

Phẩm trước, Đức Phật đã thọ ký tất cả chúng sanh nào cũng có khả năng thành Phật, nếu chúng sanh đó được nghe Kinh Pháp Hoa thì thời gian thành Phật được rút ngắn lại, đó là điều chắc thật không còn nghi làm nữa. Vì vậy, chúng ta nên mừng vì bây giờ chúng ta còn mê muội, chúng ta chưa giác ngộ, chúng ta vẫn còn đau khổ trầm luân trong cõi Ta Bà, nhưng chúng ta luôn luôn được chư Phật, chư Bồ Tát hộ trì mình, vì tâm đại bi của chư Phật, chư Bồ Tát không lúc nào bỏ rời chúng sanh.

Hành giả muốn tu tập Hạnh an lạc trong Kinh Pháp Hoa thì phải trải qua bốn điều Hành xứ và Thân cận xứ. Chúng ta trước nhất phải tránh né chướng duyên nếu thấy mình không đủ sức, còn đủ sức thì cứ thân cận. Thứ hai, chúng ta phải hiểu các Pháp là Không, phải thấy tất cả các Pháp như thật. Thứ ba, chúng ta phải nhận chân và sống đúng chân lý. Thứ tư, tâm đại bi chúng ta phải rộng khắp để độ tận chúng sanh, dù chúng sanh có thuận theo ý mình hay đối nghịch mình, cũng bằng tâm đại bi mà thuyết Kinh Pháp Hoa và còn phát nguyện, khi chúng ta thành Phật thì sẽ tìm độ những kẻ đối nghịch với mình. Trong lúc nói Kinh Pháp Hoa thì không được quyền nói lỗi người khác, trong lúc giao tiếp với mọi người không được thấy lỗi người, để chúng ta sống trọn vẹn trong Hạnh an lạc.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Thường tu hành nhẫn nhục

Thương xót tất cả chúng
Mới có thể diễn nói
Kinh của Phật khen ngợi.
Đời mặt thế về sau
Người thọ trì Kinh này
Vớ tại gia, xuất gia
Và chẳng phải Bồ Tát,
Nên sanh lòng từ bi
Những người đó chẳng nghe
Chẳng tin Kinh Pháp này
Thì là mất lợi lớn
Khi Ta chứng Phật đạo
Dùng các sức phương tiện
Vì nói Kinh Pháp này
Làm cho trụ trong đó.
Thí như vua Chuyển Luân
Thánh vương có sức mạnh
Binh tướng đánh có công
Thưởng ban những đồ vật
Voi, ngựa và xe cộ
Đồ trang nghiêm nơi thân,
Và những ruộng cùng nhà
Xóm làng thành ấp thảy
Hoặc ban cho y phục
Các món trân báu lạ
Tôi tớ cùng của cải
Đều vui mừng ban cho,
Nếu có người mạnh mẽ
Hay làm được việc khó
Vua mới mở búi tóc
Lấy minh châu cho đó.
Đức Như Lai cũng thế
Là vua trong các Pháp

**Nhẫn nhục sức rất lớn
Tạng báu trí tuệ sáng
Dùng lòng từ bi lớn
Đúng như Pháp độ đời
Thấy tất cả mọi người
Chịu các điều khổ não
Muốn cầu được giải thoát
Cùng các ma đánh nhau
Phật vì chúng sanh đó
Nói các món Kinh Pháp
Dùng sức phương tiện lớn
Nói các Kinh điển đó,
Đã biết loài chúng sanh
Được sức mạnh kia rồi
Rốt sau mới vì chúng
Nói Kinh Pháp Hoa này
Như vua thánh mở tóc
Lấy minh châu cho đó.
Kinh này là bậc tôn
Trên hết trong các Kinh
Ta thường giữ gìn luôn
Chẳng vọng vì mở bày
Nay chính đã phải lúc
Vì các ông mà nói.
Sau khi Ta diệt độ
Người mong cầu Phật đạo
Muốn được trụ an ổn
Diễn nói Kinh Pháp này
Phải nên thường gìn giữ
Bốn Pháp trên như thế.
Người đọc tụng Kinh này
Thường không bị ưu não
Lại không có bệnh đau**

Nhan sắc đượ trắng sạch
 Chẳng sanh nhà bần cùng
 Dòng ti tiện xấu xa
 Chúng sanh thường ưa thấy.
 Như ham mộ Hiền Thánh
 Các đồng tử cõi Trời
 Dùng làm kẻ sai khiến
 Dao gậy chẳng đến được
 Độc dữ chẳng hại được
 Nếu người muốn mắng nhiếc
 Miệng thì liền ngậm bít
 Đạo đi không sợ sệt
 Dường như sư tử vương
 Trí tuệ rất sáng suốt
 Như mặt trời chói sáng.
 Nếu ở trong chiêm bao
 Chỉ thấy những việc tốt
 Thấy các Đức Như Lai
 Ngồi trên tòa sư tử
 Các hàng chúng Tỳ kheo
 Vây quanh nghe nói Pháp.
 Lại thấy các long thần
 Cùng A tu la thấy
 Số như cát sông Hằng
 Đều cung kính chấp tay
 Tự ngó thấy thân mình
 Mà vì chúng nói Pháp.
 Lại thấy các Đức Phật
 Thân tướng thuần sắc vàng
 Phóng vô lượng hào quang
 Soi khắp đến tất cả
 Dùng giọng tiếng phạm âm
 Mà diễn nói các Pháp

Phật vì hàng tứ chúng
Nói Kinh Pháp Vô thượng
Thấy thân mình ở trong
Chấp tay khen ngợi Phật
Nghe Pháp lòng vui mừng
Mà vì cúng dường Phật
Được Pháp Đà la ni
Chúng bậc Bất thối trí,
Phật biết tâm người đó
Đã sâu vào Phật đạo
Liên vì thọ ký cho
Sẽ thành Tối Chánh Giác.
Thiện nam tử người này!
Sẽ ở đời vị lai
Chúng được vô lượng trí
Nên đạo lớn của Phật,
Cõi nước rất nghiêm tịnh
Rộng lớn không đâu bằng
Cũng có hàng tứ chúng
Chấp tay nghe nói Pháp.
Lại thấy thân của mình
Ở trong rừng núi vắng
Tu tập các Pháp lành
Chúng thật tướng các Pháp
Sâu vào trong thiền định
Thấy các Phật mười phương
Các Phật thân sắc vàng
Trăm phước tướng trang nghiêm
Nghe Pháp vì người nói
Thường có mộng tốt đó.
Lại mộng làm quốc vương
Bỏ cung điện quyền thuộc
Và ngũ dục thượng diệu

**Đi đến nơi đạo tràng
Ở dưới gốc Bồ Đề
Mà ngồi tòa sư tử
Cầu đạo quá bảy ngày
Được trí của các Phật
Thành đạo Vô thượng rồi
Dậy mà chuyển Pháp luân
Vì bốn chúng nói Pháp
Trải nghìn muôn ức kiếp
Nói Pháp màu vô lậu
Độ vô lượng chúng sanh
Sau sẽ vào Niết Bàn
Như khói hết đèn tắt.
Nếu trong đời ác sau
Nói Pháp bậc nhất này
Người đó được lợi lớn
Các công đức như trên**

Phân trùng tụng lặp lại ý trên.

PHẨM “TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT” THỨ MƯỜI LĂM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, các vị Đại Bồ Tát ở cõi nước phương khác đông hơn số cát của tám sông Hằng, ở trong đại chúng đứng dậy chấp tay làm lễ mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu bằng lòng cho chúng con lúc sau khi Phật diệt độ ở tại cõi Ta Bà này siêng tu tinh tấn, giữ gìn đọc tụng, biên chép cúng dường Kinh điển này, thì chúng con sẽ ở trong cõi đây mà rộng nói đó.

Khi đó Phật bảo các chúng Đại Bồ Tát: Thiện nam tử! Thôi đi chẳng cần các ông hộ trì Kinh này. Vì sao? Vì cõi Ta Bà của Ta tự có chúng Đại Bồ Tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng. Mỗi vị Bồ Tát có sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, những người đó có thể sau khi Ta diệt độ hộ trì đọc tụng rộng nói Kinh này.

Lúc Phật nói lời đó, cõi Ta Bà trong Tam thiên Đại thiên cõi nước đất đều rung nứt, mà ở trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát đồng thời vọt ra. Các vị Bồ Tát đó thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt cùng vô lượng ánh sáng, trước đây đều ở dưới cõi Ta Bà này, cõi đó trụ giữa hư không. Các vị Bồ Tát đó nghe tiếng nói của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nên từ dưới mà đến. Mỗi vị Bồ Tát đều là bậc đạo thủ trong đại chúng, đều đem theo sáu muôn hằng hà sa quyến thuộc, huống là những vị đem năm muôn, bốn muôn, ba muôn, hai muôn, một muôn hằng hà sa quyến thuộc. Huống là hẳn đến những vị đem một hằng hà sa, nửa hằng hà sa,

một phần hằng hà sa, nhẫn đến một phần trong nghìn môn ức na do tha phần hằng hà sa quyển thuộc. Huống là những vị đem nghìn môn ức na do tha quyển thuộc, huống là đem muôn ức quyển thuộc, huống là đem nghìn trăm muôn nhẫn đến một muôn, huống là đem một nghìn, một trăm nhẫn đến mười quyển thuộc, huống là năm, bốn, ba, hai, một người đệ tử. Huống lại là những vị riêng một mình ưa hạnh viễn ly, số đông vô lượng vô biên dường ấy, tính đếm thí dụ chẳng có thể biết được.

Khi một người nhận ra Tri Kiến Phật của mình rồi thì người đó phải hiểu hết tất cả các việc của trần gian này. Như ở phẩm trước, người nam cũng có thể thành Phật, người nữ cũng có thể thành Phật, thậm chí như Long nữ con gái vua Rồng cũng thành Phật, người tạo tội ác như Đề Bà Đạt Đa cũng thành Phật. Tức là tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật. Người đó không còn nương tựa Phật Pháp bên ngoài nữa. Khi Phật Tri Kiến đã hiện rồi thì mỗi mỗi đều từ Phật Tri Kiến lưu xuất.

Ở đây nói: *“Vì cõi Ta Bà của Ta tự có chúng Đại Bồ Tát số đông bằng số cát của sáu muôn sông Hằng”*. Có nghĩa những lý luận giác ngộ giải thoát bên ngoài, bây giờ không còn tác dụng nữa. Người đó không còn sử dụng tri thức học đọc làm phương tiện cho mình, hay ứng dụng trong cuộc sống cho mình.

Tất cả những tri thức đã được huân tập, lúc này không còn tác động gì đối với người nhận Tri Kiến Phật. Nếu như người nhận Tri Kiến Phật mà vẫn còn sử dụng phương tiện bên ngoài, tức là bằng Kinh điển, bằng lý luận Phật Pháp

mà chúng ta đã học, đọc ở đâu đó là người ấy không đủ sức tự đứng vững ở mảnh đất tâm của mình.

Vì vậy, Đức Phật từ chối các vị Bồ Tát phương khác gìn giữ Kinh Pháp Hoa. Nếu bằng cái bên ngoài mà có thể giữ được chân tâm của mình thì điều đó hoàn toàn phi lý, vì Chân tâm thanh tịnh ấy chính là cái Vô Tướng, là cái hay sanh ra tướng Có và tướng Không, Chân tâm vốn dĩ đã thanh tịnh, nếu dùng ý thức so sánh phân biệt hoặc những tri thức được huân tập từ bên ngoài vào là hoàn toàn không thể được, bởi vì khi tất cả những ý thức so sánh phân biệt đã dứt sạch thì Tự Tánh thanh tịnh mới hiển hiện.

Cho nên Đức Phật nói “*Cõi Ta Bà của Ta có vô lượng vô số vô biên chúng Đại Bồ Tát không cần các ông gìn giữ đâu*”. Mà gìn giữ Kinh Pháp Hoa có nghĩa là sống bằng Tri Kiến Phật của chính mình, mà Phật Tri Kiến của mình là tự tịnh tự định, không có bất kỳ công phu nào làm cho Phật Tri Kiến được thanh tịnh.

Thiền sư Đạm Hư nói: “*Thiên nhiên đại nghiệp tối kỳ trang hoàng*” cái chỗ thanh tịnh của Tự Tánh mà có ý niệm muốn cho thanh tịnh hoặc gìn giữ cho thanh tịnh là sự sai lầm của tri thức. Trong Kinh Bát Nhã có câu: “*Thị chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm*”, cái chân thật Vô Tướng ấy nó vốn dĩ “*không sanh, không diệt, không dơ, không sạch, không tăng, không giảm*”. Vì vậy, đó không phải chỗ tạo tác mà thành, không phải chỗ làm mà được. Do vậy chỗ chân thật đó là bất dứt tất cả những công phu tu tập, nếu còn một chút thái độ dụng công phu thì người đó xa lìa Thật Tướng Vô Tướng.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là đã nói lên Hành giả ngộ Phật Tri Kiến, từ phẩm Đề Bà Đạt Đa đến phẩm này là đang nói đến giai đoạn Hành giả nhập Phật Tri Kiến. Khi nhập Phật Tri Kiến nghĩa là sống bằng trí tuệ giác ngộ thanh tịnh sáng suốt của chính mình, đó là Vô sư trí, cho nên ở đây Đức Phật không đồng ý các vị Bồ Tát ở cõi khác tới thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, nghĩa là Hữu sư trí là trí thức chứ không phải trí tuệ, mà trí thức chỉ là sự hiểu biết phân biệt đúng sai, hay dở trong thế gian. Khi nào chết tất cả những ý thức đó mới hòa nhập vào Tri Kiến Phật được.

Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ chối các vị Bồ Tát phương khác thì liền khi đó từ trong Tam thiên Đại thiên cõi nước đất đều rúng nứt. *“Trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát đồng thời vọt ra. Các vị Bồ Tát đó thân đều sắc vàng, đủ ba mươi hai tướng tốt cùng vô lượng ánh sáng, trước đây đều ở dưới cõi Ta Bà này, cõi đó trụ giữa hư không”*. Chúng ta thấy lời lẽ Kinh điển rất hay.

Tức là cõi này ở trong cõi Ta Bà và cõi này không trụ ở đâu hết, không bám ở đất nào hết, mà cõi này đang trụ ở hư không, là trụ chỗ rộng rang thanh tịnh, là cõi của các vị Bồ Tát ở, cõi đó hoàn toàn không có cõi nào, cõi đó là vô cõi.

Sau khi Hành giả nhận được Phật Tri Kiến rồi và người đó thấu thoát được tất cả các pháp đều là Phật Pháp thì những điều sanh ra từ bản tâm thanh tịnh đều là diệu dụng của trí tuệ. Cho nên nói là các vị Bồ Tát đủ đạo hạnh, đủ ba mươi hai tướng tốt để thành Phật. Điều đó có nghĩa là người nhận được Tự Tánh thì mỗi mỗi đều từ Tự Tánh lưu xuất. Nhận được Tri Kiến Phật rồi thì tất cả mọi cái đều từ Tri Kiến Phật lưu xuất, nhận được Pháp giới tánh toàn chân rồi thì mỗi mỗi đều từ Pháp giới tánh toàn chân mà lưu xuất,

cho nên các vị Bồ Tát tức là các bậc giác hữu tình và hữu tình giác tức là một cõi tâm đạt tới cảnh giới toàn giác.

VĂN KINH

Các vị Bồ Tát đó từ dưới đất lên, đều đến nơi tháp đẹp bảy báu, chỗ của Đức Đa Bảo Như Lai và Thích Ca Mâu Ni Phật, đến nơi rồi hướng về hai vị Thế Tôn mà đầu mặt lạy chân Phật và đến chỗ các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cội cây báu, cũng đều làm lễ. Đi quanh bên mặt ba vòng, chấp tay cung kính dùng các cách ngợi khen của Bồ Tát mà ngợi khen Phật, rồi đứng qua một phía, ưa vui chiêm ngưỡng hai đấng Thế Tôn.

Từ lúc các vị Bồ Tát do từ dưới đất vọt lên dùng các cách ngợi khen của Bồ Tát mà khen ngợi Phật, thời gian đó trải qua năm mươi tiểu kiếp.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nín lặng ngồi yên, cùng hàng tứ chúng cũng đều nín lặng, năm mươi tiểu kiếp, vì do sức thần của Phật, khiến hàng đại chúng cho là như nửa ngày.

Bấy giờ, hàng tứ chúng cũng nhờ sức thần của Phật, thấy các Bồ Tát đầy khắp vô lượng nghìn muôn ức cõi nước hư không.

Tất cả các vị Bồ Tát từ dưới đất vọt lên là từ bản tâm thanh tịnh hiện ra, đến cái số mà chúng ta không thể tính đếm được, số lượng đó là ngàn muôn ức chư Đại Bồ Tát. Chư Đại Bồ Tát khen ngợi Đức Phật thời gian đó trải qua năm mươi tiểu kiếp. Mỗi một tiểu kiếp giống như một lần sanh diệt của quả địa cầu này hàng tỷ tỷ năm. Như vậy trải

qua năm mươi tiểu kiếp là thời gian rất lâu xa. Điều này muốn nói cái gì?

Có nghĩa khi Phật Tri Kiến hiện rồi, tức là người ngộ được Tự Tánh thì ý niệm giác ngộ giải thoát tràn ngập nơi tâm của Hành giả nhiều vô lượng vô biên. Trải qua năm mươi Tiểu kiếp như vậy mà các vị nhờ sức thần của chư Phật xem điều đó như trong một bữa ăn.

Sự thật thì tất cả những ý niệm trong lặng thanh tịnh sáng suốt của mình, những ý niệm giác ngộ là đại diện cho các vị Bồ Tát, được xuất phát từ tự tâm của mình thì lúc đó không còn thời gian và không gian, cho nên dù trải qua năm mươi Tiểu kiếp là số nghìn muôn ức năm đó đối với người giác ngộ như trong bữa ăn. Người đó sẽ thấy được Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đang thuyết Pháp ở hội Linh Sơn, như chúng ta đang nghe Pháp tại đây.

Đây là điều rất đặc biệt, điều này khiến chúng ta rất khó hiểu. Khi nào chúng ta khai mở được trí tuệ giác ngộ hoàn toàn, tức là nhập trong Tri Kiến Phật thì khoảnh khắc đó, chúng ta sẽ thấu hiểu được tất cả các bài Pháp của tất cả chư Phật ở khắp pháp giới mười phương ba đời một lượt, mà không lầm lẫn, đó là hình ảnh chư Đại Bồ Tát diện kiến và đánh lễ quá khứ Phật Đa Bảo, hiện tại Đức Phật Bổn Sư và khắp chư Phật hiện tiền trong cùng một khoảnh khắc, đó là cảnh giới của một Hành giả đạt đến chỗ vượt không gian vượt thời gian.

VĂN KINH

Trong chúng Bồ Tát đó có bốn vị đạo sư:

- 1. Thượng Hạnh**
- 2. Vô biên Hạnh**
- 3. Tịnh Hạnh**
- 4. An Lập Hạnh**

Bốn vị Bồ Tát này là bậc thượng thủ xướng đạo sư trong chúng đó, ở trước đại chúng, bốn vị đồng chấp tay nhìn Đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà hỏi thăm rằng: Thưa Thế Tôn! Có được ít bệnh, ít não, an vui luôn chẳng, những người đáng độ thọ giáo dễ chẳng, chẳng làm cho Đức Thế Tôn sanh mỗi nhọc chẳng?

Khi đó, bốn vị Bồ Tát nói kệ rằng:

**Thế Tôn được an vui
Ít bệnh cùng ít não,
Giáo hóa các chúng sanh,
Được không mỗi nhọc ư?
Lại các hàng chúng sanh
Thọ hóa có dễ chẳng?
Chẳng làm cho Thế Tôn
Sanh nhọc mệt đó ư?**

Trong chúng Bồ Tát có bốn vị đạo sư:

Một là Thượng Hạnh, là hạnh cao thượng, có nghĩa là đời sống của vị Đại Bồ Tát đạt đến phạm hạnh thanh tịnh cận kề đến quả vị Phật, luôn sử dụng phương tiện giác ngộ cao tốt của mình để khai thị chư Đại Bồ Tát mười phương đến đạo quả giác ngộ giải thoát thành Phật.

Hai là Vô Biên Hạnh, là hạnh của một vị Đại Bồ Tát đã nhiều đời nhiều kiếp đi trong sanh tử dùng vô lượng phương tiện để độ tận chúng sanh.

Ba là Tịnh Hạnh, là vị Đại Bồ Tát đạt ngộ giải thoát, luôn sống bằng bản tâm thanh tịnh của mình đi trong sanh tử độ sanh mà tâm vẫn hoàn toàn thanh tịnh.

Bốn là An Lập Hạnh, là vị Đại Bồ Tát luôn sống trong cảnh giới an lạc thanh tịnh, đồng thời dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh làm cho chúng sanh được an lạc giải thoát, đó là hạnh nguyện của một vị giác ngộ.

Chúng ta thấy cách hỏi thăm nhau của các vị khác người phàm. Người phàm gặp nhau là hỏi nhau mạnh khỏe không? Có phát tài không? Lúc này làm ăn ra sao? Còn các vị Bồ Tát hỏi Đức Phật có ít bệnh, ít phiền não, có an vui luôn chẳng và giáo hóa chúng sanh có dễ chẳng?

Ở đây các vị Bồ Tát hỏi Đức Phật người đáng độ Phật độ có dễ không? Đương nhiên người đáng độ thì Đức Phật độ dễ rồi và không làm cho Đức Phật sanh mỗi nhọc. Chúng sanh rất ương ngạnh, rất khó độ, cho nên các vị trong lúc hành hạnh Bồ Tát rất phiền nhọc, nhưng đến khi thành Phật thì do thần lực của Đức Phật mà người đối diện với Đức Phật không gây khó cho Đức Phật được. Không ai đủ phước để làm cho Đức Phật gặp khó trên bước đường giáo hóa của Ngài.

VĂN KINH

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong đại chúng Bồ Tát mà nói rằng: Đúng thế! Đúng thế! Các thiện nam tử!

Đức Như Lai an vui, ít bệnh, ít não, các hàng chúng sanh hóa độ được dễ, không có nhọc mệt.

Vì sao? Vì các chúng sanh đó, từ nhiều đời nấn lại, thường được Ta dạy bảo, mà cũng từng ở nơi các Phật quá khứ, cung kính, tôn trọng, trông các cội lành. Các chúng sanh đó vừa mới thấy thân Ta, nghe Ta nói Pháp, liền đều tín nhận vào được trong tuệ của Như Lai, trừ người trước đã tu tập học hạnh Tiểu thừa; những người như thế Ta cũng khiến được nghe Kinh này vào trong tuệ của Phật.

Lúc ấy, các vị Bồ Tát nói kệ rằng:

**Hay thay! Hay thay!
Đức Đại Hùng Thế Tôn
Các hàng chúng sanh thấy
Đều hóa độ được dễ
Hay hỏi các Đức Phật
Về trí tuệ rất sâu
Nghe Pháp rồi tin làm
Chúng con đều tùy hỷ.**

Khi đó, Đức Thế Tôn khen ngợi các vị Đại Bồ Tát thượng thủ: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Các ông có thể đối với Đức Như Lai mà phát lòng tùy hỷ.

Đối với Đức Phật thì luôn luôn an vui không bao giờ bị bệnh, không bị phiền não và hóa độ chúng sanh rất dễ dàng, chẳng có điều chi với Đức Phật là khó cả. Ý nói rằng cảnh giới giác ngộ là cảnh giới thanh tịnh tuyệt đối, an lạc tuyệt đối, không có chỗ cho tâm bệnh phiền não xảy ra.

Trong lời trả lời của Đức Phật, thứ nhất, sở dĩ chúng sanh dễ độ vì nhiều đời nhiều kiếp những người này đã từng hành hạnh Bồ Tát, đã theo học đạo với Đức Phật rồi, cho nên đời này chỉ cần thấy Đức Phật và nghe Đức Phật nói là tự động người đó nhớ lại, tự động thuộc và tự động hiểu đúng lời Đức Phật nói để mà tu hành.

Thứ hai, là những người từ trước tới giờ chỉ có tâm tu để chúng quả A La Hán thôi, họ không muốn tu thêm nữa nhưng Đức Phật cũng dùng lực của mình khiến họ được nghe Kinh này, mà chuyên hóa, cho họ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ý đoạn này muốn nói Đức Phật là bậc Đại Giác Ngộ, mà đã giác ngộ rồi thì những chúng sanh tâm hiện ra, đều được thành Phật rất dễ dàng, như là các vị Bồ Tát thì chúng sanh tâm đã giác ngộ rồi, dễ hòa tan trong Tri Kiến Phật, còn chúng Thanh Văn vẫn còn phân biệt hai bên, nhưng nghe Kinh Pháp Hoa rồi, cũng nhận được Phật Tri Kiến.

VĂN KINH

Bấy giờ ngài Di Lạc Bồ Tát cùng tám nghìn hằng hà sa các chúng Bồ Tát đều nghĩ rằng: Chúng ta từ xưa nhân lại chẳng thấy, chẳng nghe các chúng Đại Bồ Tát như thế, từ dưới đất vọt lên, đứng trước Đức Thế Tôn, chấp tay cúng dường thăm hỏi Như Lai.

Lúc đó, ngài Di Lạc Bồ Tát biết tâm niệm của tám nghìn hằng hà sa chúng Bồ Tát, cùng muốn tự giải quyết chỗ nghi của mình, bèn chấp tay hướng về phía Phật, nói kệ rằng:

**Vô lượng nghìn muôn ức
Các Bồ Tát đại chúng**

Từ xưa chưa từng thấy
Nguyễn đăng Lương Túc nói
Là từ chôn nào đến
Do nhân duyên gì nhóm
Thân lớn đại thần thông
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Chí niệm kia bền vững
Có sức nhẫn nhục lớn
Chúng sanh chỗ ư thấy
Là từ chôn nào đến?
Mỗi mỗi hàng Bồ Tát
Đem theo các quyển thuộc
Số đông không thể lường
Như số hằng hà sa
Hoặc có Đại Bồ Tát
Đem sáu muôn hằng sa
Các đại chúng như thế
Một lòng cầu Phật đạo,
Những Đại sư đó thấy
Sáu muôn hằng hà sa
Đều đến cúng dường Phật
Cùng hộ trì Kinh này.
Đem năm muôn hằng sa
Số này hơn số trên
Bốn muôn và ba muôn
Hai muôn đến một muôn
Một nghìn một trăm thấy
Nhẫn đến một hằng sa
Nửa và ba bốn phần
Một phần trong ức muôn
Nghìn muôn na do tha
Muôn ức các đệ tử
Nhẫn đến đem nửa ức

Số đông lại hơn trên.
 Trăm muôn đến một muôn
 Một nghìn và một trăm
 Năm mươi cùng một mươi
 Nhẫn đến ba, hai, một
 Riêng mình không quyến thuộc
 Ưa thích ở riêng vắng
 Đều đi đến chỗ Phật
 Số đây càng hơn trên.
 Các đại chúng như thế
 Nếu người phát thể đốm
 Quá nơi kiếp hàng sa
 Còn chẳng thể biết hết.
 Các vị uy đức lớn
 Chúng Bồ Tát tinh tấn
 Ai vì đó nói Pháp
 Giáo hóa cho thành tựu
 Từ ai, đầu phát tâm?
 Xưng dương Phật Pháp nào?
 Thọ trì tu Kinh gì?
 Tu tập Phật đạo nào?
 Các Bồ Tát như thế
 Thần thông sức trí lớn
 Đất bốn phương rúng nứt
 Đều từ đất vọt lên
 Thế Tôn! Con từ xưa
 Chưa từng thấy việc đó
 Xin Phật nói danh hiệu
 Cõi nước của kia ở.
 Con thường qua các nước
 Chưa từng thấy chúng này
 Con ở trong chúng đây
 Bèn chẳng quen một người

**Thoạt vậy từ đất lên
Mong nói nhân duyên đó.
Nay trong đại hội này
Vô lượng trăm nghìn ức
Các chúng Bồ Tát đây
Đều muốn biết việc này
Hàng Bồ Tát chúng kia
Gốc ngọn nhân duyên đó
Thế Tôn đức vô lượng
Cúi mong quyết lòng nghi.**

Bồ Tát Di Lặc, theo Duy Thức Học là thức phân biệt. Trong truyện Tây Du Ký, sau khi Thầy trò Tam Tạng đi thỉnh Kinh Vô Tự thì vui mừng quảy Kinh về. Nhưng về một đoạn, Bồ Tát Di Lặc hóa ra đại bàng bay theo mổ rớt Kinh ra, các vị này lượm lên thấy Kinh không có chữ nào, mới tức quay lại thỉnh Kinh lần sau là Kinh có chữ. Ban đầu tại sao lại thỉnh Kinh không chữ?

Lúc tâm thức chưa hiện ra thì khi đó là bản tâm thanh tịnh chưa hiện hữu, đó là chỗ vô ngôn, vô phân biệt. Đến lúc tâm thức hiện ra, những cái chúng ta học, chúng ta hiểu biết thì tâm thức mới chấp nhận, còn những cái rỗng lặng vô ngôn thì tâm thức không bao giờ chấp nhận nổi. Bây giờ tự động ùn ùn những ý niệm giải thoát hiện ra, mà không dính gì với tâm thức cả thì ý thức khởi nghi: Mình từ trước tới giờ đâu có, bây giờ Phật Tri Kiến hiện là ùn ùn ý niệm hiện ra, rõ ràng là mình chưa từng học, tại sao lại có ý niệm này? Ý niệm này toàn là những ý niệm trong sáng, ý niệm giác ngộ giải thoát chứ không phải ý niệm bình thường.

Khi tâm thức phân biệt thì không thể hiểu được là tất cả mọi cái đều từ Tự Tánh lưu xuất. Trí của người giác ngộ

không thông qua học hiểu mà họ hiểu hết tất cả các điều trong Tam giới, ý thức không bao giờ chấp nhận nổi. Cho nên, ngài Di Lặc không hiểu nổi các vị Bồ Tát này học ở đâu, Thầy nào dạy, tu Pháp gì, ở cõi nào mà ra đây? Với Bồ Tát Di Lặc hoàn toàn bít lối, cho nên Ngài hỏi Đức Phật: Các vị này hồi đầu phát tâm với ai? Phật nào dạy, xưng dương Phật Pháp nào, khi ra giáo hóa thì giáo hóa Phật Pháp nào, thọ trì tu Kinh gì? Các vị Bồ Tát thần thông như thế trí tuệ lớn, đủ đạo nhân, có đầy đủ lục độ Ba la mật như thế thì các vị học ở đâu, tu ở đâu mà ra chuyện thế này?

VĂN KINH

Khi ấy các vị Phật của Đức Thích Ca Mâu Ni phân thân, từ vô lượng nghìn muôn ức cõi nước ở phương khác đến, ngồi xếp bằng trên tòa sư tử, dưới các gốc cây báu nơi trong tám phương. Hàng thị giả của Phật đó, đều thấy đại chúng Bồ Tát ở bốn phương cõi Tam thiên Đại thiên, từ đất vọt lên trụ trên hư không, đều bạch với Phật mình rằng: Thế Tôn! Các đại chúng vô lượng vô biên A tăng kỳ Bồ Tát đó, từ chốn nào mà đến?

Lúc ấy các Đức Phật đều bảo thị giả: Các thiện nam tử! Hãy chờ giây lát, hiện có vị Đại Bồ Tát tên là Di Lặc, là vị mà Đức Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký kể đây sẽ làm Phật đã hỏi việc đó, Đức Phật sẽ đáp, các ông tự đương nhân đây mà được nghe.

Chúng ta học nhiều phẩm vẫn thấy liên tục các vị Phật phân thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hội tụ về, mỗi vị đều có một Bồ Tát làm thị giả. Chẳng hiểu nổi các vị Bồ Tát kia từ đâu mà lưu xuất. Từ chỗ chân không mà lưu xuất, tức

là không có cớ rõ ràng, rất khó ai có thể tìm được nguồn gốc và học đạo ở chỗ nào thì hoàn toàn không ai biết cả.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Di Lạc Bồ Tát: Hay thay! Hay thay! A Đạt Đa, bèn có thể hỏi Phật việc lớn như thế, các ông phải chung một lòng, mặc giáp tinh tấn, phát ý bền vững. Nay Đức Như Lai muốn hiển phát tuyên bày trí tuệ của các Đức Phật, sức thần thông tự tại của các Đức Phật, sức sư tử mạnh nhanh của các Đức Phật, sức uy thế mạnh lớn của các Đức Phật.

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Phải một lòng tinh tấn
Ta muốn nói việc này
Chớ nên có nghi hối
Trí Phật chẳng nghĩ bàn
Ông nay gắng sức tin
Trụ nơi trong nhẫn thiện
Chỗ Pháp xưa chưa nghe
Nay đều sẽ được nghe
Nay Ta an ủi ông
Chớ ôm lòng nghi sợ
Phật không lời chẳng thật
Trí tuệ chẳng nghĩ bàn
Phật được Pháp bậc nhất
Rất sâu khó phân biệt
N như thế nay sẽ nói
Các ông một lòng nghe.**

Trước khi nói cho ngài Di Lặc cũng như cho đại chúng nghe, Đức Phật hiển lộ sức thần thông, sức trí tuệ, sức sự tử mạnh nhanh của Đức Phật thì người nghe phải mặc giáp tinh tấn và phải phát trí bền vững.

Có nghĩa phải gạn lọc tất cả những tâm phân biệt, những vọng tình vọng thức, ngay từ giờ phút này tâm thanh tịnh hoàn toàn thì mới đủ sức tiếp nhận điều Đức Phật chuẩn bị nói. Còn bây giờ tâm các ông còn lười mỏi là chưa xóa sạch được tất cả những ý niệm, chưa xóa tất cả những vọng động nơi tâm thức thì không đủ sức để nghe. Phải phát chí bền vững và luôn an trụ trong chỗ thanh tịnh thì sẽ hiểu được những điều sâu mầu Đức Phật nói.

VĂN KINH

Khi Đức Thế Tôn nói kệ đó, bảo ngài Di Lặc Bồ Tát: Nay Ta ở trong đại chúng này, tuyên bảo các ông. A Dật Đa! Các hàng Đại Bồ Tát vô lượng vô số A tăng kỳ, từ dưới đất vọt ra mà các ông từ xưa chưa từng thấy đó, chính Ta ở cõi Ta Bà lúc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, giáo hóa chỉ dẫn các Bồ Tát đó, điều phục tâm kia khiến phát đạo tâm.

Các vị Bồ Tát đó, ở phía dưới cõi Ta Bà, cõi đó trụ giữa hư không, ở trong các Kinh điển đọc tụng thông lẹ, suy ngẫm rõ hiểu, nghĩ tưởng chân chính. A Dật Đa! Các Thiện nam tử đó chẳng thích ở trong chúng nhiều nói bàn, thường ưa ở chỗ vắng, siêng tu tinh tấn chưa từng thôi dứt. Cũng chẳng nương tựa người trời mà ở, thường ham trí tuệ sâu không có chướng ngại, cũng thường ham nơi Pháp của Đức Phật, chuyên lòng tinh tấn cầu tuệ Vô thượng.

Trước đó ngài Di Lặc hỏi các vị này hồi đầu phát tâm với ai? Người nào dạy để họ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề mà tới giờ phút này đã đủ đạo hạnh của vị Bồ Tát rồi? Đức Phật trả lời là những Bồ Tát này do Đức Phật thành Phật tại cõi Ta Bà này đã từng giáo hóa họ. Sở dĩ các vị Bồ Tát này hiện ra là xung dương Phật Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Điều này những phẩm đầu chúng ta đã học: Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật. Từ cội nguồn thanh tịnh sáng suốt kia mà chúng ta đã tròn đủ đạo hạnh của một bậc Bồ Tát rồi.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khẳng định: “*Các hàng Đại Bồ Tát vô lượng vô số A tăng kỳ, từ dưới đất vọt ra mà các ông từ xưa chưa từng thấy đó, chính Ta ở cõi Ta Bà lúc được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi, giáo hóa chỉ dẫn các Bồ Tát đó, điều phục tâm kia khiến phát đạo tâm*”. Đức Phật nói từ khi thành đạo Vô Thượng Bồ Đề đã giáo hóa chúng này. Tức là từ cội nguồn của tâm thanh tịnh đã có đầy đủ ý niệm giác ngộ giải thoát, nó đã vốn có và sẵn đủ trong Tự Tánh thanh tịnh kia, không thiếu thôn bất kỳ điều gì, chứ không phải đợi đến Đức Phật thành Phật rồi mới giáo hóa các vị thành Bồ Tát.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**A Dật Đa nên biết!
Các Bồ Tát lớn này
Từ vô số kiếp lại
Tu tập trí tuệ Phật
Đều là Ta hóa độ**

Khiến phát đại đạo tâm
 Chúng đó là con Ta
 Y chỉ thế giới này
 Thường tu hạnh đầu đà
 Chỉ thích ở chỗ vắng
 Bỏ đại chúng ồn náo
 Chẳng ưa nói bàn nhiều,
 Các vị đó như thế
 Học tập đạo Pháp Ta
 Ngày đêm thường tinh tấn
 Vì để cầu Phật đạo
 Ở phương dưới Ta Bà
 Trụ giữa khoảng hư không
 Sức chí niệm bền vững
 Thường siêng cầu trí tuệ
 Nói các món Pháp mầu
 Tâm kia không sợ sệt.
 Ta ở thành Già Da
 Ngồi dưới gốc Bồ Đề
 Thành bậc Tối Chánh Giác
 Chuyển Pháp luân Vô thượng
 Rồi mới giáo hóa đó
 Khiến đều phát đạo tâm
 Nay đều trụ Bất thối
 Đều sẽ được thành Phật.
 Nay Ta nói lời thật
 Các ông một lòng tin
 Ta từ lâu xa lại
 Giáo hóa các chúng đó.

Lúc bấy giờ, ngài Di Lạc Bồ Tát cùng vô số chúng Bồ Tát, lòng sanh nghi hoặc, lấy làm lạ chưa từng có mà nghĩ rằng: Thế nào Đức Thế Tôn ở trong thời gian rất

ngắn mà có thể giáo hóa vô lượng vô biên A tăng kỳ các Đại Bồ Tát đó, làm cho trụ nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Liên bạch Phật rằng: Thế Tôn! Đức Như Lai lúc làm Thái Tử rời khỏi cung dòng Thích, ngồi nơi đạo tràng cách thành Già Da chẳng bao xa, được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ đó đến nay mới hơn bốn mươi năm, Đức Thế Tôn thế nào ở trong thời gian ngắn đó làm nên Phật sự lớn! Do thế lực của Phật, do công đức của Phật, giáo hóa vô lượng chúng Bồ Tát lớn như thế sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?

Thế Tôn! Chúng Đại Bồ Tát này giả sử có người trong nghìn muôn ức kiếp đếm không thể hết, chẳng được ngăn mé, chúng đó từ lâu nhẫn lại, ở nơi vô lượng vô biên các Đức Phật, trông các góc lành, thành tựu đạo Bồ Tát thường tu phạm hạnh.

Thế Tôn! Việc như thế đời rất khó tin. Thí như có người sắc đẹp tóc đen, tuổi hai mươi lăm, chỉ người trăm tuổi, nói đó chỉ là con của Ta. Người trăm tuổi họ cũng chỉ già tuổi nhỏ nói là cha ta, để nuôi ta thấy, việc đó khó tin. Đức Phật cũng như thế.

Từ lúc thành đạo nhẫn đến nay, kỳ thật chưa bao lâu, mà các đại chúng Bồ Tát đó, đã ở nơi vô lượng nghìn muôn ức kiếp, vì Phật đạo nên siêng tu tinh tấn, khéo nhập xuất trụ nơi vô lượng nghìn muôn ức Tam muội được thần thông lớn, tu hạnh thanh tịnh đã lâu, khéo hay thứ đệ tập các Pháp lành, giỏi nơi vấn đáp, là báu quý trong loài người, tất cả thế gian rất là ít có.

Ngày nay Đức Thế Tôn mới nói, lúc được Phật đạo, bắt đầu khiến kia phát tâm, giáo hóa chỉ dạy dìu dắt, làm cho kia hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Thế Tôn thành Phật chưa bao lâu mà bèn có thể làm được việc công đức lớn này.

Chúng con dầu lại tin Phật tùy cơ nghi nói Pháp, lời Phật nói ra chưa từng hư vọng, chỗ Phật biết thấy đều thông suốt, như các Bồ Tát mới phát tâm, sau khi Phật diệt độ nếu nghe lời này hoặc chẳng tin nhận, sanh nhân duyên tội nghiệp phá Chánh Pháp.

Kính thưa Thế Tôn! Mong vì chúng giải nói trừ lòng nghi của chúng con và các thiện nam tử đời vị lai nghe việc này rồi cũng chẳng sanh nghi.

Ở phần trước, Đức Phật nói nơi Tri Kiến Phật đã sẵn đủ trí tuệ giác ngộ của Như Lai, chỉ cần chúng sanh nhận và sống bằng Phật Tri Kiến thì từ đó diệu dụng hà sa những trí tuệ giác ngộ giải thoát. Diệu dụng đó tương ứng với cảnh giới của Phật Tri Kiến mà không cần phải trải qua giai đoạn công phu tu tập, mà diệu dụng của Tự Tánh sẵn đủ và thanh tịnh. Điều này ngài Di Lặc và cả đại chúng sanh nghi ngờ là

đúng chứ không sai. Bởi vì những người chưa phá vỡ thức tâm phân biệt thì cái thấy biết của họ còn trong khuôn sáo, cho nên họ thấy phải có tu mới có chứng đắc, chứ thức tâm phân biệt không bao giờ tin nổi vô công dụng hạnh là đạo.

VĂN KINH

Lúc đó ngài Di Lặc muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Phật xưa từ dòng Thích

Xuất gia gần Già da
Ngồi dưới cây Bồ đề
Đến nay còn chưa xa.
Các hàng Phật tử này
Số đông không thể lường
Lâu đã tu Phật đạo
Trụ nơi sức thần thông
Khéo học đạo Bồ Tát
Chẳng nhiệm Pháp thế gian
Như hoa sen trong nước
Từ đất mà vọt ra
Đều sanh lòng cung kính
Đứng nơi trước Thế Tôn,
Việc đó khó nghĩ bàn
Thế nào mà tin được
Phật được đạo rất gần
Chỗ thành tựu rất nhiều
Mong vì trừ lòng nghi
Như thật phân biệt nói
Thí như người trẻ mạnh
Tuổi mới hai mươi lăm
Chỉ người trăm tuổi già
Tóc bạc và mặt nhăn:
Bọn này của Ta sanh
Con cũng nói là cha
Cha trẻ mà con già
Mọi người đều chẳng tin.
Thế Tôn cũng như thế
Được đạo đến nay gần
Các chúng Bồ Tát này
Chí vững không kiếp nhược
Từ vô lượng kiếp lại

Mà tu đạo Bồ Tát
Giỏi nơi gạn hỏi đáp
Tâm kia không sợ sệt
Nhẫn nhục lòng quyết định
Đoan chính có uy đức
Mười phương Phật khen ngợi
Khéo hay phân biệt nói
Chẳng thích ở trong chúng
Thường ưa ở thiền định
Vì cầu Phật đạo vậy
Trụ hư không phương dưới.
Chúng con từ Phật nghe
Nơi việc này không nghi
Nguyện Phật vì người sau
Diễn nói khiến rõ hiểu,
Nếu người ở Kinh này
Sanh nghi lòng chẳng tin
Liên phải đọa đường dữ
Mong nay vì giải nói:
Vô lượng Bồ Tát đó
Thế nào thời gian ngắn
Giáo hóa khiến phát tâm
Mà trụ bậc Bất thối?

Phân trùng tụng lặp lại ý trên.

PHẨM “NHƯ LẠI THỌ LƯỢNG” THỨ MƯỜI SÁU

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật bảo các Bồ Tát và tất cả đại chúng: Các thiện nam tử! Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lại bảo đại chúng: Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lại bảo các đại chúng: Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai.

Lúc đó đại chúng Bồ Tát, ngài Di Lặc làm đầu, chấp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn! Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật. Ba phen bạch như thế rồi lại nói: Cúi mong nói đó, chúng con sẽ tin nhận lời Phật.

Phẩm Tùng Địa Dững Xuất có các vị Bồ Tát ở phương khác xuất hiện xin Đức Thế Tôn cho các vị thọ trì đọc tụng giữ gìn Kinh Pháp Hoa ở tại cõi Ta Bà, nhưng Đức Phật từ chối. Và số lượng vị Bồ Tát đông nhiều không thể tính kể được, khiến người trong chúng hội sanh nghi. Ngài Di Lặc Bồ Tát đứng ra đánh lễ Đức Phật hỏi tại sao các vị này có thần thông phép mầu, có công hạnh rất sâu dày là được ai giáo hóa và từ đâu mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề? Đức Phật trả lời là ngay từ đầu Đức Phật đã giảng dạy cho các vị này nghe và dẫn dắt chúng đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Trong chúng liên sanh nghi. Ngài Di Lặc đại diện hỏi: Các vị Bồ Tát này có công hạnh như vậy là trải qua thời

gian dài nhiều đời nhiều kiếp tu tập, còn Đức Phật mới thành tựu Phật quả có hơn bốn mươi năm thì làm sao giáo hóa cho các vị thành tựu đạo nghiệp như thế, khiến cho người ta khó tin. Giống như người cha còn trẻ chỉ người tóc bạc trăm tuổi nói đó là con của mình và người tóc bạc trăm tuổi cũng chỉ người trẻ cho đó là cha của mình.

Tới đây, Đức Phật bảo các Bồ Tát và tất cả đại chúng: *“Các thiện nam tử! Các ông phải tin hiểu lời nói chắc thật của Như Lai”*. Phật nói ba lần như vậy.

Chúng ta hết sức xúc động với lòng từ vô lượng của Đức Phật, muốn nói sự thật mà sợ đệ tử không nghe. Do vậy mà Đức Phật phải khuyên đi khuyên lại ba lần. Chưa có vị giáo chủ nào có lòng từ như Đức Phật. Trần gian này kiếm vị giáo chủ thứ hai không có đâu. Không ai năn nỉ người khác tin mình theo kiểu này hết, mặc dù người giáo chủ có đầy đủ uy quyền, đầy đủ uy tín nói ra.

Kinh Pháp Hoa đến phẩm này là phải nói lên sự thật, nên với người tầm thường không thể tin nhận nổi. Đức Phật thấy được điều đó cho nên Đức Phật khuyên là các ông phải cố gắng mà tin và phải hiểu cho được lời Như Lai sắp sửa nói đây. Nó quan trọng quá, chứ từ trước tới giờ Đức Phật chưa lần nào nói như vậy trong suốt thời Kinh. Và trong đời của Đức Phật cũng chưa lần nào khuyến cáo đại chúng theo kiểu như thế này. Cũng chưa có vị giáo chủ nào nói với đệ tử mình như vậy. Đây là lần duy nhất trong đời Đức Phật Thích Ca muốn hiển bày sự thật, mà sợ đại chúng không đủ khả năng tiếp nhận.

Đối với chúng ta cũng vậy, chúng ta phải cố gắng tin và hiểu được điều Đức Phật sắp sửa nói ở đây là điều hết sức

quan trọng. Đây là sự thật của pháp giới, là sự thật của ba đời mười phương chư Phật chuẩn bị hiển bày, chứ không phải chuyện bình thường. Chúng ta không thể dùng thức tâm của một chúng sanh mà có thể hiểu nổi. Do đó, trước khi nghe bản Kinh này chúng ta phải hết sức tinh tấn, phải rời bỏ tất cả chúng sanh tâm của mình để mình an trú chỗ không còn Ngã, không còn Pháp thì chúng ta mới có thể nhận được lời Đức Phật nói, vì nó vượt tầm ý thức của chúng ta.

Từ phẩm Hiện Bảo Tháp tới phẩm Tùng Địa Dũng Xuất là ngộ Phật Tri Kiến và phẩm Như Lai Thọ Lượng là nhập Phật Tri Kiến. Người nào một phen ngộ nhập được phẩm này coi như chúng ta đã về tới quê hương chốn cũ của mình và chúng ta yên ở trong đó. Qua phẩm này mà chúng ta không nhận thì thật uổng phí. Vì vậy, mà chính thời Đức Phật các vị chúng quả A La Hán và chúng quả Bồ Tát ngồi trước mặt Đức Phật mà Đức Phật còn thấy khó, cho nên Đức Phật khuyên các ông phải ráng tin nhận đúng lời ta nói, hướng chỉ là đời của chúng ta. Nên quý vị cố gắng lắng lòng thanh tịnh thật sự, lúc này buông thả tất cả mọi cái xung quanh để chúng ta chỉ thuần cái rõ biết thì khả năng tiếp nhận sẽ dễ dàng hơn.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết các vị Bồ Tát ba phen thỉnh chẳng thôi, mà bảo đó rằng: Các ông lắng nghe! Sức bí mật thần thông của Như Lai, tất cả trong đời, Trời, Người và A tu la đều cho rằng nay Đức Thích Ca Mâu Ni Phật ra khỏi cung họ Thích, cách thành Già da chẳng bao xa, ngồi nơi đạo tràng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Nhưng, thiện nam tử! Thật Ta thành Phật nữa lại đây, đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na do tha kiếp. Ví như năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi Tam thiên Đại thiên, giả sử có người nghiền làm vi trần qua phương đông, cách năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi nước, bèn rơi một bụi trần, đi qua phía đông như thế cho đến hết vi trần đó.

Các thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Các thế giới đó có thể suy gẫm so tính biết được số đó chăng?

Di Lạc Bồ Tát, thấy đều bạch Phật rằng: Thế Tôn! Các thế giới đó vô lượng vô biên, chẳng phải tính được, đếm được, cũng chẳng phải tâm lực biết đến được. Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác dùng trí vô lậu, chẳng có thể suy nghĩ biết được hạn số đó, chúng con trụ bậc Bất thối, ở trong việc này cũng chẳng thông đạt.

Thế Tôn! Các thế giới như thế, nhiều vô lượng vô biên.

Bấy giờ, Phật bảo các chúng Bồ Tát: Các thiện nam tử! Nay Ta sẽ tuyên nói rành rõ cho các ông. Các thế giới đó, hoặc dính vi trần hoặc chẳng dính, đều nghiền cả làm vi trần, cứ một trần là một kiếp, từ Ta thành Phật nữa lại đến nay, lại lâu hơn số đó trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp. Từ đó nữa lại, Ta thường ở cõi Ta Bà này nói Pháp giáo hóa, cũng ở trong trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi nước khác dắt dẫn lợi ích chúng sanh.

Các thiện nam tử! Nơi chặng giữa đó Ta nói Phật Nhiên Đăng v.v... và lại nói các Đức Phật nhập Niết Bàn, như thế đều là dùng phương tiện để phân biệt.

Các thiện nam tử! Nếu có chúng sanh nào đến chỗ Ta, Ta dùng Phật nhãn quan sát, tín v.v... các căn lợi độn của chúng, tùy theo chỗ đáng độ, nơi nơi tự nói văn tự chẳng đồng, niên kỷ hoặc lớn, hoặc nhỏ, cũng lại hiện nói sẽ nhập Niết Bàn, lại dùng các trí phương tiện nói Pháp vi diệu, có thể làm cho chúng sanh phát lòng vui mừng.

Các thiện nam tử! Như Lai thấy những chúng sanh ưa nơi Pháp Tiểu thừa, đức mỏng tội nặng. Phật vì người đó nói: Ta lúc trẻ xuất gia được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng thật, từ Ta thành Phật nhãn lại, lâu xa đường ấy, chỉ dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, khiến vào Phật đạo, nên nói như thế.

Đức Phật giải thích: *“Thật Ta thành Phật nhãn lại đây, đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na do tha kiếp”*.

Đức Phật ví dụ: Năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi Tam thiên Đại thiên, giả sử có người nghiên làm vi trần, rồi bay về phương Đông cách năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi nước, bèn rơi một bụi trần, đi qua phía đông như thế cho đến hết vi trần đó. Rồi các thế giới đó, hoặc dính vi trần hoặc chẳng dính, đều nghiên cả làm vi trần, cứ một vi trần là một kiếp, từ Ta thành Phật nhãn lại đến nay, lại lâu hơn số đó trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp.

Một vi trần là một kiếp, tuổi thọ của Đức Phật thành Phật gấp trăm ngàn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp số vi trần đó thì ngoài sức tưởng tượng của chúng ta. Không có thầy toán số nào có thể tính ra được. Khi nào chúng ta tan biến

tâm thức thì chúng ta mới hiểu số lượng đó là bao nhiêu và mới biết được Đức Phật thành Phật lúc nào.

Số kiếp Đức Phật thành Phật không thể tính được. Nếu như chúng ta dùng cái đầu mình để hiểu Đức Phật sanh ra là Thái tử Tất Đạt Đa, rồi cung họ Thích xuất gia tu học thành đạo cách đây tám mươi năm, rồi nhập Niết Bàn, theo lịch sử là không đúng sự thật. Đức Phật chỉ hiện thân biến tướng vào cõi Ta Bà này. Nếu hiểu như vậy chúng ta sẽ không hiểu Đức Phật thêm nữa và chúng ta không thể hiểu nổi điều Đức Phật muốn nói gì lúc này.

Chúng ta còn trong tâm thức thì chúng ta không thể nào hiểu được mảy may vi trần nhỏ nhiệm trong cõi giới chư Phật. Do đó buộc chúng ta phải tan biến con người hiện tại của mình ra, để mình hết cái hiểu biết của chúng sanh thì chúng ta mới thông cảm được ít phần.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng là Đức Phật muốn nói tuổi thọ dài lâu của Đức Phật và chư Phật mười phương. Tuổi thọ ấy nhiều vô số vô biên vô lượng không thể tính đếm và suy lường được bằng trí thế gian, cho đến các vị chứng quả A La Hán, cho đến trí tuệ các vị Bồ Tát cũng không biết được ngàn mé của tuổi thọ ấy, vì đó là cái chỗ bất sanh, bất diệt, bất khả tư nghì, là cảnh giới giác ngộ toàn chân của chư Phật, chỉ có người nhập trong Pháp giới tánh toàn chân thì mới đủ trí tuệ thấu suốt cảnh giới bất sanh bất diệt đó thôi.

Như vậy đến phẩm này, Đức Phật khẳng định cái Tri Kiến Phật chính là cái trí tuệ giác ngộ phủ trùm pháp giới mười phương, vượt không gian, vượt thời gian, trí tuệ ấy đã hiển hiện từ ngàn xưa đến ngàn sau chưa từng bị gián đoạn.

Nếu Hành giả một phen đủ trí tuệ để thâm nhập trong Tri Kiến Phật, tức là đã hòa nhập trong thọ mạng vô lượng vô biên không bao giờ bị đoạn dứt, hay nói khác hơn là hòa nhập trong cảnh giới bất sanh bất diệt của chư Phật. Từ cảnh giới đó phát khởi đại phương tiện giác ngộ, đi khắp cõi nước ở mười phương, mà độ tận chúng sanh muôn loài, cho nên ở đoạn trước nói là Đức Phật đã thành Phật lâu xa và giáo hóa chư Đại Bồ Tát, nhiều vô lượng vô biên không thể tính lường được đã đủ đạo hạnh Bồ Tát để có thể chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đến đây được gọi là chỗ giác ngộ tận cùng của Hành giả.

Kể từ phẩm Hiện Bảo Tháp là Hành giả đã nhận được Tri Kiến Phật là cảnh giới vượt không gian, vượt thời gian rồi, tức là lúc Đức Phật quá khứ Đa Bảo và Đức Phật hiện tại Thích Ca đồng ngồi chung một tòa, thế nhưng vẫn còn sót động nơi tâm thức của Hành giả những tâm thuận nghịch, cao thấp. Đến đây thì toàn tâm của Hành giả là toàn giác, tức là đã hiển hiện cảnh toàn tri, toàn giác, đạt đến chỗ tận cùng giác ngộ mà chư Phật, chư Bồ Tát muốn nói trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này và tất cả những Kinh điển, mà Đức Phật đã nói.

VĂN KINH

Các thiện nam tử! Kinh điển của Đức Như Lai nói ra, đều vì độ thoát chúng sanh, hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, hoặc chỉ thân mình, hoặc chỉ thân người, hoặc chỉ việc mình, hoặc chỉ việc người, các lời nói đều thật chẳng dối.

Vì sao? Vì Đức Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của Tam giới, không có sanh tử, hoặc thối, hoặc

xuất, cũng không ở đời và diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Các việc như thế Như Lai thấy rõ, không có sai lầm.

Bởi các chúng sanh có các món tánh, các món dục, các món hạnh, các món nhớ tưởng phân biệt, muốn làm cho sanh các căn lành, nên dùng bao nhiêu nhân duyên, thí dụ ngôn từ, các cách nói Pháp, chỗ làm Phật sự, chưa từng tạm bỏ. Như thế, từ Ta thành Phật nhân lại, thật là lâu xa, thọ mạng vô lượng A tăng kỳ kiếp, thường còn chẳng mất.

Các thiện nam tử! Ta xưa tu hành đạo Bồ Tát, cảm thành thọ mạng, nay vẫn chưa hết, lại còn hơn số trên, nhưng nay chẳng phải thật diệt độ, mà bèn xưng nói sẽ diệt độ. Đức Như Lai dùng phương tiện đó, giáo hóa chúng sanh.

Vì sao? Vì nếu Phật ở lâu nơi đời, thì người đức mỏng, chẳng trông gốc lành, nghèo cùng hèn hạ, ham ưa năm món dục, sa vào trong lưới nhớ tưởng vọng kiến. Nếu thấy Đức Như Lai thường còn chẳng mất, bèn sanh lòng buông lung nhằm trẽ, chẳng có thể sanh ra ý tưởng khó gặp gỡ cùng lòng cung kính, cho nên Đức Như Lai dùng phương tiện nói rằng: Tỳ kheo phải biết, các Đức Phật ra đời, khó có thể gặp gỡ.

Vì sao? Những người đức mỏng, trải qua trăm nghìn muôn ức kiếp, hoặc có người thấy Phật hoặc người chẳng thấy, do việc này, nên Ta nói rằng: Tỳ kheo! Đức Như Lai khó có thể được thấy.

Các chúng sanh đó nghe lời như thế, ắt sẽ sanh ý tưởng khó gặp gỡ, ôm lòng luyến mộ khát ngưỡng nơi Phật, bèn trông gốc lành, cho nên Đức Như Lai dầu chẳng diệt mà nói diệt độ.

Lại thiện nam tử! Phương pháp của các Đức Phật Như Lai đều như thế, vì độ chúng sanh đều thật chẳng dối.

Trong cách nói Pháp, Đức Phật có khi nói thân Đức Phật hoặc nói việc Đức Phật, các lời nói đều thật chẳng dối. Đức Phật lý luận: *“Vì Đức Như Lai đúng như thật thấy biết tướng của Tam giới, không có sanh tử, hoặc thoái, hoặc xuất, cũng không ở đời và diệt độ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị, chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi. Các việc như thế Như Lai thấy rõ, không có sai lầm”*.

Với trí tuệ của người thành Phật thì thấy không có sanh tử. Chúng ta thấy có sanh có tử là còn thấy phàm phu. Đức Phật thấy được tướng như thật, thấy đúng như thật tướng trong Tam giới này. Tức là Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới chưa có một lần sanh tử, chúng ta tin nổi không? Đó là trí tuệ của Đức Phật. Nếu chúng ta hiểu về trí tuệ Đức Phật thì chúng ta hiểu tới tâm này, và muốn cảm nhận được trí tuệ Đức Phật chúng ta phải nhận tới đây.

Một lần chúng ta thấy tướng như thật của Tam giới, là lần đó chúng ta thấy tất cả Tam giới này chưa từng sanh, chưa từng diệt, chứ không phải Tự Tánh chúng ta không sanh không diệt. Tự Tánh chúng ta không sanh không diệt chuyện đó bình thường quá. Cả Tam giới này từ Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới chưa có một lần sanh diệt.

Chúng ta nói không sanh tử sao được, mới đây bà tôi mất, mới đây chị tôi mất, không sanh tử là sao? Chúng ta phải hiểu ra điều này. Cái nhìn phân biệt của chúng ta thì thấy có, thấy mất. Chúng ta thấy tiếng thứ nhất mất mới có tiếng thứ hai, có tiếng này, có tiếng kia, có tiếng trước, có tiếng sau, đó là kiểu của sanh tử. Nhưng nhìn hơn chút nữa âm thanh này nó không còn ở đây, nhưng nó còn vang động khắp pháp giới này. Sự thật âm thanh chưa từng mất một lần.

Trí tuệ của người tu phải thấy tới chuyện không sanh không diệt của vạn Pháp. Cái hình tướng nó thay đổi không phải là sự sanh diệt, nó chỉ là sự biến dạng thay đổi của thân tứ đại này thôi. Chúng ta phải gạt qua chuyện sanh tử mới thấy được sự kết nối, cái liên kết, cái tiếp nối của tất cả vạn Pháp. Sự thay đổi để chuyển tiếp, để tiếp nối chứ không phải là sanh tử.

Rõ ràng khi mình hít vào thở ra là chúng ta liên tục tiếp thu khí trong không gian này, nó vào cơ thể chúng ta, nó đi ra, chưa có một lần gián đoạn. Nhưng chúng ta hít vào chúng ta cho là có, thở ra chúng ta cho là không, là có sự sanh diệt trong hơi thở của mình, là cái nhìn của chúng sanh. Hơi ấm trong cơ thể chúng ta so với lửa của vũ trụ mệnh môn này cũng chưa có lần gián cách với nhau, nó kết nối liên tục. Đất trên thân chúng ta và địa đại của vũ trụ chưa có lần thay đổi nào. Nước của thân chúng ta và nước của vũ trụ mệnh môn này cũng chưa có lần thay đổi nào, chỉ có cái là hình tướng biến dạng, nó thay đổi, nó tiếp nối từ hình dạng này sang hình dạng khác.

Ví dụ chúng ta thở ra đây thì hơi đó sẽ có người tiếp nhận và các chúng sanh khác tiếp nhận, đâu có mất. Nó

không còn trong chúng ta nhưng nó đến chỗ khác. Khi chúng ta chết thì hơi ấm chúng ta trở lại với không gian này chưa một lần tắt mất. Nước trở về nước, đất trở về đất v.v... Và đất, nước, gió, lửa nó trở thành vật phẩm khác, nó chuyển tiếp luôn luôn là như vậy.

Nói sâu về bên trong tâm, cái dao động tâm thức nó còn nguyên. Vì cái còn nguyên đó mà người chứng Túc Mạng Thông mới thấy hàng tỷ kiếp về trước, nếu nó mất rồi thì không thể thấy được. Do tất cả các pháp chưa có lần chết mất đi, nó còn nguyên đó, giống như cuộn phim quay từng lớp từng lớp, khi chúng ta chiếu lên đoạn nào, chúng ta thấy rõ đoạn ấy. Khoa học sau này cũng rà được tần sóng dao động tâm thức của chúng ta, nó phăng ngược theo đó như chúng ta lần chuỗi hạt, nó lần lại ý tưởng mình cho tới khi mình là con nít, giỏi lắm là hết đời này, không thể biết hơn.

Nhưng người chứng Túc Mạng Thông thì trong chớp mắt thấy một ngàn kiếp, cho nên khoa học luôn luôn đi theo sau đạo Phật, không bao giờ theo kịp. Vì trí tuệ của vị chứng đạo vượt quy luật vật lý, máy móc còn nằm trong quy luật vật lý thì nó biết được chuyện của vật lý mà thôi. Đến một ngày khoa học sẽ chứng minh được vật chất chưa từng sanh chưa từng diệt.

Người tu thì phải biết đến chuyện này để chúng ta vượt hơn khoa học một bậc, chứ chúng ta không thể đi theo sau. Trí tuệ Phật đạo không thể đi theo sau khoa học. Đức Phật thấy được sự liên kết giữa con người và con người, cũng như của Đức Phật và khắp pháp giới mười phương thì khoa học chừng nào mới thấy nổi. Cho nên mãi mãi khoa học vừa không biết hết những điều chư Phật nói, mà chỉ chứng minh được một phần nhỏ nhiệm thô thiên nào đó của đạo Phật.

Về tâm linh thì khoa học phải chịu cúi đầu trước đạo Phật, không thể vượt tầm đạo Phật.

Tương đúng như thật của Tam giới là chúng ta phải thấy được cái không sanh không diệt, chưa từng thoái, chưa từng xuất, chưa từng ở đời, chưa từng diệt độ. Cho nên chúng ta thấy Đức Phật có mặt ở đời này và Đức Phật diệt độ là chúng ta thấy sai. Chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải như, chẳng phải dị. Thấy là không thật rồi, nhưng không phải giả, cũng không phải Như Như, cũng không phải là sai. Tương như thật của Tam giới không phải tất cả ngôn ngữ có thể biện biệt được. Như thật đó không thể nói bằng ngôn ngữ, vì diễn đạt thành ngôn ngữ, thành lời nói thì không còn là như thật.

Cho nên chúng ta nói lời nào, chúng ta nghĩ rằng chúng ta nói vậy là hết lý rồi, không phải, còn nói là chưa đúng, chưa hết. Cho nên cái này nó không phải thật cũng không phải hư, hư cũng không được mà thật cũng không được, Như cũng không được và dị cũng không được.

“*Chẳng phải như ba cõi mà thấy nơi ba cõi*”: Ba cõi này không có thật. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không có thật. Tạm thời nói có ba cõi mà thôi, cũng như tạm thời nói có ngôn ngữ loài người của chúng ta. Tạm thời phân biệt thấy có con người và chúng sanh. Tạm thời phân biệt có cái này, có cái kia, chứ tướng thật của Tam giới chưa từng có những chuyện này. Khi nào chúng ta nhập vào đại định không còn ba cõi nữa thì biết rằng chúng ta có trí tuệ như thật giống như Đức Phật ở đây. Nếu chúng ta thấy có, thấy không, thấy đúng, thấy sai, thấy hư, thấy dị thì biết chúng ta còn thấy sai biệt, chưa thấy đúng tướng như thật của Tam giới.

Đức Phật hiểu hết căn tánh tất cả chúng ta: *“Bởi các chúng sanh có các món tánh, các món dục, các món hạnh, các món nhớ tưởng phân biệt, muốn làm cho sanh các căn lành, nên dùng bao nhiêu nhân duyên, thí dụ ngôn từ, các cách nói Pháp, chỗ làm Phật sự, chưa từng tạm bỏ. Như thế, từ Ta thành Phật nhần lại, thật là lâu xa, thọ mạng vô lượng A tăng kỳ kiếp, thường còn chẳng mất”*. Vì thấy hết chúng ta rồi cho nên Đức Phật mới dùng nhiều phương tiện sai biệt dẫn dắt chúng ta quay về Phật đạo.

Đức Phật tạm thời cho mình thấy là có sanh ra cõi này và Đức Phật phương tiện nhập Niết Bàn, chứ Đức Phật không có nhập Niết Bàn theo kiểu của mình. Vì nếu mình thấy Đức Phật còn trường tồn thì mình sanh tâm nhàm mỏi. Nhập Niết Bàn là phương tiện giáo hóa của Đức Phật đối với chúng sanh, mà muốn nhắc thức cho chúng ta thấy là Đức Phật ra đời rất hiếm có, cho nên nếu không có Đức Phật chúng ta lại quý kính có lòng thương tưởng. Đức Phật ẩn trong cõi của chúng ta, Đức Phật chưa từng sanh chưa từng diệt, chưa có lần dứt mất, chưa có lần tạm rời cõi chúng ta.

VĂN KINH

Ví như vị lương y, trí tuệ sáng suốt, khéo luyện phương thuốc trị các bệnh. Người đó nhiều con cái, hoặc mười, hai mươi nhần đến số trăm, do có sự duyên đến nước xa khác. Sau lúc đó các người con uống thuốc độc khác, thuốc phát muện loạn lẫn lộn trên đất.

Bấy giờ, người cha từ nước xa trở về nhà. Các con uống thuốc độc, hoặc làm mất bản tâm, hoặc chẳng mất, xa thấy cha về đều rất vui mừng, quỳ lạy hỏi thăm: An

lành về an ổn. Chúng con ngu si, lầm uống thuốc độc, xin cứu lành cho, lại ban thọ mạng cho chúng con.

Cha thấy các con khổ não như thế, y theo các kinh phương, tìm cỏ thuốc tốt, mùi sắc vị ngon, thấy đều đầy đủ. Đâm nghiền hòa hợp, đưa bảo các con uống mà nói rằng: Thuốc đại lương dược này mùi sắc vị ngon, thấy đều đầy đủ, các con nên uống, mau trừ khổ não, không còn lại có các bệnh hoạn.

Trong các con, những người chẳng thất tâm, thấy thuốc lương dược ấy, sắc hương đều tốt, liền bèn uống đó, bệnh trừ hết, được lành mạnh. Ngoài ra, những người thất tâm, thấy cha về dầu cũng vui mừng hỏi thăm, cầu xin trị bệnh, song trao thuốc cho mà không chịu uống.

Vì sao? Vì hơi độc đã thâm nhập làm mất bản tâm, nơi thuốc tốt thơm đẹp này mà cho là không ngon. Người cha nghĩ rằng: Người con này đáng thương, bị trúng độc, tâm đều điên đảo, dầu thấy Ta về, mừng cầu xin cứu lành, nhưng thuốc tốt như thế, mà chẳng chịu uống, nay Ta bày chước phương tiện, khiến chúng uống thuốc này.

Nghĩ thế rồi liền bảo rằng: Các con phải biết, Ta nay già suy, giờ chết đã đến, thuốc lương dược tốt này nay để ở đây, các con nên lấy uống, chớ lo không lành. Bảo thế, rồi lại đến nước khác, sai sứ về nói: Cha các người đã chết.

Bấy giờ, các con nghe cha chết, lòng rất sầu khổ mà nghĩ rằng: Nếu cha ta còn, thương xót chúng ta, có thể được cứu hộ, hôm nay bỏ ta xa chết ở nước khác. Tự

ngĩ mình nay côi cút, không có chỗ cậy nhờ, lòng thường bi cảm, tâm bèn tỉnh ngộ biết thuốc này, sắc hương vị ngon, liền lấy uống đó, bệnh độc đều lành. Người cha nghe các con đều đã lành mạnh, liền trở về cho các con đều thấy.

Các Thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao? Và có người nào có thể nói ông lương y đó mắc tội hư dối chăng?

Thưa Thế Tôn, không thể được!

Phật nói: Ta cũng như thế, từ khi thành Phật đến nay đã vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp, vì chúng sanh dùng sức phương tiện nói sẽ diệt độ, cũng không ai có thể đúng như Pháp mà nói Ta có lỗi hư dối.

Đức Phật ví dụ có vị lương y có trí tuệ, đi làm việc phương xa, lâu ngày mới về thăm con. Trong số đó có những người con mất bản tâm và những người con bị bệnh nhẹ thấy cha về mừng. Khi ấy vị lương y thấy các con bệnh nên chế thuốc cho con uống. Trong số người con còn tỉnh táo khi gặp thuốc uống liền hết bệnh, những người bị bệnh nặng quá thì không chịu uống.

Người cha bắt đầu phương tiện, đi nước khác dặn ở nhà có thuốc hay Ta để đây, các con ở nhà nên uống sẽ hết bệnh. Đi xa xứ rồi ông nhờ người nhắn lại cha các người đã chết. Lúc đó những người con bị thất bản tâm nghe nói cha chết thì buồn thảm, nhớ cha mình giỏi có thuốc hay nếu như mình không uống thuốc cha để lại thì phụ lòng cha mình, cho nên mới uống, uống vô hết bệnh.

Đức Phật nói cũng vậy, Ta phương tiện nhập Niết Bàn vì chúng sanh bệnh nặng trong cõi Ta Bà. Nếu như giờ này Đức Phật còn, chưa chắc chúng ta ngồi trong chùa, chúng ta đi chơi ở ngoài, luôn nghĩ rằng có Đức Phật trong cõi này. Do chúng ta khinh lờn điều đó cho nên chúng ta không tinh tấn tu hành, vì vậy Đức Phật mới nhập Niết Bàn. Chớ sự thật trước Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Phật đã thành Phật giáo hóa chúng sanh, tới giờ phút này Đức Phật vẫn hiện hữu với chúng ta chưa có phút giây nào mất.

Đó chỉ là phương tiện ngăn ngủi, một hóa thân trong Pháp giới tánh toàn chân. Một ứng hóa thân làm một con người trong cõi này để tu hành thành Phật, như một chúng sanh khác. Và giáo hóa, nhập Niết Bàn như một con người bình thường trong cõi này. Chúng ta hiểu điều đó để chúng ta thấy giá trị thật của Đức Phật.

Đức Phật nói Ta vắng ở đây nhưng Ta giáo hóa chỗ kia. Chúng ta không biết Đức Phật giáo hóa ở đâu, mình nghĩ khi Đức Phật nhập Niết Bàn là tịch diệt vào chỗ không, không còn tái sanh nữa nhưng sự thật đối với Đức Phật không có phút giây nào Đức Phật không đi giáo hóa chúng sanh ở mười phương cả.

Mặc dù chúng ta không thấy có một tác động nào bên ngoài, nhưng lúc đó Đức Phật vẫn luôn thấy biết chúng sanh một cách rất rõ ràng, tùy theo căn cơ, tùy theo trình độ chúng ta mà Đức Phật nâng chúng ta từng chút. Có những người theo Phật tinh tấn tu hành Đức Phật thương không nói, nhưng những người lười mỗi Đức Phật cũng thương, thậm chí chê mắng Đức Phật, Ngài cũng thương. Đức Phật tác động lần lần người đó cảm được đạo Phật, thương được

đạo Phật, quy y đạo Phật, tôn kính Đức Phật và từ từ người đó tu đúng với đạo Pháp mà Đức Phật chỉ dạy.

Đức Phật kiên nhẫn và gìn giữ chúng sanh trong từng sát na. Đức Phật giáo hóa mình bằng nhiều phương tiện để lần hồi mình tinh tấn tu tập và chuyên hóa từng phần, mỗi đời chúng ta tiến bộ thêm một chút thì Đức Phật giáo hóa nâng chúng ta lên một bậc nữa, cho tới ngày chúng ta được giác ngộ thành Phật thì Đức Phật mới trọn trách nhiệm của một ông cha lành cứu độ chúng sanh.

Khi học đạo chúng ta thấy được lòng từ bi của Đức Phật thương yêu chúng sanh mà chúng ta tinh tấn để đừng phụ lòng Ngài. Dù chúng ta có ngủ, có thức, dù có mê chơi, có mê muội cỡ nào Đức Phật cũng thấy và chờ đợi phút giây chúng ta thức tỉnh. Đức Phật dìu dắt chúng ta từng chút trong tâm thức, nâng đỡ chúng ta từng ly từng tí trong từng ý niệm của mình.

Khi chúng ta còn là kẻ cực ác thì Đức Phật cũng tác động thế nào đó cho chúng ta bớt dần dần. Đời này không bớt thì qua đời sau phải có cái giá nhân quả gì đó, Đức Phật chờ để giáo hóa trở lại, dìu dắt trở lại, đến khi chúng sanh thật sự giác ngộ thì lúc đó Đức Phật mới yên.

Phẩm Tùng Địa Dũng Xuất, khi các vị Bồ Tát cõi nước phương khác xuất hiện hứa với Đức Phật sẽ thọ trì và gìn giữ Kinh Pháp Hoa trong cõi Ta Bà, Đức Phật từ chối vì trong cõi Ta Bà này đã có các vị Bồ Tát đủ sức thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Tức thời từ trong Tam thiên Đại thiên cõi nước đất đều rúng nứt, mà ở trong đó có vô lượng nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát đồng thời vọt ra, đánh lễ thưa Đức Thế Tôn các vị sẽ gìn giữ thủ hộ Kinh Pháp Hoa.

Khi các vị Bồ Tát xuất hiện đông như thế thì chúng hội sanh nghi. Ngài Di Lặc hiểu, cũng như chúng ta hiểu là Đức Phật thành Phật ở Ấn Độ và giáo hóa có mấy chục năm mà sao có những người đệ tử như thế này? Vì chúng Bồ Tát nếu kể về hạnh tu hành phải trải qua ngàn muôn ức kiếp mới được như vậy, chứ còn một đời chắc chắn không được.

Đức Phật ví dụ: Năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi Tam thiên Đại thiên, giả sử có người nghiền làm vi trần, rồi bay về phương Đông cách năm trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi nước, bèn rơi một bụi trần, đi qua phía đông như thế cho đến hết vi trần đó. Rồi các thế giới đó, hoặc dính vi trần hoặc chẳng dính, đều nghiền cả làm vi trần, cứ một vi trần là một kiếp, từ Ta thành Phật nhả lại đến nay, lại lâu hơn số đó trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp. Một vi trần là một kiếp, tuổi thọ của Đức Phật thành Phật gấp trăm ngàn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp số đó. Đó là số tuổi thọ mà Đức Phật tu hành thành Phật. Khi đã tu hành thành Phật, thọ mạng Ngài cho tới giờ phút này chưa từng voi và trong suốt từ đó tới giờ Đức Phật thường ở cõi Ta Bà này để giáo hóa chúng sanh.

Ở phẩm trước, Đức Phật nói là tất cả chúng sanh từ vô thủy cho tới bây giờ đã có Tự Tánh bất sanh bất diệt, và Tự Tánh đó không có phút giây nào tạm rời. Tới đây Đức Phật nói lên công hạnh tu hành của Ngài, trong nhiều đời nhiều kiếp và Ngài khẳng định Tri Kiến Phật là cái vốn có sẵn đủ, từ ngàn xưa cho tới bây giờ chưa từng sanh chưa từng diệt.

Đức Phật cũng xác định, Ngài dùng phương tiện giáo hóa Tam thừa, chứ thật sự đối với chư Phật ba đời Ngài chỉ nói một thừa duy nhất là Phật thừa. Tức là muốn hướng dẫn tất cả chúng sanh đều thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác mà thôi, ngoài ra Đức Phật không có sự hướng dẫn nào khác. Đức Phật trải qua vô lượng trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ kiếp tới giờ phút này, chưa có một lần bị sanh diệt. Trong khoảng đó Đức Phật tạm phương tiện nhập Niết Bàn, có nghĩa lúc nào Đức Phật cũng hằng hữu với tất cả chúng ta.

Chính Đức Phật lại có tên: Ta Bà Giáo Chủ Điều Ngự Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Có nghĩa Đức Phật là người giáo chủ cõi Ta Bà, là cha lành của bốn loài, là phân thân thiên bá ức. Từ khi Đức Phật ở trong Tự Tánh phân thân làm việc Phật sự tại cõi Ta Bà tám mươi năm, ngắn hơn một sát na tâm của Đức Phật phân ngàn muôn ức thân đi ngàn muôn cõi tu hành thành Phật, là bằng một đời của mình. Trong một chớp mắt nữa Đức Phật đi ngàn muôn cõi nước để thành Phật và giáo hóa ngàn muôn chúng sanh như vậy nữa.

Do đó, trong phút giây phân thân một ứng hóa thân đối với cõi Ta Bà, Đức Phật hiện thân thành Phật cho tới ngày Đức Phật nhập lại Niết Bàn, theo cái nhìn của chúng ta là xong công tác Phật sự. Đức Phật thu năng lực của Ngài lại để tiếp tục đi phân thân cõi khác nữa, chúng ta hiểu đơn giản như vậy. Cũng là một Đức Phật đó nhưng chưa từng bị sanh diệt ở đây. Đây là điều hết sức quan trọng mà chúng ta phải hiểu, để chúng ta thấy việc nhập Niết Bàn của chư Phật khác với việc nhập Niết Bàn của các vị khác.

Nếu chúng ta hiểu được định của đạo Phật và người nào biết được định của Tự Tánh, người nào sống được trong định đó, thấy rằng không có cái gì có thể phá hủy nó được, không có cái gì có thể làm lay động nó được, không có cái gì có thể làm ô nhiễm nó được. Thì chúng ta phải hiểu Đức

Phật kể từ khi nhập thai cho tới khi nhập Niết Bàn chưa có sát na tâm nào Đức Phật bị mê mờ.

Tất cả chúng ta không có định lực, chúng ta là một chúng sanh, do sanh từ nghiệp thì chúng ta vào bào thai, chúng ta bị cách âm vô minh. Còn Đức Phật ở trong thai tạng của bà mẹ là an ở trong Đại Định. Như ở cõi Trời Quang Âm Thiên, rất an định, thanh tịnh an lạc và rất trong sáng. Cõi Trời Quang Âm Thiên không có ngày, không có đêm, nhưng hoàn toàn sáng hơn cả ánh sáng mặt trời đang hiện hữu ở đây.

Trong lúc thai tạng của thái tử Tất Đạt Đa nằm trong bụng mẹ thì được an trong định, mà nhục thân bà mẹ không thể ô nhiễm được thai tạng. Chúng ta tưởng tượng bỏ một vật trong một lồng kính, dù bên ngoài là bùn trong đó vẫn không bị nhiễm. Từ Bát Địa Bồ Tát trở lên các vị nhập thai vẫn không bị vô minh che, có nghĩa cách âm không bị mê mờ.

Cách âm có nghĩa khi bỏ thân này, chúng ta thọ thân trung âm vẫn giữ nguyên sự hiểu biết và danh tánh cũ. Đến lúc thân thức chạm vào tử cung bà mẹ thì phút chốc đó, quên hết tất cả những chuyện cũ của đời kiếp trước, cũng như không biết mình là ai, lúc ấy rất mù mịt tăm tối, không có phương hướng, thần thức dao động quay cuồng, bất an vô tận, bị một năng lực cuốn hút mãnh liệt không cưỡng lại được đến lúc chạm được noãn cầu của bà mẹ, thần thức dính vào và lấy chỗ đó làm chỗ nương tựa. Năng lực cuốn hút kia bỗng dừng lại, thần thức có cảm giác an ổn và bám trụ ở đây, dần hồi thần thức dính mắc với cái chỗ bám trụ này không rời và chấp cho đó là mình. Lúc đó chính thức thọ thân mới, nhưng vẫn ở trong cảnh vô minh tăm tối

suốt mười tháng trong bào thai của bà mẹ, cho đến khi mở mắt chào đời, mới bắt đầu thấy ánh sáng của đời sống mới.

Khi một Đại Bồ Tát đang ở trong đại định phân thân đi các cõi để nhập vào thai tạng, thọ thân thành một người trong cõi giới này, mà vẫn yên ở trong đại định. Do định lực và phước báo, nên thai tạng đẹp đẽ, rộng rãi như cung điện, tương ứng với phước của Đại Bồ Tát phân thân. Trong lúc ở trong thai tạng đó thì phân thân của Bồ Tát vẫn liên tục giáo hóa chư Đại Bồ Tát mười phương chưa từng đoạn dứt, cho tới ngày hiện thân ra làm một con người như những con người khác ở cõi Ta Bà, thì Bồ Tát vẫn ở yên trong Đại Định, vẫn tiếp tục giáo hóa chúng sanh chưa từng tạm nghỉ, mà chỉ tạm mượn thân xác con người, sinh hoạt trong cõi Người, lớn lên tu hành thành đạo, chuyển Pháp luân, nhập Niết Bàn, chỉ là việc mượn huyễn thân tạm thời giáo hóa chúng sanh trong cõi này, chứ định lực của vị Đại Bồ Tát vẫn nguyên như vậy. Đó chỉ là một phân thân nhỏ nhiệm trong muôn ngàn ức phân thân của Đức Phật.

Đức Phật cùng chư Phật mười phương và chư Đại Bồ Tát từ ngàn xưa đến giờ vẫn luôn hiện hữu trong pháp giới mười phương này chưa có phút giây nào gián đoạn. Nhưng Đức Phật vì thương chúng sanh mà thị hiện thọ thân làm chúng sanh trong các cõi nước đó, tu hành thành Phật, giáo hóa chúng sanh. Thị hiện Niết Bàn chỉ là phương tiện thị hiện thọ thân của chư Phật, chư Đại Bồ Tát để cho chúng sanh trong các cõi thấy chư Phật, chư Bồ Tát thị hiện nhập Niết Bàn sanh tâm luyến mộ quý kính mà tinh tấn tu học. Nếu chư Phật không thị hiện nhập Niết Bàn thì chúng sanh sẽ sanh tâm y lại, lười biếng tu tập, không thể thoát khỏi lầm mê sanh tử, thế nên trong Tam giới mới có việc phương tiện thị hiện thành Phật, thị hiện nhập Niết Bàn của chư

Phật. Đó là phương tiện giáo hóa của chư Phật mười phương.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Từ Ta thành Phật lại
 Trải qua các kiếp số
 Vô lượng trăm nghìn muôn
 A tăng kỳ ức năm
 Thường nói Pháp giáo hóa
 Vô số ức chúng sanh
 Khiến vào nơi Phật đạo
 Đến nay vô lượng kiếp
 Vì độ chúng sanh vậy
 Phương tiện hiện Niết Bàn
 Mà thật chẳng diệt độ
 Thường trụ đây nói Pháp
 Ta thường trụ ở đây
 Dùng các sức thần thông
 Khiến chúng sanh điên đảo
 Dầu gần mà chẳng thấy
 Chúng thấy Ta diệt độ
 Rộng cúng dường Xá lợi
 Thấy đều hoài luyến mộ
 Mà sanh lòng khát ngưỡng,
 Chúng sanh đã tín phục
 Ngay thật ý diệu hòa
 Một lòng muốn thấy Phật
 Chẳng tự tiếc thân mạng
 Giờ Ta cùng chúng Tăng
 Đều ra khỏi Linh Thú

Ta nói với chúng sanh
Thường ở đây chẳng diệt
Vì dùng sức phương tiện
Hiện có diệt chẳng diệt.
Nước khác có chúng sanh
Lòng cung kính tín nhạo
Ta ở lại trong đó
Vì nói Pháp Vô thượng
Ông chẳng nghe việc đó
Chỉ nói Ta diệt độ.
Ta thấy các chúng sanh
Chìm ở trong khổ não
Nên chẳng vì hiện thân
Cho kia sanh khát ngưỡng
Nhân tâm kia luyến mộ
Hiện ra vì nói Pháp
Sức thần thông như thế
Ở trong vô số kiếp
Thường tại núi Linh Thứu
Và các trụ xứ khác.
Chúng sanh thấy tận kiếp
Lúc lửa lớn thiêu đốt
Cõi Ta đây an ổn
Trời người thường đông vậy
Vườn rừng các nhà gác
Những món báu trang nghiêm
Cây báu nhiều hoa trái
Chỗ chúng sanh vui chơi
Các trời đánh trống trời
Thường thổi những kỹ nhạc
Rưới hoa Mạn đà la
Cúng Phật và đại chúng.
Tịnh độ Ta chẳng hư

Mà chúng thấy chấy rã
 Lo sợ các khổ não
 Như thế đều đầy dẫy
 Các chúng sanh tội đó
 Vì nhân duyên nghiệp dữ
 Quá A tăng kỳ kiếp
 Chẳng nghe tên Tam bảo.
 Người nhu hòa ngay thật
 Có tu các công đức
 Thì đều thấy thân Ta
 Ở tại đây nói Pháp.
 Hoặc lúc vì chúng này
 Nói Phật thọ vô lượng,
 Người lâu mới thấy Phật
 Vì nói Phật khó gặp.
 Trí lực Ta như thế
 Tuệ Quang soi vô lượng
 Thọ mạng vô số kiếp
 Tu hành lâu cảm được.
 Các ông người có trí
 Chớ ở đây sanh nghi
 Nên dứt khiến hết hẳn
 Lời Phật thật không dối.
 Như lương y chước khéo
 Vì để trị cuồng tử
 Thật còn mà nói chết
 Không thể nói hư dối.
 Ta là cha trong đời
 Cứu các người đau khổ
 Vì phạm phu điên đảo
 Thật còn mà nói diệt,
 Vì có thường thấy Ta
 Mà sanh lòng kiêu tú

**Buông lung ham ngũ dục
Sa vào trong đường dữ.
Ta thường biết chúng sanh
Hành đạo chẳng hành đạo
Tùy chỗ đáng độ được
Vì nói các Pháp môn
Hằng tỵ nghĩ thế này:
Lấy gì cho chúng sanh
Được vào huệ Vô thượng
Mau thành tựu thân Phật.**

Phản trùng tụng lặp lại ý trên.

PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI BẢY

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, trong đại hội nghe Phật nói thọ mạng, kiếp số dài lâu như thế, vô lượng, vô biên, vô số chúng sanh được lợi ích lớn.

Khi đó, Đức Thế Tôn bảo ngài Di Lạc Đại Bồ Tát: A Đạt Đa! Lúc Ta nói Đức Như Lai thọ mạng dài lâu như thế, có sáu trăm tám muôn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Lại có Đại Bồ Tát nghìn lần gấp bội được môn Văn trì đà la ni. Lại có một thế giới vi trần số Đại Bồ Tát được Nhạo thuyết vô ngại biện tài. Lại có một thế giới vi trần số Đại Bồ Tát được trăm nghìn muôn ức vô lượng môn Triền đà la ni. Lại có Tam thiên Đại thiên thế giới vi trần số Đại Bồ Tát chuyển được Pháp luân Bất thối.

Lại có nhị thiên trung quốc độ vi trần số Đại Bồ Tát chuyển được Pháp luân thanh tịnh. Lại có tiểu thiên quốc độ vi trần số Đại Bồ Tát tám đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có bốn Tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ Tát bốn đời sẽ được chánh đẳng chánh giác. Lại có ba tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ Tát ba đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có hai tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ Tát hai đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lại có một tứ thiên hạ vi trần số Đại Bồ Tát một đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại có tám thế giới vi trần số chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc Đức Phật nói các vị Đại Bồ Tát đó được Pháp lợi, trên giữa hư không, rưới hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la để rải vô lượng trăm nghìn muôn ức các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới gốc cây báu và rải Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cùng Đức Đa Bảo Phật ngồi trên tòa sư tử trong tháp bảy báu, cùng rải tất cả các Đại Bồ Tát và bốn bộ chúng.

Lại rưới bột gỗ Chiên đàn, Trầm thủy hương v.v... trong hư không, trống trời tự kêu tiếng hay sâu xa.

Lại rải nghìn thứ thiên y, thông các chuỗi ngọc trân châu, chuỗi châu ma ni, chuỗi châu như ý khắp cả chín phương, các lò hương báu đốt hương vô giá, tự nhiên khắp đến cúng dường đại chúng.

Trên mỗi Đức Phật có các vị Bồ Tát nắm cầm phan lọng, thứ đệ mà lên đến trời Phạm thiên. Các vị Bồ Tát đó dùng tiếng tụng hay, ca vô lượng bài tụng ngợi khen các Đức Phật.

Sau khi nghe phẩm Như Lai Thọ Lượng thì hằng hà sa số chư vị chúng quả từ Vô Sanh Pháp Nhẫn, Văn Thiên Đà La Ni, Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài, Thiên Đà La Ni, Pháp Luân Bất Thối, Pháp Luân Thanh Tịnh, Đại Bồ Tát tám đời sẽ được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Điều này rất hy hữu. Từ trước tới nay chưa có phẩm nào mà người chứng đồng như thế, bất quá là chúng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát nhưng ở đây chúng tới quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi Đức Phật thuyết Pháp thì không phải Đức Phật thuyết cho người Ấn Độ nghe, mà lúc Đức Phật nhập trong Pháp giới tánh, Đức Phật dùng ngôn ngữ gốc để thuyết Pháp. Như vậy là tất cả chư vị Bồ Tát ở mười phương đồng thời nghe một lượt, giống như Đức Phật nói chuyện với chính mình. Những vị Tỳ kheo ngồi trong hội chúng đó cũng vẫn thấy Đức Phật đang nói với mình. Tất cả những người cõi Trời, A tu la, Dạ xoa, Càn thất bà, Khẩn là na, Ma hầu la già, cũng đều thấy Đức Phật đang nói cho riêng mình. Tất cả những người trong Pháp hội đó tùy căn cơ trình độ mà thọ nhận khác nhau.

Vì vậy mà trong Pháp hội có các vị Đại Bồ Tát trong một đời nữa, chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, và những vị đó đạt sâu vào tất cả những Thiên định, những Tam Muội mà trong cõi này không có. Tức là một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ kheo ngay trong chúng hội nghe Đức Phật thuyết Kinh Pháp Hoa, chỉ nhận hiểu mà không chứng được như Đức Phật nói ở đây, cũng có một số các vị ngộ đạo nhưng số lượng đó rất ít, những người chứng được không phải người trong cõi này.

Trí tuệ Đức Phật thấy tới điều này. Thường sau khi Đức Phật nói xong bản Kinh nào đó thì toàn thể đại chúng hoan hỷ và y giáo phụng hành. Nhưng sau phẩm Như Lai Thọ Lượng, Đức Phật bảo cho ngài Di Lặc biết điều đó. Có nghĩa điều này không ai thấy cả, chỉ có Đức Phật thấy mà thôi. Một bài thuyết Pháp của Đức Phật là lợi lạc mười muôn ức cõi, chứ không phải là lợi lạc cho chúng hội đâu. Đây là sự thật diễn ra. Nếu người nào một lần nhập trong Pháp giới tánh thì chúng ta sẽ thấy biết điều này.

Phút chốc nhập Pháp giới Tánh là phút chốc trí tuệ rực sáng mười phương pháp giới, sáng hơn ánh sáng mặt trời. Có những vị Bồ Tát nhờ ánh sáng này mà được giác ngộ thành Phật, có những vị Thánh Hiền nhờ ánh sáng này mà được thăng tiến quả vị tu chứng của mình, có những người công phu bế tắc thì họ được khai thông và được thấu hiểu chân lý, đồng thời tất cả chúng sanh muôn loài đủ duyên lành tiếp nhận ánh sáng này cũng được khai mở trí tuệ, thăng tiến trong công phu tu tập của mình, những chúng sanh đang đau khổ bất an nhờ ánh sáng này mà được an ổn quay về với Chánh Pháp. Do đó Hành giả nhập trong Pháp giới tánh phước báo họ lớn lắm, vì vậy được chư Phật mười phương bảo hộ.

Phẩm Như Lai Thọ Lượng là phẩm chuyên sâu nhất trong Kinh Pháp Hoa. Vì theo Kinh Pháp Hoa, đây là phẩm nhập Phật Tri Kiến là cảnh giới mà Hành giả đã hoàn toàn giác ngộ, trí tuệ đã dung thông không ngăn ngại, hòa tan thành một cõi Phật. Vì vậy mà kết thúc phẩm Như Lai Thọ Lượng có hàng hà sa số chư vị Bồ Tát chứng thành quả Phật, hàng hà sa số chư vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong một đời, hai đời. Đó là cảnh giới toàn tri, toàn giác và toàn pháp giới này chỉ hiện hữu một cõi giới Phật.

VĂN KINH

Khi ấy ngài Di Lạc Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng về phía Phật mà nói kệ rằng:

**Phật nói Pháp ít có
Từ xưa chưa từng nghe
Thế Tôn có sức lớn
Thọ mạng chẳng thể lường.**

Vô số các Phật tử
 Nghe Thế Tôn phân biệt
 Nói được Pháp lợi đó
 Vui mừng đầy khắp thân
 Hoặc trụ bậc Bất thối
 Hoặc được Đà la ni
 Hoặc Vô ngại nhạo thuyết
 Muôn ức triền tống trì.
 Hoặc có cõi đại thiên
 Số vi trần Bồ Tát
 Mỗi vị đều nói được
 Pháp luân Bất thối chuyển.
 Hoặc có trung thiên giới
 Số vi trần Bồ Tát
 Mỗi vị đều có thể
 Chuyển Pháp luân thanh tịnh.
 Lại có tiểu thiên giới
 Số vi trần Bồ Tát
 Còn dư lại tám đời
 Sẽ được thành Phật đạo.
 Lại có bốn, ba, hai
 Tứ thiên hạ như thế
 Số vi trần Bồ Tát
 Theo số đời thành Phật.
 Hoặc một tứ thiên hạ
 Số vi trần Bồ Tát
 Còn dư có một đời
 Sẽ thành Nhất thiết trí.
 Hàng chúng sanh như thế
 Nghe Phật thọ dài lâu
 Được vô lượng quả báo
 Vô lậu rất thanh tịnh.
 Lại có tám thế giới

Số vi trần chúng sanh
Nghe Phật nói thọ mạng
Đều phát tâm Vô thượng
Thế Tôn nói vô lượng
Bất khả tư nghì Pháp
Nhiều được có lợi ích
N hư hư không vô biên
Rưới hoa thiên Mạn đà
Hoa Ma ha mạn đà
Thích, Phạm như hằng sa
Vô số cõi Phật đến
Rưới Chiên đàn, Trầm thủy
Lãng xăng loạn sa xuống
N hư chim bay liệng xuống
Rải cúng các Đức Phật.
Trống trời trong hư không
Tự nhiên vang tiếng mầu,
Áo trời nghìn muôn thứ
Xoay chuyển mà rơi xuống
Các lò hương đẹp báu
Đốt hương quý vô giá
Tự nhiên đều cùng khắp
Cúng dường các Thế Tôn.
Chúng Đại Bồ Tát kia
Cầm phan lọng bảy báu
Cao đẹp muôn ức thứ
Thứ lớp đến Phạm Thiên.
Trước mỗi mỗi Đức Phật
Tràng báu treo phan tốt
Cũng dùng nghìn muôn kệ
Ca vịnh các Như Lai
N hư thế các món việc
Từ xưa chưa từng có

**Nghe Phật thọ vô lượng
Tất cả đều vui mừng
Phật tiếng đồn mười phương
Rộng lợi ích chúng sanh
Tất cả đủ căn lành
Để trợ tâm Vô thượng.**

Ngài Di Lặc Bồ Tát lặp lại lời Đức Phật nói tới việc cúng dường. Hương Chiên đàn thì nếu chúng ta tu tốt chư Thiên đôi lúc cũng có cúng dường. Nhưng rải hoa thì chúng ta không thấy được với mắt thường tình của mình đâu, chỉ có lột con mắt trần mới thấy nổi. Hoa của cõi Trời không phải như bông hoa của mình, đó là ánh sáng và khi nào chúng ta không còn bị lệ thuộc trong vật chất chúng ta sẽ thấy.

Ở đây diễn tả chư Đại Bồ Tát dùng tràng phan bảy báu cúng dường Phật đầy khắp cả hư không. Người nào thấy được hoa chư Thiên rải cúng dường Đức Phật và thấy được lọng báu của chư vị Bồ Tát cúng dường thì quý vị sẽ được Đức Phật thuyết Pháp cho mình nghe. Lúc đó hằng hà sa số Đức Phật thuyết Pháp ở tất cả các cõi, chúng ta cũng có thể học được.

Một phen chúng ta nhìn thấy tất cả mọi cái hiện hữu không phân biệt nữa thì lúc đó sẽ có mưa hoa rải xuống cúng dường. Và thấy rõ kỹ nhạc ở tất cả các cõi hiện ra, nó còn hay gấp ngàn tiếng nhạc của trần gian. Chư Thiên lúc đó sẽ cúng dường và Pháp hội Pháp Hoa sẽ hiện ra, tiếng nói Đức Phật sẽ lồng lộng ở nơi mình liền. Chúng ta tin nổi điều này không?

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Di Lạc Đại Bồ Tát rằng: A Dật Đa! Có chúng sanh nào nghe Đức Phật thọ mạng dài lâu như thế, hẳn đến có thể sanh một niệm tín giải, được công đức không hạn lượng được. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trong tám muôn ức na do tha kiếp tu năm Pháp Ba la mật: Bồ thí Ba la mật, trì giới Ba la mật, nhẫn nhục Ba la mật, tinh tấn Ba la mật, thiền định Ba la mật, trừ trí tuệ Ba la mật, đem công đức này sánh với công đức tín giải trước, trăm phần, nghìn phần, trăm nghìn muôn ức phần chẳng kịp một, hẳn đến tính đếm, thí dụ, không thể biết được. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân có công đức như thế mà thối thất nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thì quyết không có lẽ đó.

Đức Phật nói công đức của phẩm Như Lai Thọ Lượng thì hơn người tu năm Độ Ba la mật là: Bồ thí Ba la mật, Trì giới Ba la mật, Nhẫn nhục Ba la mật, Tinh tấn Ba la mật, Thiền định Ba la mật. Trừ Trí tuệ Ba la mật.

Khi người có trí tuệ thật sự gọi là Trí tuệ Ba la mật thì họ phải thông thấu mười phương pháp giới này một lượt, không có cái gì sai sót với họ, không có cái gì làm lẫn với họ. Một phen nhập trong Pháp giới tánh thì trí tuệ bắt đầu tỏa sáng, họ thấu thoát được sự bình đẳng thanh tịnh của tất cả chúng sanh và thấy nghe được tất cả bài Pháp của chư Phật mười phương.

Lúc đó họ trực tiếp học được tất cả bài Pháp đó, gọi là khai tuệ thật sự, họ thấu hiểu được vạn pháp từ chúng sanh làm mê cho tới thấu hiểu được chân lý giác ngộ giải thoát

của chư Phật mười phương. Tức là khi chúng ta tu được năm độ trước, chúng ta khai được Trí tuệ Ba la mật rồi thì chúng ta sẽ có được điều này.

Đức Phật nói ở đây: Người nào chỉ cần tin hiểu phẩm Như Lai Thọ Lượng này thôi là phước báo chúng ta tràn ngập Tam thiên Đại thiên thế giới này, hơn người tu năm độ từ bố thí Ba la mật tới thiên định Ba la mật và người đó không bao giờ bị thoái thất đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Người nào hiểu được phẩm Như Lai Thọ Lượng tức là người đó có lòng tin thanh tịnh. Nếu chúng ta gật đầu chấp nhận điều này là đúng, gật đầu chấp nhận điều kia là đúng thì chúng ta chưa có lòng tin thanh tịnh đúng nghĩa như Đức Phật nói trong Kinh, chúng ta vẫn còn bị thôi thất đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Nhưng có lần nào đó chúng ta tin mà không phải do sự chấp nhận của tâm thức này, thì lúc đó chúng ta mới hơn các vị tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định kia. Khi nào tâm chúng ta vẫn còn sự so sánh phân biệt để lấy bỏ, chúng ta vẫn còn Ngã, còn Pháp nơi đó thì chúng ta không thể so sánh với người tu bố thí Ba la mật.

Một người bố thí Ba la mật không phải là đem quốc thành thê tử, đem nhà cửa của cải ra cúng dường, mà bố thí Ba la mật là tâm họ không còn vướng lại tình cảm cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái. Không còn những tâm đắm trước trong tiền tài, danh vọng, sắc đẹp, trong ăn uống, ngủ nghỉ. Phước báo của người đó vô cùng lớn chỉ có chư Phật mới có thể biết ngần mé của nó.

Bố thí Ba la mật là hoàn toàn không còn dính cái gì, mặc dù họ vẫn làm ăn kinh tế nhưng họ không dính tới tiền bạc.

Họ làm có tiền để giúp người khác, hoặc phụng sự Tam Bảo là hạnh nguyện của họ. Khi chúng ta tin phẩm Như Lai Thọ Lượng bằng lòng tin thanh tịnh thì phước chúng ta sẽ hơn người bố thí Ba la mật kia. Tức là chúng ta tin tất cả chúng sanh đều có Tự Tánh thanh tịnh, sáng suốt, bất sanh bất diệt từ ngàn xưa tới bây giờ. Chúng ta vững tin điều này để chúng ta tu tập. Và từng giờ từng phút từng giây nó luôn hiện hữu với chúng ta, là lúc đó chúng ta có lòng tin thanh tịnh. Lòng tin thanh tịnh không mang màu sắc của ý thức, đã có ý thức dự vào thì hết thanh tịnh rồi.

Phân trùng tụng Đức Phật nhắc lại ý trên. Nếu người tu tập Thiên định, Nhẫn nhục mà gặp người mắng nhiếc chửi rủa, làm nhiều điều xấu mà trong tâm người đó không hề có sự động niệm để phỉen hà thì điều này rất khó nhưng vẫn không có thể so sánh được với người có lòng tin thanh tịnh đối với phẩm Như Lai Thọ Lượng.

Người đủ lòng tin thanh tịnh với phẩm Như Lai Thọ Lượng có nghĩa là họ đã thể nhập vào Tri Kiến Phật, thể nhập vào Tự Tánh thanh tịnh bất sanh bất diệt, sáng suốt nhiệm mầu, là người đã có đầy đủ trí tuệ giác ngộ để đạt được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

VĂN KINH

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu người cầu tuệ Phật.

Trong tám mươi muôn ức

Na do tha kiếp số

Tu năm Ba la mật

Ở trong các kiếp đó

Bồ thí cúng dường Phật
 Và Duyên Giác đệ tử
 Cùng các chúng Bồ Tát,
 Đồ uống ăn báu lạ
 Thượng phục và đồ nằm
 Chiên đàn dựng tinh xá
 Dựng vườn rừng trang nghiêm
 Bồ thí như thế thấy
 Các món đều vi diệu
 Hết các kiếp số này
 Để hồi hướng Phật đạo,
 Nếu lại gìn cầm giới
 Thanh tịnh không thiếu sót
 Cầu nơi đạo Vô thượng
 Được các Phật khen ngợi
 Nếu lại tu nhẫn nhục
 Trụ nơi chỗ điều nhu
 Dầu các ác đến hại
 Tâm đó chẳng khuynh động
 Các người có được Pháp
 Cưu lòng tăng thượng mạn
 Bị bọn này khinh nạo
 Như thế đều nhẫn được
 Hoặc lại siêng tinh tấn
 Chí niệm thường bền vững
 Trong vô lượng ức kiếp
 Một lòng chẳng trễ thôi.
 Lại trong vô số kiếp
 Trụ nơi chỗ vắng vẻ
 Hoặc ngồi hoặc kinh hành
 Trừ ngã thường nhiếp tâm
 Do các nhân duyên đó
 Hay sanh các thiên định,

Tám mươi ức muôn kiếp
An trụ tâm chẳng loạn
Đem phước thiên định đó
Nguyện cầu đạo Vô thượng
Ta được Nhất thiết trí
Tận ngăn các thiên định
Người đó trong trăm nghìn
Muôn ức kiếp số lâu
Tu các công đức này
Như trên đã nói rõ.
Có thiện nam, tín nữ.
Nghe Ta nói thọ mạng
Nhẫn đến một niềm tin
Phước đây hơn phước kia
Nếu người trọn không có
Tất cả các nghi hối
Thân tâm giây lát tin
Phước đó nhiều như thế.
Nếu có các Bồ Tát
Vô lượng kiếp hành đạo
Nghe Ta nói thọ mạng
Đây thì tin nhận được
Các hàng người như thế
Đảnh thọ Kinh điển này
Nguyện Ta thưở vị lai
Sống lâu độ chúng sanh
Như Thế Tôn ngày nay
Vua trong các họ Thích
Đạo tràng rền tiếng lớn
Nói Pháp không sợ sệt
Chúng ta đời vị lai
Được mọi người tôn kính
Lúc ngồi nơi đạo tràng

**Nói thọ mạng cũng thế,
 Nếu có người thâm tâm
 Trong sạch mà ngay thật
 Học rộng hay tổng trì
 Tùy nghĩa giải lời Phật
 Những người như thế đó
 Nơi đây không có nghi.**

Lại A Dật Đa! Nếu có người nghe nói Đức Phật thọ mạng dài lâu, hiểu ý thú của lời nói đó, người này được công đức không có hạn lượng, có thể sanh huệ Vô thượng của Như Lai. Huông là người rộng nghe Kinh này, hoặc bảo người nghe, hoặc tự thọ trì, hoặc bảo người thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, hoặc đem hoa hương, chuỗi ngọc, tràng phan, lọng nhiễu, dầu thơm, đèn nến cúng dường quyển Kinh, công đức của người này vô lượng vô biên có thể sanh Nhất thiết chủng trí.

A Dật Đa! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe Ta nói thọ mạng dài lâu sanh lòng tin hiểu chắc, thì chính là thấy Đức Phật thường ở núi Kỳ Xà Quật, cùng chúng Bồ Tát lớn và hàng Thanh Văn vây quanh nói Pháp.

Lại thấy cõi Ta Bà này đất bằng lưu ly ngang liền bằng phẳng, dây vàng Diêm phù đàn để ngăn tám nẻo đường, cây báu bảy hàng, các đài lầu nhà thấy đều các thứ báu hợp thành, chúng Bồ Tát đều ở trong đó. Nếu có người tưởng quán được như thế, phải biết đó là tướng tin hiểu sâu chắc.

Và lại sau Đức Như Lai diệt độ, nếu có người nghe Kinh này mà không chê bai, sanh lòng tùy hỷ phải biết

đó đã là tướng tin hiểu sâu chắc, huống là người đọc, tụng, thọ trì Kinh này, người này thì là kẻ đầu đội Đức Như Lai.

A Dật Đa! Thiện nam tử cùng thiện nữ nhân đó chẳng cần lại vì Ta mà dựng chùa tháp và cất Tăng phường dùng bốn sự cúng dường để cúng dường chúng Tăng. Vì sao? Vì thiện nam tử, thiện nữ nhân đó thọ trì, đọc tụng Kinh điển này thì là đã dựng tháp tạo lập Tăng phường cúng dường chúng tăng, thì là đem Xá lợi của Phật dựng tháp bảy báu cao rộng nhỏ lẫn lên đến trời Phạm Thiên, treo các phan lọng và các linh báu, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, các trống, kỹ nhạc, ống tiêu, ống địch, không hầu các thứ múa chơi, dùng tiếng giọng tốt ca ngâm khen ngợi, thì là ở trong vô lượng nghìn muôn ức kiếp đã làm việc cúng dường đó rồi.

A Dật Đa! Nếu sau khi Ta diệt độ, nghe Kinh điển này, có người hay thọ trì, hoặc tự chép hoặc bảo người chép, đó là dựng lập Tăng phường, dùng gỗ Chiên đàn đổ làm các cung điện nhà cửa ba mươi hai sở, cao bằng tám cây đa la, cao rộng nghiêm đẹp, trăm nghìn Tỳ kheo ở nơi trong đó. Vườn, rừng, ao tắm, chỗ kinh hành, hang ngồi thiền, y phục, đồ uống ăn, giường nệm, thuốc thang tất cả đồ vui đầy đầy trong đó, Tăng phường có ngàn ấy trăm nghìn muôn ức nhà gác như thế, số đó nhiều vô lượng, dùng để hiện tiền cúng dường nơi Ta và Tỳ kheo Tăng.

Sau khi Đức Phật nói phẩm Như Lai Thọ Lượng thì có rất nhiều chư vị Bồ Tát ở mười phương chứng đạo quả. Đức Phật khẳng định lại: Nếu có người nghe Đức Phật thọ mạng

dài lâu như thế mà hiểu ý thú của lời nói đó, người này được công đức không có hạn lượng, có thể sanh trí tuệ của Như Lai.

Nếu chúng ta tin trên ngôn ngữ rằng Đức Phật có thọ mạng lâu dài không thể tính đếm được. Và nếu chúng ta tin thêm một điều nữa nơi Đức Phật có Tự Tánh bất sanh bất diệt, nơi Đức Phật có Tri Kiến là cái thấy biết Phật và nơi mình cũng có cái thấy biết Phật như Ngài. Như vậy, coi như chúng ta đã tin một phần nào đó về ý thú trong Kinh điển này muốn nói.

Nhưng thật sự muốn tin và hiểu được ý thú trong Kinh điển, người đó phải nhận ra chứ không phải tin và nhận trên mặt tri thức. Chúng ta hiểu trên mặt tri thức thì chúng ta không thể thông cảm nổi có Tự Tánh thanh tịnh trải qua trăm ngàn năm không hư hoại và cái đó luôn hiển hiện với chính mình, do vậy chúng ta chưa có công đức lớn.

Người học đạo đủ lòng tin thấy nơi mình có Tự Tánh chân thật bất sanh bất diệt là người đó đã công phu nhiều đời nhiều kiếp rồi. Dù có bất kỳ một lý luận nào cũng không thể thay đổi được cái thấy biết của người ấy, không thể lay động được tâm tưởng người đó.

Khi có đủ lòng tin thì không ai có thể lay đổ được, nhưng vẫn chưa có thể xếp vào loại tin sâu như trong Kinh Pháp Hoa nói. Tức là khi chúng ta đọc bản Kinh này chúng ta nhận ra một điều là Đức Phật muốn nói ý gì trong này, chứ không phải Đức Phật muốn nói chuyện Đức Phật có thọ mạng dài lâu. Ý trong đoạn này, Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy tất cả chúng sanh đều có cái chân thật bất sanh bất diệt, trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp không bao giờ bị hư hoại.

Và muốn chúng ta thể nhập được Như Lai Tự Tánh bất sanh bất diệt của chính mình. Người nào nhận hiểu được ý thú này thì có phước vô biên và có thể sanh được tuệ của Như Lai.

Muốn nghe bằng tuệ Như Lai thì ngay tại đây chúng ta nghe một cách rất rõ ràng không thông qua bất kỳ công phu nào. Bây giờ chúng ta đang ở đây, xung quanh chúng ta có bao nhiêu tiếng động lớn hoặc nhỏ, nhiều hoặc ít, xa hoặc gần thì chúng ta đồng thời nghe một lượt và rõ thấu vị trí từng âm thanh phát ra nơi đó không lầm lẫn. Đó là cái nghe bằng tuệ của Như Lai.

Khi đôi duyên xúc cảnh, trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ giữa cuộc sống này, người đó không bao giờ sanh bất kỳ ý niệm phân biệt. Người đó thấy tất cả cảnh duyên không lôi quá khứ ra để so sánh và không vọng hướng tương lai. Khi tiếp xúc sự việc thì như vậy để chúng ta thấy biết thôi, không thêm không bớt, trong đi đứng nằm ngồi, lục căn tiếp xúc lục trần như thế nào chúng ta thấy rõ ràng như thế đó, là chúng ta sử dụng cái tuệ của Như Lai vào cuộc sống của mình.

Người nào hiểu và tin sâu được ý thú đó thì sẽ thấy Đức Phật tại núi Kỳ Xà Quật cùng chúng đại Tỳ kheo, cùng hàng Thanh Văn vây quanh nói Pháp. Lúc đó tất cả mọi cái trước mắt chúng ta hết sức bình đẳng, cái bình đẳng đó hiển lộ nơi thấy nghe của chúng ta, lúc đó Đức Phật không phải nói Pháp ở núi Kỳ Xà Quật nữa mà có thể nói trước mặt mình. Và có chúng Đại Bồ Tát, Thanh Văn vây quanh, thấy Pháp hội ở Linh Sơn có đầy đủ Long, Thiên, Hộ Pháp, Càn thát bà, A tu la v.v... không thiếu sót bất kỳ cái gì, mọi cái hiện

tiền đều là vàng bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách.

Có lần nào đó chúng ta hồi ức lại chuyện chúng ta nghe Kinh Pháp Hoa và tự động rớt vào chỗ tin chắc thật. Không phải chúng ta huân quán, không phải chúng ta tu tập, chúng ta không sử dụng bất kỳ công phu nào, lúc đó chúng ta in tuồng như bất động hoàn toàn, như vòi nước đang mở có người khóa chặt lại không còn một giọt nào rơi ra ngoài, nơi tâm thức chúng ta cũng không còn hoạt động được nữa thì tự động chúng ta sẽ thấy được Đức Phật đang thuyết Pháp ở hội Linh Sơn. Bài Pháp đó cho tới giờ phút này vẫn luôn sống động và trường tồn mãi mãi chưa bao giờ bị đoạn dứt, chưa bao giờ tạm dừng.

Phút chốc ở trạng thái đó thì tất cả hình sắc sáng rực gấp mười lần, gấp trăm lần, gấp ngàn lần so với cái thấy bằng mắt của chúng ta bây giờ. Khi đầu chúng ta còn tư tưởng thì nó không phát sáng nơi mình. Nhưng khi cái tưởng quá khứ vị lai lặng dứt thì tự động chúng ta sáng một cách kỳ lạ. Ai có lần như vậy sẽ cảm nhận được Phật Pháp thật sự vi diệu. Cõi này không phải là đất đai gò nông nữa, nhà này không phải gạch xi măng nữa, lúc đó thật sự là bảy báu, là màn lọng giăng che, đất bằng lưu ly, xa cừ, mã não v.v... Một lần như vậy người đó mới được gọi là lòng tin chắc thật, không lay động.

Chỉ cần một lúc chúng ta đừng có hướng ngoại nữa thì chúng ta vốn ở trong nhà chứ không phải chúng ta quay lại làm thêm động tác gì. Chúng ta đừng bao giờ lầm là khi chúng ta quay về hướng nội, là chúng ta phải làm thêm cái gì đó mới được gọi về nhà, không phải như vậy. Chúng ta vốn ở trong đó rồi, bây giờ chúng ta có chịu chấp nhận là

mình đang ở nơi đó hay là không thôi, chứ không phải là chúng ta phải làm thêm cái gì cả.

Đức Phật nói: Nếu chúng ta có lòng tin không chê bai, không lay động mà tùy hỷ với phẩm Như Lai Thọ Lượng thì chúng ta không cần làm chuyện bên ngoài như là đúc chuông, dựng tháp, dựng chùa, cất Tăng phòng, không cần dùng bốn sự cúng dường chúng Tăng v.v... thì là đem Xá lợi của Phật dựng tháp bảy báu cao rộng nhỏ lẫn lên đến Trời Phạm Thiên, treo các phan lọng và các linh báu, hoa, hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, các trống, kỹ nhạc, ống tiêu, ống địch, không hầu các thứ múa chơi, dùng tiếng giọng tốt ca ngâm khen ngợi, thì là ở trong vô lượng nghìn muôn ức kiếp đã làm việc cúng dường đó rồi. Vì sao? Vì ở nơi lòng tin đó có đầy đủ Tam Bảo, có đầy đủ Phật, Pháp, Tăng; không cần dựng lập Phật, Pháp, Tăng nữa.

Sau khi Đức Phật diệt độ rồi nghe Kinh điển này, có người hay thọ trì, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, đó là dựng lập Tăng phường, làm vườn, rừng, ao tắm, chỗ kinh hành, hang ngồi thiền, y phục, đồ uống ăn, giường nệm, thuốc thang tất cả đồ vui đầy đầy trong đó, số đó nhiều vô lượng, dùng để hiện tiền cúng dường chư Tăng. Tất cả những đồ cúng dường đó, cũng ở trong tâm của người có lòng tin chắc thật không bao giờ lay động kia. Có nghĩa, khi một người có đầy đủ lòng tin chắc thật rồi thì họ có đầy đủ phước báo mà không cần phải tạo dựng thêm bên ngoài.

VĂN KINH

Cho nên Ta nói: Sau khi Như Lai diệt độ nếu có người thọ trì, đọc tụng, vì người khác nói. Hoặc mình

chép hoặc bảo người chép, cúng dường Kinh quyển thì chẳng cần lại dựng chùa tháp và tạo lập Tăng phường cúng dường chúng Tăng. Huống lại có người hay thọ trì Kinh này mà gồm tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, công đức của người đây rất thù thắng vô lượng vô biên.

Thí như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên, dưới vô lượng vô biên, công đức của người đó cũng lại như thế vô lượng vô biên mau đến bậc Nhất thiết chủng trí. Nếu có người đọc tụng thọ trì Kinh này vì người khác nói, hoặc tự chép, hoặc bảo người chép, lại có thể dựng tháp cùng tạo lập Tăng phường cúng dường khen ngợi chúng Thanh Văn tăng, cũng dùng trăm nghìn muôn pháp ngợi khen mà ngợi khen công đức của Bồ Tát.

Lại vì người khác dùng các món nhân duyên theo nghĩa giải nói Kinh Pháp Hoa này, lại có thể thanh tịnh trì giới cùng người nhu hòa mà chung cùng ở, nhẫn nhục không sân, chí niệm bền vững, thường quý ngời thiên được các món định sâu, tinh tấn mạnh mẽ nhiếp các pháp lành, căn lành trí sáng, giải gạn hỏi đáp.

A Dật Đa! Nếu sau khi Ta diệt độ các thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì đọc tụng Kinh điển này lại có các công đức lành như thế, phải biết người đó đã đến đạo tràng gần Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác ngồi dưới cội đạo thọ.

A Dật Đa! Chỗ của thiện nam tử cùng thiện nữ nhân đó hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, trong đó bèn nên xây

tháp, tất cả trời người đều phải cúng dường như tháp của Phật.

Đức Phật nói người dù tu Lục độ Ba la mật, dù họ bố thí cúng dường, xây Tăng phường cúng dường vẫn không bằng người có lòng tin chắc thật. Người có lòng tin chắc thật phải có một lần mình thấy rõ Pháp hội Linh Sơn, có chúng Đại Bồ Tát và thời Pháp đang sống động trước mắt chúng ta. Tất cả cõi Ta Bà này đều biến thành bảy báu thì lúc đó chúng ta mới hơn người tu Lục Độ Ba la mật.

Đức Phật ví dụ: Thí như hư không, Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn phía trên, dưới vô lượng vô biên, công đức của người đó cũng lại như thế vô lượng vô biên mau đến bậc Nhất Thiết Chủng Trí. Đức Phật khen ngợi người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, và họ có cuộc sống thanh tịnh trì giới cùng người nhu hòa mà chung cùng ở, nhẫn nhục không sân, chí niệm bền vững, thường quý ngời thiên, được các món định sâu, tinh tấn mạnh mẽ nhiếp các pháp lành, căn lành trí sáng, giỏi gạn hỏi đáp. Có gạn hỏi cỡ nào người đó cũng đủ lý luận để giải đáp và luôn giữ đúng Chánh Pháp, trả lời không bao giờ bị sai lệch Chánh Pháp của Như Lai, đúng với chân lý và không sai với điều chư Phật muốn chỉ bày. Tức là người giỏi hỏi thì cũng phải dùng chân lý hỏi. Và khi bị gạn hỏi cũng trả lời rất phù hợp với chân lý, gọi là giỏi gạn hỏi đáp.

Người đó luôn nhiếp trong Pháp lành, tức là sống an lành, sống trong điều thiện chứ trong tâm họ không bao giờ còn rỉ chảy, không còn điều ác xảy ra nơi tâm nữa và luôn tinh tấn không có giờ phút nào trong lòng họ bị thất niệm cả. Đi, đứng, nằm, ngồi đều hiển hiện trong cái Tri Kiến

Phật rộng lặng thanh tịnh sáng suốt thì người đó xứng được trời người cúng dường.

VĂN KINH

Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Sau khi Ta diệt độ
 Hay phụng trì Kinh này
 Người đó phước vô lượng
 Như trên đã nói rõ.
 Đó thì là đầy đủ
 Tất cả các cúng dường
 Dùng Xá lợi xây tháp
 Bảy báu để trang nghiêm.
 Chùa chiền rất cao rộng
 Nhỏ lẫn đến Phạm thiên
 Linh báu nghìn muôn ức
 Gió động vang tiếng màu,
 Lại trong vô lượng kiếp
 Mà cúng dường tháp đó
 Hoa hương, các chuỗi ngọc
 Thiên y, các kỹ nhạc
 Thắp đèn dầu nến thơm
 Quanh khắp thường soi sáng,
 Lúc đời ác Mạt Pháp
 Người hay trì Kinh này
 Thì là đã đầy đủ
 Các cúng dường như trên.
 Nếu hay trì Kinh này
 Thì như Phật hiện tại
 Dùng Ngưu đầu chiên đàn
 Dựng Tăng phùng cúng dường

Nhà ba mươi hai sở
Cao tám cây Đa la
Đồ ngon y phục tốt
Giường nằm đều đầy đủ.
Trăm nghìn chúng nương ở
Vườn rùng các ao tắm
Chỗ kinh hành, ngồi thiền
Các món đều nghiêm tốt.
Nếu có lòng tín hiệu
Thọ trì, đọc tụng biên
Nếu lại bảo người biên
Và cúng dường Kinh quyển.
Rải hoa hương, hương bột
Dùng tu mạn, chiêm bặc
A đề, mục đa đà
Uớp dầu thường đốt đó
Người cúng dường như thế
Được công đức vô lượng
Như hư không vô biên
Phước đó cũng như thế.
Huống lại trì Kinh này
Gồm bố thí trì giới,
Nhẫn nhục ưa thiền định
Chẳng sân, chẳng ác khẩu
Cung kính nơi tháp miếu
Khiêm hạ các Tỳ kheo
Xa lìa tâm tự cao
Thường nghĩ suy trí tuệ,
Có gạn hỏi chẳng sân
Tùy thuận vì giải nói
Nếu làm được hạnh đó
Công đức chẳng lường được.
Nếu thấy Pháp sư này

**Nên công đức như thế
Phải dùng hoa trời rải
Áo trời trùm thân kia
Đầu mặt tiếp chân lạy
Sanh lòng tưởng như Phật,
Lại nên nghĩ thế này:
Chẳng lâu đến đạo thọ
Được vô lậu vô vi
Rộng lợi các người trời
Chỗ trụ chỉ của kia
Kính hành hoặc ngồi nằm
Nhấn đến nói một kệ
Trong đây nên xây tháp
Trang nghiêm cho tốt đẹp
Các món đem cúng dường,
Phật tử ở chỗ này
Thì là Phật thọ dụng
Thường ở nơi trong đó
Kính hành và ngồi nằm.**

Phần trùng tụng lặp lại ý trên.

PHẨM “TÙY HỖ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào nghe Kinh Pháp Hoa này mà tùy hỷ đó, được bao nhiêu phước đức? Liên nói kệ rằng:

Sau khi Phật diệt độ
Có người nghe Kinh này
Nếu hay tùy hỷ đó
Lại được bao nhiêu phước?

Khi đó Phật bảo ngài Di Lạc Bồ Tát rằng: A Dật Đa! Sau khi Như Lai diệt độ nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu ba tắc, Ưu bà di và người trí khác, hoặc lớn, hoặc nhỏ nghe Kinh này mà tùy hỷ rồi, từ trong Pháp hội ra đến chỗ khác, hoặc tại tăng phòng, hoặc chỗ vắng vẻ, hoặc thành ấp, đường xá, xóm làng, ruộng rẫy, đem Pháp đúng như chỗ đã nghe mà vì cha mẹ tôn thân, thiện hữu tri thức tùy sức diễn nói. Các người đó nghe rồi tùy hỷ lại đi truyền dạy người khác, người khác nghe rồi cũng tùy hỷ truyền dạy, xoay vần như thế đến người thứ năm mươi.

A Dật Đa! Công đức tùy hỷ của thiện nam tử, thiện nữ nhân thứ năm mươi đó, Ta nay nói, ông phải lắng nghe.

Nếu bốn trăm muôn ức vô số thế giới có sáu đường chúng sanh trong bốn loài sanh: noãn sanh, thai sanh,

thấp sanh, hoá sanh, hoặc có hình, không hình, có tướng, không tướng, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, tất cả trong số chúng sanh như thế, có người cầu phước tùy theo đồ ưa thích của chúng muốn đều cung cấp cho đó. Mỗi mỗi chúng sanh cho các trân bảo tốt: vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách đầy cả Diêm phù đề và voi, ngựa, xe cộ, bảy báu làm thành những cung điện lầu gác v.v...

Vị đại thí chủ đó bố thí như thế đủ tám mươi năm rồi mà nghĩ rằng: Ta đã ban cho chúng sanh những đồ ưa thích tùy theo ý muốn, nhưng chúng sanh này đều già suy tuổi quá tám mươi, tóc bạc mặt nhăn gần chết chẳng lâu, Ta phải dùng Phật Pháp mà dạy bảo dìu dắt chúng. Liên nhóm chúng sanh đó tuyên bày Pháp giáo hóa, chỉ dạy lợi ích vui mừng. Đồng thời được đạo Tu đà hoàn, đạo Tư đà hàm, đạo A na hàm, đạo A La Hán dứt hết cả hữu lậu, với những thiên định sâu đều được tự tại, đủ tám giải thoát.

Ý ông nghĩ sao? Công đức của vị đại thí chủ đó được, có nhiều chăng?

Ngài Di Lặc bạch Phật rằng: Thế Tôn! Công đức của người đó rất nhiều vô lượng vô biên. Nếu vị thí chủ đó chỉ thí tất cả đồ ưa thích cho chúng sanh công đức đã vô lượng rồi, huống làm cho đều được quả A La Hán.

Phật bảo ngài Di Lặc: Ta nay rành rẽ nói cùng ông, người đó đem tất cả đồ vui thích thí cho sáu đường chúng sanh trong bốn trăm ức vô số thế giới lại khiến được quả A La Hán, công đức của người đó chẳng được

bằng công đức của người thứ năm mươi kia nghe một bài kệ Kinh Pháp Hoa mà tùy hỷ, trăm phần, nghìn phần, muôn ức phần chẳng bằng một phần, nhân đến tính, đếm, thí dụ không thể biết được.

A Dật Đa! Người thứ năm mươi như thế, xoay vần nghe Kinh Pháp Hoa, công đức tùy hỷ còn vô lượng vô biên A tăng kỳ, huống là người tối sơ ở trong hội nghe Kinh mà tùy hỷ, phước đó lại hơn vô lượng vô biên A tăng kỳ không thể sánh được.

Đức Phật nói công đức người nghe Kinh Pháp Hoa. Ví dụ trong Pháp hội này có người nghe Kinh Pháp Hoa, người này đi về nhà kể lại cho người khác nghe, người đó kể cho người khác nghe nữa, tức là người thứ ba. Người thứ ba đem kể cho người thứ tư, người thứ tư kể cho người thứ năm và kể cho tới người thứ năm mươi. Người thứ năm mươi nghe điều này mà tùy hỷ công đức thì Đức Phật so sánh là:

Nếu có trăm muôn ức vô số thế giới có sáu đường chúng sanh. Tất cả trong số chúng sanh như thế, người cầu phước tùy theo đồ họ ưa thích mà cung cấp vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách đầy cả Diêm phù đề và voi, ngựa, xe cộ, bảy báu làm thành những cung điện lầu gác v.v... Vị đại thí chủ đó bố thí như thế đủ tám mươi năm rồi thấy chưa đủ, dùng Phật Pháp mà dạy bảo dìu dắt chúng tu chúng đạo quả Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán dứt hết cả hữu lậu, với những thiên định sâu đều được tự tại, đủ tám giải thoát. Thì công đức người đó chúng ta không thể tính lường. Vậy mà Đức Phật nói vẫn không so sánh được với công đức của người thứ năm mươi này.

Chúng ta tin nổi không? Huống chi chúng ta là người đầu tiên học Kinh này.

Kinh Pháp Hoa từng lời từng chữ đã có rất nhiều Thiên Long Hộ pháp thủ hộ giữ gìn, cho nên người nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa đều có phước báo lớn. Đây là điều thật. Đó là Sự, chúng ta chưa bàn về Lý. Sự thật không có phước chúng ta không thể gặp bản Kinh này. Đây là tạng bí mật của chư Như Lai. Đây là Pháp Bảo trong tất cả Pháp Bảo. Đức Như Lai tới trăm ngàn muôn ức kiếp mới nói một lần cho chúng sanh nghe. Tức là đến giai đoạn nào đó Đức Phật mới nói Kinh Pháp Hoa chứ không dễ nghe được, không dễ mà chúng ta thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa được.

Chúng ta ở cách Đức Phật hơn hai ngàn năm trăm năm, vậy mà chúng ta vẫn còn học trọn vẹn từ đầu tới cuối bản Kinh Pháp Hoa, đó là phước duyên lành chúng ta vô cùng lớn. Có điều chúng ta phải thêm một bước nữa để chúng ta nhận ra Tri Kiến Phật, chúng ta sống được trong Tri Kiến Phật thì lúc đó chúng ta trọn vẹn ở trong cảnh giới của chư Như Lai. Trong cảnh giới Pháp Hoa thì phước báo chúng ta thật sự lớn, đúng như Kinh điển nói.

Bây giờ chúng ta chỉ hiểu và nghe trọn vẹn bản Kinh Pháp Hoa từ đầu tới cuối là phước báo chúng ta vô cùng lớn. Và phước báo đó đủ làm nền tảng cho chúng ta đi đến quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Mặc dù chúng ta chưa phải là người thâm nhập Pháp Hoa, nhưng chúng ta nghe chúng ta hiểu từng phẩm, chúng ta chấp nhận được và không bao giờ có ý niệm chê bai, không có ý niệm ngờ vực thì phước báo để chúng ta gieo nhân vào quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chứ không phải phước báo bình thường.

Chúng ta nhìn lại tám tỷ người trong cõi Ta Bà thì có mấy người nghe, tin và hiểu Kinh Pháp Hoa, ít lắm, số lượng rất là hiếm. Chúng ta là một trong số người hiếm ấy thì biết chúng ta có phước cũng lớn, để mình có thể nghe mà không có lòng chống trái. Tức là có lòng tin chắc thật những lời nói trong Kinh là lời nói chắc thật của chư Như Lai. Và chúng ta đủ lòng tin có Phật Tri Kiến, là chúng ta đã tin trọn vẹn thì phước báo chúng ta mới lớn.

Tất cả những phước báo ở trần gian này chỉ là phước hữu lậu mà thôi, còn một người nhập trong bể Tánh Như Lai, được trí tuệ của Như Lai, để đạt đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đủ sức khai thị cho chư Đại Bồ Tát khắp mười phương cùng tất cả chúng sanh nhận được Tri Kiến Phật và có khả năng thành Phật trong tương lai, được như vậy mới hơn người bố thí cho chúng sanh và dạy cho chúng sanh chứng quả A La Hán ở đoạn trước.

VĂN KINH

Lại A Dật Da! Nếu có người vì Kinh này mà qua đến Tăng phòng, hoặc ngồi, hoặc đứng, trong chốc lát nghe nhận, nhờ công đức đó chuyển thân sanh ra được voi, ngựa, xe cộ, kiệu, cang bằng trân bảo tốt đẹp bậc thượng và ở thiên cung.

Nếu có người ngồi trong chỗ giảng Pháp, sau lại có người đến bèn khuyên mời ngồi nghe, hoặc chia chỗ cho ngồi, công đức của người đó chuyển thân được chỗ ngồi của Đế Thích hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương hoặc chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương.

Ví dụ quý vị biết ở đây có giảng Kinh Pháp Hoa, quý vị tới đây để nghe, ngồi nghe, hoặc đứng nghe, hoặc nghe

trong chốc lát, hoặc nghe loáng thoáng chứ không nghe kỹ thì phước khi sanh ra đời có voi, ngựa, xe cộ, đi đâu có người khiêng kiệu, cang bằng trân bảo tốt đẹp và được sanh cõi Trời. Chúng ta tin nổi không? Hoặc sau lại có người đến mình nhường chỗ cho, hoặc chia sẻ chỗ ngồi thì chúng ta thân đời sau được chỗ ngồi của Đế Thích. Hoặc chỗ ngồi của Phạm Vương là cõi Trời Phạm Thiên Vương. Hoặc chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương.

“*Chỗ ngồi của Chuyển Luân Thánh Vương*”: Tức là nếu không xuất gia thì làm vua Tứ châu thiên hạ. Có bảy báu: luân báu, tượng báu, mã báu, châu báu, nữ báu, cư sĩ báu, chủ binh thân báu và toàn dân ở trong vùng người đó cai trị đều tu Thập thiện. Tức là độ người bằng thiện pháp chứ không phải độ người bằng quyền lực. Vàng, bạc, châu báu khắp bốn châu thiên hạ đều nằm trong sự quản lý của người đó, phước báo vô cùng lớn.

Chỉ cần nhường chỗ cho người ta ngồi nghe Pháp là đã có phước báo lớn rồi. Cho nên Pháp hội Pháp Hoa mỗi lúc mỗi đông, là mình biết cách để mình làm phước rồi. Mình làm phước kiểu này để có chỗ ngồi của Đế Thích, Phạm Vương. Chúng ta phải làm sao chuyển tải Giáo Pháp của chư Phật đến tất cả mọi người thì phước báo chúng ta sẽ lớn để mình có thể sanh về cõi Trời, thậm chí chúng ta có thể làm Chuyển Luân Thánh Vương.

VĂN KINH

A Dật Đa! Nếu lại có người nói với người khác rằng: Có Kinh tên Pháp Hoa nên cùng nhau qua nghe. Liên nhận lời bảo nhận đến nghe trong giây lát, công đức của người đó, chuyển thân được với Đà la ni Bồ Tát, sanh

chung một chỗ, căn tánh lạnh lợi, có trí tuệ, trăm nghìn muôn đời, trọn chẳng ngọng câm, hơi miệng chẳng hôi, lưỡi thường không bệnh, miệng cũng không bệnh, răng chẳng đen dơ, chẳng vàng, chẳng thưa, cũng chẳng thiếu rụng, chẳng so le, chẳng sứt gãy, môi chẳng trớt, cũng chẳng rút túm, chẳng thô rít, chẳng ghẻ nứt, cũng chẳng sứt hư, cũng chẳng cong vẹo, chẳng dày chẳng lớn, cũng chẳng đen nám, không có các tướng đáng chê.

Mũi chẳng xẹp giẹp, cũng chẳng cong gãy, sắc mặt chẳng đen, chẳng hẹp dài cũng chẳng hóm gãy, không có tất cả tướng chẳng đáng ưa, môi lưỡi răng nướu thấy điều nghiêm tốt, mũi lớn cao thẳng, diện mạo tròn đầy, mày cao mà dài, trán rộng bằng thẳng, tướng người đầy đủ, đời đời sanh ra thấy Phật, nghe Pháp tin nhận lời dạy bảo.

A Dật Đa! Người hãy xem khuyên nơi một người khiến qua nghe Pháp mà công đức như thế, huống là một lòng nghe, nói, đọc, tụng, lại ở trong đại chúng vì người phân biệt, đúng như lời dạy mà tu hành.

Đức Phật nói với ngài Di Lặc Bồ Tát, chỉ cần chúng ta khuyên một người đi nghe Pháp thì đời đời sanh ra cùng với Bồ Tát, được sanh chung ở chung với Bồ Tát thì mình là Bồ Tát. Trí tuệ đầy đủ, trăm nghìn muôn đời sanh ra tướng tốt quý đẹp ở nơi mặt, tướng đẹp ở nơi mũi, tướng đẹp ở nơi môi, tướng đẹp ở mắt. Phước này dễ làm. Huống chi chúng ta một lòng nghe thì phước còn lớn hơn người này nữa. Hoặc chúng ta đọc tụng, chúng ta thọ trì Kinh điển cũng có phước báo.

Đức Phật nói tới người giảng nói Kinh Pháp Hoa cho đại chúng nghe thì phước báo lớn hơn nữa. Kinh Pháp Hoa là bản Kinh rất sâu mâu trong hệ thống Kinh điển Đại thừa. Và tất cả người nghe tùy hỷ đều được phước báo lớn vô lượng vô biên.

Chúng ta có duyên lành nghe Kinh Pháp Hoa, mong sao duyên lành này chúng ta sẽ giữ mãi để làm hành trang chắc thật để chúng ta đi thẳng tới đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Dù là phước báo có sanh về cõi Trời, dù chúng ta có làm Chuyển Luân Thánh Vương thì vẫn là người chưa thoát khỏi Tam giới. Do vậy, chỉ cần chúng ta nghe, chúng ta tin hiểu, chúng ta biết phước này rồi thì nhân có phước báo này chúng ta cố gắng tu tập thêm, để một ngày nào đó chúng ta thật sự là người sống trong cảnh giới Pháp Hoa mà chư Phật đã chỉ dạy.

Tức là phải sanh tuệ Như Lai. Đi, đứng, nằm, ngồi chúng ta ở trong cái thấy biết chân thật mà không bị lay động bởi duyên cảnh bên ngoài. Trí tuệ chúng ta luôn luôn sáng và luôn sống đúng với chân lý từng giờ, từng phút, từng giây. Luôn ở trong Tự Tánh không lay động thì chúng ta mới đủ phước báo, thậm chí chúng ta phải vượt hơn phước báo đó, để một ngày trí tuệ chúng ta tròn đầy và thật sự chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì chúng ta mới dừng việc học đạo của mình.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Nếu người trong Pháp hội
Được nghe Kinh điển này**

**Nhấn đến một bài kệ
Tùy hỷ vì người nói
Xoay vần lại như thế
Đến người thứ năm mươi
Người rớt sau được phước
Nay sẽ phân biệt đó.
Như có đại thí chủ
Cung cấp vô lượng chúng
Đầy đủ tám mươi năm
Tùy ý chúng ưa muốn
Thấy chúng: Tướng già suy
Tóc bạc và mặt nhăn
Răng thưa, thân khô gầy
Nghĩ họ sắp phải chết
Ta nay phải nên dạy
Cho chúng được đạo quả
Liên vì phương tiện nói
Pháp Niết Bàn chân thật
Đời đều chẳng bền chắc
Như bọt bóng ánh nắng
Các người đều nên phải
Mau sanh lòng nhàm lìa.
Các người nghe Pháp đó
Đều được A La Hán
Đầy đủ sáu thần thông
Ba minh tám giải thoát.
Người năm mươi rớt sau
Nghe một kệ tùy hỷ
Người này phước hơn kia.
Không thể thí dụ được
Xoay vần nghe như thế.
Phước đó còn vô lượng
Huống là trong Pháp hội**

Người tùy hỷ ban đầu.
 Nếu có khuyển một người
 Dắt đến nghe Pháp Hoa
 Rằng: Kinh này rất màu
 Nghìn muôn kiếp khó gặp
 Liên nhận lời qua nghe
 Nhẫn đến nghe giây lát
 Phước báo của người đó
 Nay nên phân biệt nói.
 Đồi đồi miệng không bệnh
 Răng chẳng thừa vàng, đen,
 Môi chẳng dày teo thiếu
 Không có tướng đáng chê.
 Lưỡi chẳng khô đen ngắn
 Mũi cao lớn mà ngay
 Trán rộng và bằng phẳng
 Mắt, mắt đều đoan nghiêm
 Được người thấy ưa mến
 Hơi miệng không hôi như
 Mùi thơm bông ưu bát
 Thường từ trong miệng ra.
 Nếu có đến tăng phùng
 Muốn nghe Kinh Pháp Hoa
 Giây lát nghe vui mừng
 Nay sẽ nói phước đó:
 Sau sanh trong trời người
 Được voi, xe, ngựa tốt
 Kiệu, cang bằng trân báu,
 Cùng ở cung điện trời.
 Nếu trong chỗ giảng Pháp
 Khuyển người ngồi nghe Kinh
 Nhân vì phước đó được
 Tòa Thích, Phạm, Chuyển Luân

**Hướng là một lòng nghe
Giải nói nghĩa thú Kinh
Đúng như Pháp mà tu
Phước đó chẳng lường được.**

Phân trùng tụng nói lại ý trên.

PHẨM “PHÁP SƯ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI CHÍN

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Thường Tinh Tấn Đại Bồ Tát rằng: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, người đó sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một nghìn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một nghìn hai trăm công đức nơi lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một nghìn hai trăm công đức nơi ý, dùng những công đức này trang nghiêm sáu căn đều được thanh tịnh.

Thiện nam tử và thiện nữ nhân đó, nhục nhãn thanh tịnh của cha mẹ sanh ra, thấy khắp cõi Tam thiên Đại thiên, trong ngoài có những núi, rừng, sông, biển, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi Trời Hữu Đảnh, cũng thấy tất cả chúng sanh trong đó và nghiệp nhân duyên quả báo chỗ sanh ra thấy đều thấy biết.

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Nếu người ở trong chúng
Dùng tâm không sợ sệt
Nói Kinh Pháp Hoa này
Ông nghe công đức đó
Người đó được tám trăm
Công đức thù thắng nhĩ
Do dùng đây trang nghiêm

**Mắt kia rất thanh tịnh.
Mắt thịt cha mẹ sanh
Thấy cả cõi Tam thiên
Trong ngoài núi Di lâu
Núi Tu Di, Thiết Vi
Và các núi rừng khác
Biển lớn nước sông ngòi
Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Chúng sanh ở trong đó
Tất cả đều thấy rõ
Dầu chưa được thiên nhãn
Sức nhục nhãn như thế.**

Lần lượt ba phẩm Đức Phật nói về công đức người thọ trì Kinh Pháp Hoa: Phẩm thứ mười bảy Phân Biệt Công Đức là nói công đức người thọ nhận bản Kinh này. Phẩm thứ mười tám Tùy Hỷ Công Đức là nói công đức người tin hỷ tùy hỷ bản Kinh này. Phẩm thứ mười chín Pháp Sư Công Đức là nói công đức người giảng nói Kinh này. Trong các phẩm đó, Đức Phật ca tụng công đức Kinh Pháp Hoa thật lớn lao. Như vậy chúng ta thọ nhận và gìn giữ Kinh này bằng cách như thế nào để có công đức lớn như vậy?

Không phải thọ trì đọc tụng là chúng ta thỉnh quyển Kinh về chúng ta đem ra đọc văn Kinh chữ nghĩa rồi chúng ta tin theo. Đọc như vậy, có ai được phước nhiều không? Có, nhưng rất ít. Từ đầu bản Kinh Đức Phật nói như ngài Xá Lợi Phất dùng trí tuệ nhiều như lúa mè tre lau khắp Tam thiên Đại thiên thế giới muốn hiểu được điều này, vẫn khó có thể hiểu biết được. Vì vậy mà tin trong Kinh Pháp Hoa, không đơn giản chỉ là chúng ta tin có điều này bằng đầu óc của người bình thường thế gian. Từ trước tới giờ chúng ta cũng tin có

Phật Tri Kiến rồi, chúng ta tin bản Kinh này là có thật ở trần gian rồi, nhưng chúng ta không thấy công đức gì cả.

Như vậy cái tin của Kinh Pháp Hoa nó nằm ở vị trí nào? Ví dụ tất cả chúng ta ở đây đều nhìn thẳng lên Đức Phật và chúng ta đều thấy một lượt không ai thấy trước thấy sau. Nếu có Đức Phật ở đây thì Ngài cũng thấy y như mình. Cái thấy ban đầu đó giữa mình và tất cả mọi người cũng như chư Phật mười phương đều như nhau. Nhưng sau đó chúng ta sẽ thấy khác đi ở chỗ Đức Phật này đẹp, không bằng Đức Phật chùa kia, đó là lúc chúng ta bắt đầu sai biệt. Cái thấy ban đầu là cái thấy biết sáng suốt, rõ soi, không có bất kỳ tâm thức nào can dự vào thì cái thấy biết đó tạm gọi là cái thấy biết Phật.

Bây giờ chúng ta thọ trì là chúng ta nhận được cái thấy biết Phật, có nghĩa là khi cái thấy biết Phật hiện hữu là khắp pháp giới mười phương này hiện tiền hiện hữu như thế nào, thì cái thấy biết mười phương tỏ thông như thế ấy, không hề có bất kỳ sự lầm lẫn nhỏ nhiệm nào, không có bất kỳ sự so sánh phân biệt nào và khắp pháp giới mười phương là sự hiện hữu của cái thấy biết Phật, tức là sự hiện hữu của cái toàn tri toàn giác toàn chân. Khi nào người Hành giả đạt tới cảnh giới này thì đủ trí thọ trì đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Khi Hành giả thâm nhập vào Tri Kiến Phật rồi thì hiển hiện cái thấy biết toàn tri toàn giác không thông qua lục căn, lúc ấy lục căn chỉ sự tỏ thông của ánh sáng giác ngộ đối với lục trần, đồng một lúc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều được nhận biết một lượt và tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đó đều là những sự hiện hữu hiện tiền của cái thấy biết Phật, đến đây thì Hành giả mới có thể thấu hiểu được tất cả các pháp đều là Phật Pháp.

Nhục nhãn thanh tịnh của cha mẹ sanh ra, thấy khắp cõi Tam thiên Đại thiên, trong ngoài có những núi, rừng, sông, biển, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến cõi Trời Hữu Đảnh, cũng thấy tất cả chúng sanh trong đó và nghiệp nhân duyên quả báo chỗ sanh ra thấy đều thấy biết.

Chúng ta tu tập đến một ngày, chúng ta có một lần mở Thập Đa Bảo như cách diễn tả ở phẩm trước thì phút chốc đó chúng ta đã ngồi đồng ghé với chư Phật, lúc đó chúng ta có cái thấy biết như Phật. Khi chúng ta có cái thấy biết như Phật thì tất cả những gì xảy ra trong Tam giới này chúng ta đều thấy hết.

Khi chúng ta có cái thấy biết như thật, từ cái thấy biết như thật ấy hiện ra nơi nhãn căn thì làm cho nhãn căn được thanh tịnh, khi ấy nhãn căn rõ ràng ba cõi ở nơi tâm, từ cái thấy rõ ràng mênh mông thanh tịnh của nhãn căn, thì từ cõi cực thiện ở nơi tâm là cõi Trời Hữu Đảnh cho tới cõi cực ác ở nơi tâm là địa ngục A Tỳ, đều được hiển hiện rõ ràng trong cái thấy biết thanh tịnh rõ ràng sáng suốt của nhãn căn.

VĂN KINH

Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có người thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc biên chép, hoặc giải nói, được một nghìn hai trăm nhĩ công đức, dùng tai thanh tịnh đó nghe khắp cõi tam thiên, dưới đến địa ngục Vô gián, trên đến trời Hữu Đảnh, trong ngoài các thứ lời lẽ giọng tiếng.

Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng trâu, tiếng khóc la, tiếng buồn than, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng chuông, tiếng linh, tiếng cười, tiếng nói, tiếng trai, tiếng gái, tiếng đồng tử, tiếng đồng nữ, tiếng Pháp, tiếng phi Pháp, tiếng khổ,

tiếng vui, tiếng phàm phu, tiếng thánh nhân, tiếng đáng ưa, tiếng chẳng đáng ưa, tiếng Trời, tiếng Rồng, tiếng Dạ xoa, tiếng Càn thất bà, tiếng A tu la, tiếng Ca lâu la, tiếng Khẩn na la, tiếng Ma hầu la đà, tiếng lửa, tiếng nước, tiếng gió, tiếng Địa ngục, tiếng Súc sanh, tiếng Ngạ quỷ, tiếng Tỳ kheo, tiếng Tỳ kheo ni, tiếng Thanh Văn, tiếng Bích Chi Phật, tiếng Bồ Tát, tiếng Phật.

Nói tóm đó, trong cõi Tam thiên Đại thiên, tất cả trong ngoài các thứ tiếng, dầu chưa được thiên nhĩ dùng tai tầm thường thanh tịnh của cha mẹ sanh thủy đều nghe biết, phân biệt các tiếng tẩm như thế, mà chẳng hư nhĩ căn.

Lỗ tai chúng ta nghe được tất cả các thứ tiếng trong Tam thiên Đại thiên thế giới. Quý vị có khi nào nghe được tiếng loài chúng sanh khác không? Ví dụ chúng ta có thể nghe tiếng chim kêu biết là chim đang nói cái gì không? Nhưng với người tu thanh tịnh họ sẽ nghe được tiếng của các chủng loại các cõi. Đó là sự thật, không hề hư dối. Trong thế giới loài người có rất nhiều người đạt tới trình độ này.

Khi một người đã nhập trong Pháp giới tánh thì họ nghe tiếng bằng ngôn ngữ gốc, họ có thể nghe tất cả các bài Pháp của ba đời mười phương tất cả chư Phật trong một sát na tâm thở quá khứ cũng như hiện tại. Tất cả bài Pháp của chư Phật nói ở tất cả cõi nước ở mười phương, thì người nhập trong Pháp giới tánh toàn chân đều thấu thoát tất cả chân lý ấy cùng một lúc, đồng thời tất cả các loại ngôn ngữ của tất cả các loài của tất cả các cõi thì Hành giả ấy cùng một lúc nghe rõ thấu suốt không lầm lẫn. Đây là chỗ rất là chuyên sâu, chỉ có những người thật sự nhập trong Tri Kiến Phật được Đức Phật gọi là người đang trì tụng Kinh Pháp Hoa mới thật sự thấy, thật sự biết đến cảnh giới này mà thôi.

Đức Phật nói người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa, có nghĩa người này đã tỏ thông Tri Kiến Phật và đang hòa nhập trong Tri Kiến Phật. Từ sau phẩm Hiện Bảo Tháp tới đây thì Hành giả đã hoàn toàn ở trong Tri Kiến Phật thì lúc này lục căn họ hoàn toàn thanh tịnh, trong cái thấy nghe họ hoàn toàn không còn đối đãi so sánh và phân biệt nữa, khi ấy công đức sẽ phát sanh. Họ có cái thấy biết vượt ngoài Tam giới, mặc dù chưa chứng lục thông mà vẫn có thể nghe được khắp Tam thiên Đại thiên thế giới cùng một lúc.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Tai cha mẹ sanh ra
Trong sạch không đục nhờn
Dùng tai này thường nghe
Cả tiếng cõi Tam thiên
Tiếng voi, ngựa, trâu, xe
Tiếng chung linh loa cổ
Tiếng cầm, sặc, không hầu
Tiếng ống tiêu, ống địch
Tiếng ca hay thanh tịnh
Nghe đó mà chẳng ham.
Tiếng vô số giống người
Nghe đều hiểu rõ được
Lại nghe tiếng các trời
Tiếng ca rất nhiệm màu
Và nghe tiếng trai, gái,
Tiếng đồng tử, đồng nữ
Trong núi sông hang hiểm
Tiếng Ca lăng tần đà
Cộng mạng các chim thủy**

Đều nghe tiếng của nó.
 Địa ngục các đau đớn
 Các thứ tiếng độc khổ
 Ngạ quỷ đói khát bức
 Tiếng tìm cầu uống ăn
 Các hàng A tu la
 Ở nơi bên biển lớn
 Lúc cùng nhau nói năng
 Vang ra tiếng tăm lớn
 Như thế người nói Pháp
 An trụ ở trong đây
 Xa nghe các tiếng đó
 Mà chẳng hư nhĩ căn
 Trong cõi nước mười phương
 Chăm thú kêu hô nhau
 Người nói Kinh Pháp Hoa
 Ở đây đều nghe đó
 Trên các trời Phạm Thế
 Quang Âm cùng Biến Tịnh
 Nhìn đến trời Hữu Đảnh
 Tiếng tăm của kia nói
 Pháp sư ở nơi đây
 Thấy đều được nghe đó.
 Tất cả chúng Tỳ kheo
 Và các Tỳ kheo ni
 Hoặc đọc tụng Kinh điển,
 Hoặc vì người khác nói
 Pháp sư ở nơi đây
 Thấy đều được nghe đó.
 Lại có các Bồ Tát
 Đọc tụng nơi Kinh Pháp
 Hoặc vì người khác nói
 Soạn tập giải nghĩa Kinh

Các tiếng tăm như thế
Thấy đều được nghe đó.
Các Phật đáng Đại Thánh
Giáo hóa hàng chúng sanh
Ở trong các đại hội
Diễn nói Pháp nhiệm màu
Người trì Pháp Hoa này
Thấy đều được nghe đó.
Cõi Tam thiên Đại thiên
Các tiếng tăm trong ngoài
Dưới đến ngục A Tỳ
Trên đến trời Hữu Đảnh
Đều nghe tiếng tăm kia
Mà chẳng hư nhĩ căn
Vì tai kia sáng lẹ
Đều hay phân biệt biết
Người trì Kinh Pháp Hoa
Dầu chưa được thiên nhĩ
Chỉ dùng tai sanh ra
Công đức đã như thế.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, trọn nên tám trăm tỷ công đức, dùng tỷ căn thanh tịnh đó, nghe khắp cõi Tam thiên Đại thiên, trên dưới trong ngoài các thứ mùi: Mùi hoa tu mạn na, mùi hoa xa đề, mùi hoa mật lợi, mùi hoa chiêm bặc, mùi hoa ba la la, mùi hoa sen đỏ, mùi hoa sen xanh, mùi hoa sen trắng, mùi cây có hoa, mùi cây có trái, mùi Chiên đàn, mùi Trầm thủy, mùi Đa ma la bạt, mùi Đa da la, đến trăm nghìn thứ hòa lộn, hoặc là bột, hoặc là viên, hoặc là hương xoa, người trì Kinh này ở trong đây đều có thể phân biệt.

Và lại rõ biết mùi chúng sanh: mùi voi, mùi ngựa, mùi dê, trâu v.v... mùi trai, mùi gái, mùi đồng nữ và mùi cỏ cây lùm rừng, hoặc gần, hoặc xa, bao nhiêu thứ mùi có ra, thấy đều được nghe rõ biết chẳng lầm.

Người trì Kinh này dầu ở nơi đây cũng nghe mùi trên các cõi Trời: Mùi cây ba lợi chất đa la, cây câu bệ đa la, cùng mùi hoa Mạn đà la, hoa Đại mạn đa la, hoa Mạn thù sa, hoa Đại mạn thù sa, mùi gỗ Chiên đàn, Trầm thủy các thứ hương bột, mùi các hoa đẹp. Các thứ hương trời như thể hòa hợp thoảng ra mùi thơm đều nghe biết.

Lại nghe mùi nơi thân của các vị trời: Mùi của Thích Đề Hoàn Nhân lúc ở trên thắng điện, năm món dục vui chơi, hoặc mùi lúc ở trên Diệu Pháp Đường vì các vị trời Đạo Lợi nói Pháp, hoặc mùi lúc dạo chơi trong vườn, cùng mùi nơi thân xác của các vị trời nam nữ khác, thấy đều xa nghe biết. Xoay vần như thế nhẫm đến trời Phạm Thế, trên đến mùi nơi thân các vị trời Hữu Đảnh cũng đều nghe biết.

Và nghe mùi hương của các vị trời đốt và mùi Thanh Văn, mùi Bích Chi Phật, mùi Bồ Tát, mùi nơi thân các Đức Phật, cũng đều xa nghe biết chỗ ở của đó. Dầu nghe biết hương ấy, nhưng nơi tử căn không hư không sai, nếu muốn phân biệt vì người khác nói, ghi nhớ không nhầm.

Khi tâm của Hành giả đạt đến thanh tịnh sâu chừng nào thì rõ biết mùi càng sâu càng rộng chừng đó, lúc tâm thật sự thanh tịnh thì thông hết lục căn. Căn mũi của Hành giả lúc đó tỏ thông vô ngại khắp pháp giới mười phương, không có bất kỳ mùi nhỏ nhiệm nào mà Hành giả không nhận biết rõ ràng, từ mùi của chư Phật, chư vị Bồ Tát, chư vị Thánh Hiền, cho tới mùi của các vị ở các cõi Trời, cho đến mùi của tất cả

chúng sanh muôn loài, mùi của núi rừng sông suối, mùi của vạn loại cỏ cây, Hành giả cùng một lúc nhận biết sự sai biệt nhỏ nhiệm tinh tế, cho đến các mùi thô thiên, đều nhận biết một lượt rõ ràng không hề sai sót.

Trong cái khoảnh khắc nhận biết một lượt tất cả các mùi trong pháp giới mười phương, đó là cái nhận biết tuyệt đối bình đẳng mà mỗi mỗi mùi đều hiện rõ sự sai khác của nó, mà mỗi mỗi sự sai khác đó lại là sự tỏ thông không ngăn mé, và chính sự tỏ thông không ngăn mé đó là sự thấu suốt, tan biến thành một thể tỏ thông không sai biệt. Cứ như thế mỗi mỗi mùi đều là cái như thật hiện tiền, mà cái như thật hiện tiền đó chính là Đạo, là Như Lai, là Phật Tri Kiến v.v...

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Người đó mũi thanh tịnh
Ở trong thế giới này
Hoặc vật thơm hoặc hôi
Các thứ đều nghe biết.
Tu mạn na, Xa đề
Đa ma la, Chiên đàn
Trầm thủy và mùi quế
Mùi các thứ hoa trái
Và mùi các chúng sanh:
Mùi nam tử, nữ nhân
Người nói Pháp ở xa
Nghe mùi biết chỗ nào.
Đại Thế Chuyển Luân Vương
Tiểu chuyển luân và con
Bầy tôi, các cung nhân**

Nghe mùi biết chỗ nào.
 Trân bảo đeo nơi thân
 Cùng tạng báu trong đất
 Bảo nữ của Luân vương
 Nghe hương biết chỗ nào.
 Mọi người đồ nghiêm thân
 Y phục và chuỗi ngọc
 Các thứ hương xoa thân
 Nghe mùi biết thân kia.
 Các trời hoặc đi, ngồi
 Đạo chơi và thần biến
 Người trì Pháp Hoa này
 Nghe mùi đều biết được.
 Các cây hoa trái hột
 Và mùi thơm dầu tô
 Người trì Kinh ở đây
 Đều biết ở chỗ nào.
 Các núi, chỗ sâu hiểm
 Cây Chiên đàn nở hoa
 Chúng sanh ở trong đó
 Nghe mùi đều biết được.
 Núi Thiết Vi, biển lớn
 Các chúng sanh trong đất
 Người trì Kinh nghe mùi
 Đều biết đó ở đâu
 Trai gái A tu la
 Và quyến thuộc của chúng
 Lúc đánh cãi, đạo chơi
 Nghe hương đều biết được.
 Đồng trống, chỗ hiểm trở
 Sư tử, voi, hùm, sói
 Bò rừng, trâu nước thảy
 Nghe hương biết chỗ ở.

**Nếu có người ghen chửa
Chưa rõ trai hay gái
Không cần và phi nhân
Nghe mùi đều biết được.
Do vì sức nghe mùi
Biết người mới ghen chửa
Thành tựu hay chẳng thành
An vui để con phước
Do vì sức nghe mùi
Biết tâm niệm trai, gái**

Khi thai ghen tự động người này nghe mùi biết là trai hay gái.

VĂN KINH

**Lòng nhiễm dục ngu, hèn
Cũng biết người tu hành
Các phọc tàng trong đất
Vàng, bạc, các trân bảo
Đồ đồng chỗ đựng chứa
Nghe nói đều biết được.
Các thứ chuỗi ngọc báu
Không ai biết giá mấy
Nghe mùi biết mắc rẻ
Chỗ sản xuất ở đâu.**

Vàng, bạc, các trân bảo chỗ đựng chứa người đó nghe nói đều biết được. Hoặc vàng, bạc họ nghe mùi là biết giá cả. Thậm chí ở dưới đất có mùi gì, chỗ nào có kho tàng vàng bạc châu báu chôn ở dưới họ biết hết.

VĂN KINH

Các thứ hoa trên trời
 Mạn đà, Mạn thù sa
 Cây Ba lợi chất đa
 Nghe mùi đều biết được.
 Các cung điện trên trời
 Thượng, trung, hạ sai khác
 Các hoa báu trang nghiêm
 Nghe hương đều biết được.
 Thắng điện vườn rừng trời
 Các nhà Diệu Pháp Đường
 Ở trong đó vui chơi
 Nghe mùi đều biết được.
 Các trời hoặc nghe Pháp
 Hoặc lúc hưởng ngũ dục
 Lại, qua, đi, ngồi, nằm
 Nghe mùi đều biết được.
 Thiên nữ mặc y phục
 Hoa hương tốt trang nghiêm
 Lúc quanh khắp dạo chơi
 Nghe mùi đều biết được.
 Lần lượt lên như thế
 Nhẫn đến trời Phạm Thế
 Nhập thiên cùng xuất thiên
 Nghe mùi đều biết được.
 Trời Quang Âm, Biến Tịnh
 Nhẫn đến nơi Hữu Đảnh
 Mới sanh và lui chết
 Nghe hương đều biết được.
 Các hàng Tỳ kheo chúng
 Nơi Pháp thường tinh tấn
 Hoặc ngồi hoặc kinh hành

Và đọc tụng Kinh điển
Hoặc ở dưới rừng cây
Chuyên rỗng mà ngồi thiền
Người trì Kinh nghe mùi
Đều biết ở tại đâu.
Bồ Tát chí bền chắc
Ngồi thiền hoặc đọc tụng
Hoặc vì người nói Pháp
Nghe mùi đều biết được.
Nơi nơi chỗ Thế Tôn
Được mọi người cung kính
Thương chúng mà nói Pháp
Nghe mùi đều biết được.
Chúng sanh ở trước Phật
Nghe Kinh đều mừng vui
Đúng Pháp mà tu hành
Nghe mùi đều biết được.
Dầu chưa được vô lậu
Pháp sanh tử Bồ Tát
Mà người trì Kinh đây
Trước được tướng mũi này.

Lại nữa Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử, cùng thiện nữ nhân thọ trì Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép, được một nghìn hai trăm thiệt công đức.

Những món hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc ngon, hoặc dở và các vật đắng chát, ở trên lưỡi của người đó, đều biến thành vị ngon như vị cam lồ trên trời không món nào là chẳng ngon.

Nếu dùng thiết căn đó ở trong đại chúng nói Pháp có chỗ diễn ra tiếng sâu mầu có thể vào tâm chúng, đều làm cho vui mừng sướng thích.

Lại các vị thiên tử, thiên nữ, các trời Thích, Phạm, nghe tiếng tam thâm diệu này diễn nói ngôn luận thứ đệ, thấy đều đến nghe. Và các hàng Long, Long nữ, Dạ xoa, Dạ xoa nữ, Càn thất bà, Càn thất bà nữ, A tu la, A tu la nữ, Ca lâu la, Ca lâu la nữ, Khẩn na la, Khẩn na la nữ, Ma hầu la đà, Ma hầu la đà nữ, vì để nghe Pháp mà đều gần gũi cung kính cúng dường.

Và Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, quốc vương, vương tử, quần thần, quyền thuộc, tiểu Chuyển luân vương, đại Chuyển luân vương, bảy báu, nghìn người con, cùng quyền thuộc trong ngoài, ngồi cung điện đồng đến nghe Pháp.

Vì vị Bồ Tát này khéo nói Pháp, nên hàng Bà la môn, cư sĩ, nhân dân trong nước trọn đời theo hầu cúng dường. Lại các Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát các Đức Phật thường ưa thấy người đó, người đó ở chỗ nào, các Đức Phật đều xoay về phía đó nói Pháp, người đó đều hay thọ trì tất cả Phật Pháp, lại có thể nói ra tiếng Pháp sâu mầu.

Ở đời có câu: “Cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.” Có nói thuận, nói nghịch, nói xuôi, nói ngược gì cũng được, cho nên cái lưỡi chúng ta được một ngàn hai trăm công đức. Điều đặc biệt tất cả những vật như thế nào thông qua lưỡi người đó đều biến thành cam lồ.

Thực phẩm khi tới lưỡi Đức Phật thì dù đắng, chát, chua, cay đều biến thành cam lồ. Cũng có một số người trì Kinh Pháp Hoa kể lại, họ tụng Kinh một thời gian tự nghe vị ngọt

trong miệng. Nói về sức khỏe, lúc chúng ta bệnh thì dù mâm cao cỗ đầy ăn cái gì cũng không ngon, nhưng khi chúng ta khỏe thì chúng ta ăn cái gì cũng thấy ngon dù đó là cơm nguội. Khi tâm chúng ta được thanh tịnh an lạc thì tất cả các loại thực phẩm đưa qua lưỡi của chúng ta đều biến thành thượng vị cam lồ.

Khi lưỡi thanh tịnh người đó nói Pháp thì tất cả mọi người đều đến nghe. Ngoài cư sĩ, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, còn có Long Thiên Hộ Pháp, rồi các vị Bồ Tát, thậm chí chư Phật cũng hướng về để hộ niệm cho người đó. Thật sự những người đã hòa nhập được trong Tri Kiến Phật rồi thì lúc giảng thuyết thì từ chỗ thanh tịnh sáng suốt mà nói thành ngôn ngữ do lực thanh tịnh đó mà người nghe được chuyển hóa để thấu hiểu chân lý.

Lại các vị thiên tử, thiên nữ, các trời Thích, Phạm, nghe tiếng tâm thâm diệu này diễn nói ngôn luận thứ đệ, thấy đều đến nghe.

Có loại ngôn ngữ gốc của vũ trụ, nó tương thông được với tâm thức tất cả các cõi. Nếu người đó nhập trong Pháp giới tánh thì họ biết ngôn ngữ gốc này. Khi họ trao đổi với tất cả các cõi, ý họ phát khởi là tự động ý đó biến thành ngôn ngữ của cõi đó, để cõi đó được nghe bằng âm thanh của chính họ.

Đức Phật giảng bằng phạm âm thanh tịnh của mình, vang động đến khắp các cõi nước ở mười phương, làm cho tất cả chúng sanh ở tất cả cõi nước đó được nghe lời Pháp vi diệu của Đức Phật bằng chính ngôn ngữ của mình, để thấu hiểu chân lý mà tu hành đúng Chánh Pháp, đến đạt ngộ giải thoát.

Đức Phật từ khi thành Phật cho đến bây giờ luôn chuyển Pháp luân Vô thượng chưa từng dừng nghỉ phút giây nào, cho

nên trong khắp pháp giới này, lúc nào cũng vang tiếng Pháp mầu của chư Phật. Chư Đại Bồ Tát ở khắp mười phương, đủ duyên lãnh hội được Pháp mầu của chư Phật đều chứng đắc đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô lượng, vô số, vô biên chư Bồ Tát ở mười phương, những người đủ duyên lãnh hội lời Pháp vi diệu của Đức Phật, đều thăng tiến đạo quả tu chứng của mình, đồng thời tất cả chúng sanh muôn loài khắp pháp giới mười phương, đủ duyên nhận hiểu lời Pháp của Đức Phật, đều phát tâm Bồ Đề.

Cho nên Đức Phật khen các vị Bồ Tát khéo nói Pháp thì khắp các cõi nước mười phương cũng nghe được Pháp âm của chư Đại Bồ Tát, như chính ngôn ngữ của họ, để hiểu được chân lý mà tu tập. Vì vậy mà Đức Phật thường hướng về họ mà nói Pháp, đồng thời hộ niệm và phó chúc cho các vị Bồ Tát, để các vị có đầy đủ trí tuệ giác ngộ, nói ra tiếng Pháp sâu mầu cho tất cả các loài, các cõi nghe, để hiểu chân lý mà tu tập.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Người đó lười thanh tịnh
Trọn không thọ vị xấu
Người đó ăn uống chi
Đều biến thành cam lồ.
Dùng tiếng hay thâm tịnh
Ở trong chúng nói Pháp
Đem các nhân duyên dụ
Dẫn dắt lòng chúng sanh
Người nghe đều vui mừng
Bày đồ cúng dường tốt.**

Các Trời, Rồng, Dạ xoa
Cùng A tu la thấy
Đều dùng lòng cung kính
Mà đồng đến nghe Pháp
Người nói Kinh Pháp đó
Nếu muốn dùng tiếng mầu
Khắp cùng cõi Tam thiên
Tuỳ ý liền được đến.
Đại, Tiểu Chuyển luân vương
Và nghìn con quyến thuộc
Chấp tay lòng cung kính
Thường đến nghe thọ Pháp,
Các Trời, Rồng, Dạ xoa
La sát, Tỳ xá xà
Cũng dùng lòng vui mừng
Thường ưa đến cúng dường,
Phạm Thiên Vương, Ma Vương,
Tự tại, Đại tự tại
Các chúng trời như thế
Thường đến chỗ người đó.
Các Phật cùng đệ tử
Nghe người nói tiếng Pháp
Thương nhớ giữ gìn cho
Hoặc lúc vì hiện thân.

Lại nữa, Thường Tinh Tấn! Nếu có thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép được tám trăm thân công đức, được thân thanh tịnh như lưu ly sạch chúng sanh ưa thấy. Vì thân đó trong sạch nên chúng sanh trong cõi Tam thiên Đại thiên, lúc sanh lúc chết, trên dưới, tốt xấu, sanh chỗ lành, chỗ dữ v.v... đều hiện rõ trong đó.

Và núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, núi Di Lô, núi Đại Di Lô v.v... các núi cùng chúng sanh ở trong đó đều hiện rõ trong thân, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Hữu Đảnh cảnh vật cùng chúng sanh đều hiện rõ trong thân. Hoặc là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cùng chư Phật nói Pháp đều hiện sắc tượng ở trong thân.

Một người thọ trì, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên chép được tám trăm thân công đức, được thân thanh tịnh như lưu ly. Chúng ta tưởng nổi không? Và khi thân thanh tịnh rồi, điều kỳ lạ là chúng ta muốn thấy muốn biết cái gì đều thấy biết. Nó giống như cái kiếng, khi hết bụi rồi thì tất cả những cảnh vật phía trước kiếng đều hiện rõ trong kiếng đó.

Cái hay biết bằng thân thì chúng ta không tưởng nổi. Khi nào xúc chạm thì chúng ta mới biết, hoặc nóng hoặc lạnh mình biết thôi. Người thân thanh tịnh họ biết khắp lục căn bằng cái biết thanh tịnh, tinh khiết hoàn toàn. Nó là một khối tinh anh dung chứa khắp pháp giới, cho nên chuyện gì trong pháp giới này người đó biết, điều này chúng ta phải tin.

Khi thân chúng ta chưa thanh tịnh, lúc xúc chạm lạnh, nóng, trơn, nhám thì thân chúng ta đều biết và chỉ biết chừng ấy thôi. Nhưng khi thân chúng ta thanh tịnh trong sáng như lưu ly thì chúng ta lại nhận biết được những năng lượng rung động sinh học của vũ trụ. Còn đến khi thân của chúng ta hoàn toàn thanh tịnh, thông suốt cho đến tan biến thì khi ấy thân chúng ta lại hòa vào Pháp giới tánh toàn chân, lúc này khả năng hay biết hiển hiện khắp pháp giới toàn chân và hiển hiện ở nơi thân của chúng ta.

Vì vậy mà chỗ này, Đức Phật nói thân trong sạch của chúng sanh, đủ sức để nhận biết các loài, các cõi trong Tam

thiên Đại thiên thể giới sanh ở đâu, chết như thế nào, đồng thời tất cả núi rừng hiển hiện trong thân một cách rất rõ ràng, cho tới các cõi Trời Hữu Đảnh và chúng sanh trong địa ngục A Tỳ, cũng hiện rõ nơi thân và các vị Thanh Văn, Bồ Tát, chư Phật nói Pháp, đều hiện rõ sắc tượng nơi thân. Sự thật khi thân chúng ta tan biến và hòa nhập trong Pháp giới tánh toàn chân, thì cái nhận biết rộng khắp như Pháp giới tánh toàn chân.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng.

**Nếu người trì Pháp Hoa
Thân thể rất thanh tịnh
Như lưu ly sạch kia
Chúng sanh đều ưa thấy.
Lại như gương sáng sạch
Đều thấy các sắc tượng
Bồ Tát nơi tịnh thân
Thấy cả vật trong đời
Chỉ riêng mình thấy rõ
Người khác không thấy được,
Trong cõi nước Tam thiên
Tất cả các chúng sanh
Trời, Người, A tu la
Địa ngục, Quỷ, Súc sanh
Các sắc tượng như thế
Đều hiện rõ trong thân.
Cung điện của các trời
Nhấn đến trời Hữu Đảnh
Núi Thiết Vi, Di Lô
Núi Ma ha Di Lô**

**Các biển nước lớn thấy
 Đều hiện ở trong thân.
 Các Phật cùng Thanh Văn
 Phật tử Bồ Tát thấy
 Hoặc riêng, hoặc tại chúng
 Nói Pháp thấy đều hiện.
 Dầu chưa được diệu thân
 Pháp tánh sạch các lậu
 Dùng thân thanh tịnh thường
 Tất cả hiện trong đó.**

**Lại nữa Thường Tinh Tấn! Sau khi Đức Như Lai diệt
 độ, nếu có người thiện nam tử cùng thiện nữ nhân thọ trì
 Kinh này, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc giải nói, hoặc biên
 chép, thì được một nghìn hai trăm ý công đức.**

**Dùng ý căn thanh tịnh đó nhấn đến nghe một kệ, một
 câu, suốt thấu vô lượng, vô biên nghĩa, hiểu nghĩa đó rồi,
 có thể diễn nói một câu, một kệ đến một tháng, bốn tháng
 nhấn đến một năm. Các pháp nói ra tùy nghĩa thú kia đều
 cùng thật tướng chẳng trái nhau.**

**Nếu nói kinh sách trong đời, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp
 nuôi sống v.v... đều thuận Chánh Pháp. Sáu đường chúng
 sanh trong cõi Tam thiên Đại thiên, lòng nghĩ, tưởng, lòng
 động tác, lòng hý luận, thấy đều biết đó.**

**Dầu chưa được trí tuệ vô lậu mà ý căn thanh tịnh như
 thế, người đó có suy nghĩ, tính lường, nói năng những chi
 thì đều là Phật Pháp cả, không có gì là chẳng chân thật,
 cũng là lời trong Kinh của các Phật thuở trước nói.**

Khi Ý căn chúng ta thanh tịnh, không có bất kỳ chữ nghĩa nào hay Kinh điển nào chúng ta đọc qua mà chúng ta không thấu suốt. Chỉ cần một câu thôi nếu người đó chịu nói là nói hoai.

Người nào đã thông Kinh điển, Ý căn thanh tịnh, thân Ngũ uẩn chết rồi thì lúc đó ùn ùn ý tưởng giác ngộ giải thoát trào ra. Tức là người khi nhập trong Pháp giới tánh, nhận ra Tri Kiến Phật thì người đó đủ sức có thể thuyết Pháp không cần học qua trường lớp nào, vì tất cả những trường lớp đều là những bài bản những khuôn sáo. Người đó thuyết Pháp không hề có giáo án, họ muốn nói điều gì họ nói, có đầy đủ để họ nói. Muốn nói giờ nào họ nói, họ muốn thuyết ở đâu họ thuyết nhưng tất cả những điều họ nói đều phù hợp Chánh Pháp.

Ví dụ nói chuyện làm ăn thì họ cũng nói đúng Chánh Pháp. Nói chuyện trồng trọt, nói y học, nói võ thuật, nói ăn uống họ cũng nói tới đỉnh cao của nó. Tức là tất cả những điều từ miệng họ nói ra đều có thể đem tới chỗ cùng tốt của đạo lý, vì toàn thân họ đã ở trong đó rồi. Tất cả những cử chỉ, những hành động, những thái độ của họ nói ra đều xuất phát từ bản tâm thanh tịnh cho nên đều đúng với chân lý.

Điều này Kinh Kim Cang diễn tả: Đức Phật ôm bình bát đi khất thực, xong ăn cơm, trải tòa ngồi. Không ai nhận ra đạo lý này, nhưng ngài Tu Bồ Đề bắt đầu nhận ra, Ngài thưa: “*Bạch Thế Tôn! Người thiện nam, người thiện nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên làm sao trụ, làm sao hàng phục tâm kia?*”. Những hành động sống của các bậc đạt đạo thì chỉ có những người có con mắt mới có thể nhận ra. Còn không giữa đời này chúng ta không nhận ra người có đạo lý chân chánh. Họ ít giảng thuyết, họ chỉ sống một mình, độ một ít người thôi. Tới họ nói một câu, mà một câu rất thâm thía khiến thay đổi cả đời còn lại của người nghe.

Tất cả những hành động cử chỉ của người ngộ đạo đều nhằm tới phá vỡ chấp trước của mình để mình nhận ra đạo lý, chứ không phải họ muốn làm vì để thể hiện bản thân mình. Các vị đều mong muốn khi đối diện với chúng ta, để chúng ta nhận ra đạo lý chân thật. Gần như tất cả các vị đạt đạo đều muốn cho chúng ta đạt đạo giải thoát.

Nếu nói kinh sách trong đời, lời lẽ trị thế, nghề nghiệp nuôi sống v.v... đều thuận Chánh Pháp.

Khi những người đã thâm nhập chân lý thì giảng Kinh thuyết Pháp đều phù hợp với chân lý, trong giao tiếp dù không giảng Kinh thuyết Pháp các vị cũng nói đúng với chân lý, cho tới những nghề nghiệp nuôi sống bản thân thì các vị cũng làm những điều đúng với chân lý, điều này phù hợp với Bát Chánh Đạo khi có đầy đủ chánh kiến thì có chánh mạng.

Trong phẩm Pháp Sư Công Đức này, Đức Phật nói thứ tự từng căn nhận biết trần cảnh có trước sau. Nhưng sự thật thì tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều được nhận biết một lượt.

Khi Hành giả đang sống bằng thấy biết Phật thì tạm gọi là lục căn hỗ dụng, dung thông vô ngại. Nhưng lúc nhận biết sắc, không phải nhãn căn nhận biết hình sắc, không phải nhĩ căn nhận biết âm thanh, mà toàn thân chỗ nào cũng nhận biết hình sắc, chỗ nào cũng nhận biết âm thanh v.v... nghĩa là toàn thân chỗ chỗ nơi nơi đều nhận biết lục trần.

Khi hòa nhập trong Tri Kiến Phật rồi là thân tâm nhất như phủ trùm pháp giới, mà không phải thân, lúc đó chỉ là sự hiện hữu toàn tri trùm khắp pháp giới. Do vậy, toàn tri thông thấu lục trần một lượt cùng khắp pháp giới này, không có chỗ nào không rõ biết, mà các trần được cái toàn tri rõ biết cùng khắp,

mỗi mỗi đều hiển hiện sự sai khác của chính nó. Mà mỗi mỗi hiện hữu đó là hiện hữu như thật thanh tịnh của chính tự thân nó, mà hoàn toàn thanh tịnh nhất như bình đẳng, không sai biệt, không phải là sai khác với Tự Tánh. Mà mỗi mỗi hiện hữu là mỗi mỗi hiện tiền của Vô Tướng, hiện tiền Vô Y, là hiện tiền thật tướng. Vì vậy lúc đó căn, trần, thức không phải là căn, không phải là trần, không phải là thức nữa, mà chỉ là hiện hữu hiện thực như thật thể, là sự hiện hữu thanh tịnh tròn sáng mà thôi. Đó là toàn bộ ý nghĩa của phẩm Pháp Sư Công Đức mà Đức Phật muốn nói.

VĂN KINH

Bấy giờ, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Ý người đó thanh tịnh
Sáng lạnh không đục nhờn
Dùng ý căn tốt đó
Biết pháp: thượng, trung, hạ
Nhẫn đến nghe một kệ
Thông đạt vô lượng nghĩa
Thứ đệ nói đúng Pháp
Tháng, bốn tháng, đến năm.
Trong ngoài của cõi này
Tất cả các chúng sanh
Hoặc Trời, Rồng và Người
Dạ xoa, Quỷ, Thần thầy
Kia ở trong sáu đường
Nghĩ tưởng bao nhiêu đều
Phước báo trì Pháp Hoa
Đồng thời thầy đều biết.
Vô số Phật mười phương
Trăm phước tướng trang nghiêm**

Vì chúng sanh nói Pháp
Đều nghe hay thọ trì.
Suy gẫm vô lượng nghĩa
Nói Pháp cũng vô lượng
Sau trước chẳng quên lộn
Bởi thọ trì Pháp Hoa
Trọn biết các Pháp tướng
Theo nghĩa rõ thứ đệ.
Suốt danh tự ngữ ngôn
Như chỗ biết diễn nói.
Người đó có nói ra
Là Pháp của Phật trước
Vì diễn nói Pháp này
Ở trong chúng không sợ.
Người trì Kinh Pháp Hoa
Ý căn tịnh như thể
Dầu chưa được vô lậu
Trước có tướng dường ấy.
Người đó trì Kinh này
An trụ bậc hy hữu
Được tất cả chúng sanh
Vui mừng mà mến kính.
Hay dùng nghìn muôn ức
Lời lẽ rất hay khéo
Phân biệt mà nói Pháp
Bởi trì Kinh Pháp Hoa.

Phần trùng tụng lặp lại ý trên.

* * *

PHẨM “THƯỜNG BÁT KHINH BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật bảo ngài Đại Bồ Tát Đắc Đại Thế rằng: Ông nay nên biết! Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di nào thọ trì Kinh Pháp Hoa này được công đức như trước đã nói, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân cùng ý thanh tịnh, như có người nói thô ác mắng nhiếc chê bai, mắc tội báo lớn cũng như trước đã nói.

Đắc Đại Thế! Về thuở xưa quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì, vô số kiếp, có Phật hiệu là Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Kiếp đó tên là Ly Suy, nước đó tên là Đại Thành. Đức Oai Âm Vương Phật trong đời đó vì hàng Trời, Người, A tu la mà nói Pháp, vì người cầu Thanh Văn mà nói Pháp Tứ Đế, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, rốt ráo Niết Bàn; vì người cầu Bích Chi Phật mà nói Pháp mười hai nhân duyên; vì các Bồ Tát nhân Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà nói sáu Pháp Ba la mật, rốt ráo trí huệ của Phật.

Đắc Đại Thế! Đức Oai Âm Vương Phật đó sống lâu bốn mươi vạn ức na do tha hằng hà sa kiếp. Chánh Pháp trụ ở đời kiếp số như vi trần trong một Diêm phù đề, Tượng Pháp trụ ở đời kiếp số như số vi trần trong bốn châu thiên hạ. Đức Phật đó lợi ích chúng sanh, vậy sau mới diệt độ. Sau khi Chánh Pháp Tượng Pháp diệt hết, trong cõi nước đó lại có Phật ra đời, cũng hiệu là

Oai Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, cứ thứ lớp như thế có hai muôn ức Đức Phật đều đồng một hiệu.

Đức Oai Âm Vương Như Lai đầu hết, diệt độ rồi, sau lúc Chánh Pháp đã diệt trong đời Tượng Pháp những Tỳ kheo tăng thượng mạn có thể lực lớn.

Bấy giờ, có vị Bồ Tát Tỳ kheo tên là Thường Bất Khinh. Đắc Đại Thế! Vì có gì tên là Thường Bất Khinh? Vì vị Tỳ kheo đó phàm khi ngó thấy hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc Ưu bà tặc, Ưu bà di, thấy đều lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: Tôi rất kính quý Ngài, chẳng dám khinh mạn.

Vì sao? Vì quý Ngài đều tu hành đạo Bồ Tát sẽ được làm Phật.

Mà vị Tỳ kheo đó chẳng chuyên đọc tụng Kinh điển, chỉ đi lễ lạy, nhìn đến xa thấy hàng tứ chúng, cũng cố qua lễ lạy khen ngợi mà nói rằng: Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ làm Phật. Trong hàng tứ chúng có người lòng bất tịnh sanh giận hờn, buông lời ác mắng nhiếc rằng: Ông vô trí Tỳ kheo này từ đâu đến đây tự nói Ta chẳng khinh Ngài, mà thọ ký cho chúng ta sẽ được làm Phật, chúng ta chẳng dùng lời thọ ký hư dối như thế.

Trải qua nhiều năm như vậy, thường bị mắng nhiếc chẳng sanh lòng giận hờn, thường nói: Ngài sẽ làm Phật. Lúc nói lời đó, chúng nhân hoặc lấy gậy cây ngói đá để đánh ném. Ông liền chạy tránh đứng xa mà vẫn to tiếng xưng rằng: Ta chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật. Bởi ông thường nói lời đó, nên hàng

tăng thượng mạn Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di gọi ông là Thường Bát Khinh.

Vị Tỳ kheo đó lúc sắp chết, nơi giữa hư không nghe trọn hai mươi nghìn muôn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa của Đức Oai Âm Vương Phật đã nói thưở trước, nghe xong đều có thể thọ trì, liền được nhãn căn thanh tịnh, nhĩ, tỷ, thiệt, thân cùng ý căn thanh tịnh như trên. Được sáu căn thanh tịnh đó rồi lại sống thêm hai trăm muôn ức na do tha tuổi, rộng vì người nói Kinh Pháp Hoa đó.

Lúc đó hàng tăng thượng mạn Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di khinh tiện vị đó đặt cho tên Bát Khinh này, thấy vị đó được sức thần thông lớn, sức nhạo thuyết biện, sức đại thiện tịch nghe vị đó nói Pháp đều tin phục tùy tùng.

Phẩm Hiện Bảo Tháp là phẩm ngộ Phật Tri Kiến, từ đó đến phẩm Tùng Địa Dũng Xuất nói lên đời sống Hành giả ngộ Phật Tri Kiến thì những thấy biết thuận nghịch cũng đều là giác ngộ, những ái nhiễm, những sở kiến, sở hành, sở đắc đều được giác ngộ thành Phật. Đến khi tất cả tâm Hành giả đã giác ngộ toàn triệt, những cù cặn nghiệp tập cũng được tan biến và giác ngộ thì khi ấy Hành giả nhập hoàn toàn trong cái thấy biết Phật là phẩm Như Lai Thọ Lượng.

Kể từ đó Hành giả sống bằng trí giác ngộ, toàn tri toàn giác hiện tiền, bất sanh bất diệt, mọi công đức và trí tuệ đều được viên mãn. Cho nên ở phẩm Pháp Sư Công Đức nói lục căn được hoàn toàn thanh tịnh, dung thông vô ngại nhưng thực tế là khi Hành giả đã ngũ uẩn giai không mới hòa nhập trong Tự Tánh thanh tịnh, thì cái thấy biết Phật là thanh tịnh, sáng suốt, tỏ soi vạn pháp.

Cho nên tất cả những hình sắc, âm thanh, mùi vị và tất cả pháp trần đều được thấu suốt tường tận mà không phải cái thấy biết của lục căn trước đây, khi Hành giả còn mượn thân căn ngũ uẩn để sinh hoạt mà thân căn này cũng đã được nhuộm sáng bởi ánh sáng trí tuệ giác ngộ giải thoát, vì vậy thân căn này là diệu dụng thanh tịnh của trí tuệ. Cho nên cái nhận biết của toàn bộ thân căn là cái hay biết của trí tuệ, là sự thanh tịnh rõ biết hằng hữu thông qua thân căn nên tạm gọi là lục căn thanh tịnh, chứ thật sự khi ấy không còn là lục căn vì ngũ uẩn đã giai không rồi. Lúc này Hành giả chỉ còn toàn tâm thanh tịnh tuyệt đối rõ soi hằng hữu, không hai, không khác với vạn pháp vốn có trong vũ trụ này.

Đến đây, Đức Phật Thích Ca nói về thuở xưa quá vô lượng vô biên bất khả tư nghì vô số kiếp, có Phật hiệu là Oai Âm Vương Như Lai. Đức Oai Âm Vương Như Lai đầu tiên diệt độ rồi, cứ thứ lớp như thế có hai muôn ức Đức Phật đồng một hiệu Oai Âm Vương Như Lai. Vị Oai Âm Vương Như Lai sau cùng diệt độ thì Chánh Pháp bắt đầu suy giảm.

Ý đoạn này muốn nói. Thuở nguyên sơ, toàn pháp giới này là thanh tịnh, cũng như tâm của tất cả chúng ta từ xưa đến giờ cũng thanh tịnh sáng suốt hằng hữu không có mê lầm, do một niệm bất giác sanh vọng động rồi tiếp tục lao theo vọng tình mà mê lầm sanh tử. Khi chúng sanh lún sâu vào sanh tử thì Tự Tánh thanh tịnh của chúng ta cũng thấu suốt rõ ràng, cho dù những ý niệm bất giác mê lầm và những chấp trước sai lạc xảy ra nơi tâm như thế nào thì Tự Tánh vẫn luôn rõ suốt không làm lẫn. Đó là giai đoạn Đức Oai Âm Vương Như Lai sau cùng diệt độ, Chánh Pháp suy giảm thì có Tỳ kheo Bồ Tát Thường Bất Khinh xuất hiện

nhắc nhở Tỳ kheo tăng thượng mạn và tứ chúng đều có khả năng thành Phật.

Đây là giai đoạn Hành giả đã ngộ và sống được với Phật Tri Kiến rồi, chỉ còn sót đọng một ít dư nghiệp và những vi tế ngã chấp nên chưa toàn triệt hòa nhập vào Tự tánh. Hành giả tiếp tục sống trong cái thấy biết Phật của mình thì tất cả những cù cặn nghiệp tập còn sót đọng đều được hóa tán và vi tế ngã chấp cũng được tan biến. Phút chốc đã tan biến sạch ngã chấp, pháp chấp thì Hành giả đã hòa nhập vào trong Tri Kiến Phật nên thấu suốt chân lý của chư Phật mười phương, đó là hình ảnh Bồ Tát Thường Bất Khinh trong một thoáng nghe hết hai mươi nghìn muôn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa mà Phật Oai Âm Vương Như Lai thuyết, đây chính thật là đại định của Đại thừa.

Khi Hành giả đã tan biến ngã chấp thì trí tuệ tỏa sáng và thấu tột tất cả những chân lý nhiệm mầu mà chư Phật mười phương đã thuyết trong một sát na hiện tiền. Lúc đó Hành giả tan biến hoàn toàn thân ngũ uẩn và hòa nhập vào cái thấy biết Phật bất sanh, bất diệt, hằng hữu của chính mình, cho nên trong Kinh nói lục căn được thanh tịnh và sống thêm hai trăm muôn ức na do tha tuổi. Phút chốc đó trí tuệ giác ngộ giải thoát rực sáng tỏa khắp mười phương, đủ sức chuyển hóa tất cả chúng sanh có duyên tiếp nhận được ánh sáng đều được giác ngộ giải thoát, đó là hình ảnh Bồ Tát Thường Bất Khinh rộng vì người nói Kinh Pháp Hoa. Phút chốc ấy toàn tâm của Hành giả là toàn giác, cho nên nói các vị Tỳ kheo tăng thượng mạn và tứ chúng tin phục tùy tùng.

VĂN KINH

Vị Bồ Tát đó giáo hoá nghìn muôn chúng khiến trụ trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sau khi

mạng chung được hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh ở trong Pháp hội đó nói Kinh Pháp Hoa này. Do nhân duyên đó lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Vân Tụ Tại Đăng Vương, ở trong Pháp hội của các Đức Phật đó thọ trì, đọc tụng, vì hàng tứ chúng nói Kinh điển này, cho nên được mắt thanh tịnh thường trên đó, tai mũi lưỡi thân cùng ý các căn thanh tịnh, ở bốn chúng nói Pháp lòng không sợ sệt.

Đến đây tâm Hành giả đã giác ngộ giải thoát tận cùng, là đạt đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác, có nghĩa toàn pháp giới này là toàn tri, toàn giác. Sau khi ngũ uẩn đã tan biến thì hòa nhập vào cảnh giới vô ngã, đó là trí tuệ giác ngộ, đó là cõi giới Phật nên trí tuệ rực sáng như đèn, như mặt trăng, như mặt trời và đó là ánh sáng trí tuệ bất sanh, bất diệt, hằng hữu của tất cả chúng sanh. Vì vậy trong Kinh nói *“Sau khi mạng chung được hai nghìn ức Phật đều hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh ở trong Pháp hội đó nói Kinh Pháp Hoa này”*.

Từ đó Hành giả hoàn toàn tự tại, không còn có bất kỳ chướng ngại nào mà phân thân đi khắp pháp giới giáo hóa chúng sanh muôn loài, đồng thời thâm nhập vào các quả vị tu chứng của tất cả chư vị Thánh Hiền, chư vị Bồ Tát và quả vị Phật. *“Do nhân duyên đó lại gặp hai nghìn ức Phật đồng hiệu là Vân Tụ Tại Đăng Vương, ở trong Pháp hội của các Đức Phật đó thọ trì, đọc tụng, vì hàng tứ chúng nói Kinh điển này”*.

Trong cõi giới giác ngộ giải thoát đó là thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu, thấu suốt sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà không thông qua cái thấy biết của lục căn, cho nên nói lục căn hoàn toàn thanh tịnh. Khi ấy thì tất cả những động

dụng của Hành giả đều là diệu dụng của trí tuệ giác ngộ giải thoát, cho nên nói Pháp trước bốn chúng tâm không sợ hãi.

Một người nhập Phật Tri Kiến là Hành giả đã đạt ngộ giải thoát hoàn toàn thì liền gặp Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, tức là trí tuệ so sánh như ánh sáng của đèn, của mặt trăng, mặt trời rồi gặp Đức Phật Vân Tụ Tại Đăng Vương Như Lai là người ấy đã đủ trí tuệ, đủ uy lực tự tại và đủ phương tiện vì tứ chúng mà nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

VĂN KINH

Đắc Đại Thế! Vị Thường Bát Khinh Đại Bồ Tát đó cúng dường bao nhiêu Đức Phật như thế, cung kính tôn trọng ngợi khen, trông các gốc lành. Lúc sau lại gặp nghìn muôn ức Phật cũng ở trong Pháp hội các Đức Phật nói Kinh điển này, công đức thành tựu sẽ được làm Phật.

Ý đoạn này nói, một người đã hòa nhập trong Tri Kiến Phật rồi thì chỗ chỗ nơi nơi đều là Phật, cho nên nói là thân cận gần gũi cúng dường nghìn muôn ức Đức Phật.

Khi đã hòa trong cảnh giới Phật rồi thì mọi động dụng đều là Phật, cho nên pháp giới mười phương này thông thành một cõi giới Phật, đó là ý câu “*Vị Thường Bát Khinh Đại Bồ Tát đó cúng dường bao nhiêu Đức Phật như thế, cung kính tôn trọng ngợi khen, trông các cội lành*”.

VĂN KINH

Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Thường Bát Khinh Bồ Tát thuở đó đâu phải người nào lạ, chính là thân Ta đó. Nếu Ta ở đời trước chẳng thọ trì đọc tụng Kinh này, vì

người khác giải nói đó, thì chẳng có thể mau được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do Ta ở chỗ các Đức Phật thuở trước thọ trì đọc tụng Kinh này vì người khác nói, nên mau được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Từ đầu cho đến bây giờ ý Đức Phật muốn nói cho chúng ta biết, từ thuở nguyên sơ là Phật Oai Âm Vương thì trí tuệ giác ngộ thành Phật đã sẵn có, mãi cho đến tận hôm nay, trải qua hàng hà sa số muôn ức kiếp thì trí tuệ giác ngộ giải thoát đó vẫn nguyên như vậy, không có bất kỳ sự thay đổi nào, tức là trí tuệ sáng suốt từ ngàn xưa đến nay vẫn nguyên là trí tuệ giác ngộ sáng suốt hiện tiền.

VĂN KINH

Đắc Đại Thế! Thuở đó bốn chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, do lòng giận hờn khinh tiện Ta, nên trong hai trăm ức kiếp thường chẳng gặp Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng thấy Tăng, nghìn kiếp ở địa ngục A Tỳ chịu khổ não lớn. Hết tội đó rồi lại gặp Thường Bất Khinh Bồ Tát giáo hoá đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đoạn này Đức Phật một lần nữa khẳng định là những ý niệm si mê, bất giác, cũng thành Phật hiện tiền.

VĂN KINH

Đắc Đại Thế! Ý ông nghĩ sao? Bốn chúng thường khinh vị Bồ Tát thuở đó đâu phải người nào lạ chính là nay trong hội này bọn ông Bạt Đà Bà La năm trăm vị Bồ Tát, bọn ông Sư Tử Nguyệt năm trăm vị Tỳ kheo, bọn ông Ni Tư Phật năm trăm Ưu bà tắc, đều Bất thối chuyển ở nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đắc Đại Thế! Phải biết Kinh Pháp Hoa này rất có lợi ích cho các vị Đại Bồ Tát, có thể làm cho đến nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên các vị Đại Bồ Tát sau khi Phật diệt độ phải thường thọ trì đọc tụng, giải nói, biên chép Kinh này.

Đức Phật muốn nói thở nguyên sơ của chúng sanh là chỗ giác ngộ giải thoát hoàn toàn, khi chúng sanh bắt giác lầm mê là rơi vào trong sanh tử luân hồi muôn vạn kiếp. Nhưng mà có đi vào sanh tử luân hồi muôn vạn kiếp thì ánh sáng trí tuệ giác ngộ đó vẫn không bao giờ tắt mất, không bao giờ gián đoạn, cho tới một ngày tắt cả lầm mê trong sanh tử hoàn toàn tan biến thì hòa trở lại thành một cõi Phật, dung thông quá khứ, hiện tại, vị lai thì lúc đó Hành giả đã hoàn toàn giác ngộ.

Cho nên trong Kinh nói các vị khinh mạn được Bồ Tát Thường Bát Khinh giáo hóa, cho đến khi tắt cả ý niệm bất giác của chúng ta hoàn toàn tan biến, hòa trong cảnh giới giác ngộ giải thoát, dung thông thành một cõi giới Phật vượt thoát không gian, thời gian, nên Đức Phật nói từ thở nguyên sơ là giác ngộ cho tới bây giờ cũng là giác ngộ không hề có sự sai khác, cho dù đoạn giữa có bất giác thì trí tuệ giác ngộ vẫn hiện tiền.

VĂN KINH

Khi đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Thở quá khứ có Phật
Hiệu là Oai Âm Vương
Sức trí thần vô lượng
Đều dứt tất cả chúng
Hàng Trời, Người, Long, Thần**

Đều chung nhau cúng dường.
 Sau khi Phật diệt độ
 Lúc Pháp muốn dứt hết
 Có một vị Bồ Tát
 Tên là Thường Bất Khinh
 Bảy giờ hàng tứ chúng
 Chấp mê nơi các pháp
 Thường Bất Khinh Bồ Tát
 Qua đến chỗ của họ
 Mà nói với đó rằng:
 Ta chẳng dám khinh Ngài
 Quý Ngài tu đạo nghiệp
 Đều sẽ được làm Phật
 Những người đó nghe rồi
 Khinh chê thêm mắng nhiếc
 Thường Bất Khinh Bồ Tát
 Đều hay nhận thọ đó.
 Tội Bồ Tát hết rồi
 Đến lúc gần mạng chung
 Được nghe Kinh Pháp này
 Sáu căn đều thanh tịnh
 Vì sức thần thông vậy
 Sống lâu thêm nhiều tuổi
 Lại vì các hạng người
 Rộng nói Kinh Pháp này.
 Các chúng chấp nơi pháp
 Đều nhờ Bồ Tát đó
 Giáo hóa được thành tựu
 Khiến trụ nơi Phật đạo.
 Thường Bất Khinh mạng chung
 Gặp vô số Đức Phật
 Vì nói Kinh này vậy
 Được vô lượng phước đức

Lần lần đủ công đức
Mau chứng thành Phật đạo.
Thuở đó Thường Bát Khinh
Thì chính là thân Ta
Bốn bộ chúng khi ấy
Những người chấp nơi pháp
Nghe Thường Bát Khinh nói:
Ngài sẽ được làm Phật
Do nhờ nhân duyên đó
Mà gặp vô số Phật,
Chính trong Pháp hội này
Năm trăm chúng Bồ Tát
Và cùng bốn bộ chúng
Thanh tín nam nữ thấy
Nay ở nơi trước Ta
Nghe Kinh Pháp Hoa đó.
Ta ở trong đời trước
Khuyên những hạng người đó
Nghe thọ Kinh Pháp Hoa
Là Pháp bậc thứ nhất
Mở bày dạy cho người
Khiến trụ nơi Niết Bàn
Đời đời thọ trì luôn
Những Kinh điển như thế.
Trải ức ức muôn kiếp
Cho đến bất khả nghĩ
Lâu lắm mới nghe được
Kinh Diệu Pháp Hoa này.
Trải ức ức muôn kiếp
Cho đến bất khả nghĩ
Các Đức Phật Thế Tôn
Lâu mới nói Kinh này
Cho nên người tu hành

**Sau khi Phật diệt độ
Nghe Kinh Pháp như thế
Chớ sanh lòng nghi hoặc.
Nên phải chuyên một lòng
Rộng nói Kinh điển này
Đời đời được gặp Phật
Mau chứng thành Phật đạo.**

Phần trùng tụng lặp lại ý trên.

* * *

PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” THỨ HAI MƯƠI MỐT

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, các vị Đại Bồ Tát như số vi trần trong nghìn thế giới từ dưới đất vọt lên đó, đều ở trước Đức Phật một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mà bạch cùng Phật rằng: Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, ở nơi cõi nước của Đức Thế Tôn phân thân diệt độ, chúng con sẽ rộng nói Kinh này. Vì sao? Chúng con cũng tự muốn được Pháp lớn thanh tịnh này để thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép mà cúng dường đó.

Lúc đó, Thế Tôn ở trước ngài Văn Thù Sư Lợi v.v... vô lượng trăm nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát cự trụ ở cõi Ta Bà và các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân v.v... trước tất cả chúng, hiện sức thần thông lớn: Bày tướng lưới rộng dài lên đến trời Phạm thế, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc, thấy đều khắp soi cả cõi nước trong mười phương. Các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu cũng lại như thế; Bày tướng lưới rộng dài phóng vô lượng tia sáng.

Lúc Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và các Đức Phật dưới cây báu hiện sức thần thông mãn trăm nghìn năm như vậy sau mới hoàn nhiếp tướng lưới, đồng thời tăng hắng cùng chung khảy móng tay, hai tiếng vang đó khắp đến cõi nước của các Đức Phật trong mười phương, đất đều sáu điệu vang động, chúng sanh trong đó: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân v.v... nhờ sức thần của

Phật đều thấy trong cõi Ta Bà này vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức các Đức Phật ngồi trên tòa sư tử dưới những cây báu và thấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật cùng Đức Đa Bảo Như Lai, ngồi trên tòa sư tử trong tháp báu.

Lại thấy vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát và hàng tứ chúng cung kính vây quanh Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, đã thấy thế rồi đều rất vui mừng được chưa từng có.

Tức thời, hàng chư Thiên ở giữa hư không lớn tiếng xưng rằng: Cách đây vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số thế giới có nước tên Ta Bà trong đó có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni hiện nay vì các Đại Bồ Tát nói Kinh Đại thừa tên Diệu Pháp Liên Hoa Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, các ông phải thâm tâm tùy hỷ, cũng nên lễ bái cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật.

Các chúng sanh đó nghe tiếng nói giữa hư không rồi, chấp tay xoay về cõi Ta Bà nói thế này: Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam mô Thích Ca Mâu Ni Phật. Dùng các món hoa hương, chuỗi ngọc, phan lọng và các đồ trang nghiêm nơi thân, những vật tốt bằng trân báu, đều đồng với rải vào cõi Ta Bà.

Các vật rải đó từ mười phương đến thí như mây nhóm, biến thành màn báu trùm khắp trên Đức Phật ở trong đây. Bảy giờ mười phương cõi nước thông đạt không ngại như một cõi Phật.

Đây là phẩm thể hiện trọn vẹn thần lực của Như Lai cho cả pháp giới này thấy. Trong chúng hội đó, người nào có Huệ nhãn hoặc Phật nhãn mới thấy, còn Thiên nhãn hoặc Nhục nhãn không thấy nổi.

Các vị Đại Bồ Tát như số vi trần trong nghìn thế giới từ dưới đất vọt lên đó, đều ở trước Đức Phật một lòng chấp tay, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật mà bạch cùng Phật rằng: “Thế Tôn! Sau khi Phật diệt độ, ở nơi cõi nước của Đức Thế Tôn phân thân diệt độ, chúng con sẽ rộng nói Kinh này”.

Khác với phẩm Tùng Địa Dững Xuất, các vị Bồ Tát ở mười phương đánh lễ Đức Thế Tôn nguyện thọ trì đọc tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật không chịu thì từ cõi nước Đức Phật hiện đang ở có hằng hà sa số chư vị Bồ Tát hiện ra. Nhưng đến phẩm này, không còn nghi ngại nữa, từ tất cả cõi nước đều hiện ra chư Đại Bồ Tát đồng phát nguyện thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Tức là từ nơi mảnh đất tâm của Hành giả khi đã hội nhập Phật huệ, khi đã sống tự tại rồi thì tâm nguyện muốn đem Giáo Pháp này chan rải khắp tất cả chúng sanh muôn loài. Tâm nguyện muốn làm cho Chánh Pháp được trường tồn nên hằng hà sa số tình cảm thương yêu chan rải khắp chúng sanh muôn loài, gọi là hằng hà sa số chúng Bồ Tát từ mảnh đất vọt lên, phát nguyện trước Đức Phật để thọ trì đọc tụng và giảng nói Kinh Pháp Hoa.

Một người đã hòa tan thành Phật Tri Kiến rồi thì tự động tình cảm thương yêu đối với tất cả chúng sanh muôn loài hiện ra tràn ngập ở nơi tâm của Hành giả liền. Lúc nào trong lòng của người đó cũng phát khởi những phương tiện để độ cho chúng sanh được giác ngộ giải thoát.

Ở đây diễn tả người giác ngộ rồi thì phải đủ lòng từ bi. Các thứ tự của giác ngộ rất kỳ diệu. Diễn tả khi một vị Bồ Tát sắp lâm chung thì gặp Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh

nghe được hai muôn ức bài kệ Kinh Pháp Hoa tức là đã khai mở trí tuệ giác ngộ giải thoát. Có trí tuệ rồi sẽ có cuộc sống tự tại nên gặp Đức Phật Vô Lượng Thọ Tại Đãng Vương Như Lai và khi ấy tâm các vị Bồ Tát như số vi trần, đồng phát nguyện trước Đức Phật sau khi Phật diệt độ, ở cõi nước Đức Phật phân thân diệt độ chúng con sẽ rộng nói Kinh này.

“Lúc đó, Thế Tôn ở trước ngài Văn Thù Sư Lợi v.v... vô lượng trăm nghìn muôn ức vị Đại Bồ Tát trụ ở cõi Ta Bà và các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Trời, rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân, Phi nhân v.v... trước tất cả chúng, hiện sức thần thông lớn: Bày tướng lưới rộng dài”. Khi đã nhập Phật Tri Kiến thì tất cả chư Phật đều hiện ra tướng lưới rộng dài, muốn nói tất cả công đức tu hành nhiều đời nhiều kiếp chưa từng có lời nói dối, muốn nói tới Pháp chân thường của chư Phật mười phương luôn hiển hiện từ ngàn xưa cho tới khoảnh khắc hiện tiền chỉ là trí tuệ toàn tri, toàn giác dung thông vô ngại, không hề có bất kỳ một sát na sai biệt nào.

Bày tướng lưới rộng dài lên đến trời Phạm thế, tất cả lỗ chân lông phóng ra vô lượng vô số tia sáng đủ màu sắc, thảy đều khắp soi cả cõi nước trong mười phương.

Sau khi thâm nhập Phật huệ, có cuộc sống tự tại rồi và đủ lòng từ bi với tất cả chúng sanh, lúc đó lộ bày tướng chân thật. Vượt tầm ngôn ngữ để diễn tả trong cõi này, không còn ngôn ngữ để diễn nói. Hào quang ở khắp lỗ chân lông phóng ra, đó là bài Pháp lớn. Một bài Pháp Vô ngôn thể hiện tướng chân thật của chư Phật mười phương.

Như Lai Thần Lực muốn diễn tả lực thật của Như Lai Tự Tánh, của pháp giới tánh. Sự vận hành của Pháp giới tánh có năng lực để hình thành pháp giới chúng sanh và ngàn muôn ức thế giới đều thấy chứ không phải một cõi.

Một Hành giả đã giác ngộ giải thoát hoàn toàn là ở trong cảnh giới vượt không gian, vượt thời gian, đã tự tại hòa nhập trong tất cả cảnh giới giác ngộ của chư Đại Bồ Tát và cảnh giới chư Phật mười phương, có đầy đủ lòng từ giáo hóa tất cả chúng sanh muôn loài, cho nên từ cội nguồn trí tuệ giác ngộ là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, từ chỗ giác ngộ ban đầu. Từ thuở quá khứ có đầy đủ trí tuệ giác ngộ cho tới hiện tại thì trí tuệ giác ngộ đó vẫn nguyên như vậy, là hiện hữu toàn tri, toàn giác hiện tiền.

Đây là một phẩm đạt ngộ giải thoát toàn triệt của Hành giả, khi hòa nhập hoàn toàn vào Tri Kiến Phật thì dung thông khắp pháp giới mười phương thành một cõi Phật. Quá khứ Phật, hiện tại Phật và vị lai Phật chỉ là sự giác ngộ hiện tiền và ánh sáng trí tuệ giác ngộ ở hiện tiền này chiếu khắp pháp giới mười phương, dung thông thành một cõi giác ngộ hiện tiền không có khoảng cách không gian, không có khoảng cách xa gần, mà chỉ là sự hiện tiền toàn giác.

Lúc đó Đức Phật “*đồng thời tăng hăng cùng chung khảy móng tay, hai tiếng vang đó khắp đến cõi nước của các Đức Phật trong mười phương, đất đều sáu điệu vang động*”.

Khi một Hành giả đã giác ngộ giải thoát toàn triệt thì khắp pháp giới mười phương thông thành một cõi giới Phật, cho nên bất kỳ động dụng ở đâu trong cõi giới mười phương thì khắp pháp giới mười phương đồng thời hay biết. Vì vậy mà tiếng khảy móng tay và tăng hăng của Đức Phật ở cõi Ta

Bà vang khắp đến các cõi nước của các Đức Phật trong mười phương, đất đều sáu diệu vang động.

Ở phẩm Pháp Sư Công Đức nói lục căn thanh tịnh, đến đây Hành giả đã hòa nhập hoàn toàn vào Pháp giới tánh toàn chân, hoàn toàn hòa nhập vào cảnh giới vô ngã, cho nên toàn pháp giới này là hiện tiền của thật tướng vô tướng, là cảnh giới vô ngã vô pháp.

Vì vậy mà nói cõi nước Đức Phật trong mười phương đất đều sáu diệu vang động, tức là sáu trần đã thành không, chúng sanh trong các cõi đó đều thấy được cõi Ta Bà có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có nghĩa sáu trần cũng hòa thành một cõi giới giác ngộ giải thoát, cho nên mới hướng về Pháp hội Pháp Hoa của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rải hoa cúng dường, đây mới thật sự là cảnh giới Ngã Không, Pháp Không, cảnh giới Thật tướng Vô tướng, cảnh giới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác dung thông vô ngại thành một cõi giới Phật.

Phẩm này nếu chúng ta đủ lòng tin thì người đó đi, đứng, nằm, ngồi cũng thấy Pháp hội Pháp Hoa đang hiển lộ trong từng phút từng giây giữa cuộc sống này. Lúc nào họ cũng thấy Đức Phật Thích Ca trên hội Linh Sơn đang thuyết Pháp cho mình nghe. Ai thấy rõ sự việc này thì thấy rõ Kinh Pháp Hoa, thấy Đức Phật chưa bao giờ đoạn dứt, Pháp hội Pháp Hoa chưa đóng lại, chưa kết thúc. Và mãi mãi về sau Pháp hội Pháp Hoa vẫn đang vang động khắp pháp giới, chưa có một phút giây nào Đức Phật dừng giảng Kinh Pháp Hoa. Và không có phút nào Đức Phật không thuyết Kinh Pháp Hoa giữa cõi này.

Khi hòa nhập trong Pháp giới tánh toàn chân thì khoảng khắc đó trí tuệ thấu suốt khắp pháp giới không có chỗ nào sót. Khi ấy hào quang sáng rực, thông thấu đến tất cả cõi giới chư Bồ Tát và cõi giới của chư Phật, thì lúc này chỉ thuần là một cõi ánh sáng dung thông khắp pháp giới mười phương chỉ là một cõi toàn tri toàn giác.

Trong phẩm Như Lai Thần Lực, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện tướng lưỡi rộng dài. Còn các Đức Phật phân thân đang ở trong Pháp hội Pháp Hoa ngồi dưới các cội cây báu cũng hiện tướng lưỡi rộng dài đồng phóng hào quang như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi đồng tăng hắng như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Lúc này Tri Kiến Phật là bản thể thanh tịnh của chính mình, đồng thời diệu dụng của trí tuệ thể hiện trọn vẹn năng lực giác ngộ tuyệt đối và sự dung thông vô ngại thì một động dụng nhỏ nhiệm xảy ra ở ngay tại đây tương đồng với sự động dụng của pháp giới mười phương. Khi cõi nước mười phương dung thông thành một cõi giác thì tiếng tăng hắng hay tiếng khảy móng tay của Đức Phật ở cõi Ta Bà là năng lực phát động từ cõi giác, cho nên khắp pháp giới mười phương này liền hiển hiện sự rung động tương ứng với sự giác ngộ của chư Phật mười phương.

Khi đã hòa thành một cõi giác thì đâu đâu cũng là giác, vì vậy những động dụng từ cõi giác xuất hiện bất kỳ nơi nào thì cái động dụng đó cũng là cái động dụng của toàn giác. Khi ấy là hiện tiền trí tuệ giác ngộ, bình đẳng dung thông vô ngại khắp pháp giới mười phương thành một cõi giới Phật. Đây là cảnh giới Hành giả hoàn toàn nhập vào Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Khi đó, Phật bảo đại chúng bậc thượng hạnh Bồ Tát thấy: Thần lực của các Đức Phật vô lượng vô biên bất khả tư nghì như thế; nếu Ta dùng thần lực đó trong vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức vô số kiếp, vì để chúc luy mà nói công đức của Kinh này vẫn chẳng hết được.

Tóm lại đó, tất cả Pháp của Như Lai có, tất cả thần lực tự tại của Như Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai, tất cả việc rất sâu của Như Lai, đều tuyên bày rõ nói trong Kinh này, cho nên các ông sau khi Như Lai diệt độ, phải một lòng thọ trì, đọc tụng giải nói, biên chép, đúng như lời nói mà tu hành.

Cõi nước chỗ nào nếu có người thọ trì, đọc tụng, giải nói, biên chép, đúng như lời tu hành, hoặc là chỗ có quyển Kinh, hoặc trong vườn, hoặc trong rừng, hoặc dưới cây, hoặc Tăng phường, hoặc nhà bạch y, hoặc ở điện đường, hoặc núi hang đồng trống, trong đó đều nên dựng tháp cúng dường.

Vì sao? Phải biết chỗ đó, chính là đạo tràng, các Đức Phật ở đây mà được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, các Đức Phật ở đây mà nhập Niết Bàn.

Đức Phật nói thần lực của Như Lai nếu muốn thể hiện nữa, trăm ngàn muôn ức kiếp cũng không hết được, cho nên tạm hiện tướng lưới rộng dài, phóng hào quang, tăng hắng một cái, để hiện ra cái chân thật nhiệm mầu của Tự Tánh là đủ rồi.

Phẩm Kinh này là đã thể hiện trọn vẹn trí tuệ giác ngộ giải thoát tận cùng của một Hành giả. Phút giây này cũng được gọi là Hành giả đạt được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên tất cả thần lực tự tại của Như

Lai, tất cả tạng bí yếu của Như Lai, tất cả việc làm sâu mầu của tất cả Như Lai đều được tỏa sáng và hiển hiện trong khoảnh khắc hiện tiền này. Khoảnh khắc hiện tiền này là hiện cảnh giới giác ngộ, mà cảnh giới giác ngộ ấy không không gian, không thời gian, cho nên hiện tiền này là trí tuệ sáng suốt mãi mãi và dung thông vô ngại khắp pháp giới mười phương thành một cõi giới Phật. Đây là cảnh giới mà Hành giả Pháp Hoa đã hoàn toàn hòa tan thành Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

**Các Phật, Đấng cứu thế
Trụ trong thần thông lớn
Vì vui đẹp chúng sanh
Hiện vô lượng thần lực:
Tướng lưỡi đến Phạm thiên
Thân phóng vô số quang
Vì người cầu Phật đạo
Hiện việc ít có này.
Tiếng tăng hắng của Phật
Cùng tiếng khảy móng tay
Khắp vang mười phương cõi
Đất đều sáu món động.
Sau khi Phật diệt độ
Người trì được Kinh này
Các Phật đều vui mừng
Hiện vô lượng thần lực.
Vì chúc lữ Kinh này
Khen ngợi người thọ trì**

Ở trong vô lượng kiếp
 Vẫn còn chẳng hết được.
 Công đức của người đó
 Vô biên vô cùng tận
 Như mười phương hư không
 Chẳng thể được ngăn mé.
 Người trì được Kinh này
 Thì là đã thấy Ta
 Cũng thấy Phật Đa Bảo
 Và các Phật phân thân.
 Lại thấy Ta ngày nay
 Giáo hóa các Bồ Tát
 Người trì được Kinh này
 Khiến Ta và phân thân
 Phật Đa Bảo diệt độ
 Tất cả đều vui mừng.
 Mười phương Phật hiện tại
 Cùng quá khứ vị lai
 Cũng thấy cũng cúng dường
 Cũng khiến được vui mừng.
 Các Phật ngồi đạo tràng
 Pháp bí yếu đã được.
 Người trì đọc Kinh này
 Chẳng lâu cũng sẽ được
 Người trì được Kinh này
 Nơi nghĩa của các Pháp
 Danh tự và lời lẽ
 Ưu nói không cùng tận.
 Như gió trong hư không
 Tất cả không chướng ngại.
 Sau khi Như Lai diệt
 Biết Kinh của Phật nói
 Nhân duyên và thứ đệ

**Theo nghĩa nói như thật.
Như ánh sáng nhật nguyệt
Hay trừ các tội tã
Người đó đi trong đời
Hay dứt tội chúng sanh
Dạy vô lượng Bồ Tát
Rốt ráo trụ Nhất thừa.
Cho nên người có trí
Nghe công đức lợi này
Sau khi Ta diệt độ
Nên thọ trì Kinh này
Người đó ở Phật đạo
Quyết định không có nghi.
Phân trùng tụng lặp lại ý trên.**

* * *

PHẨM “CHỨC LỤY” THỨ HAI MƯỜI HAI

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật từ nơi pháp tòa đứng dậy, hiện sức thần thông lớn: Dùng tay mặt xoa đánh của vô lượng Bồ Tát mà nói rằng: Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông, các ông nên phải một lòng lưu bố Pháp này làm cho thêm nhiều rộng.

Phật ba phen xoa đánh các Đại Bồ Tát như thế mà nói rằng: Ta ở trong vô lượng trăm nghìn muôn ức vô số kiếp tu tập Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác khó được này, nay đem phó chúc cho các ông; các ông phải thọ trì, đọc tụng rộng tuyên nói Pháp này cho tất cả chúng sanh đều được nghe biết.

Vì sao? Đức Như Lai có lòng từ bi lớn, không có tánh bồn xển, cũng không sợ sệt, có thể cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ của Như Lai, trí huệ tự nhiên. Như Lai là vị đại thí chủ cho tất cả chúng sanh, các ông cũng nên thọ học Pháp của Như Lai, chớ sanh lòng bồn xển. Ở đời vị lai nếu có người thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tin trí huệ của Như Lai, thì các ông phải vì đó diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này khiến đều được nghe biết, vì muốn cho người đó được trí huệ của Phật vậy.

Nếu có chúng sanh nào chẳng tin nhận thì phải ở trong Pháp sâu khác của Như Lai chỉ dạy cho được lợi ích vui mừng, các ông nếu được như thế thì là đã báo được ơn của các Đức Phật.

Lúc đó, các vị Đại Bồ Tát nghe Phật nói thế rồi, đều rất vui mừng khắp đầy nơi thân càng thêm cung kính, nghiêng mình cúi đầu chấp tay hướng Phật, đồng lên tiếng bạch rằng: Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin Thế Tôn chớ có lo.

Các chúng Đại Bồ Tát ba phen như thế, đều lên tiếng bạch rằng: Như lời Thế Tôn dạy, chúng con sẽ vâng làm đầy đủ, kính xin Đức Thế Tôn chớ có lo.

Khi đó Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khiến các Đức Phật phân thân ở mười phương đến, đều trở về bản độ mà nói rằng: Các Phật đều về yên chỗ, tháp của Phật Đa Bảo được hoàn như cũ.

Phật nói lời đó rồi, vô lượng các Đức Phật phân thân ở mười phương ngồi trên tòa sư tử dưới cây báu và Phật Đa Bảo, cùng vô biên vô số đại chúng Bồ Tát, bậc thượng hạnh thấy, ngài Xá Lợi Phất v.v... bốn chúng hàng Thanh Văn và tất cả trong đời: Trời, Người, A tu la v.v... nghe Phật nói rồi đều rất vui mừng.

Hình ảnh Đức Phật đưa tay hữu xoa đầu chư Đại Bồ Tát trong đạo Phật gọi là quán đánh, người nào được quán đánh tức là chính thức được Đức Phật thọ ký thành Phật, là người đó đã hoàn toàn nhập vào Tri Kiến Phật. Khi đã nhập vào Tri Kiến Phật thì đủ năng lực, đủ phương tiện để dẫn dắt tất cả chúng sanh muôn loài đều được giác ngộ như mình, cho nên trong Kinh Đức Phật nói “*Đức Như Lai có lòng từ bi lớn, không có tánh bỏn xẻn, cũng không sợ sệt, có thể cho chúng sanh trí huệ của Phật, trí huệ của Như Lai, trí huệ tự nhiên*”, đó là sức đại từ, đại bi vô lượng của những bậc giác

ngộ, lúc nào cũng mong muốn cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật.

Lúc này hình ảnh chư Phật phân thân trở về bốn quốc có nghĩa là tất cả Đức Phật phân thân đã hòa thành một cõi giới Phật, không còn riêng khác nữa, cũng như quá khứ tháp của Phật Đa Bảo hoàn lại như cũ, có nghĩa là quá khứ Phật cũng hòa tan vào cõi giác ngộ, Phật hiện tại cũng ở cõi giác ngộ. Như vậy chỉ còn hiện tiền, hiện hữu một cảnh giới Phật thông suốt khắp pháp giới mười phương, thông suốt quá khứ, vị lai.

Từ phẩm Hiện Bảo Tháp là Hành giả đã ngộ Phật Tri Kiến, tức là đã có cái thấy biết Phật, cái thấy biết giác. Từ phẩm đó tới phẩm Chúc Lụy là Hành giả đã sống bằng trí tuệ giác ngộ hiện tiền. Tuy là nói từng phẩm khác nhau khiến chúng ta cảm nghĩ là có khoảng thời gian để Hành giả nhập trong cảnh giới Phật nhưng thực tế khoảnh khắc ngộ Phật Tri Kiến chính là nhập Phật Tri Kiến, là khoảnh khắc đốn ngộ, đốn tu, đốn chứng, là khoảnh khắc trí tuệ giác ngộ hiện tiền, không có không gian, không có thời gian, là lúc Phật Thích Ca cùng Phật Đa Bảo ngồi cùng một tòa giác.

Cho nên khoảnh khắc hiện tiền đó là hiện tiền trí tuệ giác ngộ và khắp Pháp hội đều được lên hư không thấy Đức Phật Đa Bảo cùng Đức Phật Thích Ca đồng ngồi một tòa, có nghĩa là toàn tâm của Hành giả là toàn giác và chỉ hiện tiền sự toàn giác đó là hiện tiền trí tuệ giác ngộ thuần khiết mà thôi. Khi ấy Hành giả đã hòa nhập vào cảnh giới vô trụ toàn triệt, ở trong cảnh giới vô tu, vô chứng, vô đắc. Tâm Hành giả không còn có mảy may ý niệm sở hữu vật chất, tan biến tâm ái nhiễm, sạch đi tri kiến, tri giải, sở đắc, sở chứng.

Tâm Hành giả hoàn toàn thanh tịnh, trong lặng và bình đẳng tuyệt đối, cho nên không còn có thuận nghịch, không còn có sự phân biệt so sánh cao thấp, không còn bất kỳ chỗ nương tựa nào. Ở cảnh giới ngũ uẩn giai không đó thì thân căn đã hoàn toàn hòa trong cõi giới giác, cho nên nói sáu căn thanh tịnh, thì khi ấy từ thân lẫn tâm lúc này không còn là thân tâm nữa, mà chỉ thuần khiết cõi giới giác ngộ dung thông khắp pháp giới mười phương, cho nên khắp pháp giới mười phương chỉ thuần khiết một cõi toàn tri, toàn giác.

Vì vậy mà bất kỳ sự động dụng nào trong pháp giới này thì khắp pháp giới mười phương đều động dụng như nhau. Do đó tiếng tăng hống chung cùng tiếng khảy móng tay của Đức Phật Thích Ca và chư Phật phân thân đồng hiện ra một lượt, chấn động khắp pháp giới mười phương, đất sáu diệu vang động. Đồng thời thể hiện chân thật tướng của chư Phật là tướng giác ngộ toàn triệt, không thay đổi bởi thời gian và không gian, đó là tướng lưới rộng dài của chư Phật phủ khắp pháp giới mười phương.

Khi ấy toàn pháp giới là toàn ánh sáng giác ngộ, là toàn tri, toàn giác nên hiện toàn bộ năng lực trí tuệ giác ngộ khắp pháp giới mười phương này thành một cõi giới Phật, giác ngộ hiện tiền.

Đó là tất cả những hiện thực xảy ra đồng một khoảnh khắc, khi một người đã ngộ Phật Tri Kiến thì khoảnh khắc ấy cũng là nhập Phật Tri Kiến, đồng lúc ấy đủ năng lực trí tuệ giác ngộ và tràn ngập lòng từ bi để khắp pháp giới chúng sanh được giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

Khi Hành giả đã được đốn ngộ, là đốn tu, là đốn chứng, là vô công dụng hạnh đạo, là hiện tiền giác ngộ chứ không

còn bất kỳ sự dụng công nào và cũng không trải qua thời gian để nhập tánh, mà ngay khi Ngộ tức là Nhập, ngay khi ngộ tức là đạt tới cảnh giới toàn tri, toàn giác hiện tiền.

Hành giả đã đạt tới cảnh giới giác ngộ hoàn toàn thì mới đủ trí tuệ thừa kế đại nghiệp của Như Lai, làm cho Chánh Pháp của Như Lai mãi hưng thịnh, mãi mãi tỏa sáng khắp pháp giới mười phương. Cho nên phút chốc đó hằng hà sa số chư vị Bồ Tát hiện ra nguyện thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa được Đức Phật đồng ý.

* * *

PHẨM “DUỘC VƯƠNG BỒ TÁT BỒN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BA

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Ngài Dược Vương Bồ Tát dạo đi nơi cõi Ta Bà như thế nào? Thế Tôn! Ngài Dược Vương Bồ Tát đó, có bao nhiêu nghìn muôn ức na do tha hạnh khổ khó làm? Hay thay Thế Tôn! Nguyên giải nói cho một ít, các hàng Trời, Rồng, Thần, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, Nhân, cùng Phi nhân v.v... và các vị Bồ Tát ở các nước khác đến cùng chúng Thanh Văn đây nghe đều vui mừng.

Lúc đó, Phật bảo ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát: Về thuở quá khứ vô lượng hằng hà sa kiếp trước, có Phật hiệu Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Phật đó có tám mươi ức Đại Bồ Tát, bảy mươi hai hằng hà sa chúng đại Thanh Văn. Phật sống lâu bốn muôn hai nghìn kiếp, Bồ Tát sống lâu cũng bằng Phật. Nước đó không có người nữ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, A tu la v.v... và với các khổ nạn. Đất bằng như bàn tay, chất lưu ly làm thành, cây báu trang nghiêm, màn báu trùm lên, thông các phan báu đẹp, bình báu, lò hương khắp cùng cả nước, bảy món báu làm đài, một cây có một đài, cây đó cách đài đều một lần tên. Các cây báu đó đều có Bồ Tát, Thanh Văn ngồi ở dưới. Trên các

đài báu đều có trăm ức chư Thiên trỗi kỹ nhạc trời, ca khen Đức Phật để làm việc cúng dường.

Bấy giờ, Đức Phật đố vì ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát cùng chúng Bồ Tát và chúng Thanh Văn nói Kinh Pháp Hoa.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát đố ưa tu tập khổ hạnh, ở trong Pháp hội của Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mãn một muôn hai nghìn năm được Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội.

Được Tam muội đó rồi lòng rất vui mừng, liền nghĩ rằng: Ta được Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội này đều là do sức được nghe Kinh Pháp Hoa, Ta nay nên cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật và Kinh Pháp Hoa.

Tức thời nhập Tam muội đó, ở giữa hư không rưới hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, cùng bột Kiên hắc chiên đàn đầy trong hư không như mây mà rưới xuống. Lại rưới hương hải tử ngạn chiên đàn, sáu thù hương này giá trị cõi Ta Bà để cúng dường Phật.

Cúng dường như thế đó rồi, từ Tam muội dậy mà tự nghĩ rằng: Ta dầu dùng thân lực cúng dường nơi Phật, chẳng bằng dùng thân cúng dường. Liền uống các chất thơm: chiên đàn, huân lục, đầu lâu bà, tất lực ca, trầm thủy giao hương; lại uống dầu thơm các thứ bông Chiên bạch v.v... mãn một nghìn hai trăm năm, rồi lấy dầu thơm xoa thân ở trước Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật dùng y báu cõi Trời mà tự quán thân, rưới các thứ dầu thơm, dùng sức nguyện thân thông mà tự đốt thân.

Ánh sáng khắp soi cả tám mươi ức hằng hà sa thế giới, các Đức Phật trong đó đồng thời khen rằng: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Đó là chân thật tinh tấn gọi là chân Pháp cúng dường Như Lai. Nếu dùng hoa hương chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan, lọng, bằng lụa cõi Trời và hương hải thử ngàn chiên đàn, dùng các món vật cúng dường như thế đều chẳng bằng được.

Giả sử quốc thành thê tử bố thí cũng chẳng bằng. Thiện nam tử! Đó gọi là món thí thứ nhất, ở trong các món thí rất tôn rất thượng, bởi dùng pháp cúng dường các Đức Như Lai vậy. Các Đức Phật nói lời đó rồi đều yên lặng. Thân của Bồ Tát lửa cháy một nghìn hai trăm năm, qua sau lúc đó thân Bồ Tát mới hết.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát được học Kinh Diệu Pháp Liên Hoa với Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh. Đồng thời ngài Hỷ Kiến Bồ Tát tinh tấn tu hành chứng được “Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội”, sau đó mới phát tâm cúng dường Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật.

Ngài dùng tất cả những hương thơm quý giá của cõi trần, như là hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, cùng bột Kiên hắc chiên đàn đầy trong hư không như mây mà rưới xuống, có nghĩa là Ngài đã hoàn thiện nhân cách của một con người để dâng lên cúng dường Phật, xong rồi dùng sáu thù hương Chiên đàn có giá trị bằng cõi Ta Bà để cúng dường Phật.

Như vậy là Ngài dùng những thành quả công phu tu tập của Ngài, là những tầng định vượt thoát cõi Người, vượt thoát cõi Trời dục giới, cõi Trời sắc giới để cúng dường

Phật. Ngài tiếp tục uống hương thơm giải thoát, uống các loại dầu thơm. Tức Ngài đã huân tập, đã thâm nhập tất cả những Giáo lý giác ngộ giải thoát, thân tâm của Ngài đã hòa nhập vào hương thơm giác ngộ giải thoát, đồng thời bên ngoài còn tắm bằng những hương thơm, có nghĩa là bản thân Ngài đã thâm nhập Phật Pháp mà Ngài còn dùng gương hạnh của chư vị Bồ Tát, chư vị Thánh Hiền khắp mười phương. Lúc này toàn thân tâm của Ngài là toàn hương thơm của giác ngộ giải thoát.

Tiếp đó Ngài dùng y Như Lai quán vào thân, có nghĩa là người đã thâm nhập Phật đạo với phước trí tròn đầy. Khi ấy Ngài dùng thần lực để đốt thân ánh sáng soi cả tám mươi ức hằng hà sa thế giới, khắp mười phương pháp giới được ngọn đuốc thân Ngài cháy lên sáng rực. Lúc đó chư Phật mười phương đồng thời khen ngợi pháp cúng dường của ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát. Đó là pháp cúng dường bậc nhất trên tất cả những cái quý hiếm.

Ý nghĩa đoạn này ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát đã thâm nhập Phật đạo. Hình ảnh dùng thần lực để đốt cháy thân thì khi ấy thân sắc uẩn đã tan biến thành không, nghĩa là hoàn toàn tan biến tất cả những ý niệm nhỏ nhiệm tinh tế bên trong của mình về chấp thân.

Từ đó về sau không còn niệm nhỏ khởi thấy thân này là thật, có thân đó nhưng họ không còn ý niệm là có thân, dù họ có làm cái gì đi nữa thì thân họ cũng là không, thậm chí cái thấy này nó mang đi đời đời kiếp kiếp về sau, đi tất cả cảnh giới nào với họ cũng là người không thân. Lúc ấy đã sạch những si mê lầm lạc chấp thân, cho nên trí tuệ được tỏa sáng. Khi ấy Đức Phật đồng thời khen là khẳng định

Hành giả đã đạt được công phu đúng Chánh Pháp để đi đến giác ngộ giải thoát.

VĂN KINH

Ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát, làm việc pháp cúng dường như thể xong, sau khi mạng chung, lại sanh trong nước của Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, ở nơi nhà vua Tịnh Đức bỗng nhiên ngồi xếp bằng hoá sanh ra, liền vì vua cha mà nói kệ rằng:

Đại vương nay nên biết!
Tôi kính hành chón kia
Tức thời được nhất thiết
Hiện chư thân Tam muội
Siêng tu rất tinh tấn
Bỏ thân thể đáng yêu
Cúng dường Đức Thế Tôn
Để cầu huệ Vô thượng.

Nói kệ đó rồi thưa vua cha rằng: Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật nay vẫn hiện còn, tôi trước cúng dường Phật xong, được Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngũ Ngôn Đà La Ni, lại nghe Kinh Pháp Hoa này tám trăm nghìn muôn ức na do tha, chân ca la, tần bà la, a súc bà các bài kệ. Đại Vương! Tôi nay lại nên cúng dường Đức Phật đó.

Thưa xong, liền ngồi đài bảy báu, bay lên hư không, cao bằng bảy cây đa la, qua đến chỗ Phật đầu quay mặt lạy chân, chấp tay nói kệ khen rằng:

Dung nhan rất đẹp lạ
Ánh sáng soi mười phương
Con vừa từng cúng dường
Nay lại về thân thấy.

Sau khi đốt thân cháy thì Ngài lại có thân mới nữa. Có thân mới đó nhưng vẫn ở trong cõi nước Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh. Chúng ta hiểu điều gì? Tức là cõi Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới rồi, dù có chết hay có sống cũng ở trong cõi nước đó, chết đi sống lại rồi thì cũng ở trong Nhật Nguyệt Tịnh Minh đó.

Có nghĩa tất cả chúng sanh đều có Nhật Nguyệt Tịnh Minh, tức là có cái bất sanh bất diệt. Còn thân giả này có chết đi sống lại cũng ở trong ánh sáng vi diệu đó chứ không thoát ra được. Dù chúng ta có lên cõi nào thì chúng ta cũng ở trong Nhật Nguyệt Tịnh Minh. Dù chúng ta có đọa cõi nào chúng ta cũng vẫn ở trong Nhật Nguyệt Tịnh Minh đó.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát đốt thân rồi, hồi thân trở lại vẫn gặp lại Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật, vì dù có chết trăm ngàn muôn thân này vẫn an ở trong Nhật Nguyệt Tịnh Minh sáng suốt, không bao giờ thay đổi. Tức là cái thấy biết đó không lung lay được nữa, bỏ thân này vẫn thấy Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Tồn tại thân sau vẫn thấy Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Và dù có cháy một triệu cái thân vẫn ở trong cõi nước Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Chúng ta phải hiểu ý này.

Điều đặc biệt khi Ngài trở lại được hóa sanh trong cung vua, thân này không phải thân cha mẹ sanh nữa mà là thân của Phật sanh. Tức là người nào một phen chấp nhận để cho thân này thành không với chính mình thì người đó mang lại thân sẽ thăng tiến hơn, nó sẽ cao đẹp hơn. Mặc dù cái thân chúng ta đang mang, nhưng nó không phải thân cha mẹ sanh, mà đó là thân Phật sanh rồi, cho nên sanh đi sanh lại cũng sanh ở trong cõi Phật. Từ đó về sau là hóa thân trong

cõi Phật chứ không còn sanh trong cõi Ta Bà nữa. Mặc dù đi đứng trong cõi Ta Bà này, nhưng người đó đã được sanh trong cõi Phật.

Khi ngài Nhật Nguyệt Tịnh Minh ở trong đạo tràng giáo hóa thì ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát bắt đầu trở lại. Và khi trở lại Ngài được *Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ngôn Đà La Ni*. Tức là được thiên định thông đồng tất cả những lý luận, những Kinh điển Hiền giáo, Mật giáo, Ngài thông hiểu không có thừa sót.

Nếu một phen chúng ta không chấp thân, đơn giản có lần chúng ta thấy thân là không thì tự động mình sẽ hiểu tất cả ngữ ngôn của tất cả loài khác. Khi chúng ta mang thân này, chúng ta còn ăn uống trong cõi này thì chúng ta chỉ hiểu biết ngôn ngữ vật lý, những sinh hoạt trong cõi vật chất mà thôi. Nhưng khi chúng ta đã tan biến thân vật lý này rồi thì chúng ta sẽ thấy được các cõi, lúc đó sẽ được định “*Giải Nhất Thiết Chúng Sinh Ngữ Ngôn Đà La Ni*”. Khi đó Ngài bay lên hư không, qua đến chỗ Phật đầu mặt lạy chân Phật, chấp tay nói kệ khen rằng:

*Dung nhan rất đẹp lạ
Ánh sáng soi mười phương
Con vừa từng cúng dường
Nay lại về thân thấy.*

Ngài khen Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh thân đẹp và ánh sáng soi khắp mười phương, thanh tịnh sáng suốt chứ không phải mờ tối. Dù con có bỏ thân cũ hồi lại thân mới con cũng ở trong đó. Nay con đã hội tụ, quay lại để ở trong cõi Nhật Nguyệt Tịnh Minh, con nhận được thân đó nhưng vẫn ở cõi Nhật Nguyệt Tịnh Minh kia.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ca tụng Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh, mà cũng nói sở chứng sở đắc của mình.

VĂN KINH

Lúc đó ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát nói kệ xong và bạch Phật rằng: Thế Tôn! Đức Thế Tôn vẫn còn ở đời ư?

Bấy giờ, Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát rằng: Thiện nam tử! Giờ Ta nhập Niết Bàn đã đến, giờ diệt tận đã đến, ông nên sắp đặt giường tòa. Ta trong đêm nay sẽ nhập Niết Bàn.

Phật lại bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát rằng: Thiện nam tử! Ta đem Phật Pháp giao phó cho ông và các Bồ Tát đại đệ tử cùng Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng đem cõi thất bảo Tam thiên Đại thiên, các cây báu, đài báu và hàng chư Thiên cung cấp hầu hạ đều giao phó cho ông.

Sau khi Ta diệt độ có bao nhiêu Xá lợi cũng phó chúc cho ông, nên làm lưu bố rộng bày các việc cúng dường, nên xây bao nhiêu nghìn tháp.

Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát như thế rồi vào khoảng cuối đêm nhập Niết Bàn.

Lúc đó, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thấy Phật diệt độ, buồn cảm sâu khổ, luyến mộ nơi Phật, liền dùng hải thử ngàn chiên đàn làm giàn để cúng dường thân Phật mà thiêu đó.

Sau khi lửa tắt, thâu lấy Xá lợi đựng trong tám muôn bốn nghìn bình báu, để xây tám muôn bốn nghìn tháp cao ba thế giới, chung dọn trang nghiêm thông các phan lọng treo các linh báu.

Bấy giờ ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát lại tự nghĩ rằng: Ta dầu làm việc cúng dường đố lòng còn chưa đủ, ta nay lại nên cúng dường Xá lợi. Liên nói với các Bồ Tát đại đệ tử và Trời, Rồng, Dạ xoa v.v... tất cả đại chúng rằng: Các ông phải một lòng ghi nhớ, tôi nay cúng dường Xá lợi của Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức Phật. Nói xong liền ở trước tám muôn bốn nghìn tháp đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm, mãn bảy muôn hai nghìn năm để cúng dường. Khiến vô số chúng cầu Thanh Văn, vô lượng vô số người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều làm cho trụ trong Hiện Nhất Thiết Sắc Thân tam muội.

Lúc đó, các Bồ Tát, Trời, Người, A tu la v.v... thấy Ngài không có tay bèn sầu khổ buồn thương mà nói rằng: Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát này là thầy chúng ta, giáo hoá chúng ta, mà nay đốt tay, thân chẳng đầy đủ.

Lúc ấy, ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ở trong đại chúng lập lời thề rằng: Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không dối, thì khiến hai tay tôi hoàn phục như cũ. Nói lời thề xong hai tay tự nhiên hoàn phục, đó là do phước đức trí huệ thuần hậu của Bồ Tát cảm nên.

Đương lúc đó cõi Tam thiên Đại thiên thế giới sáu diệu vang động, Trời rưới hoa báu, tất cả Người, Trời được việc chưa từng có.

Phật lại bảo ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát rằng: “Thiện nam tử! Ta đem Phật Pháp giao phó cho ông và các Bồ Tát đại đệ tử cùng Pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng đem cõi thất bảo Tam thiên Đại thiên, các cây báu, đài báu và hàng chư Thiên cung cấp hầu hạ đều giao phó cho ông. Sau khi Ta diệt độ có bao nhiêu Xá lợi cũng phó chúc cho ông, nên làm lưu bố rộng bày các việc cúng dường, nên xây bao nhiêu nghìn tháp”.

Sau khi Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh nhập Niết Bàn thì ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát thiêu và xây tháp, cúng dường tất cả những của báu thấy vẫn chưa đủ. Rõ ràng không ai có thể cúng dường Đức Phật một cách đầy đủ.

Người sống đúng Pháp, dù đem hết cõi Tam thiên Đại thiên thế giới cúng dường Đức Phật, vẫn không bằng một phen chúng ta hội nhập chân lý. Người hội nhập chân lý có thể kế thừa sự nghiệp chư Như Lai ở cõi này, làm cho tất cả chúng sanh được hết khổ. Cho nên quý vị thấy ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát liền ở trước tám muôn bốn nghìn tháp, đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm mãn bảy muôn hai nghìn năm để cúng dường.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát trước là đốt toàn thân, bây giờ đốt hai cánh tay. Chúng ta thấy một điều rất hay. Thân vật chất là không, bây giờ là cái chấp trước hai bên cũng không nữa. Có nghĩa người đó không còn chấp Ngã, không còn chấp Pháp, không còn chấp có, không còn chấp không, không còn chấp đúng, không còn chấp sai, không còn hay, không còn dở với họ, gọi là đốt hai cánh tay. Nghĩa là thân không thì cái chấp trước hai bên cũng phải không.

Sau đó, Ngài còn dùng ngôn ngữ của người ở trong cảnh giới Vô chấp giáo hóa chúng sanh khiến vô số chúng cầu Thanh Văn, vô lượng vô số người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều làm cho trụ trong Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát được Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh giao cho tất cả vị Bồ Tát mười phương giáo hóa, giao cho cõi Ta Bà, giao Tam thiên Đại thiên thế giới, giao tất cả những vị Thanh Văn và các vị chư Thiên để ủng hộ Phật Pháp, nếu không phá được ngã chấp, pháp chấp thì sẽ mất đạo lý.

Có nghĩa, khi một người không còn ngã chấp, pháp chấp thì người đó có đầy đủ Tam thiên Đại thiên thế giới, nhưng nếu họ còn một chút ngã chấp thì chỉ còn thân mình thôi chứ không có gì khác. Người đệ tử mà được Thầy giao một trọng trách vô cùng to lớn như vậy thì người đó phải thể hiện kiến giải của mình, tức là phải cháy thân, cháy hai tay, tức là ngã chấp pháp chấp tan biến hoàn toàn.

Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát ở trong đại chúng lập lời thề rằng: “Tôi bỏ hai tay ắt sẽ được thân sắc vàng của Phật, nếu thật không dối, thì khiến hai tay tôi hoàn phục, như cũ”. Nói lời thề xong hai tay tự nhiên hoàn phục, đó là do phước đức trí huệ thuần hậu của Bồ Tát cảm nên.

Khi chúng ta không chấp hai bên là thân còn đẹp hơn nữa. Chúng ta sẽ thấy hiểu về Ngã và Pháp sâu tận bên sau của nó, đẹp như vàng ròng. Chúng ta thấy tới cội nguồn của nó là hoàn phục thân như cũ. Cái thấy biết bây giờ trở thành

quý giá và có phương tiện cứu thoát chúng sanh, không phải cái thấy để chấp trước như cũ.

Ví dụ hồi trước chúng ta thấy đúng, sai để chấp trước rồi sanh phiền não. Còn với ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát, thấy phải thấy quấy là tạo phương tiện để cứu giúp chúng sanh, cho nên cái thân hồi phục lại hai cánh tay như vàng ròng.

Có nghĩa, khi người nào một phen tan biến cái chấp hai bên rồi thì cái thấy biết của họ trở thành giác ngộ giải thoát, họ vẫn thấy hai bên một cách rõ ràng, đẹp thấy đẹp, xấu thấy xấu, trắng thấy trắng, đen thấy đen không bao giờ lầm lẫn, nhưng cái thấy sâu hơn, giải thoát hơn, nhẹ nhàng hơn. Không phải không chấp rồi đi ra đường không biết cái gì, ai nói nặng nói nhẹ cũng không biết, đi trên bờ không biết, lội dưới nước cũng không biết. Mà sau khi tan biến ngã chấp thì người đó thấy rất rõ về Ngã, thấy rất rõ về Pháp, thấy rất rõ hai bên, hai chiều và người đó không còn vướng trong đó nữa, gọi là thân sắc vàng. Tức là trí huệ sáng suốt nhiệm màu hiện ra.

Một người sau khi ngộ đạo vẫn thấy đúng, thấy sai, nhưng khi thấy đúng là có phương tiện với người đúng, thấy sai sẽ có phương tiện để giúp người sai. Lúc đó họ có đầy đủ phương tiện để độ sanh thì cái thấy biết nó sâu sắc tinh tế màu nhiệm hơn là cái so sánh phân biệt.

Sau khi tan biến ngã chấp, pháp chấp thì cái thấy của họ trở lại không phải là nhìn so sánh phân biệt nữa, mà chạm mắt họ là tự động nó hiện phải quấy ra liền. Không phải động niệm để khởi tưởng rồi suy nghĩ, nhưng khi chạm tất cả duyên cảnh họ đều thấu suốt tới nghĩa lý của nó một cách

rất vi diệu, không cần động não. Chạm tới là sáng suốt, là minh bạch, là rõ ràng.

Người sau khi đốt hai cánh tay, được phục hồi hai cánh tay là do phước đức và trí huệ thuần hậu mà cảm nên. Sau khi ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát phá thân Sắc uẩn, đồng thời phá tướng ngã chấp và pháp chấp, là cái chấp hai bên của mình xong, rồi phục hồi thân gây chấn động Tam thiên Đại thiên thế giới sáu diệu vang động, Trời rưới hoa báu, tất cả người, Trời được việc chưa từng có.

VĂN KINH

Đức Phật bảo ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát: Ý ông nghĩ sao? Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát đâu phải người nào lạ, chính là Dược Vương Bồ Tát đó. Ông ấy bỏ thân số nhiều vô lượng trăm nghìn muôn ức na do tha như thế.

Tú Vương Hoa! Nếu người phát tâm muốn được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể đốt một ngón tay nhả đến một ngón chân để cúng dường Pháp của Phật, hơn đem quốc thành, thê tử và cõi Tam thiên Đại thiên: núi, rừng, sông, ao, các vật trân báu mà cúng dường.

Nếu lại có người đem bảy thứ báu đầy cả cõi Tam thiên Đại thiên cúng dường nơi Phật, cùng Đại Bồ Tát, Duyên Giác và A La Hán, công đức của người đó được, chẳng bằng người thọ trì Kinh Pháp Hoa này nhả đến một bài kệ bốn câu, phước của người này rất nhiều.

Người trì bài kệ Kinh Pháp Hoa, tức là người thấy được Tri Kiến Phật, ngộ nhập vào Tri Kiến Phật và bằng Tri Kiến Phật mà sống giữa cõi đời này thì phước báo hơn cúng

dường chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị A La Hán và hơn người đốt ngón tay ngón chân.

VĂN KINH

Tú Vương Hoa! Thí như trong các dòng nước: Sông, ngòi, kinh, rạch, thì biển là lớn nhất; Kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong các Kinh của Đức Như Lai nói rất là sâu lớn.

Lại như trong các núi non: Thổ sơn, Hắc sơn, núi tiểu Thiết vi, núi đại Thiết vi cùng núi báu thì núi Diệu Cao bậc nhất, Kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong các Kinh rất lớn là bậc thượng.

Lại như trong các ngôi sao, mặt trăng là bậc nhất, Kinh Pháp Hoa này cũng như thế, ở trong nghìn muôn ức các Kinh Pháp là sáng.

Lại như mặt trời hay trừ các chỗ tối tăm, Kinh Pháp Hoa này cũng như thế, hay phá tất cả sự tối bất thiện.

Lại như trong các vua nhỏ, vua Chuyển Luân Thánh Vương rất là bậc nhất, Kinh này cũng như thế, ở trong các Kinh là bậc tôn kính hơn cả.

Lại như Đế Thích là vua trong ba mươi ba cõi Trời, Kinh này cũng thế, là vua trong các Kinh.

Lại như trời đại Phạm Thiên Vương là cha tất cả chúng sanh, Kinh này cũng như thế, là cha tất cả Hiền Thánh: Bậc hữu học, vô học cùng hàng phát lòng Bồ đề.

Lại như trong tất cả các phạm phu thì bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, Vô sanh, Duyên Giác là bậc nhất, Kinh này cũng như thế, tất cả Như Lai nói, hoặc Bồ Tát, hoặc Thanh Văn nói: trong các Kinh Pháp là bậc nhất hơn

cả, có người thọ trì được Kinh điển này cũng lại như thế, ở trong tất cả chúng sanh cũng là bậc nhất.

Trong tất cả Thanh Văn cùng Duyên Giác, Bồ Tát là bậc nhất, Kinh này cũng lại thế trong tất cả các Kinh Pháp rất là bậc nhất.

Như Phật là vua của các Pháp, Kinh này cũng thế là vua của các Kinh.

Đức Phật ca tụng tán thán bản Kinh Pháp Hoa hơn tất cả các Kinh. Nếu người nào có phước duyên lành nghe được Kinh này thì phước đức rất lớn.

VĂN KINH

Tú Vương Hoa! Kinh này có thể cứu tất cả chúng sanh, Kinh này có thể làm cho tất cả chúng sanh xa rời các khổ não, Kinh này có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, đầy mãn chỗ mong cầu của chúng sanh, như ao nước trong mát có thể đầy đủ cho những người khát nước, như kẻ lạnh được lửa, như kẻ trần truồng được y phục, như người buôn được chủ, như con gặp mẹ, như qua sông gặp thuyền, như người bệnh gặp thầy thuốc, như tôi được đèn, như nghèo gặp của báu, như dân gặp vua, như khách buôn được biển, như đước trừ tôi. Kinh Pháp Hoa này cũng thế, có thể làm cho chúng sanh xa rời tất cả khổ, tất cả bệnh tật đau đớn, có thể mở sự trần trối của tất cả sanh tử.

Nếu người được nghe Kinh Pháp Hoa này, hoặc chép hoặc bảo người chép, được công đức, dùng trí huệ của Phật tính lượng nhiều ít chẳng thể được ngần mé đó. Nếu chép Kinh sách này, dùng hoa, hương, chuỗi ngọc, hương đốt, hương bột, hương xoa, phan, lọng, y phục, các thứ đèn: Đèn nến, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm,

đèn dầu chiêm bặc, đèn dầu tu mạn na, đèn dầu ba la la, đèn dầu bà lợi sư ca, đèn dầu na bà ma lợi đem cúng dường, được công đức cũng là vô lượng.

Tú Vương Hoa! Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này cũng được vô lượng vô biên công đức.

Nếu có người nữ nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này mà có thể thọ trì, thì sau khi dứt báo thân đàn bà đó không còn thọ lại nữa.

Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nữ nghe Kinh điển này, đứng như lời mà tu hành, thì khi ở đây chết liền qua cõi An Lạc, chỗ trụ xứ của Đức A Di Đà Phật cùng chúng Đại Bồ Tát vây quanh, mà sanh trên tòa báu trong hoa sen.

Chẳng còn bị lòng tham dục làm khổ cũng lại chẳng bị lòng giận dữ, ngu si làm khổ, cũng lại chẳng bị lòng kiêu mạn ghen ghét các tánh như làm khổ, được thần thông Vô Sanh Pháp Nhẫn của Bồ Tát, được pháp nhẫn đó thì nhẫn căn thanh tịnh. Do nhẫn căn thanh tịnh đó thấy bảy trăm muôn hai nghìn ức na do tha hằng hà sa các Đức Phật Như Lai.

Bấy giờ, các Đức Phật đồng nói khen rằng: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Ông có thể ở trong Pháp hội của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật mà thọ trì, đọc tụng, suy gẫm Kinh này vì người khác nói, ông được công đức vô lượng vô biên, lửa chẳng đốt được, nước chẳng trôi được, công đức của ông, nghìn Phật nói chung cũng chẳng thể hết được. Ông nay có thể phá giặc ma, hoại quân sanh tử, các oán địch khác thấy đều trừ diệt.

Thiện nam tử! Trăm nghìn các Đức Phật dùng sức thần thông đồng chung thủ hộ ông, tất cả Trời người trong đời không ai bằng ông. Chỉ trừ các Đức Như Lai, bao nhiêu thiên định trí huệ của các Thanh Văn, Duyên Giác, nhứt đến Bồ Tát không có ai bằng ông.

Tú Vương Hoa! Vị Bồ Tát đó thành tựu sức công đức trí huệ như thế.

Đức Phật khen bản Kinh Pháp Hoa và khen người thọ trì đọc tụng Kinh này. Cũng như người nào nghe được phẩm “Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự” thì phước báo vô lượng vô biên. Dược tiêu trừ tất cả các khổ não.

Người nghe Kinh Pháp Hoa có nghĩa là thấu hiểu và hòa trong Tri Kiến Phật, đạt được trí tuệ giác ngộ giải thoát hoàn toàn. Khi có trí tuệ giải thoát vượt ngoài Tam giới thì những cái khổ của chúng sanh trong Tam giới không còn nương gá ở người này, những cái khổ của chúng sanh không có trong Tri Kiến Phật, cho nên Đức Phật nói Kinh này có khả năng làm cho chúng sanh xa rời tất cả khổ, tất cả bệnh tật đau đớn, có thể mở sự trần trối của tất cả sanh tử.

Ở đây Đức Phật đặt nặng người nữ sau khi nghe phẩm này rồi thì chết thân này thọ thân sau không mang thân người nữ nữa. Đức Phật ý nhấn mạnh tới người nữ dễ nhiễm ái, dễ thương mến, dễ dính mắc, dễ cảm động, dễ xúc động, dễ buồn tủi. Nếu người nữ nghe Kinh Pháp Hoa người đó sẽ hết đi chấp mắc luyến ái ở nơi mình thì gọi là thọ thân sau không còn mang thân nữ nữa. Tức là cái yếu đuối, cái nhu nhược của mình đều được tan biến, chứ không phải mang thân người nữ là xấu, chúng ta đừng hiểu lầm.

Người thọ trì đọc tụng được Kinh Pháp Hoa tức là đã thâm nhập được vào Tri Kiến Phật, cho nên tất cả tham sân si và tâm chấp trước sai lầm được tan biến, đạt được Vô Sanh Pháp Nhân, lục căn thanh tịnh, cho nên được chư Phật đồng khen ngợi, công đức người đó thật vô lượng vô biên.

VĂN KINH

Nếu có người nghe phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này mà có tùy hỷ khen ngợi, thì người đó trong đời hiện tại trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hoa sen xanh; trong lỗ chân lông nơi thân, thường thoảng ra mùi thơm Ngưu đầu chiên đàn, được công đức như đã nói ở trên.

Tú Vương Hoa! Vì thế Ta đem phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự này chúc lữ cho ông. Năm trăm năm sau khi Ta diệt độ phải tuyên nói lưu bố rộng truyền ở nơi cõi Diêm Phù đề, chớ để đứt mất. Chớ cho hàng ác ma, dân ma, các Trời, Rồng, Dạ xoa, Cưu bàn trà v.v... phá khuấy được.

Tú Vương Hoa! Ông phải dùng sức thần thông giữ gìn Kinh này. Vì sao? Vì Kinh này là món lương dược của người bệnh trong cõi Diêm phù đề; nếu người có bệnh được nghe Kinh này bệnh liền tiêu diệt, chẳng già, chẳng chết.

Tú Vương Hoa! Nếu ông thấy có người thọ trì Kinh này, phải dùng hoa sen xanh đựng đầy hương hột rải trên người đó. Rải xong nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu quyết sẽ lấy cỏ trái ngò nơi đạo tràng, phá các quân ma, sẽ thổi ốc Pháp, đánh trống Pháp, độ thoát tất cả chúng sanh ra khỏi biển sanh, già, bệnh, chết.

Cho nên người cầu Phật đạo thấy có người thọ trì Kinh điển này, nên phải sanh lòng cung kính như thế.

Lúc Đức Phật nói phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự này, có tám muôn bốn nghìn Bồ Tát được pháp Giải Nhất Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Đà La Ni.

Đức Đa Bảo Như Lai ở trong tháp báu khen ngài Tú Vương Hoa Bồ Tát rằng: Hay thay! Hay thay! Tú Vương Hoa! Ông thành tựu bất khả tư nghì công đức mới có thể hỏi Đức Thích Ca Mâu Ni Phật việc như thế, làm vô lượng lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Đức Phật tiếp tục khen người nghe Kinh Pháp Hoa. Chúng ta chỉ cần đọc Kinh Pháp Hoa, hoặc nghe giảng Kinh Pháp Hoa, hoặc nói Kinh Pháp Hoa thì trong miệng thường thoảng ra mùi thơm hoa sen xanh, thường thoảng ra mùi thơm Ngưu đầu chiên đàn, để có thể cứu giúp được người khác. Tức là người nào hiểu được thân này là không, ngã chấp pháp chấp là không, đồng thời ái ngã tan biến thì người đó sẽ tỏa ra hương thơm giữa đời này để cho người khác có thể nhận được.

Đức Phật nói thêm, nếu chúng sanh nào nghe được bản Kinh này thì tất cả những bệnh khổ liền tiêu diệt, chẳng còn già, chẳng còn chết. Khi chúng ta không còn thấy thân này là thật thì chúng ta liền nhận thân bất sanh bất diệt, chúng ta nhận thân như Đức Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh. Hoặc chúng ta nhận Tri Kiến Phật thì lúc đó thân chúng ta là Tri Kiến Phật, lúc đó chúng ta là Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang, chứ thân chúng ta không phải là thân này. Cho nên gọi là người đó không còn bệnh khổ. Từ đó về sau đi đâu, sống ở đâu, người đó cũng làm lợi ích cho tất cả chúng sanh

muôn loài. Do đó, mới gọi là thoảng ra mùi hương hoa sen xanh, hoặc mùi gỗ chiên đàn.

Học tới phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồ Đốn Sự, chúng ta sẽ hiểu từ phá thân sắc ấm trong Kinh Điện Đại thừa. Ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát gặp Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Như Lai giảng Kinh Pháp Hoa, có nghĩa là Hành giả đã thấy được Tri Kiến Phật và thấu tột tất cả các pháp đều là không, cho nên pháp tướng của thân liền biến thành không, đó là hình ảnh Bồ Tát Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến thiêu thân cúng dường Đức Nhật Nguyệt Tịnh Minh Như Lai.

Khi Ngã không rồi thì Pháp cũng thành không là hình ảnh ngài Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Bồ Tát đốt hai cánh tay cúng dường Phật, cho nên phá thân ngũ uẩn không có nghĩa là đập phá và diệt trừ, khi cái thấy biết Phật đã được khai mở thì đã thấu hiểu tướng không của vạn pháp, tức là thấy thân này vốn dĩ là không, được gọi là phá thân sắc uẩn. Đó là ý nghĩa phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồ Đốn Sự.

* * *

PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT” THỨ HAI MƯƠI BỐN

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật từ nhục kế tướng đại nhân phóng ra ánh sáng và phóng ánh sáng nơi tướng lông trắng giữa chạng mày, soi khắp tám trăm muôn ức na do tha hằng hà sa các cõi Phật ở phương Đông.

Qua khỏi số đó có thế giới tên Tịnh Quang Trang Nghiêm. Nước đó có Phật hiệu: Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, được vô lượng vô biên đại chúng Bồ Tát cung kính vây quanh, mà vì chúng nói Pháp.

Ánh sáng lông trắng của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật soi khắp cõi nước đó.

Theo cái nhìn của người chuyên môn, đây là phẩm phá Thọ âm. Thọ có nghĩa là cảm nhận của chúng ta. Ví dụ chúng ta ngồi đây cảm thấy nóng nực khó chịu, hoặc chúng ta nghe một câu nói hay thấy hình sắc nào đó chúng ta thích. Như vậy là nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý chúng ta xúc chạm lục trần chúng ta cảm thọ vui, hoặc cảm thọ không vui. Hoặc trên đường đi chúng ta chỉ thấy cảnh duyên thôi chúng ta không có ý nghĩ gì về nó, gọi là cảm thọ không khổ không vui. Hoặc có đôi lúc ngồi đây quý vị nghe chúng tôi nói chuyện, nhưng rồi quý vị cũng nghe âm thanh bên ngoài nữa, nghe là nghe thôi quý vị không có

buồn thương giận ghét trong đó, gọi là cảm thọ không khổ không vui.

Thường chúng ta thấy một sự việc nếu chúng ta thích thì tự động chúng ta có ý muốn lưu giữ nó trong tâm, muốn nghĩ đi nghĩ lại hoài chuyện đó. Hoặc chúng ta không thích thì chúng ta muốn từ chối liền, đó là cảm thọ của mình.

Ví dụ, chúng ta chỉ cần chạm tay vào lửa tự động chúng ta giật tay ra thì cảm nhận đó chỉ đơn thuần trên thân xác thôi. Nếu chúng ta bị phỏng mà chúng ta khổ sở trên cái phỏng đó, cái khổ đó xảy ra trong tâm, gọi là cảm thọ khổ. Cái phỏng nó nằm trên thân vật lý, do đó nó có một phần ở mặt vật lý. Có nghĩa nó ở hệ thống thần kinh cảm giác của chúng ta, hệ thống thần kinh nó cảm nhận cái bên ngoài thì gọi là cảm thọ nơi thân.

Ví dụ, có khi chúng ta vui với chuyện đó, hoặc nhớ chuyện đó chúng ta buồn là Thọ thuộc về tâm. Nhưng có những cái liên quan giữa thân và tâm, cho nên Thọ có liên tục nơi cuộc sống chúng ta. Mỗi lần chúng ta cảm thọ vui, cảm thọ buồn, nó đều lưu trữ trong tâm thức của mình. Có khi đi trên đoạn đường chúng ta không thấy gì hết vì chúng ta không để ý, nhưng tới đoạn đường có gì lạ là mình nhớ hoài. Hoặc chúng ta nghe một bản nhạc có thể nhớ đời, thấy một hình sắc đẹp cũng có thể nhớ đời, nghe mùi thơm cũng có thể nhớ đời. Tất cả những cái nhớ đó, chúng ta thích, hoặc không thích, nó thuộc về cảm thọ trên thân tâm của mình.

Từ đầu Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật chỉ phóng hào quang giữa chặng mây, tới đây Đức Phật lại phóng hào quang nơi Đảnh nhục kế, tức là trên đỉnh đầu. Trên đỉnh đầu

còn gọi là Vô Kiến Đánh Tướng. Đức Phật nhục kế rất cao, có lần vị đại đệ tử Đức Phật là ngài Mục Kiền Liên, khi còn ở trong Pháp hội của Đức Phật, có nhiều lần Ngài muốn nhìn thấy Đánh môn của Đức Phật, Ngài sử dụng thần thông bay lên thì Đánh môn vẫn cứ cao hoài. Ngài bay hoài cho tới lạc vào cảnh giới Đức Phật khác rất là xa.

Lúc đó, Ngài đi trên miệng bát của một vị Bồ Tát ở trong cảnh giới đó. Vị Bồ Tát ấy mới hỏi Đức Phật: *“Thưa Thế Tôn, tại sao trong cõi giới chúng ta có một con sâu chống tích trượng đi trên miệng bát như thế này?”* Đức Phật nói: *“Đây là vị Mục Kiền Liên, đệ tử thần thông bậc nhất của Đức Thích Ca Mâu Ni từ cõi Ta Bà, vì muốn thấy đánh tướng của Đức Như Lai mà vận thần thông bay lạc tới đây”*.

Ngài Mục Kiền Liên đã lạc quá xa nên thiết tha muốn bay về cõi Ta Bà mà không có cách để về, nên Ngài hướng về cõi Ta Bà đánh lễ cầu thỉnh Đức Phật Bổn Sư tiếp độ cho Ngài về lại cõi Ta Bà. Khi ấy Đức Bổn Sư phóng luồng hào quang sáng lớn chiếu đến ngài Mục Kiền Liên, tức thời ngài Mục Kiền Liên xuất hiện ở cõi Ta Bà.

Đánh nhục kế của Đức Phật không ai có đủ trí để thấy được. Trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Đức Phật phóng hào quang từ Đánh nhục kế của Ngài có một lý do khác. Đức Phật có ba biến tướng thường hay xảy ra.

Thứ nhất, Đức Phật phóng hào quang ở tướng lông trắng giữa chạng mày. Chúng ta thấy hình Đức Phật có lông trắng giữa chạng mày đó là bạch hào của Đức Phật. Theo như trong Kinh diễn tả là lông trắng ở giữa chạng mày kéo ra dài ra khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, bình thường nó cuộn

lại theo hình xoắn giữa chặng mày. Vì vậy mà người nào tự xưng họ thành Phật ở cõi này thì chúng ta coi họ có lông trắng này không, không có thì chưa phải. Ai tạc tượng Phật thiếu tướng lông trắng đó thì không phải.

Thứ hai, Đức Phật phóng hào quang nơi Đảnh nhục kế, là nơi trí tuệ siêu tuyệt cao tột, nói lên quả chứng của vị đã thành Phật mới đủ sức phóng hào quang. Còn phóng hào quang giữa chặng mày thì một số vị Bồ Tát cũng có thể phóng quang được.

Thứ ba, là Đức Phật phóng hào quang nơi chữ Vạn ở ngực, thể hiện Đức Phật có đầy đủ đại bi.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, diễn tả Đức Phật phóng quang từ lỗ chân lông của mình. Vì vậy, toàn thân Đức Phật, chỗ nào cũng có thể phóng quang, nhưng chỗ phóng quang thường nhất là lông trắng giữa chặng mày. Đó là trí tuệ lia thoát hai bên của Đức Phật, là tâm không vướng mắc hai đầu, là trí tuệ không hai của người đã giác ngộ.

Đến đây, Đức Phật lại kết hợp hai luồng hào quang trên đỉnh đầu và hào quang giữa chặng mày của Ngài, muốn nói nhân tu và quả chứng của bậc thành tựu đạo hạnh đã viên mãn tròn đầy. Nhân địa đã thành tựu viên mãn thì Ngài mới đủ sức phóng quang trên Đảnh môn.

Các Kinh khác chỉ diễn tả phóng quang giữa chặng mày thôi. Ánh sáng hào quang này soi đến mười muôn cõi nước phương Đông, đi đến cõi Tịnh Quang Trang Nghiêm, là cõi nước hết sức thanh tịnh và trang nghiêm. Nước đó có Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai, cõi nước đó được trang trí bằng những loại hoa quý nhất của tất cả các cõi gom lại để cúng dường Đức Phật, là vị Phật đẹp hơn tất cả

cái đẹp, trên tất cả cái đẹp của muôn loài hoa là hoa giác ngộ giải thoát, những hạnh đức cao tột của chư Đại Bồ Tát khi đã viên mãn công hạnh độ sanh, chứng thành đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phước đức trí tuệ tròn đầy, cái đẹp trên tất cả cái đẹp trong pháp giới mười phương này là Đức Phật hiệu Tịnh Hoa Tú Vương Trí Như Lai.

VĂN KINH

Lúc đó, trong nước Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm có một vị Bồ Tát tên là Diệu Âm, từ lâu đã trồng các gốc công đức, cúng dường gần gũi vô lượng trăm nghìn muôn ức các Đức Phật mà đều được trọn nên trí huệ rất sâu, được môn Diệu tràng tướng tam muội, Pháp hoa tam muội, Tịnh đức tam muội, Tú vương hý tam muội, Vô duyên tam muội, Trí ấn tam muội, Giải nhất thiết chúng sanh ngữ ngôn tam muội, Tập nhất thiết công đức tam muội, Thanh tịnh tam muội, Thần thông du hý tam muội, Huệ cự tam muội, Trang nghiêm vương tam muội, Tịnh quang minh tam muội, Tịnh tạng tam muội, Bất cộng tam muội, Nhật triền tam muội v.v... được trăm nghìn muôn ức hằng hà sa các đại Tam muội như thế.

Quang Minh của Đức Thích Ca Mâu Ni Phật soi đến thân vị Bồ Tát đó, liền bạch cùng Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật rằng: Thế Tôn! Con phải qua đến cõi Ta Bà để lễ lạy gần gũi cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, cùng để ra mắt ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Đông Thích Bồ Tát, Tú Vương Hoa Bồ Tát, Thượng Hạnh Ý Bồ Tát, Trang Nghiêm Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát.

Khi đó, Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo ngài Diệu Âm Bồ Tát: Ông chớ có khinh nước Ta Bà sanh

lòng tưởng là hạ liệt. Thiện nam tử! Cõi Ta Bà kia cao thấp không bằng, các núi đất đá đầy đầy sự dơ xấu, thân Phật kém nhỏ, các chúng Bồ Tát thân hình cũng nhỏ, mà thân của ông cao lớn đến bốn muôn hai nghìn do tuần, thân của Ta sáu trăm tám muôn do tuần. Thân của ông tốt đẹp thứ nhất trăm nghìn muôn phước sáng rỡ đẹp lạ, cho nên ông qua chớ khinh nước kia hoặc ở nơi Phật, Bồ Tát cùng cõi nước mà sanh lòng tưởng cho là hạ liệt.

Ngài Diệu Âm Bồ Tát bạch với Phật đó rằng: Thế Tôn! Con nay qua cõi Ta Bà đều là do sức thần thông của Như Lai, do thần thông du hí của Như Lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như Lai.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phóng hào quang chạm tới cõi Nhất Thiết Tịnh Quang Trang Nghiêm, ngay khi nhận được hào quang của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài Diệu Âm Bồ Tát liền cảm biết việc mình phải làm. Ngài Diệu Âm bạch với Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí là con sẽ đi qua cõi Ta Bà. Do cảm nhận hào quang của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà ngài Diệu Âm Bồ Tát liền biết Phật sự Phật hạnh phải làm ở cõi Ta Bà.

Diệu âm là âm thanh vi diệu mà không hiện hình sắc, cũng không phải là hình sắc mà mắt thường có thể thấy được. Khi lục căn xúc chạm lục trần mà có cảm giác khổ hoặc vui thì cảm giác khổ vui đó được mệnh danh là thọ, chứ sự thật thọ nó không hiện hữu thành loại hình tướng nào nhất định. Nếu căn không xúc chạm với trần thì khi ấy lại hiện cảm giác không khổ không vui cũng mệnh danh là thọ. Như vậy là khi căn trần tiếp xúc với nhau có cảm giác khổ vui hoặc cảm giác không khổ vui thì khi ấy được gọi là thọ. Ngay khi thân của mình xúc chạm thì sanh ra cảm giác

đó được mang danh là thọ, khi tâm của mình duyên trần cảnh thì lúc đó cũng được danh là thọ. Chứ nó không có vị trí, không có hình dáng hiện hữu bất kỳ một nơi nào. Tức là thọ, nó thật cũng không phải thật, nói nó hư thì cũng không phải hư, nói nó có cũng không phải có, nói nó không cũng không phải không, ẩn không phải ẩn, hiện cũng không phải hiện, nhưng khi căn trần tiếp nhau thì lại xuất hiện. Cho nên mắt thường của chúng ta cũng như trí tuệ chưa hòa nhập vào Tự Tánh thanh tịnh thì không đủ sức thấy được thọ ở đâu, thọ là gì. Vì vậy được gọi tên là Diệu Âm, là âm thanh vi diệu.

Khi đó, Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật bảo ngài Diệu Âm Bồ Tát: *“Ông chớ có khinh nước Ta Bà sanh lòng tưởng là hạ liệt. Thiện nam tử! Cõi Ta Bà kia cao thấp không bằng, các núi đất đá đầy đầy sự dơ xấu, thân Phật kém nhỏ, các chúng Bồ Tát thân hình cũng nhỏ, mà thân của ông cao lớn đến bốn muôn hai nghìn do tuần, thân của ta sáu trăm tám muôn do tuần. Thân của ông tốt đẹp thứ nhất trăm nghìn muôn phước sáng rỡ đẹp lạ, cho nên ông qua chớ khinh nước kia hoặc ở nơi Phật, Bồ Tát cùng cõi nước mà sanh lòng tưởng cho là hạ liệt”*.

Khi một Đức Phật thành Phật là cõi nước hết sức trang nghiêm thanh tịnh không đơn giản như cõi nước chúng ta, do vậy Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí sợ ngài Diệu Âm qua cõi Ta Bà thấy cõi này xấu có ý niệm coi thường Đức Phật. Khi Đức Phật đã thành Phật rồi thì đều có cõi giới Phật đồng nhau không khác, cho nên Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí ở cõi nước đẹp như thế nào thì Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng đang cảm thọ cõi nước đẹp như thế. Nhưng vì thương chúng ta cho nên Đức Phật Thích Ca mới xuống tận cõi này để dìu dắt chúng ta quay trở về.

Ngày nào đó chúng ta có lần hòa nhập vào Tri Kiến Phật thì lúc đó chúng ta sẽ hiểu Đức Phật đang ở cõi nước hết sức trang nghiêm thanh tịnh. Còn bây giờ với cặp mắt bình thường chúng ta thấy cõi này là bụi, gò nổng, khí độc có thể làm chúng ta bệnh tật chết chóc, có thể bị ô uế. Đó là cái thấy hiểu của chúng sanh. Cho nên nếu chúng ta hiểu Đức Phật còn trong cõi này, có sanh ra, có chết đi thì chúng ta hiểu lầm về Đức Phật của mình.

Đức Phật thị hiện ở cõi này, Ngài luôn ở trong định và từ khi nhập thai cho tới khi thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là Đức Phật vẫn ở trong đại định. Trong tâm Đức Phật chưa hề có sự phân chia như nhớp như mình bây giờ. Đức Phật đi đâu, Đức Phật ở đâu, Đức Phật ngồi đâu chỗ đó cũng là bảy báu trang nghiêm, không có gò nổng như mình thấy bây giờ. Đó là chỗ sở hành sở chứng của Đức Phật.

Đối với Đức Phật Thích Ca thì không có sai biệt, nhưng bên ngoài nhìn thấy Đức Phật Thích Ca đang ở cõi Ta Bà như nhớp ô uế thì bằng con mắt phàm phu, người đó không thể hiểu được Đức Phật. Chúng đại đệ tử Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cũng vậy. Mặc dù các vị hiện thân là một con người như những người phàm phu nhưng các vị là người đạo hạnh rất cao cho nên Đức Phật Tịnh Hoa Tú Vương Trí dẫn ngài Diệu Âm qua bên đây thấy cõi này xấu không được coi thường. Ngài Diệu Âm trả lời: *“Con nay qua cõi Ta Bà đều là do sức thân thông của Như Lai, do thân thông du hý của Như Lai, do công đức trí huệ trang nghiêm của Như Lai”*.

Câu đối đáp này nếu chúng ta là người có công phu tu tập một tí thì chúng ta sẽ thấy được chiều sâu của nó. Cái

thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui đều xuất phát từ tự tâm của mình, từ Tự Tánh thanh tịnh của mình mà lưu xuất. Chúng ta có buồn người khác, mình nghĩ cái buồn nó chỉ là tâm thức, nhưng thật sự tâm thức đó cũng xuất phát từ nguồn thanh tịnh của Tự Tánh. Cho nên cảm thọ khổ vui buồn thương giận ghét, từ Tự Tánh có đầy đủ.

Nếu nói theo Kinh Pháp Hoa là Tri Kiến Phật có đầy đủ những Tri kiến hiểu biết để cảm nhận, để biết khổ, biết vui, biết buồn thương, biết giận ghét ở cõi này. Ở đây diễn tả Bồ Tát Diệu Âm đi cõi Ta Bà nhưng thật ra không có đi đâu cả. Tất cả những vận hành, những lui tới đều ở trong Tri Kiến Phật. Vì Tri Kiến Phật là trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, cho nên có đạo đi ở cõi nào cũng là đạo đi trong cõi tâm mà thôi.

VĂN KINH

Lúc đó, ngài Diệu Âm Bồ Tát chẳng rời khỏi tòa, thân chẳng lay động mà vào trong Tam muội, dùng sức Tam muội ở nơi núi Kỳ Xà Quật cách pháp tòa chẳng bao xa hóa làm tám muôn bốn nghìn các hoa sen báu: vàng Diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài.

Bấy giờ, ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử thấy hoa sen bèn bạch cùng Phật rằng: Thế Tôn! Đây do nhân duyên gì mà hiện điềm tốt này, có ngàn ấy nghìn vạn hoa sen: Vàng Diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài?

Khi ấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi rằng: Đó là Diệu Âm Đại Bồ Tát từ cõi nước của Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật muốn cùng tám muôn bốn nghìn Bồ Tát vây quanh mà đến cõi Ta Bà

này để cúng dường gần gũi lễ lạy nơi Ta, cũng muốn cúng dường nghe Kinh Pháp Hoa.

Ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng: Thế Tôn! Vị Bồ Tát đó trông gốc lành gì, tu công đức gì mà có được sức đại thần thông như thế? Tu Tam muội gì? Mong Phật vì chúng con nói danh tự của Tam muội đó. Chúng con cũng muốn siêng tu hành đó. Tu hành môn Tam muội này mới thấy được sắc tướng lớn nhỏ oai nghi tấn chỉ của vị Bồ Tát đó. Cúi mong Đức Thế Tôn dùng sức đại thần thông khi vị Bồ Tát đó đến khiến chúng con được thấy.

Lúc ấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu, nay sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ Tát đó. Tức thời Đức Đa Bảo Phật bảo Bồ Tát đó rằng: Thiện nam tử đến đây! Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử muốn thấy thân của ông.

Trước khi Bồ Tát Diệu Âm tới thì hiện hoa sen báu tới trước ở núi Kỳ Xà Quật. Các hoa sen báu: vàng Diêm phù đàn làm cọng, bạc làm cánh, kim cang làm nhụy, chân thúc ca bảo làm đài. Những vật hết sức quý làm tòa sen cho ngài Diệu Âm Bồ Tát ngồi. Nếu chúng ta thấy cảnh tượng này chắc hay lắm.

Khi tám muôn bốn ngàn tòa sen báu hiện ra nơi Đức Phật Thích Ca thuyết Pháp, lúc đó ngài Văn Thù Sư Lợi thốt mặc bạch Phật rằng: *“Thế Tôn! Vị Bồ Tát đó trông gốc lành gì, tu công đức gì mà có được sức đại thần thông như thế? Tu Tam muội gì? Mong Phật vì chúng con nói danh tự của Tam muội đó. Chúng con cũng muốn siêng tu hành đó. Tu hành môn Tam muội này mới thấy được sắc tướng lớn*

nhỏ oai nghi tấn chỉ của vị Bồ Tát đó. Cúi mong Đức Thế Tôn dùng sức thần thông khi vị Bồ Tát đó đến khiến chúng con được thấy”. Ngài Văn Thù Sư Lợi là Căn bản trí của chúng ta, do đó muốn phá vỡ chấp trước của thọ thì người đó phải quay về với bản tâm thanh tịnh của mình, mới đủ sức thấy được Thọ âm.

Ví dụ chúng ta thấy mình khổ, thấy mình vui, nhưng không biết cái khổ cái vui đó là cái gì. Hoặc chúng ta vui cười nhưng chúng ta cũng chẳng biết cái vui đó từ đâu đến. Như vậy chúng ta lao theo cái vui, lao theo cái khổ, không có cách dừng lại được, nói chi chúng ta làm hết cái vui, làm hết cái khổ trong đời này. Điều đó rất khó đối với mình.

Cho nên ở đây muốn hóa giải được Thọ âm thì phải động tới Căn bản trí. Khi chúng ta quay trở lại cái gốc trí tuệ thì lúc đó mới đủ sức thấy được cái chân ngụy giữa trần gian này. Mới đủ sức thấy được tận cội nguồn chấp trước sâu lắng trong tâm thức mỗi con người và có thể phá vỡ được. Căn bản trí không thể hiện ra được thì chúng ta không thấy gì, chúng ta chỉ thấy theo cái thấy của phàm phu, mà thấy theo cái thấy phàm phu thì không đủ sức để phá vỡ Thọ âm. Do đó, muốn thấy Diệu Âm Bồ Tát thì chính là ngài Văn Thù Sư Lợi. Tức là Căn bản trí soi rọi để tìm tòi cái gốc chấp trước Thọ âm nằm đâu thì mới có thể phá vỡ được.

“Lúc ấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Văn Thù Sư Lợi: “Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu, nay sẽ vì các ông mà hiện bày thân tướng của Bồ Tát đó””.

Tại sao Đức Phật Thích Ca không làm? Kinh nói, Đức Phật Đa Bảo là thủy giác của chúng ta thì tất cả mọi cái đều từ thủy giác thanh tịnh tuyệt đối đó mà lưu xuất. Vì vậy chỉ

có Đức Phật Đa Bảo mới làm cho ngài Diệu Âm hiện ra. Từ cái gốc căn bản kia mà lưu xuất tất cả mọi cái và từ thủy giác thanh tịnh lưu xuất ra Thọ âm. Cho nên bây giờ muốn cho Thọ âm hiển lộ thì cũng phải từ thủy giác đó.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Diệu Âm Bồ Tát nơi cõi nước kia ẩn mặt, cùng với tám muôn bốn nghìn Bồ Tát đồng nhau qua cõi Ta Bà, ở các nước trải qua, sáu diệu vang động, thấy đều rưới hoa sen bằng bảy báu, trăm nghìn nhạc trời chẳng trỗi tự kêu, mắt của vị Bồ Tát đó như cánh hoa sen xanh rộng lớn. Giả sử hoà hợp trăm nghìn muôn mặt trắng, diện mạo của ngài tốt đẹp lại hơn nơi đây, thân sắc vàng ròng vô lượng trăm nghìn công đức trang nghiêm, oai đức rất thịnh, ánh sáng chói rực, các tướng đầy đủ như thân Na La Diên bền chắc.

Ngài vào trong đài thất bảo bay lên hư không cách đất bằng bảy cây đa la. Các chúng Bồ Tát cung kính vây quanh mà đồng đến núi Kỳ Xà Quật, ở cõi Ta Bà này, đến rồi xuống đài thất bảo, dùng chuỗi ngọc giá trị trăm nghìn, đem đến chỗ Thích Ca Mâu Ni Phật, đầu mặt lễ chân Phật dâng chuỗi ngọc lên mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm Đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ, đi đứng thơi thới, sở hành an vui chẳng? Bốn đại điều hòa chẳng? Việc đời nhần được chẳng? Chúng sanh dễ độ chẳng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bỗn sẻn, kiêu mạn chẳng? Không kẻ chẳng thảo cha mẹ, chẳng kính Sa môn tà kiến tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chẳng?

Thế Tôn! Chúng sanh hàng phục được ma oán chẳng? Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu ở trong tháp

bảy báu có đến nghe Pháp chẳng? Lại hỏi thăm Đức Đa Bảo Như Lai: An ổn, ít khổ, kham nhẫn ở lâu được chẳng? Thế Tôn! Nay con muốn thấy thân Đức Đa Bảo Phật, cúi mong Thế Tôn chỉ bày cho con được thấy.

Lúc đó, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói với Phật Đa Bảo rằng: Ông Diệu Âm Bồ Tát này muốn được ra mắt Phật.

Đức Đa Bảo Phật liền nói với Diệu Âm Bồ Tát rằng: Hay thay! Hay thay! Ông có thể vì cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và nghe Kinh Pháp Hoa cùng ra mắt Văn Thù Sư Lợi v.v... nên qua đến cõi này.

Ngài Diệu Âm Bồ Tát ở nơi cõi nước không cần động đậy gì, chỉ ăn thân là tới cõi Ta Bà liền. Cũng như chúng ta không cần động gì một hồi chúng ta nghe khó chịu liền, hoặc ngồi đây một hồi tê chân nghe cũng khổ, đau lưng nghe cũng khổ. Tức là cái Thọ nó có sẵn nơi thân Ngũ ấm chúng ta, lúc nào nó cũng có thể xuất hiện.

Trong thoáng chốc ngài Diệu Âm Bồ Tát từ cõi Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hiện thân tới cõi Ta Bà. Các vị hỏi thăm nhau rất hay, rất kỹ. Lời hỏi thăm này chúng ta ít gặp ở thế gian.

“Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật hỏi thăm Đức Thế Tôn ít bệnh, ít khổ, đi đứng thơi thới, sở hành an vui chẳng? Bốn đại điều hòa chẳng? Việc đời nhẫn được chẳng? Chúng sanh dễ độ chẳng? Không có người nhiều tham dục, giận hờn, ngu si, ganh ghét, bồng sển, kiêu mạn chẳng? Không kẻ chẳng thảo cha mẹ, chẳng kính Sa môn tà kiến tâm chẳng lành, chẳng nhiếp năm tình chẳng?”

“Thế Tôn! Chúng sanh hàng phục được ma oán chẳng? Đức Đa Bảo Như Lai diệt độ từ lâu ở trong tháp bảy báu có đến nghe Pháp chẳng? Lại hỏi thăm Đức Đa Bảo Như Lai: An ổn, ít khổ, kham nhẫn ở lâu được chẳng? Thế Tôn! Nay con muốn thấy thân Đức Đa Bảo Phật, cúi mong Thế Tôn chỉ bày cho con được thấy”.

Đức Phật thì không có bệnh, không có khổ, đi đứng thong thả, sở hành an vui, bốn đại điều hòa, cho dù chúng sanh rất can cường khó độ nhưng với trí tuệ giác ngộ của Đức Phật thì trong Tam giới này Đức Phật dùng trí tuệ và lòng từ bi để cảm hóa chúng sanh quay về với Chánh Pháp không có bất kỳ chướng ngại nào. Những người tu theo đạo Phật, thực hành đúng với Pháp Đức Phật dạy thì phá được phiền não ma, ngũ âm ma, thiên ma, tử ma để chúng thành thánh quả.

Ngài Diệu Âm hỏi: *“Đức Đa Bảo Như Lai đã diệt độ từ lâu trong tháp bảy báu có đến nghe pháp chẳng?”* Câu hỏi này đã hiện rõ ý Thọ âm đã quay về chỗ giác ngộ nguyên sơ của mình. Khi Thọ âm quay về nguồn cội giác ngộ nguyên sơ.

Trước đó, là từ trí tuệ thanh tịnh, Căn bản trí là ngài Văn Thù Sư Lợi muốn tìm cái gốc của Thọ âm nó nằm đâu thì cuối cùng được trả lời là từ thủy giác thanh tịnh mà lưu xuất. Chúng ta thấy điều hay là khi một Hành giả tu tập mà thấy được cái gốc của vấn đề thì vấn đề đó tự nhiên thanh tịnh. Lối lý luận rất logic. Tức là khi đã nhìn thấy cái gốc của Thọ âm xuất phát từ đâu thì tự bản thân Thọ âm phải quay trở về nguồn cội. Nghĩa là ngài Diệu Âm Bồ Tát muốn gặp ngài Đa Bảo Như Lai, tức là chính bản thân Thọ âm quay lại với nguồn cội chân thật của mình, để tan biến hòa

nhập trở lại với nguồn cội thanh tịnh, hòa nhập trong Pháp giới tánh toàn chân trở lại, chứ không còn phóng chiếu ra bên ngoài nữa.

Khi Văn Thù Sư Lợi hiển bày muốn thấy mặt ngài Diệu Âm Bồ Tát, có nghĩa Căn bản trí muốn soi lại tận ngọn tận nguồn cội của Thọ ấm là cái gì. Lúc đó ngài Văn Thù Sư Lợi được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trả lời là Phật Đa Bảo sẽ kêu Diệu Âm Bồ Tát hiện thân. Có nghĩa chính thủy giác thanh tịnh đó mới thể hiện được cái gốc của Thọ ấm và Căn bản trí nương gốc đó mà thấy được Thọ ấm thì Thọ ấm cũng phải trở về nguồn cội để tự tan biến.

Khi trở về nguồn cội mới tan biến hết tất cả mọi cái. Ngay Thọ ấm của chúng ta phải hòa nhập trở lại trong Pháp giới tánh toàn chân, tức là trong Căn bản trí của mình thì người đó mới hết được Thọ ấm, chúng ta đừng nghĩ phá bằng cách khác. Khi chúng ta dùng trí tuệ căn bản của mình để soi rọi mọi cái thì tất cả mọi cái đều tự tan biến, không cần bất kỳ công phu nào khác, chỉ cần cái thấy thanh tịnh sáng suốt của chính mình thấu tận nguồn cội của tất cả mọi vấn đề thì mọi cái liền thành thanh tịnh.

Ngài Diệu Âm hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đức Phật Đa Bảo có về đây để chứng minh bản Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và Đức Phật Đa Bảo có an ổn kham nhẫn được lâu chăng? Khi Thọ ấm mà đã trao đổi được với Căn bản trí, có nghĩa là quay trở lại hòa nhập được căn bản cội nguồn Tự Tánh thanh tịnh của tất cả chúng ta thì khi đó Thọ tan biến, gọi là phá Thọ ấm. Đó là mấu chốt phá Thọ ấm của Kinh Pháp Hoa.

Chúng ta nghĩ làm bất kỳ công phu nào để phá Thọ âm đều là sai lầm. Cho nên ngài Văn Thù Bồ Tát dùng Trí căn bản đó mà thấy, mà nhìn mới nhìn tận cội nguồn của Thọ, Tướng, Hành và Thức. Và khi đã thấy tận cội nguồn Thọ, Tướng, Hành, Thức rồi thì bản thân Thọ, Tướng, Hành, Thức tự hóa tán để hòa nhập trong cái Tri Kiến Phật thanh tịnh, mới gọi là nhập Tri Kiến Phật.

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, ngài Hoa Đức Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ Tát trông gốc lành gì, tu công đức gì, mà có sức thần thông như thế?

Đức Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ Tát: Thuở quá khứ có Phật hiệu Vân Lô Âm Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, cõi nước tên là Hiện Nhất Thiết Thế Gian, kiếp tên Hỷ Kiến. Diệu Âm Bồ Tát ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Đức Vân Lô Âm Vương Phật cùng dâng lên tám muôn bốn ngàn cái bát bảy báu. Do nhân duyên quả báo đó nay sanh tại nước của Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, có sức thần như thế.

Hoa Đức! Ý ông nghĩ sao? Thuở đó, nơi chỗ Đức Vân Lô Âm Vương Phật, Diệu Âm Bồ Tát cúng dường kỹ nhạc cùng dâng bát báu lên đó, đâu phải người nào lạ, chính nay là Diệu Âm Đại Bồ Tát đây.

Hoa Đức! Diệu Âm Bồ Tát này đã từng cúng dường gần gũi vô lượng các Đức Phật, từ lâu trông gốc công đức, lại gặp hằng hà sa trăm nghìn muôn ức na do tha Đức Phật.

Tự động hiện ngài Hoa Đức là cái gì? Muốn nói cái đức trở thành hoa. Công đức đó không thể dùng ngôn ngữ trần gian có thể so sánh được. Tức là người đã viên mãn công đức tu hành của mình thì người đó mới quay lại hiểu Thọ âm. Người đó muốn biết nguồn cội của Thọ âm, là cái gốc của ngài Diệu Âm cách đây hằng hà sa trong cõi nước của một Đức Phật gọi là Vân Lô Âm Vương Phật.

Ngài Diệu Âm Bồ Tát thời quá khứ ở trong một vạn hai nghìn năm, dùng mười muôn thứ kỹ nhạc cúng dường Đức Vân Lô Âm Vương Phật, cùng dâng lên tám muôn bốn ngàn cái bát bảy báu. Do nhân duyên quả báo đó nay sanh tại nước của Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật, có sức thần như thế, nên phước báo hiện thân vị Bồ Tát hết sức đẹp. Đó là nguồn gốc của Thọ.

Trong Kinh hay diễn tả chư Thiên cúng dường chư Phật bằng đàn Tỳ bà, trỗi hằng hà sa số kỹ nhạc vi diệu. Thiên nhạc đó khiến các chúng hội nghe đều lặng hết tất cả tà tâm tạp niệm của mình, để đi sâu vào thiền định. Những bản nhạc của các vị đều lưu xuất từ định tâm và ca tụng định tâm của chính mình dâng lên Đức Phật.

Âm thanh là dao động sóng âm đi rất sâu vào tâm khảm của mọi người. Cho nên có những âm thanh làm cho chúng ta phấn khởi, có những âm thanh làm chúng ta buồn não nuột. Có những bản nhạc nghe qua chúng ta không khóc không được. Nhưng có những bản nhạc làm chúng ta vui. Có những bản nhạc khiến chúng ta hưng phấn. Điều đó thể hiện cảm thọ chúng ta rất rõ ràng. Âm nhạc và thọ dụng thực phẩm là hai góc độ Thọ âm của mình, nên ở đây ngài Diệu Âm Bồ Tát cúng dường kỹ nhạc và bát báu là thể hiện Thọ âm.

VĂN KINH

Hoa Đức! Ông chỉ thấy Diệu Âm Bồ Tát thân hình ở tại đây, mà Bồ Tát đó hiện các thứ thân hình, nơi nơi vì hàng chúng sanh nói Kinh điển này.

Hoặc hiện thân Phạm Vương, hoặc hiện thân Đệ Thích, hoặc hiện thân Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Đại Tự Tại Thiên, hoặc hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, hoặc hiện thân Tỳ sa môn Thiên Vương, hoặc hiện thân Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc hiện thân các Tiểu vương, hoặc hiện thân Trưởng giả, hoặc hiện thân Cư sĩ, hoặc hiện thân Tể quan, hoặc hiện thân Bà la môn, hoặc hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, hoặc hiện thân phụ nữ của Tể quan, hoặc hiện thân phụ nữ của Bà la môn, hoặc hiện thân đồng nam đồng nữ, hoặc hiện thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân cùng Phi nhân v.v... mà nói Kinh này.

Bao nhiêu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các chỗ nạn đều có thể cứu giúp, nhấn đến trong hậu cung của vua biến làm thân người nữ mà nói Kinh này.

Ngài Diệu Âm Bồ Tát không chỉ hiện thân ở cõi này mà Ngài đã từng hiện thân khắp tất cả cõi nước. Dù ở cõi nào cũng có Thọ, trừ những vị chứng quả A La Hán mới Diệt Thọ Tướng Định mà thôi. Ở cõi Trời cũng có thọ khổ, thọ vui trong đó. Cái khổ ở cõi Trời không phải cái khổ như trần gian, nhưng vẫn có cái làm cho chư Thiên dao động, bất an. Nhất là địa ngục thì khổ đau tràn ngập. Ngay trong cung vua cũng có Thọ. Dù là Chuyển Luân Thánh Vương vẫn có thọ khổ, thọ vui. Có nghĩa Thọ có với tất cả chúng sanh trong tất cả cõi nước mười phương, mà chưa chứng đạo thì chưa thoát khỏi Thọ, có chúng sanh là có Thọ.

VĂN KINH

Hoa Đức! Diệu Âm Bồ Tát này hay cứu hộ các chúng sanh trong cõi Ta Bà, Diệu Âm Bồ Tát này biến hoá hiện các thân hình như thế ở tại cõi Ta Bà này vì chúng sanh mà nói Kinh Pháp Hoa ở nơi thần thông biến hóa không hề tổn giảm. Vị Bồ Tát này dùng ngàn ấy trí huệ sáng soi cõi Ta Bà, khiến tất cả chúng sanh đều được hiểu biết, ở trong hằng hà sa cõi nước trong mười phương cũng lại như thế.

Nếu chúng sanh đáng dùng thân Thanh Văn được độ thoát, liền hiện thân hình Thanh Văn mà vì đó nói Pháp.

Đáng dùng thân hình Duyên Giác được độ thoát, liền hiện thân hình Duyên Giác mà vì đó nói Pháp, đáng dùng thân hình Bồ Tát được độ thoát, liền hiện thân hình Bồ Tát mà vì đó nói Pháp.

Đáng dùng thân hình Phật được độ thoát, liền hiện thân hình Phật mà vì đó nói Pháp.

Theo chỗ đáng độ mà vì chúng hiện các thứ thân hình như thế, nhẫn đến đáng dùng diệt độ mà được độ thoát liền thị hiện diệt độ.

Hoa Đức! Diệu Âm Đại Bồ Tát trọn nên sức đại thần thông trí huệ, việc đó như thế.

Lúc đó, ngài Hoa Đức Bồ Tát bạch cùng Phật rằng: Thế Tôn! Ngài Diệu Âm Bồ Tát sâu trồng căn lành. Thế Tôn! Bồ Tát đó trụ Tam muội gì mà có thể ở các nơi biến hiện thân hình độ thoát chúng sanh như thế?

Phật bảo ngài Hoa Đức Bồ Tát: Thiện nam tử! Tam muội đó tên là Hiện Nhất Thiết Sắc Thân. Diệu Âm Bồ Tát trụ trong Tam muội đó có thể giúp ích vô lượng chúng sanh như thế.

Đức Phật nói ngài Diệu Âm Bồ Tát có thể biến hiện thân Phật để độ thoát chúng sanh. Có nghĩa ở thân một chúng sanh nếu chúng ta còn lầm mê thì Thọ khổ Thọ vui hiện ra để làm cho chúng ta khổ vui. Nhưng đối với chúng sanh giác ngộ, tức là đã hiện thân Phật thì chính Thọ này đều biến thành giác ngộ để có thể cứu giúp chúng sanh muôn loài ở khắp nơi, tùy theo trình độ căn cơ, tùy cảnh giới của từng người.

Chính Bồ Tát Diệu Âm cũng có thể thành Phật. Thọ khi trở về với nguồn cội chân thật thì liền thành Phật. Toàn thân Ngũ âm đều được thành Phật. Và đều có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh. Thọ mê là chúng sanh, nhưng Thọ giác là Phật liền.

VĂN KINH

Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát này những Bồ Tát cùng đi chung với Diệu Âm Bồ Tát tám muôn bốn nghìn người đều được: Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội. Vô lượng Bồ Tát trong cõi Ta Bà này cũng được Tam muội đó và Đà la ni.

Khi ngài Diệu Âm Đại Bồ Tát cúng dường Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và tháp của Đa Bảo Phật xong rồi, trở về bản độ, các nước đi trải qua đều sáu diệu vang động, rưới hoa sen báu, trôi trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc đã đến bản quốc cùng tám muôn bốn nghìn Bồ Tát vây quanh đến chỗ Đức Tịnh Hoa Tú Vương Trí Phật mà bạch rằng: Thế Tôn! Con đến cõi Ta Bà lợi ích chúng sanh, ra mắt Đức Thích Ca Mâu Ni Phật và ra mắt tháp Đức Đa Bảo Phật lễ lạy cúng dường, lại ra mắt Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Đắc Cần Tinh Tấn Lực Bồ Tát, Đồng Thí Bồ

Tát, cũng làm cho tám muôn bốn nghìn vị Bồ Tát này được Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội.

Lúc nói phẩm Diệu Âm Bồ Tát Lai Vãng này, bốn mươi hai nghìn vị Thiên tử được Vô Sanh Pháp Nhãn. Hoa Đức Bồ Tát được Pháp Hoa tam muội.

Sau khi ngài Diệu Âm Bồ Tát đi đến cõi Ta Bà và hỏi thăm Đức Phật rồi đi về, vậy mà trong cõi đó có tám muôn bốn nghìn vị phát tâm Bồ Đề chứng quả Hiện Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội.

Khi Hành giả tu tập theo Pháp Hoa thì Hành giả đó phải thấy từ Trí tuệ căn bản của mình khởi cái thấy nhìn. Tức là khi ngài Văn Thù Sư Lợi muốn thấy ngài Diệu Âm Bồ Tát. Nhiều khi chúng ta công phu theo kiểu phàm phu, mình dùng tâm nhìn lại tự tâm bằng cái thấy của phàm phu thì chúng ta thấy có buồn, thương, giận, ghét trong đó thì trí đó chưa phải là Căn bản trí. Do không phải là Căn bản trí nên chúng ta không thấy tới cội nguồn của vọng niệm này phát sanh từ đâu. Nhưng ở đây ngài Văn Thù Sư Lợi thấy tận nguồn của tất cả những cảm thọ, cảm giác nơi thân tâm của chúng ta, xuất phát từ thủy giác thanh tịnh. Cho nên trong Kinh nói là chính Đức Phật Đa Bảo mới làm cho ngài Diệu Âm Bồ Tát hiện thân. Và sau khi Diệu Âm Bồ Tát hiện thân rồi, tự động đi tìm Đức Phật Đa Bảo để hỏi thăm ít bệnh, ít nã chẳng v.v...

Chúng ta thấy được tận nguồn tất cả các pháp đều lưu xuất từ Tự Tánh và tất cả các pháp vốn tự thanh tịnh thì chúng ta không cần công phu thêm, mà tất cả đều tự thanh tịnh với chính mình. Vì vậy Thọ ấm cũng xuất phát từ đó, Thọ ấm vốn tự thanh tịnh. Một Hành giả tu theo Pháp Hoa phải thấy được tất cả các pháp vốn tự thanh tịnh và Thọ ấm

cũng vốn tự thanh tịnh như vậy thì người đó bắt đầu nhận Phật Tri Kiến.

Phá Thọ âm không phải dụng công cách nào hết, cũng không dùng lực gì, chỉ là trí tuệ thấy đến chỗ như thật của Thọ, xuất phát từ cái gốc thủy giác thanh tịnh thì Thọ cũng trở về hòa nhập trong thủy giác thanh tịnh đó.

* * *

PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” THỨ HAI MƯƠI LĂM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Vô Tận Ý Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?

Phẩm này là phân phá Tướng âm. Đây là bản Kinh quá quen thuộc và gần như trở thành nghi thức cầu an cho giới Phật tử, cũng như các nơi tu tập. Có người thuộc lòng, nhưng cũng có không ít người hiểu rất lầm lẫn trong phẩm Phổ Môn.

Hôm nay có duyên lành để chúng tôi chia sẻ cái thấy biết và kinh nghiệm tu tập của mình. Mong rằng những người có duyên, nếu trong kiến giải của chúng tôi có gì không giống các vị khác thì quý vị cứ để đó chúng ta chỉ nghe thôi, cái gì áp dụng được, cái gì chúng ta thấy hiểu đúng, cái gì hành có lợi cho mình thì cứ hành. Phẩm Kinh này được nhiều người giảng quá và cũng có rất nhiều kiến giải theo cái nhìn riêng. Bây giờ chúng ta học và hiểu phẩm Kinh này, ứng dụng có lợi ích cho tự thân và sống đúng với Tri Kiến Phật, đó là điều cần thiết của chúng ta.

Quán Thế Âm: Quán có nghĩa là quán sát, là xem xét. Thế là thế gian. Quán Thế Âm là quán sát âm thanh của thế gian mà cứu khổ. Chúng ta hiểu một cách nôm na như thế. Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn nói về hạnh từ bi của

vị Bồ Tát tên Quán Thế Âm, thường nghe tiếng kêu cứu kêu khổ của chúng sanh mà Ngài ra tay giúp đỡ, ra tay tế độ.

Phổ Môn: Môn có nghĩa là cái cửa. Phổ là rộng khắp. Phổ Môn là cửa rộng lớn mênh mông. Chúng ta nghe cái cửa, chúng ta có khái niệm như cái đường đi ra đi vào, nhưng thật sự không phải như vậy. Rộng khắp ở đây là không cái gì có thể so sánh được, mà nó trùm khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới. Tức là cái nghe của vị Bồ Tát trùm khắp mười phương pháp giới này, không chỉ cõi Ta Bà mà tất cả các cõi, nếu nghe danh hiệu ngài Quán Thế Âm, niệm tới danh hiệu của Ngài đều được Ngài cứu giúp.

Trong đời chúng ta có một lần được sự giúp đỡ của ngài Bồ Tát Quán Thế Âm chưa? Chuyện đó xảy ra rất nhiều. Nếu chúng ta nói Quán Thế Âm là cái gì khác không có cứu giúp thì cũng không đúng. Nhưng nếu chúng ta nói Bồ Tát Quán Thế Âm là người có thật, để có thể chuyên đi cứu giúp thì chúng ta cũng phải nhìn nhận lại ở một chiều hướng khác. Nếu nhìn theo công phu thì nó lại là chiều hướng khác, nếu nhìn theo chiều tiếp hiện ở đời sống thực tế thì là chuyện khác. Dần dần trong nội dung chúng ta sẽ hiểu thêm.

Phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn nói lên một điều là có một vị Bồ Tát tên Quán Thế Âm chuyên nghe tiếng kêu cứu của tất cả chúng sanh muôn loài ở mười phương pháp giới. Ai kêu tới Ngài, nghĩ tới Ngài, đọc tới danh hiệu của Ngài với tâm hết sức chân thật thì sẽ được Ngài cứu giúp. Hình Quán Thế Âm có nhiều ở các Chùa. Và có rất nhiều sự tích của ngài Quán Thế Âm. Ở Việt Nam có Quán Âm Diệu Thiện, ở Trung Hoa có Quán Âm Nam Hải. Như vậy, hiện tượng của Bồ Tát Quán Thế Âm xuống cứu thế là có thật

hay không thật? Ở đời có câu: “*Linh tại ngã, bất linh tại ngã.*” Nghĩa là có hay không là do tâm của từng người.

Đầu tiên, chúng ta đi theo trình tự Kinh văn. Ngài tên Vô Tận Ý Bồ Tát, có nghĩa là Ý không cùng tận, luôn sanh sôi nảy nở, không dừng. Bồ Tát là bậc giác hữu tình, ý lại vô tận vô biên, không bao giờ dừng lại được, không bao giờ cùng tận ý tưởng đó được. Tức là lúc nào cũng sanh vọng tình, nghĩ điều này điều kia. Nhưng cái nghĩ ngợi của một bậc giác ngộ nếu nói không có ý niệm coi chừng chúng ta lắm. Ở đây ngài Vô Tận Ý Bồ Tát luôn suy nghĩ để tạo phương tiện cứu độ tất cả chúng sanh muôn loài.

Ví dụ chúng ta nghe một câu nói nào đó rồi thôi mình quên, nhưng về tới nhà câu nói đó hiện ra trong đầu. Hoặc chúng ta thấy hình sắc nào đó đẹp, mình cũng bỏ qua nhưng tối về ngồi thiền hình ảnh đó hiện ra. Tức là âm thanh và hình bóng hiện ra trong đầu chúng ta thì đó là Tướng âm. Không có phút nào điều này nó dừng. Và chính cái ý tưởng không dừng này, một phen quay về với nguồn cội để xem xét Quán Thế Âm là cái gì, cho nên đặt ra câu hỏi với Đức Phật: “*Thế Tôn! Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát do nhân duyên gì mà tên là Quán Thế Âm?*”

Từ quán, chúng ta cứ nghĩ là xem xét, là soi rọi, là huân quán v.v... Ví dụ quán thân bất tịnh thì chúng ta dùng tâm để nhìn thân này nó là bất tịnh. Quán tâm vô thường thì chúng ta dùng trí để nhìn tâm này vô thường. Chúng ta soi rọi để nhìn thấy điều gì đó là chúng ta quán xét.

Ở đây nếu chúng ta nghĩ tới chuyện quán xét như trên thì sẽ không hiểu nổi Quán Thế Âm. Cái quán của chúng ta, nó là sự chiếu soi, mà không phải do tập trung tư tưởng để thấy

nhìn. Cái chiếu soi này rộng khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, cho nên, tất cả những âm thanh xảy ra ở trong đó, không có âm thanh nào ra ngoài cái sáng soi kia. Tức là có một cái đang hay biết tất cả những hình bóng và âm thanh nơi chúng ta thì cái đó gọi là Quán Thế Âm.

Quán để thấy biết tất cả âm thanh, dù là âm thanh chúng ta có hiện thành lời, hoặc là những âm thanh xuất phát từ tâm chúng ta, chỉ cần thâm niệm thì tâm niệm đó cũng là một tiếng vang được cái trí quán kia nhận biết rất rõ ràng. Đó là trí quán, thanh tịnh quán của những bậc đã giác ngộ. Thường các bậc Bồ Tát trở lên đều có trí quán này. Chứ không phải chúng ta soi xét, chúng ta thấy nhìn ở nơi mình có cái này, có cái kia như kiểu công phu thường tình.

Tất cả những âm thanh ở mười phương pháp giới này có vang động thành âm thanh bên ngoài, cũng như những ý tưởng thâm lặng bên trong của tất cả chúng sanh, đều được cái sáng suốt này rõ soi không sót một mảy may nào.

Đoạn trước trong Kinh Pháp Hoa có nói: Tất cả chúng sanh ở mười phương pháp giới nghĩ cái gì, tưởng cái gì, làm cái gì, tinh tấn hay là không tinh tấn, người tốt hay là người xấu, bao nhiêu ý tưởng xảy ra như thế nào, Đức Phật đều rõ thông hết. Trí quán này được gọi là Quán Thế Âm, rõ soi tất cả những âm thanh ở trong Tam giới này.

VĂN KINH

Phật bảo ngài Vô Tận Ý Bồ Tát: Thiện nam tử! Nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu các khổ não, nghe Quán Thế Âm Bồ Tát này một lòng xưng danh. Quán Thế Âm Bồ Tát tức thì xem xét tiếng tăm kia, đều được giải thoát.

Tất cả chúng sanh trong mười phương pháp giới này chịu muôn ngàn điều khổ đau, như bị đánh đập, bị chửi rửa, bị nghèo đói, bị tai nạn v.v... Tất cả những khổ ách đó nếu chúng ta niệm Quán Thế Âm thì chúng ta được giải thoát, không còn ràng buộc trong khổ đau đó nữa.

Trong chúng ta có rất nhiều người nhiều lần niệm Quán Thế Âm, nhưng có rất ít người được cứu thoát. Còn lại tất cả chúng ta đâu còn nguyên đó, chúng ta không thoát ra được. Cho nên chúng ta được quyền thắc mắc tại sao Quán Thế Âm cứu người này mà không cứu người kia, vậy ngài Quán Thế Âm có từ bi không? Ngài có làm đúng với bi nguyện của mình không? Đây là vấn đề hết sức quan trọng.

Khi chúng ta hiểu Quán Thế Âm là cái trong sáng, trùm khắp mười phương pháp giới thì chúng ta ngầm hiểu tới điều gì từ trước tới giờ Kinh điển đã nói? Kinh Pháp Hoa nói Tri Kiến Phật trùm khắp mười phương pháp giới thì cái hay biết này cũng trùm khắp mười phương pháp giới, cho nên tất cả chúng sanh dù có khởi động mảy may trong tâm đều được nó rõ biết.

Trong lúc khổ nạn thật sự, bị bức bách không còn đường để thoát thân nữa. Hoặc chúng ta bị túng quẫn không thoát ra khỏi hoàn cảnh khốn khó. Hoặc chúng ta bị chìm dưới nước chỉ còn việc duy nhất là đưa lỗ mũi lên khỏi mặt nước. Hoặc chúng ta bị đói cho tới ngất đi, chúng ta chỉ còn chờ một giọt nước hay một miếng cơm để ăn, chúng ta chỉ còn việc duy nhất là niệm Quán Thế Âm, không còn việc thứ hai thì lúc đó chúng ta mới được cảm ứng. Nếu chúng ta niệm Quán Thế Âm, mà trong tâm chúng ta còn có chút gì khác thì đứt khoát chúng ta không được cảm ứng.

Lúc đó chúng ta nhất tâm bất loạn hoàn toàn thì năng lực tâm của chúng ta bắt đầu phát động, cầu được ước thấy liền tại chỗ, rất là linh diệu. Đó là một mặt về nội tâm. Mặt bên ngoài, nếu thật sự chúng ta đã nhất tâm thì tâm chúng ta hòa đồng cảnh giới của chư Phật, chúng ta sẽ tiếp nhận được từ lực đó từ mười phương chư Phật, chúng ta sẽ thoát khỏi tai ách đúng như ý mình.

Lúc đó chúng ta cùng quẫn không có đường để thoát, tự động rớt vào chỗ không còn tâm nào khác, chỉ duy nhất một tâm niệm Quán Thế Âm mà thôi. Như vậy chúng ta sẽ chiêu cảm được từ lực của chư Phật mười phương. Vì một phen người đó đạt được cảnh giới nhất tâm bất loạn thì không có việc gì người đó làm không thành tựu và được chư Phật mười phương chứng biết, gia trì, hộ niệm cho chúng ta. Trong lúc đó nếu chúng ta nghĩ tới Quán Thế Âm Bồ Tát thì sẽ có hình bóng Quán Thế Âm Bồ Tát xuất hiện liền.

Điều cần thiết để chúng ta được sự trợ giúp của chư Phật, chư Bồ Tát là chúng ta phải nhất tâm, không còn tâm nào khác ngoài việc niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Và thứ hai, là tình thương chúng ta có với tất cả mọi người. Chúng ta vượt qua khó khổ này để chúng ta có thể cứu giúp người khác, chứ không phải chúng ta bị khó khổ quá rồi muốn thoát khổ một mình. Rõ ràng mỗi lần chúng ta xin cái gì cho riêng mình là khó được. Vì mười phương ba đời tất cả chư Phật, cũng như chư vị Bồ Tát đối với trần gian này bằng tình thương. Các Ngài khởi tâm đi đến trần gian này bằng tất cả tâm đại bi của mình mà tới, chứ không bằng tâm khác.

Do đó, nếu tâm chúng ta được kết nối với từ lực của chư Phật và chư Bồ Tát thì buộc chúng ta phải có tình thương tương ưng mới có thể cảm ứng, còn nếu không là rất khó.

Cho nên phải xét lại, nếu không cảm ứng thì lúc đó một là chúng ta niệm không nhất tâm, hai là chúng ta niệm vì mình.

Đứng về mặt công phu, chúng ta đọc Kinh Lăng Nghiêm, trong hai mươi lăm vị Bồ Tát trình kiến giải với Đức Phật để chọn ra một Pháp tu cho cõi trần gian này thì trong đó Bồ Tát Quán Thế Âm lại trình Pháp Phản Văn Văn Tự Tánh, tức là nghe lại Tánh nghe của chính mình. Pháp tu Phản Văn Văn Tự Tánh là nhân địa tu hành, còn phẩm Phổ Môn là quả đức tu chứng. Khi chúng ta đang nghe bằng Tự Tánh thanh tịnh sáng suốt của mình, thì tất cả những âm thanh tạp loạn bên ngoài đều trở thành thanh tịnh thì đó là Phản Văn Văn Tự Tánh.

Từ nhân địa tu Phản Văn Văn Tự Tánh mà Bồ Tát Quán Thế Âm được hiệu là Quán Thế Âm. Tất cả chư Phật ba đời và chư Bồ Tát không lúc nào không nghe âm thanh của chúng ta, không lúc nào không cứu giúp chúng ta, không có phút giây nào các Ngài bỏ quên chúng ta. Gần như phút giây nào các Ngài cũng gia trì hộ niệm cho chúng ta không bỏ sót, có điều là chúng ta có cảm được điều này hay không cảm được là do tâm của mình. Cõi lòng chúng ta đang mở ra hay chúng ta đang đóng bít mà thôi. Có khi chúng ta cũng mở ra đó, nhưng chúng ta mở ra để chúng ta đón tà tâm tạp niệm, chứ không phải chúng ta đón đúng cái cửa từ bi của Phật và Bồ Tát, cho nên chúng ta không cảm nhận được điều này.

Riêng ngài Bồ Tát Quán Thế Âm do tu hạnh Phản Văn Văn Tự Tánh cho nên Ngài được tên là Quán Thế Âm, chứ còn tất cả chư Phật mười phương đều được điều này cả. Tất cả chư Phật mười phương đã chứng quả vị Phật thì khắp tất

cả chúng sanh muôn loài có bất kỳ một tiếng kêu cứu nào cũng đều thấu đến chư Phật, chư Bồ Tát. Các Ngài ra tay cứu giúp chúng ta rất âm thầm, có khi chúng ta không hay biết.

Nói về tha lực thì lúc nào chúng ta cũng được hưởng dù người đó tu nhiều tu ít. Ví dụ chúng ta nhất tâm thì ngay chớp nhoáng chúng ta được theo ý muốn của mình. Nếu chúng ta không nhất tâm niệm vẫn có quả đức nào đó. Từ từ phước đức chúng ta mỗi ngày mỗi lớn lên, chúng ta không hay, không biết chứ không phải chư Phật không cứu giúp mình. Tâm chúng ta ngang chùng đó thì có quả đó, nhưng quả đó không thỏa mãn theo ý của mình thì mình cho rằng Phật và Bồ Tát không cứu giúp mình.

VĂN KINH

Nếu có người trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát này, dầu vào trong lửa lớn, lửa chẳng cháy được, vì do sức uy thần của Bồ Tát này vậy.

Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát này liền được chỗ cạn.

Bây giờ nếu đốt lửa cháy phùng phùng mình niệm Quán Thế Âm Bồ Tát rồi nhảy vô có bị cháy không? Bị cháy hết. Có những cuộc biểu diễn đi trên lửa mà không bị phỏng, là do tâm họ đạt tới trạng thái không dính cảnh đó. Việc này không khó, chúng ta có thể tin được. Chúng ta phải đạt tới nhất tâm, không có chút nghi ngờ sợ hãi là chúng ta không bị cháy.

Thời Đức Phật tại thế có vị Tỳ kheo đang nhập định trong rừng. Có người tiểu phu đi qua cứ thấy ông này ngồi đó, đi từ sáng tới chiều cũng thấy ông ngồi đó, sáng hôm

sau đi đôn củi cũng thấy ông ngồi đó nữa. Thấy thương quá, ông này chết mà không có ai thiêu, thôi chắt củi thiêu ông. Mấy ngày sau ra chợ thấy ông thầy mặc áo cháy xém xém đi ngoài chợ, nhìn kỹ mặt đúng là ông thầy hôm bữa trong rừng. Có những định mà lửa trần gian không thể đốt được. Điều này có trong Phật Pháp rất nhiều.

Cho nên tâm người thế gian nếu còn dao động thì bị vật chất đốt cháy. Nhưng khi tâm chúng ta đạt cảnh giới không còn dao động nữa, chúng ta vượt qua tầng vật lý thì chúng ta chuyển đổi vật lý, có trở thành không, không trở thành có, là một sự thật. Đối với những vị có thần thông trong Phật Pháp, đạt tới cảnh định rồi, có thể dời chùa này trong chớp mắt nó biến mất. Và trong chớp mắt sau nó hiện cái đẹp hơn.

Trong Phật Pháp khi một người đạt tới cảnh giới tâm thanh tịnh thì lửa không cháy được. Ở Việt Nam, Bồ Tát Thích Quảng Đức đốt cháy thân nhưng trái tim còn nguyên. Có những cảnh giới tâm họ muốn giữ nguyên xác thì còn nguyên xác, muốn giữ trái tim thì trái tim còn. Đó là định lực mà thế giới vật chất này không phá hủy được.

Chúng ta phải hiểu trong Phật Pháp có những định lực như thế, cho nên nói là thân kim cương bất hoại là có chứ không phải không. Có những định gọi là Kim Cương định thì không cái gì có thể phá hoại được người đó.

Do vậy mà tất cả Thiên sư tịch để lại nhục thân là điều có thật. Các vị nhập định chỉ cần bỏ một chút xíu năng lực định của mình, để bảo trì thân vật chất này còn hoài trăm năm, ngàn năm không bao giờ hư hoại. Vì vậy trong lúc lửa đang cháy mà niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì phải đạt cảnh

giới tâm nào mới có thể không bị cháy. Còn một người thường thường là sẽ bị cháy. Chúng ta chưa đủ định lực đừng nên thử.

“Nếu bị nước lớn làm trôi, xưng danh hiệu Bồ Tát này liền được chỗ cạn”.

Đó là mặt tha lực và định lực của mình. Nếu nói mặt khác trong công phu đạo Phật, nếu chúng ta nhớ Quán Thế Âm Bồ Tát sự rộng lặng chiếu soi thì khi lửa sân đốt mình không bị cháy. Hoặc chúng ta nhớ lại cái rộng lặng chiếu soi thì nước ái sẽ không bị nhấn chìm.

Nói về nội lực tu hành thì khi tâm chúng ta chạm tới dù cảnh duyên nào, mà chúng ta có lần nhớ tới Quán Thế Âm, tức là nhớ tới cái sáng suốt chiếu soi hằng hữu trùm khắp mười phương pháp giới thì không cái gì có thể đốt được. Tại vì lửa này chỉ là cái nhen nhúm nhỏ trong hư không này thôi, mà cái Quán Thế Âm là cái trùm chứa khắp hư không, cho nên không thể nào đốt cháy hư không. Lửa đó nó không làm hại được mình, vì lúc đó chúng ta đang nhập trong cái sáng suốt chiếu soi thì tự động chúng ta sẽ thoát đi cái nạn này.

Khi chúng ta quay trở về với Quán Thế Âm, là cái hay biết hằng hữu chiếu soi trùm khắp pháp giới thì chuyện xảy ra trong nước, trong lửa, trong tai ách nhỏ nhiệm không làm gì được mình. Tùy trình độ của chúng ta, tùy mức nhận định của chúng ta, tùy duyên cảnh xảy ra với chúng ta và tùy tâm lực của mình mà mình chiêu cảm cảnh giới. Tâm chúng ta như thế nào chúng ta sẽ chiêu cảm cảnh giới đó liền. Tâm chúng ta có sự sai biệt sẽ chiêu cảm cảnh giới sai biệt.

Ví dụ chúng ta vào chùa chúng ta thấy cảnh giới chùa thanh tịnh yên ổn khiến chúng ta thích thú muốn ở lâu. Nhưng có người vào trong chùa thấy không có gì vui, không có được nghe nhạc, không được ăn uống ngon, thì chùa trở thành khó chịu với họ trong một ngày, họ bị ép buộc ở đó. Cho nên khi chúng ta được sự trợ giúp nào từ lực của ngài Quán Thế Âm thì cũng là tâm chúng ta chiêu được cảnh giới, chứ không phải Phật và Bồ Tát không giúp chúng ta.

VĂN KINH

Nếu có trăm nghìn muôn ức chúng sanh vì tìm vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hồ phách, trân châu các thứ báu vào trong biển lớn, giả sử gió lớn thổi ghe thuyền của kia trôi tấp nơi nước quỷ La sát, trong ấy nếu có nhân đến một người xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các người đó đều được thoát khỏi nạn quỷ La sát. Do nhân duyên đó mà tên là Quán Thế Âm.

Trong tất cả những tâm khởi lên tham cầu tìm kiếm thì mình rớt vào biển tham tâm, rớt vào biển mê sẽ bị quỷ làm hại thân xác chúng ta. Chúng ta có thể sẽ bị chết với loại tham tâm đó. Nhưng một phen có một ý niệm thức tỉnh là chúng ta thoát khỏi biển mê. Có rất nhiều người chết theo kiểu đó rồi. Người mê tiền bạc, mê vàng, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hồ phách và cũng đã từng có rất nhiều người chết vì việc tìm tòi này từ ngàn xưa tới bây giờ.

Nhưng lúc đó có một niệm chợt tỉnh để nhớ lại cái lạng lẽ chiếu soi thường hằng của mình thì chúng ta thoát khỏi liền. Thậm chí quỷ La Sát chuẩn bị làm hại chúng ta cũng không hại được.

VĂN KINH

Nếu lại có người sắp sẽ bị hại, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì đao gậy của người cầm liền gãy từng khúc, người ấy liền được thoát khỏi.

Nếu quỷ Dạ xoa cùng La sát đầy trong cõi Tam thiên Đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các quỷ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội công cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thấy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Nếu kẻ oán tặc đầy trong cõi Tam thiên Đại thiên, có một vị thương chủ dắt các người buôn đem theo nhiều của báu, trải qua nơi đường hiểm trở, trong đó có một người xưng rằng: Các Thiện nam tử! Chớ nên sợ sệt, các ông nên phải một lòng xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, vị Bồ Tát đó hay đem Pháp Vô Úy thí cho chúng sanh, các ông nếu xưng danh hiệu thì sẽ được thoát khỏi oán tặc này.

Các người buôn nghe rồi, đều lên tiếng xưng rằng: Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát! Vì xưng danh hiệu Bồ Tát nên liền được thoát khỏi.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát sức oai thần to lớn như thế.

Lúc nhất niệm hòa nhập cảnh giới thì toàn thân biến thành kim cương cho nên cây gậy đụng tới là gãy. Năng lực định của người tu trong đạo Phật rất lớn. Ngài Xá Lợi Phất đang nhập định, con quỷ Ki Ta nó lấy chày đập lên đầu Ngài, Ngài không nhúc nhích. Khi Ngài xuất định ra, ngài Mục Kiền Liên ở núi bên kia trông thấy mới đi đến hỏi.

ngài Xá Lợi Phất nói: “*Ta nghe ê ê cái đầu một chút*”. Ngài Mục Kiền Liên nói sức đập của con quỷ tám cái núi Tu Di cũng nát, mà đập ngài Xá Lợi Phất không nhúc nhích.

Định Phật giáo vượt qua quy luật vật lý, cho nên những chuyện bị gông cùm xiềng xích đánh người bình thường còn đau, nhưng những người có định lực thật sự dao gậy tới bị gãy nát. Lúc đó tâm họ hoàn toàn không có dao động, không có sợ hãi, không có chấp trước theo kiểu phàm tâm thì người đó có năng lực rất huyền diệu. Những chuyện xảy ra họ đều hóa tán một cách gọn nhẹ, không phải dùng lực để chống trả lại mà đao gậy cũng tự gãy nát. Chuyện này có rất nhiều trong Phật Pháp.

Một người bình thường tâm không dao động sợ hãi thì người khác không khuấy phá chúng ta được. Ví dụ lúc chạy xe chúng ta giữ bình tĩnh chủ động tay lái thì không thể gây ra tai nạn. Việc tu hành cũng vậy. Nếu tâm chúng ta vững thì hoàn cảnh khó cỡ nào chúng ta cũng giữ được đạo lý và giữ nguyên vẹn thân xác không bị hư hại. Nếu chúng ta dao động một chút sẽ bị cảnh bên ngoài tác động.

“Nếu quỷ Dạ xoa cùng La sát đây trong cõi Tam thiên Đại thiên muốn đến hại người, nghe người xưng hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì các quỷ dữ đó còn không thể dùng mắt dữ mà nhìn người, huống lại làm hại được”.

Quỷ Dạ Xoa La Sát là loại có thể hại chết người, nhưng khi người này nhớ tới Quán Thế Âm Bồ Tát thì loại quỷ này không dám nhìn tới thân người này nữa, chứ đừng nói là làm hại.

Khi tâm chúng ta có động niệm thì mới chiêu cảm cảnh giới bên ngoài. Còn tâm không động thì cảnh bên ngoài tự

mất. Có nhiều người không biết mà lo hơn thua chống đối với hoàn cảnh bên ngoài thì chuyện rắc rối càng thêm rắc rối. Nếu mình tự làm cho tâm yên thì bên ngoài tắt đi cái rắc rối liền. Người tu Phật chúng ta không thấy ra điều này, mà chúng ta cứ luôn sắp xếp cho chuyện này nó yên, sắp cho chuyện kia nó yên bên ngoài, chứ mình không sắp xếp cho cái bên trong nó yên.

Thật sự tất cả những rắc rối đều do chúng ta khởi tâm. Nếu chúng ta không khởi tâm chuyện rắc rối tự động mất. Chúng ta bật dút chùng nào thì cảnh bên ngoài càng yên lặng chùng đó. Tâm chúng ta thanh tịnh thì cảnh giới tự động thanh tịnh với chính mình. Dù nó rất ồn ào, dù chúng ta ở trong chiến trận chúng ta cũng cảm được cái thanh tịnh đó. Tất cả những chuyện rắc rối xảy ra trong đời này của mình, là do mình mở tâm ra chứ không phải chuyện bên ngoài đem đến. Chúng ta mở cửa hướng nào thì gió hướng đó thổi vào, mở cửa hướng Đông thì gió Đông tới, mở cửa hướng Nam thì gió Nam tới. Khi chúng ta đóng kín tất cả các cửa thì không có cái gì tới với chúng ta cả. Người tu chúng ta phải thấy được điều này. Tức là khi chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì cái rắc rối tự động xua tan. Những cái hãm hại thân xác chúng ta tự động tiêu mất.

Nếu người tu chúng ta không khéo thì thấy gần như là mình bị rắc rối suốt ngày suốt đêm, đừng chuyện gì cũng khó, đừng chuyện gì nó cũng gây hại tới mình, chuyện gì mình cũng có thể ngã ra chết được. Nhưng người tu tốt rồi tự động họ thấy là họ đi tới đâu cũng bình an. Mặc dù đi ngang chỗ bom rơi đạn lạc, họ vẫn thấy bình an. Và điều này có rất nhiều. Tất cả những người tu ở trong hoàn cảnh rắc rối, chúng ta thấy người đó gần như là bị đốt cháy, nhưng lúc nào họ cũng thấy bình thường. Hoàn cảnh xung

quanh có nhiều rắc rối nhưng họ rất tỉnh. Đây là sự thật trong công phu tu tập của người tu Phật.

Tâm mình như thế nào thì chúng ta sẽ chiêu cảm cảnh giới đó tới với mình. Tâm và cảnh giới không hai. Ở đây người niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì quý Dạ Xoa La Sát không dám ngó. Không phải do năng lực của Phật mạnh hơn khiến các loại quỷ sợ hãi, nhưng họ tìm không được mình.

Tổ Động Sơn Lương Giới bên Trung Hoa có đệ tử là Ngũ Tổ Diễn mấy ngày không xuống ăn cơm với chúng. Một hôm ngài Động Sơn Lương Giới gặp ngài Ngũ Tổ Diễn hỏi: *“Sao mấy ngày nay ông không xuống ăn cơm với chúng?”* Ngũ Tổ Diễn thưa: *“Được chư Thiên cúng dường”*. Tổ Động Sơn Lương Giới hỏi một câu thì đệ tử trả lời không được. Tổ nói: *“Rõ ràng ta nghi ngờ ngươi còn có một chút tri giải, cho nên từ bây giờ phải tu hành lại đàng hoàng”*. Từ đó Ngài về nghiêm túc tu hành lại, chư Thiên không tìm Ngài được để cúng dường.

Chư Thiên cúng dường còn tìm không ra, huống là quý La Sát muốn khuấy phá mình. Cho nên ở trong cảnh giới đó nếu tâm chúng ta bật dứt rồi thì không ai có thể thấy được.

Trong nhà Thiên có chuyện của ngài quốc sư Huệ Trung. Có lần, một vị có thần thông đi từ Ấn Độ sang Trung Hoa, được đôn đại ngài quốc sư Huệ Trung là một Thiên sư nên đến diện kiến. Khi gặp, ngài quốc sư Huệ Trung hỏi: *“Ta nghe nói ngươi có thần thông biết được tâm người chứ?”* Ông này nói: *“Chả dám!”* Tức là gật đầu chấp nhận. Ngài quốc sư Huệ Trung hỏi: *“Ngươi thấy bây giờ Ta ở đâu?”* Ông kia bảo: *“Đường đường là vị Ngài quốc sư mà đang*

đứng coi bình trận”. Lần thứ hai, ngài quốc sư Huệ Trung hỏi: “*Ngươi thấy bây giờ Ta ở đâu?* Ông kia đáp: “*Đường đường là vị quốc sư mà đứng trên cầu coi người ta đưa đò*”. Lần thứ ba, ngài quốc sư Huệ Trung nghiêm mặt hỏi: “*Ngươi thấy bây giờ Ta ở đâu?*” Vị kia không biết được Ngài ở đâu để nói. Ngài quốc sư Huệ Trung chỉ mặt nói rằng: “*Đồ hồ ly tinh, ngươi đừng có dùng cái này để mê người, đi chỗ khác*”.

Tức là dùng thần thông đi từ Ấn Độ sang Trung Hoa, đã thấy tâm ngài quốc sư Huệ Trung hai lần, nhưng khi ngài quốc sư Huệ Trung bật dứt tâm là không còn chỗ để có thể thấy được. Chúng ta cũng vậy, nếu chúng ta bật dứt tâm tham sân của mình thì một phen Trời cũng không thấy mà quỷ cũng không hay.

Đây là sự thật về tất cả công phu thiền định của những người tu theo đạo Phật. Khi chúng ta muốn thoát khỏi điều khó trong cuộc sống, là chúng ta nên để cho tâm mình lặng yên, chứ không nên dao động để đối phó, chúng ta tự sắp xếp là chúng ta sai lầm, chúng ta phải sống đúng Phật đạo thì mọi chuyện tự yên.

Cho nên có xảy ra bất kỳ chuyện gì với mình thì chúng ta nên lặng yên, chúng ta sẽ thấy điều kỳ diệu xảy ra là chuyện đó bên ngoài tự tắt mất. Nếu chúng ta muốn đối đầu thì chuyện đó càng rắc rối thêm, không giải quyết được. Đạo Phật có những cái chúng ta giải quyết mọi chuyện rắc rối mà không cần động tay, không cần động tâm, càng không động tâm chừng nào thì rắc rối càng mau hết chừng ấy.

Dầu lại có người hoặc có tội, hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc nơi thân, xưng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thấy đều đứt rã, liền được thoát khỏi.

Khi tâm chúng ta không còn loạn, chỉ còn việc duy nhất là niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì mọi chuyện kỳ diệu xảy ra. Nếu nhìn ở mặt tha lực thì rõ ràng có lực của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát gia bị cho chúng ta. Nhưng nhìn lực của tự tâm thì cái diệu dụng của tự tâm chúng ta nó cũng có năng lực rất lớn. Khi chúng ta đạt được cảnh giới tâm thanh tịnh thì chúng ta tự thoát hết tất cả mọi cái. Năng lực đó vượt tầm vật lý. Cho nên chuyện của vật lý không thể giải thích được.

Nếu chúng ta nói Quán Thế Âm Bồ Tát không có ở trần gian này thì cũng không phải, nhưng thực tế Ngài hiện thân với ai? Với người nào? Trong cuộc sống này thì điều gì cũng có thể xảy ra. Cái kỳ diệu của Kinh điển nói, có nhiều khi chúng ta so sánh bằng tâm thức bình thường, mình thấy chuyện đó quá phù phiếm. Khoa học cũng không thể chứng minh được điều này. Nhưng người hiểu biết Phật Pháp rồi thì năng lực tâm linh vượt tầm vật lý. Tất cả những vật chất có ra từ tâm chúng ta. Nó được, mất, có, không, thành, hoại đều do tâm chúng ta. Thành ra có những cái vượt khỏi tâm thức thì vượt khỏi vật lý. Trong thoáng chốc người đó nhận được điều kỳ diệu trong lúc bức bách, vì họ không còn chuyện thứ hai, tâm họ đã đạt được định.

Trong cuộc sống khi xảy ra chuyện bất ngờ thì tâm chúng ta vượt tầm vật lý, tâm chúng ta ở cảnh giới không phải cảnh giới vật lý thì chúng ta được thoát khỏi tai ách.

Có khi nhà cháy, họ tông bễ tường để ra nhưng sau đó lấy búa đập tường đó không nổi. Cho nên tâm chúng ta đạt được định thì phát huy nội lực lớn. Đây là điều rất thật. Trong Phật Pháp có nhiều chuyện xảy ra như vậy để chúng ta thoát nạn, nếu giải thích theo khoa học chúng ta không cách nào có thể giải thích. Chỉ có người hiểu biết nội lực tâm linh mới biết được năng lực của tâm, đủ để chúng ta thoát khỏi những tai ách rất bất ngờ.

Lúc đó tâm chúng ta muốn cái gì nó sẽ được y như vậy. Muốn thấy Bồ Tát hiện thân sẽ có Bồ Tát hiện thân. Muốn thấy chư Phật mười phương hiện thân thì lúc đó chư Phật mười phương hiện thân. Khi tâm lực chúng ta đến đại định thì tất cả mọi cái đều từ tâm sanh. Chúng ta mới bắt đầu tu thêm một đoạn nữa thì thấy mọi cái tự tâm mình tạo, mình làm, nhưng tu đến đoạn chúng ta thấy tất cả Pháp này là tất cả tâm. Cho nên tâm chúng ta muốn cái gì thì liền thành cái đó. Khi chúng ta nhất tâm bất loạn nhập vào cảnh tự quán, cái quán xét thanh tịnh chiếu soi thường hằng thì năng lực đó bắt đầu có đủ với tất cả con người. Vì vậy chúng ta được thoát tất cả tai nạn cần thiết.

VĂN KINH

Nếu có chúng sanh nào nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được ly dục.

Nếu người nhiều giận hờn, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa lòng giận.

Nếu người nhiều ngu si, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, liền được lìa ngu si.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có những sức oai thần lớn, nhiều lợi ích như thế, cho nên chúng sanh thường phải một lòng tưởng nhớ.

Nếu có người nữ, giả sử muốn cầu con trai, lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức trí huệ; giả sử muốn cầu con gái, bèn sanh con gái có tướng xinh đẹp, trước đã trông gốc phước đức, mọi người đều kính mến.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần như thế.

Đoạn này giải thích sức thần của Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu bây giờ mình nhiều tham lam, sân hận, si mê mà chúng ta thường niệm ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thì chúng ta được tiêu trừ ba cái độc đó. Đoạn sau Đức Phật so sánh niệm hằng hà sa số chư vị Bồ Tát không bằng một câu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Năng lực của Quán Thế Âm Bồ Tát lớn vô lượng vô biên, chỉ cần một lần chúng ta niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là bằng chúng ta niệm hằng hà sa số chư vị Đại Bồ Tát khác.

Khi một Hành giả tu tập theo đạo Phật, có khi chúng ta niệm danh hiệu Đức Phật Bổn Sư. Có khi chúng ta niệm danh hiệu Phật A Di Đà, có khi chúng ta niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu như chúng ta niệm đúng, niệm được nhất tâm thì chúng ta sẽ cầu được ước thấy tất cả mọi điều. Nếu chúng ta niệm không đạt cảnh giới đó thì cầu không được, ước không thấy, cho nên chúng ta thấy không linh nghiệm.

Chính tâm chúng ta mong cầu không được, chúng ta thấy không linh nghiệm, nó sẽ làm cho chúng ta giảm lòng tin. Mà càng giảm lòng tin thì việc đó lại càng không tới với mình. Cho nên cái gốc là chính tâm chúng ta phải đạt được đại định thì mới khê ứng cảnh giới chư Phật, chư Bồ Tát.

Bây giờ chúng ta muốn đựng nước sạch thì chai phải súc cho sạch. Viên kim cương đang đẹp, nếu tay chúng ta còn bùn nhơ cầm tới thì viên kim cương vẫn không chiếu ra được, vì đã dính dơ rồi. Cho nên muốn thấy được viên kim cương sáng chiếu thì tay chúng ta phải sạch. Khi chúng ta cầu không được coi là việc đó không có. Thật sự không phải như vậy. Tất cả mọi cái xảy ra trong trần gian này, tất cả mọi điều chư Phật, chư Bồ Tát nói trong Kinh là xảy ra hết, chúng ta nên tin, nhưng được hay không được là do tâm từng người. Đức Phật chưa bao giờ nói sai sự thật.

Đối với đạo Thiên Chúa, Chúa nói: *“Nếu lòng tin các ông bằng hạt cải thì các ông có thể nói cái núi này dời đi nơi khác, nó sẽ đi nơi khác liền”*. Có lòng tin bằng hạt cải thôi, nhưng chúng ta chưa ai có lòng tin đó, cho nên chúng ta muốn dời cái núi, dời cục đất đi dời không nổi. Nếu chúng ta đủ lòng tin chúng ta sẽ làm được tất cả mọi cái trên đời này theo ý muốn của mình, đúng như Kinh nói.

VĂN KINH

Nếu có chúng sanh cung kính lễ lạy Quán Thế Âm Bồ Tát thì phước đức chẳng lường mất. Cho nên chúng sanh đều phải thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự của sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ Tát lại trọn đời cúng dường đồ ăn uống y phục, giường nằm, thuốc thang. Ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam tử, thiện nữ nhân đó có nhiều chăng?

Vô Tận Ý thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phật nói: Nếu lại có người thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, nhần đến một thời lễ lạy cúng dường thì phước của hai

người đó bằng nhau không khác, trong trăm nghìn ức kiếp không thể cùng tận.

Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát được vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế.

Ngài Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Quán Thế Âm Bồ Tát dạo đi trong cõi Ta Bà như thế nào? Sức phương tiện việc đó như thế nào?

Phật bảo Vô Tận Ý Bồ Tát: Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong quốc độ nào đáng dùng thân Phật được độ thoát thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Duyên Giác được độ thoát, liền hiện thân Duyên Giác mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Thanh Văn được độ thoát, liền hiện thân Thanh Văn mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Phạm vương được độ thoát, liền hiện thân Phạm vương mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Đế Thích được độ thoát, liền hiện thân Đế Thích mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tự tại thiên được độ thoát, liền hiện thân Tự tại thiên mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Đại tự tại thiên được độ thoát, liền hiện thân Đại tự tại thiên mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Thiên đại tướng quân được độ thoát, liền hiện thân Thiên đại tướng quân mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ sa môn được độ thoát, liền hiện thân Tỳ sa môn mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tiểu vương được độ thoát, liền hiện thân Tiểu vương mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Trưởng giả được độ thoát, liền hiện thân Trưởng giả mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Cư sĩ được độ thoát, liền hiện thân Cư sĩ mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tể quan được độ thoát, liền hiện thân Tể quan mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Bà la môn được độ thoát, liền hiện thân Bà la môn mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di được độ thoát, liền hiện thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân phụ nữ của Trưởng giả, Cư Sĩ, Tể quan, Bà la môn được độ thoát, liền hiện thân phụ nữ mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân đồng nam, đồng nữ được độ thoát, liền hiện thân đồng nam, đồng nữ mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, Nhân cùng Phi nhân được độ thoát, liền đều hiện ra mà vì đó nói Pháp.

Người đáng dùng thân Cháp Kim Cang thần được độ thoát, liền hiện thân Cháp Kim Cang thần mà vì đó nói Pháp.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát đó thành tựu công đức như thế, dùng các thân hình, dạo đi trong các cõi

nước để độ thoát chúng sanh, cho nên các ông phải một lòng cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

Quán Thế Âm Đại Bồ Tát đó ở trong chỗ nạn gấp sợ sệt hay ban sự vô úy, cho nên cõi Ta Bà này đều gọi Ngài là vị Thí vô úy.

Đến đây chúng ta thấy phương tiện độ sanh của đạo Phật hết sức rộng. Từ xưa tới giờ chúng ta cứ nghĩ ngài Quán Thế Âm chính là Bồ Tát, cho nên chúng ta niệm Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng trong Kinh diễn tả thì ngài Quán Thế Âm là Cổ Phật đã thành Phật, nhưng bây giờ hiện thân Bồ Tát ở trong cõi Ta Bà để cứu độ chúng sanh. Vì vậy trong ba mươi hai ứng hóa thân của ngài Quán Thế Âm thì ứng thân đầu tiên, *“Nếu ở cõi nước nào mà cần thân Phật để nói Pháp thì ngài Quán Thế Âm hiện thân Phật nói Pháp”*. Có nghĩa Ngài đủ đạo hạnh để thành Phật rồi, nhưng vẫn hiện thân là Bồ Tát.

Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đã hiện thân khắp các nơi trong cõi nước mười phương, từ địa vị Phật cho tới Bồ Tát, cho tới Thanh Văn, cho tới Duyên Giác, cho tới Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Nhân cùng Phi nhân v.v... Điều này khiến cho chúng ta nhìn lại trong cái thấy nhìn của mình từ trước tới giờ. Có khi Bồ Tát hiện thân người nữ trong gia đình để độ trong thời đó thì hiện thân nữ để độ thoát gia đình đó thôi. Có khi hiện thân một đồng nam để độ gia đình của mình và chỉ làm việc đó thôi. Có khi hiện thân làm con vị Tể quan, hoặc hiện thân cư sĩ nam, cư sĩ nữ để độ đời.

Chúng ta hiểu điều này để chúng ta thêm mở tâm nhìn trong việc thuyết Pháp độ sanh của chư Tăng, của cư sĩ, của những quan chức, của những người thường dân, những

người trí thức và những người thất học trong trần gian này, trong đó đều có lẫn lộn Bồ Tát. Và độ thì cũng có độ thuận và độ nghịch. Từ trước tới giờ mình thấy những người có đạo hạnh tốt, những người tu tập tốt, những người sống có oai nghi tế hạnh nói Pháp chúng ta mới nghe. Còn những người bình thường nói Pháp mình không nghe. Chúng ta quen như vậy rồi thì coi chừng có thể bỏ lỡ cơ hội tốt của mình.

Thường những vị thuận hạnh thì chúng ta dễ hiểu các Ngài lắm. Điều đó luôn xảy ra ở chiều tốt. Nhưng những vị Bồ Tát nghịch hạnh thì chúng ta chịu, không lường nổi các vị đâu. Có vị làm ông thầy bói suốt đời, không làm việc thứ hai. Suốt đời làm thầy bói để độ người ta thì chưa chắc ông thầy bói đó là người bình thường. Có những người làm thợ cơ khí để độ đời thì họ làm thợ cơ khí thôi. Có những người họ chỉ làm thợ hớt tóc để độ đời thì suốt đời chỉ làm thợ hớt tóc thôi. Chúng ta học phẩm Phổ Môn để chúng ta có cái nhìn hết sức rộng giữa cuộc đời này.

Có khi một vị Bồ Tát xuống trần chỉ gây khổ đau cho người ta. Ví dụ trong đời này chúng ta ra đời từ nhỏ tới lớn được sung sướng có đầy đủ tiền bạc, cơm ăn áo mặc, gia đình đầm ấm hạnh phúc, chúng ta thấy cuộc đời này là vui thì tự động sẽ xuất hiện một Bồ Tát tới ép chúng ta khổ khóc hết nước mắt. Chúng ta giật mình nhìn lại cuộc đời này nó không phải vui như mình nghĩ, từ đó mới bắt đầu nghĩ tới chuyện đi Chùa, quy y học Phật Pháp.

Cho nên người gây khổ đau khó nhọc cho mình không phải là quỷ Dạ Xoa La Sát gì đâu, có khả năng là Bồ Tát hiện thân làm cho chúng ta quay về đạo lý. Cho nên chúng ta học phẩm Phổ Môn thấy trong Tam giới này không có ai

là xấu cả. Không có Pháp nào là sai cả. Chỉ có cái chúng ta chạm Pháp đó chúng ta tiến hay lùi là do mình thôi.

Ví dụ, vị thầy thể hiện cung cách rất tẻ để cho Phật tử các nơi cứ nghĩ tới vị thầy hay nghe nói tới tên vị thầy là bất mãn. Người đệ tử học thầy đó khi nhìn thấy hạnh thầy ai cũng chê, ai cũng chửi, ai cũng coi thường thì người đệ tử dám làm không? Người đệ tử không dám bắt chước. Dù thấy rõ chỗ này là xấu, người đời không chấp nhận, nhưng vị thầy vẫn hy sinh cả đời làm việc sai quấy đó, để cho đệ tử mình nên. Đó là cách độ nghịch của vị thầy.

Chúng ta thấy giữa trần gian này nếu gặp chuyện bất như ý thì mình nên hiểu lại một chiều khác nữa. Chúng ta đừng bao giờ hiểu Phật Pháp một chiều. Chiều thuận nó hợp, nó đúng, nó thiện thì đương nhiên là tốt không ai chối bỏ được. Những điều chúng ta thấy bất lợi, phiền phức giữa cuộc đời này thì chưa chắc những điều đó xấu, do cái nhìn thiên kiến của mình thôi, nhưng nó sẽ tốt ở việc khác, chúng ta không biết hết được.

Chúng tôi thấy có những gia đình ông chồng làm khổ vợ con và dồn ép đến đường cùng. Sau đó vợ bỏ vào Chùa để tu, các người con cũng đi tu, như vậy việc làm khổ đó không phải là cái lỗi đâu, ông chồng phải chấp nhận hy sinh, chấp nhận nhân quả xấu để cho vợ con quay về với Đạo.

Chúng ta được yên ổn để mình tu tập tốt, mình hiểu biết đúng rồi thì rõ ràng các vị tới đây để làm việc gì trong đoạn đó. Tại vì có nhiều khi trải qua nhiều kiếp sanh tử mình không còn nhớ được hạnh nguyện tu tập đời trước, cuộc sống thuận lợi hoài khiến mình quên nên có người xuất hiện

gây khổ sở, khó khăn để chúng ta nhớ lại việc tu hành. Làm sao lúc đó mình thức tỉnh, thấy tình cảm vợ chồng cũng không tốt, tình cảm cha con cũng không lâu bền, mình thức tỉnh thấy còn cái gì khác để mình có thể tìm cầu thì lúc đó đi tìm con đường đạo lý.

Nếu học Phật, chúng ta không mở tâm mình ra thì chúng ta không hiểu nổi phẩm Phổ Môn. Muốn hiện hình chư Phật thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện chư Phật để độ, muốn hiện thân quý Dạ Xoa La Sát thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền hiện quý Dạ Xoa La Sát để độ. Nói tới quý là chúng ta thấy có gì dễ sợ lắm, nhưng họ làm điều đó để người khác thức tỉnh. Bên ngoài, chúng ta nhìn theo đoạn nhân quả hiện tiền thì thấy có cái gì nghịch cảnh khiến cho người đó bị đau khổ. Nhưng nhìn theo chiều hướng khác, rõ ràng đây là sự cứu độ nghịch mà phải nhờ sự độ nghịch này mới làm cho người kia thức tỉnh. Rõ ràng đó là sự cứu độ tốt. Chúng ta gặp điều này rất nhiều.

Có những vị tu trong đạo Phật, giữ oai nghi tế hạnh, tu hành tinh tấn để nêu gương Phật tử thì điều này đáng tôn kính rồi. Nhưng gặp một số Bồ Tát nghịch hạnh, sống không oai nghi tế hạnh, đi đứng nói năng gần như không có gì mình có thể chấp nhận được, nhưng thỉnh thoảng vị ấy nói vài lời mình nghe không hiểu nổi. Chúng ta phải suy nghĩ lại lời nói đó, xem lại con người đó có đạo lý thì chúng ta nên khiêm tốn học hỏi.

Thỉnh thoảng trong đời này chúng ta sẽ gặp bậc cao nhân như thế. Có rất nhiều người họ ra đời này, họ không ăn chay trường như mình, họ không đi Chùa lễ Phật như mình, nhưng họ rất tốt, điều này chúng ta phải chấp nhận. Vì hoàn cảnh của họ, môi trường của họ không thể ăn chay được

như mình, nhưng họ vẫn làm lợi cho nhiều người. Có những chỗ bến xe phức tạp tranh giành hơn thua, nhưng có một hay hai anh chị rất bản lĩnh thu nhiếp đám đó để giáo hóa. Ngày xưa chúng ta đọc sách có những băng tội phạm người lãnh đạo cầm đầu họ chỉ chuyên lấy của người giàu chia cho người nghèo.

Chúng ta thấy rằng trong ba mươi hai ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, gần như không có vị trí nào mà Bồ Tát Quán Thế Âm không hiện thân tới đó để hóa độ. Chúng ta nên nhìn một cách rộng hơn, để chúng ta nhận được cái hay vốn có của các vị ẩn thân trong nhân gian này. Không phải tất cả các vị đều là Bồ Tát nhưng cũng có những vị ẩn tàng trong chúng ta đây. Nếu không nhận ra chúng ta dễ bị mất cơ hội khi tiếp xúc những vị Bồ Tát hóa thân. Họ hóa thân, họ không nói cho mình biết, sống chung với mình, đến lúc đi rồi, mình nghiệm lại người này có gì hơi kỳ lạ, thì chúng ta ân hận đã muộn rồi.

Chùa Quốc Thanh ở Trung Hoa có hai vị Bồ Tát ẩn thân là Hàn Sơn và Thập Đắc, hai Ngài ở sau nhà bếp bị chúng Tăng coi thường. Ăn cơm thì chư Tăng ăn trên bàn còn hai Ngài ăn cơm dưới nhà bếp, rửa chén xong chất ra cơm cặn hai Ngài lượm ăn, ai cũng đánh giá thấp. Một hôm có ông quan huyện bị đau nặng không ai có thể trị hết. Ông nằm mộng thấy có người báo cho biết chùa đó có hai vị Bồ Tát đang ở, chỉ cần đưa đầu để hai vị sờ là hết bệnh. Ông quan huyện tới thưa với thầy trụ trì tìm hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc. Nhiều lần thầy trụ trì ngăn cản nói đó là hai thằng nhóc ở nhà bếp quét rác, rửa chén, nhưng ông này nhất định được gặp. Sau khi trị hết bệnh cho ông quan huyện thì hai vị biến mất không còn trong chùa nữa. Đó là Bồ Tát Văn Thù và Bồ Tát Phổ Hiền.

Các vị Bồ Tát thường như vậy, chúng ta khó mà lường được. Một người ở nhà bếp ăn cơm cặn, chúng ta không bao giờ ngờ đó là Bồ Tát hiện thân. Như vậy làm sao chúng ta có thể lường hết mọi chuyện? Bây giờ xã hội chúng ta có quá nhiều các vị tới. Thường mình gặp mấy người ăn xin, mình hay móc túi cho nhưng mà không trân trọng, coi chừng gặp Bồ Tát thật sự thì cũng kẹt cho mình lắm. Phước báo của các vị đủ cho Trời người cúng dường, nhưng các vị làm hạnh đó đi giữa nhân gian này, có khi cả đời của họ chờ đợi để giúp người nào đó một câu nói thôi.

Ví dụ tới lúc họ nhắc vị trụ trì chùa đó một câu rồi họ biến mất không ai biết, với hình thức của người ăn xin. Rồi sau khi được sự nhắc thức vị đó làm được việc cho mọi người, nhưng muốn biết để đến đánh lễ trả ơn cũng không biết đâu. Giữa đời này chúng ta mà có thái độ cứ nhìn hình tướng đánh giá theo chiều học Phật khuôn sáo từ trước tới giờ thì chúng ta dễ bị mất cơ hội vàng khi tiếp cận Bồ Tát.

Các vị rất sẵn lòng chờ đợi nơi mình, nếu mình là người mở tâm cầu học Phật Pháp thì đối với người nào, đối với hoàn cảnh nào chúng ta cũng có thể học đạo được và chúng ta có cơ may học được những người này. Nhưng nếu chúng ta đặt vấn đề của mình, học đạo chỉ học những bậc cao Tăng thạc đức thôi, những người khác chúng ta không học thì chắc chắn chúng ta sẽ không học được những Bồ Tát ẩn tàng trong nhân gian. Những Bồ Tát ẩn tàng trong nhân gian, những tàng long ngọc hổ đã có sẵn trong các chùa chiền, chúng ta không nhìn ra nổi. Thường những chùa có đại chúng đông là có những vị Bồ Tát ở trong đó.

Có khi suốt đời của họ chỉ nấu bếp thôi. Hoặc suốt đời vị Bồ Tát đó vô chùa chỉ biết làm rầy thôi, suốt đời họ chỉ biết

trông cây thối, không làm chuyện gì khác, nhưng vị đó làm hết tất cả mọi cái bên sau vị trụ trì để giúp nhà chùa, giúp thầy trụ trì được thành công, nhưng chúng ta không biết nổi.

Khi học phẩm Phổ Môn chúng ta mở tâm mình ra. Từ đây về sau, chúng ta đừng có vội vã đánh giá những người mà chúng ta nhìn thấy bề ngoài họ không ra chi. Thực ra các vị xuống nhân gian này họ đã thấy được cái đẹp, cái xấu, cái hay, cái dở, thấy tới cái mặt thật của nó rồi. Họ không còn vướng mắc vào mặt hình thức giống như mình. Cho nên họ mang thân cùi lở, mang thân bệnh hoạn, mang thân xấu xí, mang thân nghèo khổ, các vị ẩn tàng như thế để các vị luyện tâm của mình, chờ cơ hội để trợ giúp hoặc làm thức tỉnh một người nào đó.

Chúng tôi cũng gặp một số vị thành công có tiếng tăm trong đời, nhưng sau lưng vị đó là những người ẩn tàng mang thân tật nguyền. Bao nhiêu tiếng tăm của vị đó đều do công lao lớn của người tật nguyền này.

Bây giờ chúng ta nhìn theo cái nhìn của Phật dạy là tất cả mọi người đều bình đẳng với nhau, đều có khả năng thành Phật, đều có Phật Tri Kiến như nhau, chúng ta nên tôn trọng. Người nào có Tri Kiến Phật thì người đó có khả năng giác ngộ. Các vị đó đều là Phật tương lai. Các vị đang hành hạnh Bồ Tát để mai kia một nọ các vị thành Phật. Các vị đang xuống nhân gian để cứu độ ai đó mình không biết, mình không có duyên thì mình không được gặp. Nhưng nếu chúng ta mở tâm ra để chúng ta học đạo với bất kỳ ai trong cõi này thì chắc chắn chúng ta sẽ gặp rất nhiều vị.

Bây giờ chúng ta chỉ nghĩ là chúng ta được nghe Chánh Pháp thối, chúng ta chỉ nghĩ chúng ta học được những vị

thầy mà mình chấp nhận được thì duyên chúng ta chỉ gặp bao nhiêu đó thôi, chúng ta không học thêm được. Nhưng mình thấy ai cũng có thể có đạo lý để mình học được thì tốt hơn. Lúc đó chúng ta sẽ học được rất nhiều đạo lý trong cõi này.

Chúng ta nên thay đổi việc học Phật của mình một chút. Mới học đạo thì chúng ta nên học theo khuôn thước. Chúng ta đi tìm những vị giới luật tinh nghiêm, tu hành đàng hoàng, có những bài giảng đúng với Chánh Pháp chúng ta học. Nhưng đến lúc nào đó chúng ta cần hiểu thêm, cần có nhiều phương tiện nữa thì chúng ta học rộng rãi. Chúng ta học cái thuận và cái nghịch trong đời này mới có thể tiến được. Chúng ta học một chiều thì đạo chúng ta khó tiến. Học hoài chiều thuận, gặp chuyện nghịch chúng ta sốc, không thể tự tại trong dòng sống này được.

Chúng ta để ý khi ngồi nói chuyện giữa bạn đạo với nhau, huynh đệ nào phản kháng việc xấu mạnh chùng nào thì biết người đó công phu yếu chùng đó. Còn huynh đệ này nghe một cách rất tinh táo và cười nhẹ thôi, không phản kháng gì, không nói gì thì người ấy công phu rất sâu, cho nên họ không buồn vướng vào chuyện thị phi như mình. Mình thấy chuyện đó động trời, kể vị ấy nghe nhưng vị đó vẫn bình tâm không bị động như mình. Thật sự vị đó nghe rất rõ, hiểu rất rõ chuyện đó, thậm chí hiểu chuyện đó nó là cái gì nữa, nhưng vị ấy tĩnh, không nói gì hết. Thật sự họ tu tốt không bị lôi ra bởi những chuyện rắc rối bên ngoài, họ đang ở yên trong đạo lý.

Khi chúng ta mở tâm mình ra để học đạo, nhất là học phẩm Phổ Môn thì đây là minh chứng lịch sử trong hệ thống Kinh điển Đại thừa, đã mở toang cửa ngõ độ sanh của Phật

Pháp Đại thừa bằng tất cả mọi phương diện giữa vũ trụ mênh mông này, không bỏ sót một chúng sanh nào, không bỏ sót một cõi giới nào, không bỏ sót một giai tầng nào, không bỏ sót một đẳng cấp tâm linh nào. Do vậy khi các vị thấy rằng trong đời này chưa có người độ thuận thì các vị xuống tu hành đàng hoàng nghiêm túc, giữ giới hạnh thuyết Pháp độ sanh trong thời điểm đó, nhưng nếu có người độ sanh theo chiều thuận rồi là các vị độ sanh theo chiều nghịch.

Ví dụ, thời điểm có vị Tăng nào nổi tiếng trên thế giới thuyết Pháp độ sanh thật tốt, có rất nhiều người nghe theo thì chúng ta sẽ thấy xuất hiện một vị kế bên sẽ sống không khuôn sáo để độ nghịch những người có duyên.

Ngày xưa trong đạo tràng ngài Lâm Tế có vị Thiền sư tên là Phổ Hóa theo hộ ngài Lâm Tế giáo hóa nhưng bề ngoài thì luôn thể hiện sự đối nghịch, có lần hai người ngồi ăn cơm. Lâm Tế kể chuyện một Thiền sư khai thị đệ tử, Lâm Tế nhận định rằng: *“Kiểu khai thị này cũng nhay bén nhưng riêng ông thì sao?”*. Phổ Hóa đứng lên lật bàn cơm đổ cái rằm, Lâm Tế trưa đó không ăn cơm nhin đối nguyên ngày. Qua hôm sau nhắc lại đạo lý lần thứ hai, Lâm Tế nói: *“Xin ông kiến giải chứ đừng làm cái chuyện thô lỗ như hôm qua nữa nha”*. Phổ Hóa lật đổ bàn cơm lần thứ hai.

Ngài Phổ Hóa sống bên ngài Lâm Tế trở hết ra tất cả những món nghịch hạnh theo kiểu Thiền sư của mình, nhưng Ngài không giáo hóa chúng sanh. Tức là trong đạo tràng ngài Lâm Tế, ngài Phổ Hóa đi tới đi lui nói chuyện khai thị người này người kia thường thường thôi, Ngài không nói đạo lý gì, không giảng dạy gì.

Ngài chết rất tự tại. Tới giai đoạn gần cuối đời Ngài nói với Lâm Tế: “*Ta có duyên sắp đi xa, xin ông cho một cái áo dài*”. Lâm Tế hiểu ý ngài Phổ Hóa là sắp chết mua cho cái quan tài. Ngài Phổ Hóa vác ra chợ hướng Đông nói: “*Ta tịch ở hướng Đông*”. Mọi người kéo đến rất đông để xem Ngài tịch kiểu nào. Tới hướng Đông, Ngài nói: “*Thôi, Ta chưa chết, ngày mai qua hướng Tây chết*”. Hôm sau qua hướng Tây, mọi người kéo đến rất đông để xem Ngài tịch, Ngài lại nói: “*Thôi ngày mai Ta ra hướng Bắc Ta mới đi*”. Mọi người ùn ùn ra hướng Bắc, ba lần Ngài chưa tịch.

Cuối cùng Ngài ra góc Đông khu chợ, Ngài bước vào quan tài, Ngài tự đẩy nắp lại Ngài tịch. Dân làng tới nghe xa xa có tiếng mõ vang vang trên hư không, giờ quan tài ra không thấy thân xác Ngài. Từ đó về sau Ngài mất bóng. Người ta đặt Ngài là Phổ Hóa.

Chúng ta thấy có những vị ẩn tàng trong Tông lâm. Thường những Tông lâm lớn, những chỗ đông Tăng Ni là có những vị Bồ Tát ẩn tàng trong đó. Khi học phẩm Phổ Môn chúng ta mở tâm ra, chúng ta sẵn sàng tiếp nhận cái thuận và cái nghịch trong cuộc đời này để trở thành bài học lớn cho đời mình. Bây giờ cái thuận chúng ta làm theo, cái nghịch chúng ta không bị vấp phải thì chúng ta học được hai mặt liền. Nếu như chúng ta học cái thuận, chúng ta không biết cái nghịch thì trí chúng ta chỉ thấy được phân nửa, không tròn.

Trong con người chúng ta luôn hiện ra mắt phải thì có mắt bên trái, lỗ tai bên phải và lỗ tai bên trái, tay phải và tay trái, chân phải và chân trái. Tức là sanh ra con người ta đã có hai phần, hai bên, hai phía, phía sau, phía trước, phía trong, phía ngoài, phía trên, phía dưới. Bây giờ mình nhận

mắt bên phải mình không chấp nhận mắt bên trái là mình thấy có một con, như vậy là chúng ta thấy không trọn vẹn.

Nếu nói về Pháp môn đang tu có khi một thời một vị Hòa thượng giáo hóa chừng đó thôi không nói thêm nữa, chứ đừng nghĩ Hòa thượng này nói không tới vấn đề. Coi chừng lắm. Khoảng thời gian đó trách nhiệm họ xuống chỉ giảng đạo ngang tầm đó thôi, mặc dù biết thêm nhưng vị đó không nói, dành đoạn sau cho vị khác. Đừng nghĩ vị sau hay hơn vị trước. Không hay hơn đâu, khi chúng ta tiếp cận riêng thì chúng ta thấy rõ ràng là vị đó để dành cho người sau nói.

Có những vị Hòa thượng không nói câu nào, sống bình thường, không viết sách, không giảng Kinh, không thuyết Pháp, nhưng khi gặp riêng các vị lại có đạo lý mà cả đời chúng ta tu không theo kịp.

Chúng ta học phẩm Phổ Môn để hiểu và thông cảm được tất cả mặt thuận và nghịch trong cuộc đời này, đều là sự hiện thân của các vị Bồ Tát. Những cái khó, những cái dễ trong cuộc đời này, những người mang khó khăn đến cho mình thì nó có một phần nhân quả cũ, nhưng trong đó cũng có các vị xuống thử mình. Chúng ta phải hiểu hai mặt chứ nếu không chúng ta không tiến hóa được.

Bây giờ chúng ta đang làm, gặp cái khó chúng ta bỏ cuộc thì cho rằng bị chướng không làm tiếp, chúng tỏ mình không phải thứ thật. Nếu chúng ta gặp chướng thì bỏ, gặp thuận thì làm, cuối cùng chúng ta không làm tới đâu hết. Cho tới việc ăn chay, việc ngồi thiền của chúng ta cũng vậy. Nếu chúng ta tu tốt thì tự động sẽ vượt qua được. Còn nếu chúng ta tu không tốt sẽ bị bỏ lỡ cái nguyện của mình. Gần như chúng ta phát nguyện là gặp chướng, cho nên nhiều khi

mình âm thầm làm thì nó thành công, mình nghĩ như vậy. Nhưng thật sự tất cả việc làm của chúng ta nếu tâm chúng ta đã quyết một điều gì thì chúng ta nên làm.

Ví dụ chúng ta quyết tâm học đạo, từ trước tới giờ mình đã từng học theo chiều thuận rồi, bây giờ quý vị nên mở tâm mình ra chiều nghịch. Những người ở bên cạnh chúng ta, những người ở gia đình chúng ta, những người ở giai tầng thấp hơn chúng ta, những người đáng kính giữa cuộc đời này họ đều có những cái rất tuyệt vời để chúng ta phải học.

Một sự kiên nhẫn làm việc cũng là bài học lớn cho chúng ta. Họ đang khó trong cuộc đời này, họ đang bức ngặt, họ không có danh, không có lợi, không đủ cơm ăn áo mặc, nhà ở không đủ ấm nhưng họ vẫn sống tươi vui được, đó là người chúng ta phải học. Trong khi chúng ta rất coi trọng đồng tiền, rất coi trọng căn nhà, coi trọng cơm áo, nhưng tất cả những cái đó có hay không có đối với họ không quan trọng. Chết thì chết trong cảnh nghèo nhưng sống rất an lạc, chuyện này xảy ra rất nhiều.

Nhìn lại mình bị mất cơ hội quá nhiều trong đời này. Nếu chúng ta có tâm gọi là trả giá, cái tâm buôn bán trong khi đi học đạo, phải đúng giá này mình mới học thì chúng ta sẽ mất rất nhiều cơ hội lớn trong cuộc đời này.

Chúng ta học phẩm Phổ Môn thì chúng ta nên hiểu rõ cõi nhân gian này có đủ hai mặt thuận và nghịch, tốt và xấu của nó, cao và thấp của nó, tất cả hai mặt đó đều có giá trị như nhau, chúng ta nên hiểu như vậy. Và một điều chúng ta nên biết cái gì cực xấu thì nó sẽ có cái cực tốt bên cạnh của nó. Cái gì cực thịnh thì nó sẽ cực suy ở bên đó. Bề mặt bao nhiêu thì bề trái nó là bấy nhiêu. Chúng ta phải hiểu điều

này để chúng ta học đạo. Đừng nghĩ chúng ta tìm một chiều nào đó chúng ta bỏ quên bên kia, là không trang bị cho mình hết kiến thức Phật đạo để chúng ta thoát khỏi vòng luân quần này. Chúng ta không học đủ hai mặt thì trí chúng ta không tròn. Trí chúng ta không tròn thì chúng ta không thoát khỏi lầm mê trong sanh tử luân hồi. Chỉ trừ trường hợp trí chúng ta đã tròn vẹn, chúng ta đã hiểu hết bề mặt và bề trái và đến ngày nào đó bề mặt và bề trái, cái thuận và cái nghịch, cái đúng và cái sai, cái thiện và cái ác đối với mình thật sự bình đẳng thì phút giây đó chúng ta ngộ đạo.

Học phẩm Phổ Môn, chúng ta mở tâm ra, chúng ta trầm tĩnh hơn để tìm ra lẽ thật của mọi vấn đề. Nếu thật sự chúng ta muốn học Phật Pháp theo chiều thuận thì phải tìm hiểu Giáo lý, tìm hiểu đạo hạnh, tìm hiểu lời nói người đó theo chiều thuận. Nếu chúng ta muốn học Phật Pháp theo chiều nghịch thì cũng phải tìm hiểu theo chiều nghịch đó để học cho ra vấn đề. Nếu một lần chúng ta chấp nhận cả hai mặt một cách hết sức bình đẳng thì lúc đó chúng ta sẽ thông hết mọi vấn đề. Khi nào chúng ta còn có một cái gì hơi bất bình đẳng thì lúc đó đạo lý chúng ta không sáng.

Học phẩm Phổ Môn để chúng ta hiểu thêm một điều duy nhất của Phật Pháp, là sự bình đẳng tuyệt đối trong dòng sống này. Chúng ta hiểu thêm là tất cả các vị Bồ Tát đã hiện thân xuống cõi giới này, là các vị làm đầy đủ tất cả các hạnh chứ không phải là hai hạnh thuận và nghịch. Cho nên dù thiện hay ác trong trần gian này, chúng ta phải trầm tĩnh nhìn lại để thấy cái thiện ác nó đi tới đâu, để chúng ta nhận ra chân lý ở chỗ đó, đừng bao giờ thấy điều đó không đúng ý mình chúng ta từ chối là mất đi cơ hội vàng.

Chúng ta nhìn lại đạo hạnh, công hạnh tu hành của những bậc xuất gia, những bậc hành đạo trong nhân gian này. Có những vị theo duyên mà các vị làm thuận. Hoặc các vị sống theo đạo lý, theo chân lý và cũng theo duyên mà các vị sống nghịch hạnh, sống không đúng chân lý. Giai đoạn của người sống không đúng chân lý không sung sướng gì đâu, khổ biết bao nhiêu mà nói. Các vị tới đây không dai dốt sống nghịch chân lý để bị đau khổ đâu, nhưng họ muốn cái gì đó chúng ta không hiểu nổi. Các vị tùy theo hoàn cảnh mà sống khế ứng để giúp ai, làm cái gì đó chúng ta phải hiểu và thông cảm, đừng bao giờ chúng ta có bất kỳ thái độ chê trách nào thì chúng ta sẽ không bị làm lẫn, để cái thấy nhìn của mình thật sự bình đẳng trong nhân gian.

Chúng ta tu tập lần lần để tâm chúng ta đừng có so sánh nhiều, để phiền muộn không sanh ra trong tâm thức chúng ta. Người nào chạm tới sự việc chúng ta bớt so sánh thì về nhà chúng ta cảm thấy yên liền và giờ ngồi thiền nghiệp đó không trở dậy khuấy nhiễu mình. Nhưng đừng chuyện mà chúng ta so sánh phân biệt nhiều, chúng ta đặt vấn đề nhiều với nó thì chúng ta bị rắc rối.

Điều Đức Phật muốn nhắc nhở chúng ta một cách khéo léo khi Ngài nói ba mươi hai ứng hóa thân của Bồ Tát. Để chúng ta làm bài học bớt đi sự so sánh hơn thiệt, bớt đi sự so sánh đúng sai hay dở trong lúc chúng ta đang học đạo, để chúng ta được yên ổn hơn và tiến xa hơn trên bước đường Phật Pháp.

Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Cổ Phật, tức là cái cội nguồn giác ngộ của tất cả chúng sanh, là nơi sanh ra vạn pháp. Vì vậy muốn hiện thân thành Phật thì Tự Tánh thanh tịnh liền hiện Phật để nói Pháp, muốn hiện thân là quý Dạ Xoa La

Sát thì liền hiện thân thành quỷ Dạ Xoa La Sát vì đó nói Pháp, có nghĩa là trong Tự Tánh thanh tịnh của tất cả chúng sanh có đầy đủ trí tuệ giải thoát và cũng có đầy đủ tất cả những tâm niệm xấu ác. Nhưng khi ngài Quán Thế Âm xuất hiện để giáo hóa quỷ Dạ Xoa La Sát có nghĩa là tâm xấu ác cũng quay trở về với cội nguồn giác ngộ giải thoát.

Vì vậy trong pháp giới mười phương này, bất kỳ chúng sanh lầm mê nào muốn quay về cội nguồn giác ngộ thì đều được an ổn thanh tịnh và đầy đủ giác ngộ giải thoát tận cội nguồn là ngài Quán Thế Âm hiện thân hóa độ, là Tự Tánh thanh tịnh giác ngộ giải thoát hiện tiền, đó là bản ý của ba mươi hai ứng hóa thân của ngài Quán Thế Âm.

VĂN KINH

Vô Tận Ý Bồ Tát bạch Phật: Thế Tôn! Con nay phải cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát. Liền mở chuỗi ngọc bằng các châu báu nơi cổ giá trị trăm nghìn lạng vàng, đem trao cho ngài Quán Thế Âm mà nói rằng: Xin Ngài nhận chuỗi trân bảo pháp thí này.

Khi ấy Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại thưa cùng Quán Thế Âm Bồ Tát rằng: Xin Ngài vì thương chúng tôi mà nhận chuỗi ngọc này.

Bấy giờ Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát: Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân và Phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó.

Tức thời Quán Thế Âm Bồ Tát thương hàng tứ chúng và Trời, Rồng, Nhân, Phi nhân v.v... mà nhận chuỗi

ngọc đỏ chia làm hai phần: Một phần dâng Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, một phần dâng tháp của Phật Đa Bảo.

Vô Tận Ý! Quán Thế Âm Bồ Tát có sức thần tự tại như thế, dạo đi nơi cõi Ta Bà.

Từ lúc chúng ta nghiên cứu đạo Phật, biết đến đạo Phật thì khắp nơi trên thế giới đều biết năng lực cứu độ của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát. Phần đông những người chúng ta biết, họ cũng đã từng kể lại khả năng vi diệu của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát đã từng cứu độ họ.

Nhìn về mặt cứu độ chúng sanh trong mười phương pháp giới này thì có rất nhiều chuyện kể về sự nhiệm màu của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Theo Kinh, phẩm Phổ Môn được xem phá Tướng âm. Tất cả chúng ta đây có đầy đủ những cảnh giới mà chúng ta có thể tưởng tới được. Chúng ta có thể tưởng cảnh giới Phật, chúng ta có thể tưởng cảnh giới Bồ Tát, chúng ta có thể tưởng cảnh giới A La Hán và tư tưởng của chúng ta cũng có thể sanh ra tất cả những cảnh giới đó. Do vậy, trong lúc tư tưởng chúng ta còn hoạt động, nếu chúng ta không có được Quán Thế Âm hay biết thì chúng ta sẽ hưởng ngoại. Nhưng khi chúng ta đã có sự hay biết của Quán Thế Âm thì chúng ta sẽ được bình yên.

Tướng đó là tướng sung sướng, hạnh phúc an lạc như là có Phật. Tướng đó đau khổ phiền não như cõi La Sát, cõi quỷ thần. Tướng đó chúng ta rớt vào nạn tai. Tướng đó chúng ta rớt vào nước của quỷ La Sát. Tướng đó là chúng ta bị tù ngục. Tướng đó là chúng ta bị bắt an đau khổ. Nếu một phen chúng ta nhớ niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì đều được yên ổn bình an. Nếu tâm chúng ta còn phóng tướng thì biến

hiện muôn vàn cảnh giới. Dù cho tâm tưởng chúng ta biến hiện cảnh giới nào thì chỗ đó cũng có Bồ Tát Quán Thế Âm để nói Pháp độ chúng ta. Như vậy, ý tưởng chúng ta đang phóng chiếu về một cảnh giới nào đó, về một sự việc nào đó, về việc buồn thương giận ghét mà chúng ta nhớ tới Bồ Tát Quán Thế Âm thì chúng ta được cứu thoát.

Nếu như chúng ta đang lâm nạn, trong tâm tưởng chúng ta bị bế tắc, chúng ta bị hướng về cảnh giới xấu như là địa ngục, hướng về cảnh giới khó khổ bức bách như ngã quý, hướng về cảnh giới an ổn thanh tịnh như chư Phật, chư Bồ Tát, khi quay về Bồ Tát Quán Thế Âm thì tất cả mọi cái đều bình yên, đều được bình lặng, đều trở về cảnh giới nhất như, an ổn, thanh tịnh, sáng suốt.

Phẩm Phổ Môn, là tới quả địa tu hành, tới việc thành tựu đạo quả tu tập của chúng ta. Do đó khi chúng ta quay về với Tự Tánh, là cái hay nghe hay biết của chúng ta, nghe tất cả những âm thanh hình bóng trong tâm tưởng. Dù có hiện ra những ý tưởng nào thì cái thanh tịnh sáng suốt liền hóa tán trở thành thanh tịnh, đó gọi là Quán Thế Âm, là cái thanh tịnh rộng lặng luôn rõ biết hằng hữu nơi chúng ta, nên tất cả những ý niệm sanh ra đều được cái thanh tịnh rõ soi và hóa tán thành thanh tịnh.

Nếu bây giờ chúng ta ngồi nghĩ về chuyện này, nghĩ chuyện kia, nghĩ về âm thanh khác tức là Tưởng âm chúng ta hoạt động. Ý tưởng chúng ta vẽ vời đủ tất cả cảnh giới. Dù chúng ta có hiện cảnh giới Phật trong tâm theo kiểu của ý tưởng thì cảnh giới Phật đó cũng là vọng, chứ không phải chính chúng ta tiếp xúc cảnh giới Phật. Cảnh giới được chúng ta vẽ ra là cảnh giới được phóng chiếu bởi tâm thức, nhưng chỗ đó vẫn có ngài Quán Thế Âm xuất hiện để có thể

độ thoát chúng ta, để chúng ta có thể thấy cảnh giới Phật thật ở nơi đó.

Ở cảnh giới Bồ Tát, nếu chúng ta tưởng tượng tới, tâm thức chúng ta vẽ vời tới thì vẫn có ngài Quán Thế Âm xuất hiện để cứu độ chúng ta trong cảnh giới đó, để chúng ta thấy cảnh giới thật và cảnh giới giả như thế nào. Khi tất cả những cái chúng ta phóng chiếu, có những cõi mà chúng ta tưởng tượng ra thì đó chỉ là cõi của tâm tưởng mà thôi.

Vì vậy, tất cả những hình bóng âm thanh từ chỗ cực xấu cho tới chỗ cực đẹp của ý tưởng chúng ta, nếu một phen chúng ta nhớ tới Bồ Tát Quán Thế Âm, nhớ tới chỗ hay biết hằng hữu của chính mình thì trở lại cái chỗ rỗng lặng mênh mông thanh tịnh hoàn toàn. Tức là nếu nói về sự độ thoát thì khi chúng ta chỉ có quay trở về với Tự Tánh hay biết rỗng lặng thanh thang của chính mình thì lúc đó chúng ta mới thoát khỏi cảnh giới của tư tưởng, còn không chúng ta bị lạc.

Tất cả cảnh giới nếu chúng ta còn lao theo tưởng, còn chấp nhận ý tưởng là đúng, là hay, là quý trọng thì chúng ta bị rớt vào tất cả cảnh giới trong mười phương này không thoát ra được. Chỉ trừ Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện, tức là Tự Tánh chúng ta lúc đó hiển lộ, chúng ta mới không bị lạc vào các cảnh giới mà thôi.

Trong công phu tu tập chúng ta đạt được cảnh giới này, cảnh giới kia mà không có sự trở về với nguồn cội thật của Tự Tánh thì chúng ta bị lạc cảnh giới rất nhiều. Những cảnh giới đó là sự phóng chiếu của tâm tưởng. Do vậy, khi Tự Tánh xuất hiện thì cứu độ chúng ta, từ cõi giới khó khổ cho tới cảnh giới do công phu tu tập biến hiện thành hình những

cảnh giới trong tâm tưởng chúng ta đều được Bồ Tát Quán Thế Âm cứu độ.

Nhìn về mặt lý thì như vậy. Tất cả những ý tưởng đều được giải quyết hóa tán bởi Tự Tánh. Nếu chúng ta không quay về với Tự Tánh thì bao nhiêu ý tưởng buồn thương giận ghét, sầu đau, đẹp đẽ hay xấu xa của chúng ta không có cái gì có thể hóa tán nổi. Chỉ có một việc duy nhất là chúng ta quay trở về với Tự Tánh mà thôi, ngoài ra không có cách nào khác. Về mặt văn tự chữ nghĩa thì khi chúng ta gặp cảnh giới này, gặp khó kia thì niệm Bồ Tát Quán Thế Âm sẽ được cứu rồi, đó là mặt sự bên ngoài.

Nhưng nói về lý thì chúng ta phải hiểu tới điều này. Một phần là ngài Bồ Tát Quán Thế Âm có thể xuất hiện trong nhân gian bằng bất kỳ hình thức nào để giúp đời. Một phần về mặt lý thuyết, lý luận, lý tánh chỗ nào xuất hiện cảnh giới thì chỗ đó đều có Tự Tánh. Chúng ta phải hiểu như vậy. Tức là tất cả mọi cái đều sanh ra từ Tự Tánh và Tự Tánh đó hóa tán tất cả cảnh giới vốn có trong vũ trụ pháp giới này. Tự Tánh đủ sức hóa tán, làm ổn thỏa hết khiến cho chúng ta không còn bị dao động, không bị mê lầm trong tất cả cảnh giới, để rồi toàn pháp giới mười phương này chỉ là Nhất chân pháp giới mà thôi, không có cảnh giới thứ hai.

Tất cả những cái còn nằm trong tâm tưởng của mình thì có sai biệt. Nếu chúng ta vượt ngoài tâm tưởng thì không còn sai biệt. Một người hòa nhập trở về với Pháp giới tánh thì toàn pháp giới này chỉ là chân, không có sự sai biệt với nhau, bình đẳng Nhất chân pháp giới. Nhưng bây giờ chúng ta nhìn thấy là có cao có thấp, có đẹp có xấu, có đúng có sai, có phải có quấy là lúc đó chúng ta còn ở trong tâm tưởng của mình. Do đó, phẩm Phổ Môn đã hóa giải Tướng

âm, để chúng ta vượt tầng Tường âm mà trở về với Tri Kiến Phật.

Ngài Bồ Tát Vô Tận Ý thấy được mặt sự là năng lực cứu độ của ngài Bồ Tát Quán Thế Âm, nhưng về mặt lý Bồ Tát Vô Tận Ý cũng phải hiểu được điều này. Chúng ta học Phật chúng ta phải thấy hết hai mặt của vấn đề. Đúng về chiều cứu độ thì Bồ Tát Quán Thế Âm cứu độ, cả thế giới chúng ta không ai có thể chối bỏ được. Nhưng về chiều lý thuyết thì chúng ta ít có người nhận ra, khiến cho chúng ta phá Tường âm bằng cách này bằng cách kia, do đó chúng ta không có kết quả trong công phu tu hành.

Tất cả những người tu hành nếu không trở về với Tự Tánh chân thật thì không thể hóa tán được Tường âm. Không có bất kỳ công phu nào có thể phá hết được Tường âm, ngoại trừ người đó hòa nhập vào Pháp giới tánh, tức là trở về với Tri Kiến Phật thật sự của mình thì Tường âm mới lắng dịu. Tường âm biến hiện cảnh giới mười phương, biến thành cõi giới Phật, biến thành cõi giới ma, biến thành cõi giới quỷ, biến thành cõi Thần thánh, biến thành cõi Trời v.v... Đó chỉ là những biến hiện của tâm thức mà thôi.

Đây là quả địa tu chứng rồi, cho nên tất cả đều phải quay về với Tự Tánh. Từ giai đoạn Hiện Bảo Tháp trở về sau là giai đoạn Hành giả công phu tu tập, đều phải quay về hòa nhập trở lại với Tự Tánh thanh tịnh. Đây là một phần Tường âm quay trở về. Tức là khi chúng ta buông đi ý tưởng của mình thì tự động chúng ta được thanh tịnh. Khi có Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện ở cảnh giới nào thì chỗ đó được thanh tịnh liền. Nếu Tường âm không còn nặng cháp trước cho cảnh giới đó là Phật, không cháp trước tất cả những cảnh giới hiện ra trong tự tâm chúng ta là thật thì lúc đó tự

tâm chúng ta rỗng lặng mênh mông thanh tịnh sáng suốt hoàn toàn.

Khi nào chúng ta nghĩ, khi nào chúng ta tưởng, còn thấy ý tưởng chúng ta là quan trọng, là chân thật, là quý thì khi đó chúng ta lạc vào cảnh giới của Tướng. Khi nào chúng ta thôi dứt những cảnh giới của Tướng là chúng ta trở về cõi giới thanh tịnh liền. Lúc đó Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện nơi tâm chúng ta. Tức là Phật Tri Kiến hiện nơi tâm của mình.

Khi thấy được điều này rồi thì tại sao Bồ Tát Vô Tận Ý đưa râu chuỗi, ngài Bồ Tát Quán Thế Âm không nhận? Nhưng khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lên tiếng rồi thì ngài Bồ Tát Quán Thế Âm lại nhận? Và nhận rồi râu chuỗi đó đến ai? Phân nửa trao cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phân nửa cúng dường Phật Đa Bảo. Mà Phật Đa Bảo là thủy giác, là cội nguồn giác ngộ thanh tịnh của chúng ta. Còn Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là trí tuệ giác ngộ hiện tiền của chúng ta.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: *“Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân và Phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó”*.

Xâu chuỗi, cái quý nhất của loài người đem dâng cúng. Nghĩa là dâng hết tất cả sự quý kính trân trọng của mình trở về nguồn cội thì người này mới quay trở về Tự Tánh bằng sự tôn quý của mình. Khi chúng ta vượt qua được Tướng âm, chúng ta thấy tất cả cảnh giới biến hiện mười phương không có cái gì bằng cội nguồn giác ngộ. Dù chúng ta tu chỗ nào, dù chúng ta làm Phật sự gì thì cái gốc của chúng ta

vẫn là sự giác ngộ, vẫn là quay trở về hòa nhập được với bản giác thanh tịnh của chính mình.

Đức Phật Thích Ca biểu trưng cho trí giác biết hiện tiền, còn Phật Đa Bảo biểu trưng cho trí tuệ nguyên sơ của mình. Khi ngài Vô Tận Ý đã toàn tâm toàn ý quay trở về nguồn cội, lúc đầu chưa đủ sức hòa nhập vào Tự Tánh thanh tịnh nên ngài Quán Thế Âm từ chối việc nhận râu chuỗi, đến khi Đức Bồ Sư Thích Ca lên tiếng nói ngài Quán Thế Âm: *“Ông nên thương Vô Tận Ý Bồ Tát này và hàng tứ chúng cùng Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la đà, Nhân và Phi nhân v.v... mà nhận chuỗi ngọc đó”*.

Khi ấy trí tuệ giác ngộ hiện tiền đã hiện hữu nên thấu suốt tất cả những ý tưởng tăm tối nhất của mình (ứng hiện các loại quỷ Dạ Xoa La Sát) cho tới những ý tưởng thanh tịnh (là những ý tưởng hướng về Phật và Bồ Tát) thì khi ấy đều được dung hội toàn triệt trong một cõi giác, là râu chuỗi đã được ngài Quán Thế Âm nhận và chia hai để dâng cúng quá khứ Phật Đa Bảo và hiện tại Phật Thích Ca.

Có nghĩa là trong khoảnh khắc hiện tiền này Tượng âm đã hòa nhập hoàn toàn trong một cõi giới giác, cõi đó vượt không gian, vượt thời gian. Vì hình ảnh của hai Đức Phật tiếp nhận râu chuỗi là sự giác ngộ của quá khứ cũng như sự giác ngộ hiện tại, chỉ đồng là sự hiện tiền giác ngộ mà thôi. Đó là hình ảnh Tượng âm được hóa tán và hòa tan trong một cõi giác thanh tịnh.

VĂN KINH

**Lúc đó, ngài Vô Tận Ý Bồ Tát nói kệ hỏi Phật rằng:
Thế Tôn đủ tướng tốt!**

**Con nay lại hỏi kia
Phật tử nhân duyên gì?
Tên là Quán Thế Âm?
Đáng đầy đủ tướng tốt
Kệ đáp Vô Tận Ý:
Ông nghe hạnh Quán Âm
Khéo ứng các nơi chỗ
Thệ rộng sâu như biển
Nhiều kiếp chẳng nghĩ bàn
Hầu nhiều nghìn Đức Phật
Phát nguyện thanh tịnh lớn.**

Ngài Vô Tận Ý vừa khen Đức Phật là người đủ tướng tốt và Ngài thắc mắc Bồ Tát Quán Thế Âm do nhân duyên gì tên Quán Thế Âm? Đức Phật trả lời hạnh ngài Bồ Tát Quán Thế Âm là khéo ứng nơi tất cả các chốn mười phương cõi nước này, chỗ nào cũng có ứng hóa thân của ngài Quán Thế Âm. Ngài có nguyện rộng lớn là cứu độ tất cả chúng sanh. ngài Quán Thế Âm cũng đã hầu cận bên nghìn muôn Đức Phật rồi cho nên công đức là vô lượng vô biên.

Nếu một người thấy từng sát na một nơi tâm đã được thân cận gần gũi Đức Phật, có nghĩa người đó liên tục ở chỗ chánh niệm tỉnh giác, không bị sai lầm. Tất cả tâm tưởng, tất cả ý tưởng, tất cả những thấy biết, những kiến giải xuất phát từ tâm chúng ta đều xuất phát từ cội nguồn của Tự Tánh. Tức là từ chỗ bản thể thanh tịnh mà phát ra cái thấy nghe hay biết để tiếp nhận duyên cảnh. Lúc chúng ta đang hầu cận Đức Phật một cách liên tục thì người đó mới có thể hóa giải được những cảnh giới nơi tâm, có nghĩa cứu độ tất cả chúng sanh muôn loài trong pháp giới Tự Tánh chính mình.

Ngài Bồ Tát Quán Thế Âm do tu tập nhiều, do hầu hạ nhiều Đức Phật nhiều đời nhiều kiếp và hạnh nguyện rộng lớn cứu độ chúng sanh, cho nên Ngài có năng lực cứu độ chúng sanh khắp mười phương pháp giới.

VĂN KINH

**Ta vì ông lược nói
Nghe tên cùng thấy thân
Tâm niệm chẳng luống qua
Hay diệt khổ các cõi.**

Người nào nghe tới tên Bồ Tát Quán Thế Âm hoặc thấy thân Bồ Tát Quán Thế Âm thì sẽ diệt được khổ tất cả các cõi. Nếu chúng ta hiểu một chiều việc cứu độ của ngài Bồ Tát Quán Thế Âm, chúng ta cũng đã từng niệm danh hiệu Ngài quá nhiều, chúng ta cũng đã từng đối trước Bồ Tát Quán Thế Âm thấy thân rồi, nhưng chúng ta được gọi là cứu độ hoàn toàn chưa? Chưa! Thì còn có lý do khác nữa. Do vậy, khi học Kinh điển Đại thừa, chúng ta phải hiểu ở hai mặt lý và sự của nó thì mới có thể hiểu trọn vẹn ý trong Kinh Đức Phật dạy.

Nếu chúng ta một lần thấy Bồ Tát Quán Thế Âm, một lần niệm đúng danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm là chúng ta hết khổ ách liền. Nhưng chúng ta niệm chưa đúng, chúng ta chưa thấy thật thân Ngài, chúng ta chưa hòa nhập được Tự Tánh thanh tịnh một lần nên chúng ta chưa được cứu độ. Lúc chúng ta niệm danh hiệu ngài Bồ Tát Quán Thế Âm, mà hoàn toàn không có bất kỳ ý niệm nhỏ nhiệm nào khác trong tâm thức thì lúc đó chúng ta liền thấy tác dụng. Nếu chúng ta niệm mà có tâm gì trong đó là không còn tác dụng. Đó là cái chuẩn. Thọ và Tưởng chúng ta tiêu tán thì rõ ràng ngài Bồ Tát Quán Thế Âm cứu độ chúng ta liền.

Trong cõi của chúng ta có rất nhiều người biết danh hiệu ngài Quán Thế Âm và có rất nhiều người niệm, nhưng có rất ít người vượt qua khổ nạn. Nếu chúng ta không hiểu thì Kinh nói không thật, mình niệm không kết quả, không thỏa chí. Lý do lúc niệm chúng ta có chút tham cầu. Muốn được ngài Quán Thế Âm cứu độ là chúng ta phải hết đi cái tham cầu, hết đi cái mong cầu. Vì Bồ Tát là người giác ngộ, mà người giác ngộ là thật sự thanh tịnh, muốn khế ứng, muốn tương ứng, muốn được cảm ứng thì chúng ta phải tương ứng bằng cách là tâm chúng ta phải hết tham sân si thì lúc đó chúng ta mới tương ứng được. Tâm chúng ta còn tham sân si là không được cứu độ.

VĂN KINH

**Giả sử sanh lòng hại
Xô rớt hầm lửa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc trôi dạt biển lớn
Các nạn Quỷ, Cá, Rồng
Do sức niệm Quán Âm
Sóng mòi chẳng chìm được.
Hoặc ở chót Tu Di
Bị người xô rớt xuống
Do sức niệm Quán Âm
Như mặt nhật treo không.**

Các tai nạn như lửa cháy, bị trôi giạt ở biển lớn, bị té ở chót núi rơi xuống v.v... Nếu chúng ta niệm danh hiệu ngài Quán Thế Âm thì chúng ta được cứu thoát. Từ trên núi cao bị rớt xuống, nếu như chúng ta niệm Nam mô Quán Thế Âm thì như mặt nhật treo không, tức là chúng ta được treo lơ lửng không bị rớt nữa. Hoặc bị lửa cháy nếu chúng ta

niệm ngài Quán Thế Âm thì lửa liền tắt. Hoặc chúng ta trôi dạt trong nước của quỷ La Sát, nếu chúng ta niệm ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thì quỷ sẽ không hại chúng ta. Đó là cái diệu dụng của người niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát.

VĂN KINH

**Hoặc bị người dữ rượt
Rớt xuống núi Kim Cang
Do sức niệm Quán Âm
Chẳng tổn đến mấy lông.**

Nếu chúng ta ở trên núi Kim Cang là núi rất cao, bị người rượt xô té mà chúng ta bị rớt xuống chẳng trầy xước. Chúng ta thấy vi diệu không? Nhưng nếu chúng ta có ý nghĩ leo lên cao, chúng ta niệm rồi nhảy xuống là chúng ta không tin. Không đủ lòng tin thì năng lực không có. Chúng ta thử là chúng ta không tin, tin thì không thử. Người không tin thì không có cảm ứng.

VĂN KINH

**Hoặc gặp oán tặc vây
Đều cầm dao làm hại
Do sức niệm Quán Âm
Đều liền sanh lòng lành.
Hoặc bị khổ nạn vua
Khi hành hình sắp chết
Do sức niệm Quán Âm
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc tù cầm xiềng xích
Tay chân bị gông cùm
Do sức niệm Quán Âm
Tháo rã được giải thoát.**

**Nguyên rửa các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó
Do sức niệm Quán Âm
Trở hại nơi bốn thân.**

Nguyên rửa là bị yếm bùa chú và thuốc độc hại người. Nếu họ muốn hại thân chúng ta, mà chúng ta niệm Quán Thế Âm thì trở lại hại người đó. Đây cũng là chuyện chúng ta phải tin năng lực Phật Pháp.

Chúng ta không hiểu năng lực của đạo Phật, cho nên chúng ta sợ bùa, sợ chú, sợ bị yếm đối, sợ bị tai nạn đủ thứ, nhưng đạo Phật đủ sức hóa tán bất kỳ bùa chú trong trần gian này nếu chúng ta biết. Chính Đức Phật nói trong Kinh:

*Nguyên rửa các thuốc độc
Muốn hại đến thân đó
Do sức niệm Quán Âm
Trở hại nơi bốn thân.*

Dù người đó có luyện một ngàn năm đi nữa, yếm chúng ta mà chúng ta biết sử dụng điều này thì bùa chú tan biến mất.

Khi một người bị hại bởi bùa chú thì chính bản thân người ấy hoặc nhờ người thân đủ định tĩnh để hóa tán bùa chú:

Bước một, chúng ta nhìn tôn tượng Bồ Tát Quán Thế Âm nào mà chúng ta thích cho đến khi cái hình ảnh của ngài Quán Thế Âm in đậm vào trong tâm thức của mình, cho đến lúc chúng ta nhắm mắt hay mở mắt cũng có thể tưởng được hình bóng ngài Quán Thế Âm hiện trong tâm của mình.

Bước hai, lấy một ly nước sạch để trước mặt (có bàn thờ Phật thì tốt) chúng ta bắt đầu niệm danh hiệu “Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát”. Phải chú tâm niệm đến khi nào tâm chúng ta chỉ còn câu niệm ngài Quán Thế Âm thôi, thì khi ấy chúng ta nhìn vào ly nước và khởi tưởng hình của ngài Quán Thế Âm hiện trong ly nước, vừa niệm vừa tưởng như vậy cho đến khi chúng ta tưởng thành công là thấy hình ảnh ngài Quán Thế Âm hiện trong ly nước.

Khi ấy chúng ta bưng ly nước lên thầm khẩn nguyện: *“Con tên..., tuổi ..., pháp danh ..., đang ở địa chỉ ... đang bị nạn bùa chú, con xin Bồ Tát biến ly nước này thành cam lồ để con (hoặc người thân của con ...) uống vào tiêu trừ tất cả những tà thuật bùa chú đang có nơi thân con để thân con được khỏe, tâm con được an, để chúng con nương vào Chánh Pháp tu hành cho đến ngày được giác ngộ giải thoát, con nguyện sau khi con hết tất cả bùa chú nơi thân, được mạnh khỏe bình an, con nguyện....(tạo phước điền, tinh tấn tu hành...) để đền ơn Tam Bảo”*. Xong uống hết ly nước đó, hoặc chia cho tất cả những người bị bùa chú uống.

Ai nghi ngờ mình bị yểm đố hoặc bị hại bởi bùa chú thì nên làm như trên thì sẽ được hết. Làm được như thế thì tất cả những bùa chú yểm đố đều được tan biến hết ở nơi thân tâm của mình, đồng thời cũng tan biến hết năng lực yểm đố của người hãm hại mình. Đó là năng lực nhiệm màu của Phật Pháp và của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát.

VĂN KINH

**Hoặc gặp La sát dữ
Rồng độc các loài quý
Do sức niệm Quán Âm**

Liên đều không dám hại.

Khi chúng ta quay trở về Phật Pháp thật sự rồi, sống trọn vẹn trong Chánh Pháp rồi ít khi bị tai nạn quỷ thần. Trong Kinh nói là được quỷ thần ủng hộ, được phi nhân ủng hộ, được Long thần Hộ pháp gìn giữ, chúng ta khó bị tai nạn lắm.

Cho nên các loài rồng độc, quỷ thần, quỷ dữ khi chúng ta ở trong Chánh Pháp thì các vị trở thành Long thần Hộ pháp, thành Thiên long Bát bộ, trong đó có Trời, Rồng ủng hộ chúng ta rất tốt, không dám làm hại. Nhưng chúng ta tu dở thì bị quấy phá.

VĂN KINH

**Hoặc thú dữ vây quanh
Nanh vuốt nhọn đáng sợ
Do sức niệm Quán Âm
Vội vàng bỏ chạy thẳng.**

Khi chúng ta công phu, tâm chúng ta hoàn toàn an định thì quỷ dữ hoặc các loài thú dữ không tìm thấy được mình, nên không thể hại được mình.

VĂN KINH

**Rắn độc cùng bò cạp
Hơi độc khói lửa đốt
Do sức niệm Quán Âm
Theo tiếng tự bỏ đi.
Mây sấm nổ sét đánh
Tuôn giá, xối mưa lớn
Do sức niệm Quán Âm
Liên được tiêu tan cả.**

Năng lực Phật Pháp lớn hơn tất cả các năng lực xấu ác trong Tam giới này, có khả năng thay đổi được mọi thứ và mọi điều xảy ra trong đời sống đời thường. Một người đạt được Phật Pháp sâu màu rồi thì chuyện đang có trước mắt muốn thành không, nó liền thành không. Năng lực của Tự Tánh là chuyển đổi tất cả hình tướng ở trong vũ trụ này. Nếu người nào hòa nhập thật sự trong Tự Tánh thì mọi thứ trong cuộc sống đều thuận theo sự tác ý của người đó.

VĂN KINH

**Chúng sanh bị khổ ách
 Vô lượng khổ bức thân
 Quán Âm sức trí diệu
 Hay cứu khổ thế gian.
 Đầy đủ sức thần thông
 Rộng tu trí phương tiện
 Các cõi nước mười phương
 Không cõi nào chẳng hiện.
 Các loài trong đường dữ:
 Địa ngục, Quỷ, Súc sanh
 Sanh, già, bệnh, chết khổ
 Làn đều khiến dứt hết.
 Chân quán, thanh tịnh quán
 Trí huệ quán rộng lớn
 Bi quán và từ quán,
 Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.**

Ở đây tán thán công đức của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát, hiện thân các cõi để cứu độ chúng sanh.

Đức Phật dạy chúng ta có những cái quán mà chúng ta phải quán. Thứ nhất là Chân quán tức là quán chân thật. Nếu một người tu theo hạnh Quán Thế Âm Bồ Tát đúng với

nghĩa trong phẩm Phổ Môn thì đầu tiên chúng ta quán chân thật, tức là chúng ta quán mười phương pháp giới này tất cả đều là chân thật, tất cả chúng sanh từ thân tới tâm, tất cả những cảnh giới đều không có sai biệt nhau, tất cả các pháp đều là toàn chân, không có cái gì là không chân cả.

Thứ hai, từ chỗ chân đó cho nên chúng ta thanh tịnh. Thật sự thanh tịnh là cái vốn có rồi, pháp giới mười phương này là toàn chân, là cái vốn có ở Pháp giới tánh này từ ngàn xưa tới bây giờ. Bây giờ chúng ta quán để chúng ta hòa nhập trở lại. Chúng ta nhận ra được cái toàn chân của pháp giới, cái thật của pháp giới cho nên chúng ta quán để thấy rằng pháp giới toàn chân nó hiện hữu trong Tam giới này. Và trong pháp giới toàn chân này với cái thanh tịnh tuyệt đối không có gì nhiễm. Nói vậy thì chúng ta phân biệt thấy có chỗ này dơ chỗ kia sạch, bây giờ mình quán vậy là cưỡng lý. Có cưỡng không?

Thật sự cái đầu chúng ta không cách nào hiểu nổi là cái bản nó thanh tịnh, chưa bao giờ chúng ta hiểu nổi người ngồi bên cạnh chúng ta hết sức thanh tịnh, chưa bao giờ chúng ta hiểu nổi tất cả mọi người từ xưa tới giờ thanh tịnh. Còn hiểu bằng cái đầu là chúng ta không bao giờ hiểu được. Nếu một phen nào đó chúng ta vượt qua tâm thức rồi, tất cả những cái tướng chúng ta hết đi rồi thì chúng ta một phen thấy biết rằng tất cả pháp này thật sự thanh tịnh từ ngàn xưa tới giờ, chưa có cái gì mà không thanh tịnh cả.

Đừng có nghe một số lý luận là Pháp giới tánh từ xưa tới giờ vốn tự thanh tịnh, là do Pháp tánh thanh tịnh thôi chứ tất cả hình tướng này đều là bất tịnh. Nếu nói vậy là chúng ta còn ở bên đây bờ mé của ý thức. Chúng ta thấy có Tánh, có Tướng là hai, là chúng ta vẫn chưa giác ngộ giải thoát.

Chúng ta rớt vào tầng tâm thức mới có hai, rớt vào tầng tâm thức mới có chân và có vọng, rớt vào tầng tâm thức mới có tịnh và có nhơ.

Thật sự toàn pháp giới này từ xưa tới giờ không bị nhơ bợn, tất cả chúng sanh từ xưa tới giờ thanh tịnh tuyệt đối chưa từng bị nhiễm, không thể nhiễm được. Nhưng chúng ta không nhận ra nỗi điều này, chúng ta nghĩ mình là một chúng sanh cho nên mình còn phân biệt, mình còn buồn thương giận ghét, mình còn tịnh còn uế.

Chúng ta quán để thấy rằng cái thanh tịnh toàn chân của pháp giới, nó vốn hiển lộ từ ngàn xưa cho tới bây giờ. Nếu chúng ta hiểu được điều này thì tâm chúng ta mới thật sự thanh tịnh, trí tuệ chúng ta mới rộng khắp mười phương pháp giới, sáng suốt nhiệm màu chưa từng bị ô nhiễm, chưa từng bị mờ tối. Tự Tánh chúng ta chưa có lần nào bị nhiễm nhơ, chúng ta đang ở trong vòng dục nhiễm mình nghĩ mình bị nhiễm, nhưng không nhiễm được.

Đây không phải là lý đầu mà là sự thật. Chúng ta nhìn ở chiều phân biệt tâm thức là chúng ta có sanh có diệt, có nhiễm có tịnh, nhưng nhìn vượt qua tầng sanh diệt ý thức, chúng ta ở bên kia bờ mé ý thức một chút thì chúng ta thấy toàn pháp giới này là Toàn chân, toàn pháp giới này là thanh tịnh, toàn pháp giới này là rỗng lặng minh mông sáng suốt trùm khắp, chứ chưa có lần nào pháp giới này là ô nhiễm, là sai biệt. Đây gọi là Thanh Tịnh Quán.

Những bậc Tông sư của Đại thừa, thật sự một phen họ nhận được pháp giới toàn chân này thì họ thấy cả vũ trụ minh mông pháp giới này chưa có lần bị ô nhiễm. Đức Phật vừa thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác, Ngài rất ngạc nhiên tại sao tất cả chúng sanh đều có Bản Giác thanh tịnh mà phải chấp nhận sanh tử luân hồi.

Đức Phật rõ tất cả chúng sanh đều có Tự Tánh. Và Tự Tánh không có lia thoát, không có rời chúng ta bất kỳ một giây phút nhỏ nhiệm nào, Tự Tánh chúng ta luôn luôn sáng suốt thanh tịnh rõ soi từ ngàn xưa cho tới bây giờ. Đừng nghĩ mình còn bị sanh tử luân hồi, mình là chúng sanh, mình ở địa ngục, ở nga quý, ở súc sanh thì Tự Tánh không hiển lộ. Mà Tự Tánh của chúng ta từ ngàn xưa đến giờ vốn thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu, chưa từng bị ô nhiễm chưa từng bị mờ tối.

Khi Hành giả đã nhận được Tự Tánh thanh tịnh sáng suốt nhiệm mầu thì lòng từ bi, thương yêu để cứu giúp tất cả chúng sanh muôn loài liền hiện khắp pháp giới mười phương. Lúc nào Hành giả đó cũng thương yêu, bao dung, chở che khắp tất cả chúng sanh muôn loài và từ đó việc lợi lạc khắp tất cả chúng sanh muôn loài là sự nghiệp của Bồ Tát.

Chúng ta không thể quán từ bi được, nếu quán được nó chỉ là tâm thức thôi. Thật sự chưa ai cảm nhận được từ bi. Nhưng chúng ta công phu tu hành đúng Phật Pháp thì ngày nào đó tự động chúng ta thông cảm một cách tuyệt đối với tất cả chúng sanh muôn loài, chứ không phải riêng loài người. Những đau khổ, bất an, những uẩn khúc của tất cả chúng sanh muôn loài, chúng ta tự động có sự thông cảm rất lạ lùng. Rồi tự động tìm đủ phương cách, chúng ta có thể tiếp cận được tất cả chúng sanh, tiếp cận tất cả mọi người để chúng ta đem lại nguồn vui xóa khô đau cho họ. Con đường đó là con đường phải tới của tất cả chúng ta. Cho nên ngày

nào đó chúng ta tu, tâm chúng ta chưa thương được người khác là biết chúng ta chưa được giác ngộ giải thoát.

Phút chốc chúng ta phá vỡ được ngã chấp riêng tư, phút chốc đó chúng ta đủ tâm đại bi thương tất cả mọi người, mọi loài liên. Đây là điều rất đặc biệt trong đạo Phật. Chúng ta không thể tưởng được, chúng ta không thể quán đại bi được. Quán thương người thân, quán thương người không thân, quán thương người thù v.v... là quán cho vui thôi chứ không thương được, nhưng chúng ta tan biến bản ngã thì tình thương của chúng ta đã hòa tan và tràn ngập pháp giới này. Khi ấy trí tuệ giác ngộ thấy biết đến đâu thì lòng từ bi tràn ngập đến đó.

Khi công phu, bản ngã mình mỏng được một chút thì mình thương được nhiều người hơn một chút. Từ xưa tới giờ người thường mang rắc rối với mình mà mình thông cảm được thì bản ngã mình mỏng lắm rồi. Cho tới người giết mình mà giết không được, mình vẫn thương họ y như người thân của mình, khi đó bản ngã đã được tan biến, liền khi ấy tâm từ bi tràn ngập khắp pháp giới này.

Mảnh đất từ bi là mảnh đất an lành để tất cả chúng sanh có thể sống trong đó. Được từ bi rồi quý vị thấy cả ngày lẫn đêm chúng ta làm Phật sự không nghỉ tay, không còn thời gian rảnh để cho mình. Tình thương yêu của mình đối với mọi người nó lạ lắm, miễn sao mình làm việc gì để mọi người được hết khổ và được an vui là chúng ta sẵn sàng làm.

Từ là ban vui, Bi là cứu khổ. Khi một Bồ Tát dùng trí tuệ giác ngộ của mình khai thị và dẫn dắt cho chúng sanh đạt đến an lạc của Niết Bàn thì lúc đó mới thật sự là ban vui cho

chúng sanh. Khi vị Bồ Tát tạo phương tiện để cứu chúng sanh được thoát khỏi khổ sanh tử trong Tam giới đó mới là cứu khổ thật sự của đạo Phật. Như vậy Từ có nghĩa là ban cho chúng sanh an lạc Niết Bàn, Bi là cứu tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ sanh tử. Đó mới chính thật là Từ Bi của đạo Phật.

VĂN KINH

Sáng thanh tịnh không như

Tuệ nhật phá các tối

Hay phục tai khói lửa

Khắp soi sáng thế gian.

Chúng ta thường nguyện Quán Thế Âm cứu khổ và ban vui thì chúng ta thường hay chia sẻ, thương yêu, ban vui cứu khổ chúng sanh. Chúng ta phải thường an trú trong cái rỗng lặng sáng suốt của pháp giới tánh toàn chân, là ánh sáng trí tuệ luôn tỏa sáng nơi tâm của chúng ta nên tất cả những tâm thức mù tối được nhuốm sáng bởi ánh sáng trí tuệ, đó gọi là tướng âm được hóa tán.

Tất cả những bi thương, những khổ lụy chúng ta bắt đầu tan biến thì ánh sáng huệ nhật đó soi khắp tất cả thế gian. Ví dụ ánh sáng mặt trời bị mây che nhiều thì nó cũng không tỏa ánh sáng ra được. Nhưng riêng ánh sáng của Tự Tánh thì không chỗ nào có thể che khuất, dù cái sâu kín tận trong tâm thức chúng ta nghĩ xấu một người nào đó thì Tự Tánh cũng rõ biết, Phật cũng biết. Dù là giữa đêm thâu hay ban ngày, chúng ta vừa có tác niệm không lành với người nào là chúng ta bị người đó rõ biết.

Mặt nhật chỉ lộ bày bên ngoài, chứ bên trong cái chậu úp mặt nhật không thấu nổi. Nhưng Tự Tánh, Pháp giới tánh,

Phật tánh, Tri Kiến Phật thì không có chỗ nào sót, không một mảy may nào sót trong tâm thức chúng sanh. Chúng ta có tinh tấn hay giải đãi đều được Đức Phật hay biết.

VĂN KINH

**Lòng bi răn như sấm
Ý từ diệu dường mây
Xối mưa Pháp cam lồ
Dứt trừ lửa phiền não.**

Lòng bi răn như sấm sét. Ví dụ chúng ta đối diện với một người tu tập mà chưa gây chấn động cho mình thì biết lòng từ bi của vị đó chưa đủ. Nếu quý vị gặp người có tâm từ rồi là quý vị không ngồi yên được đâu, đó là sự thật. Những vị công hạnh tu hành lớn là chúng ta sụp lạy, chúng ta cảm động liền tại chỗ. Nếu chúng ta là người thiết tha tu hành mà gặp người có lòng từ là chúng ta chấn động liền. Những lời Pháp, một lời nhắc nhở, một tiếng cười của người có lòng từ lớn là đủ gây chấn động tâm thức chúng ta giống như sấm sét vậy, chứ không đơn giản.

Thời chúng ta cách Phật rất xa chúng ta không hiểu. Nhưng nếu chúng ta ở trong đạo tràng của Đức Phật thì chắc chắn một hai lời dạy của Đức Phật là chúng ta tan biến hết những chấp trước của mình. Lòng bi răn như sấm sét gây chấn động tâm thức chúng ta liền. Rồi Pháp đó giống như trận mưa xối, như nước cam lồ tưới tắm cho chúng ta sạch hết khổ lụy trần gian, tan biến tất cả những khổ ách phiền não. Khi chúng ta chạm được đến mảnh đất từ bi thì chúng ta được an lạc giải thoát.

Điều này là năng lực thật của tất cả người tu, nếu có đủ duyên lành chúng ta sẽ gặp, đó là phước báo nhiều đời của

chúng ta. Đời này thì rất hiếm. Những người này rất kỳ lạ trong nhân gian. Họ có đủ lòng từ bi đó. Có khi họ không thuyết giảng, chỉ cần họ hướng đến người nào thì người đó được an lạc, từ tâm của họ mạnh đến độ đó.

Điều này cũng muốn diễn tả tâm từ của Bồ Tát Quán Thế Âm, đã gây sấm sét chấn động tâm tư tất cả chúng sanh. Lòng từ Bồ Tát Quán Thế Âm đã chan rải, xoa dịu, cứu độ tất cả chúng sanh khiến chúng sanh tiêu tan nghiệp tập phiền não của mình.

Vẫn còn một ý khác nữa. Nếu một người hòa nhập vào Tự Tánh chân thật thì một phen chấn động toàn bộ tâm thức đã chấp trước nhiều đời nhiều kiếp của chúng ta. Nếu chúng ta chạm đến mảnh đất thật này thì chúng ta bị chấn động y như là sấm nổ một lần nơi tự tâm của mình. Và Tự Tánh đủ sức hóa tán tất cả những tâm thức lộn xộn nơi tâm chúng ta, để chúng ta sạch hết những phiền não khổ đau mà hòa vào Tự Tánh thanh tịnh hiện tiền.

VĂN KINH

**Cải kiện qua chỗ quan
Trong quân trận sợt sệt
Do sức niệm Quán Âm
Cừ oán đều lui tan.**

Nếu chúng ta bị chuyện phải cải kiện hơn thua, trong lúc đem ra phân xử, quý vị thử niệm Quán Thế Âm Bồ Tát và chúng ta thương người không còn tranh đấu với người kia nữa. Vì lòng ngài Quán Thế Âm Bồ Tát là tình thương thì chúng ta dùng tình thương đó để hóa giải hận thù. Tâm chúng ta như thế nào chúng ta sẽ chiêu cảm cảnh giới đó. Tâm chúng ta đang ở chỗ bình lặng thì chuyện an ổn sẽ tới

với mình. Tâm chúng ta ở chỗ xáo trộn thì chuyện rắc rối sẽ tới với mình.

Nếu có một người đối nghịch với mình đã lâu mà không hóa giải được, bây giờ chúng ta phát khởi tình thương với người đối nghịch đó bằng sự thương yêu và thông cảm chân thành thì tự động sự đối nghịch sẽ được tan biến.

VĂN KINH

**Diệu Âm, Quán Thế Âm
Phạm âm, Hải triều âm
Tiếng hơn thế gian kia,
Cho nên thường phải niệm.**

Diệu âm là âm thanh vi diệu được phát từ bản tâm thanh tịnh, đủ sức có thể chuyển hóa mọi đau khổ của tất cả chúng sanh trong Tam giới này. Quán Thế Âm là sự thấu suốt tất cả những âm thanh và những tâm tư đau khổ của tất cả chúng sanh trong pháp giới mười phương và hóa tán hết những đau khổ của chúng sanh, đồng thời hóa tán được những tâm phiền muộn của chúng sanh đạt đến thanh tịnh và đạt đến giác ngộ giải thoát.

Phạm âm là âm thanh xuất phát từ nơi Tự Tánh thanh tịnh, luôn phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương và âm thanh rung động khắp mười phương pháp giới để khai thị và chuyển hóa cho những chúng sanh có duyên tiếp xúc tới âm thanh và ánh sáng này đạt ngộ giải thoát.

Hải Triều Âm là âm thanh không phải bình thường của thế gian này. Nó giống như sóng biển có thể tẩy rửa, xóa tan, xoa dịu những nóng bức, những bức bách, những khổ lụy nơi chúng ta. Trần gian này đều được tưới tẩm, đều

được tẩy rửa, đều được làm sạch. Khi âm thanh đó khi vang lên ở bất kỳ ai thì người đó đều được tưới tắm thanh tịnh.

VĂN KINH

**Niệm niệm chớ sanh nghi
Quán Âm bậc tịnh thánh
Nơi khổ não nạn chết
Hay vì làm nương cậy.
Đủ tất cả công đức
Mắt lành trông chúng sanh
Biển phước lớn không lường
Cho nên phải đánh lễ.**

Chỗ thanh tịnh sáng suốt nhiệm màu, nếu chúng ta quay về đánh lễ, chúng ta quy thuận, chúng ta tôn trọng, chúng ta cung kính thì đời này chúng ta sẽ hóa tán tất cả những khổ đau. Nếu chúng ta hòa nhập trong cảnh vi diệu của Quán Thế Âm Bồ Tát, để chúng ta nghe được tất cả âm thanh trần gian bằng cái thanh tịnh đó thì lòng chúng ta được yên ổn thanh tịnh hiện tiền.

VĂN KINH

Bấy giờ, ngài Trì Địa Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Phật bạch rằng: Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nào nghe phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Đạo nghiệp Tự Tại, Phổ Môn Thị Hiện sức thần thông này thì phải biết công đức người đó chẳng ít.

Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tự nhiên ở đây xuất hiện ngài Trì Địa Bồ Tát? Từ trước tới giờ chúng ta đâu có nghe? Có ý gì? Nhiều khi đọc qua

sơ sơ chúng ta không hiểu. Chúng ta thấy Kinh Đại thừa có những điều khiến người bình thường không hiểu nổi.

Ngài Trì Địa là Bồ Tát là mảnh đất tâm thanh tịnh của mình. Mảnh đất từ xưa tới giờ đang yên ổn thanh tịnh, bây giờ lên tiếng. Nếu ai nghe phẩm Phổ Môn tại đây, sống đúng với hạnh nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát thì phước đức người đó vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn. Đó là được ngài Trì Địa Bồ Tát nói chứ không phải Phật khen. Cho nên khi chúng ta trở về được với bản thể thanh tịnh, tức là Tri Kiến Phật của chúng ta, là mình hòa nhập vào bản tâm thanh tịnh thì công đức vô cùng to lớn.

Chính phẩm Phổ Môn này, khi Tượng âm được hóa tán là chúng ta quay về bản địa thanh tịnh của chính mình, cho nên nói xuất hiện ngài Trì Địa Bồ Tát.

Từ đầu phẩm Phổ Môn là ngài Vô Tận Ý xuất hiện, kết thúc là ngài Trì Địa Bồ Tát. Tức là ngài Vô Tận Ý biến mất là ý tướng (Tượng âm) tan biến hòa nhập vào bản tâm thanh tịnh nên xuất hiện ngài Trì Địa Bồ Tát. Ngài Trì Địa Bồ Tát là bản địa thanh tịnh.

Từ xưa tới bây giờ chúng ta ở đều ở trong tình trạng của ngài Vô Tận Ý, nhưng sau khi hiểu được ngài Quán Thế Âm để quay về với chỗ thanh tịnh chân thật, tức là ở trong “*Chân quán thanh tịnh quán. Trí huệ quán rộng lớn. Bi quán và từ quán. Thường nguyện thường chiêm ngưỡng*”, để trở lại mảnh đất thật thì lúc này ngài Trì Địa Bồ Tát xuất hiện, ngài Vô Tận Ý biến mất có nghĩa là tượng âm hoàn toàn thanh tịnh. Lúc này chỉ còn hiển hiện mảnh đất tâm thanh tịnh sáng suốt.

* * *

PHẨM “ĐÀ LA NI” THỨ HAI MƯƠI SÁU

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Dược Vương Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu chấp tay hướng Phật mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hay thọ trì được Kinh Pháp Hoa này, hoặc đọc tụng thông lệ, hoặc biên chép quyển Kinh, được bao nhiêu phước đức?

Phật bảo ngài Dược Vương: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân cúng dường tám trăm muôn ức na do tha hằng hà sa các Đức Phật. Ý ông nghĩ sao? Người đó được phước đức có nhiều chăng? Thưa Thế Tôn, Rất nhiều!

Phật nói: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân ở nơi Kinh này có thể thọ trì nhận đến một bài kệ bốn câu đọc tụng giải nghĩa, đúng như lời mà tu hành thì công đức rất nhiều.

Lúc đó, ngài Dược Vương Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con nay sẽ cho người nói Kinh Pháp Hoa chú Đà la ni để giữ gìn đó. Liền nói chú rằng:

An nhĩ, mạn nhĩ, ma nễ, ma ma nễ, chỉ lệ, già lê đệ, xa mé, xa lý đa vĩ, chuyên đế, mục đế, mục đa lý, ta lý, a vĩ ta lý, tang lý, ta lý xoa đệ, a xoa duệ, a kỳ nhị chuyên đế, xa lý, đà la ni, a lư già bà ta ky đá tỳ xoa nhị, nễ tỳ thế, a tiện đa la nễ lý thế, a đàn giá ba lệ thân địa, âu cứu lệ, mâu cứu lệ, a la lệ, ba la lệ, thủ ca sai, a tam ma tam lý, Phật đà tỳ kiết lợi diệt đế, đạt ma ba lợi sai đế, tăng già niết cù sa nễ, bà xá bà xá thân địa, mạn đá lã, mạn đá lã

xoa dạ đa, bư lâu đá, bư lâu đá kiêu xá lược, ác xoa lã, ác xoa dã đa dã, a bà lư, a ma nhã na đa dạ.

Thế Tôn! Thần chú Đà la ni này là của sáu mươi hai ức hằng hà sa các Đức Phật nói. Nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thì là xâm hủy các Đức Phật rồi.

Lúc đó, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khen Dược Vương Bồ Tát rằng: Hay thay! Hay thay! Dược Vương! Ông thương xót muốn ủng hộ vị Pháp sư đó, nên nói chú Đà la ni này, được nhiều lợi ích ở nơi các chúng sanh.

Lúc bấy giờ, ngài Đông Thích Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con cũng vì ủng hộ người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa mà nói chú Đà la ni. Nếu vị Pháp sư đó được chú Đà la ni này, hoặc Dạ xoa, La sát hoặc Phú đàn na hoặc Kiết giá, hoặc Cưu bàn trà, hoặc Ngạ quỷ v.v... rình tìm chỗ dỡ của Pháp sư không thể được tiện lợi. Liên ở trước Phật mà nói chú rằng:

Toa lệ, ma ha toa lệ, úc chỉ, mục chỉ, a lê, a la bà đệ niết lệ đệ, niết lệ đa bà đệ, y trí nĩ, vi trí nĩ, chỉ trí nĩ, niết lệ trì nĩ, niết lệ trì bà đệ.

Thế Tôn! Thần chú Đà la ni này của hằng hà sa các Đức Phật nói, cũng đều tùy hỷ. Nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thì là xâm hủy các Đức Phật đó rồi.

Bấy giờ, Tỳ sa môn Thiên vương, vị trời hộ đời bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con cũng vì thương tưởng chúng sanh ủng hộ vị Pháp sư đó mà nói Đà la ni này. Liên nói chú rằng: A lê, na lê, nâu na lê, a na lư, na lý, câu na lý.

Thế Tôn! Dùng thần chú này ủng hộ Pháp sư, con cũng tự phải ủng hộ người trì Kinh này, làm cho trong khoảng trăm do tuần không có các điều tai họa.

Bấy giờ Trì Quốc Thiên Vương ở trong hội này cùng với nghìn muôn ức na do tha chúng Càn thất bà cung kính vây quanh đến trước chỗ Phật, chấp tay bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con cũng dùng thần chú Đà la ni ủng hộ người trì Kinh Pháp Hoa. Liền nói chú rằng:

A già nễ, già nễ, cù lợi, càn đà lợi, chiên đà lợi, ma đẵng kỳ thường cầu lợi, phù lâu tá nỉ, ác đế.

Thế Tôn! Thần chú Đà la ni này là của bốn mươi hai ức các Đức Phật nói, nếu có người xâm hủy vị Pháp sư này thì là xâm hủy các Đức Phật đó rồi.

Chúng ta thấy hai vị Bồ Tát, hai vị cõi Trời, cho tới các vị quý La Sát nữ cũng đều quay về ủng hộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngâm có ý, nếu như người giác ngộ mà gìn giữ thủ hộ Kinh Pháp Hoa, tức là gìn giữ Trì Kiến Phật thì người đó phước báo lớn và sẽ được thành Phật.

Các vị cõi Trời nếu nhận được Trì Kiến Phật, thấy biết đúng Trì Kiến Phật thì cũng có khả năng thành Phật. Rồi tất cả những loài quý thần cũng có khả năng nhận được, quay về thủ hộ gìn giữ Trì Kiến Phật và người đó đạt đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có nghĩa tất cả các cõi nước mười phương đều ủng hộ Kinh Pháp Hoa. Như vậy, Kinh Pháp Hoa không phải chỉ ở trong cõi chúng ta được biết, được hiểu, mà tất cả các cõi đều được biết, được hiểu.

Tất cả những Mật chú đều là những câu chân ngôn được xuất phát từ những vị Phật, hoặc những vị Bồ Tát. Người bình thường không đủ trí để nói ra được Thần chú.

Trong Mật chú có năm bộ: Phật bộ, Liên Hoa bộ, Kim Cang bộ, Bảo bộ và Yết Ma bộ. Trong năm bộ Mật tông, nếu một người chuyên môn tu tập theo đạo Phật thì tùy

duyên phước của từng người mà thọ nhận Mật chú ở một vị Thầy nào đó. Nếu chúng ta có duyên lành gặp được bậc Pháp sư đúng nghĩa, họ truyền cho chúng ta thì chúng ta mới có khả năng tu tập tốt. Còn không, Mật chú đừng bao giờ tự học, đừng bao giờ tự tìm hiểu trong Kinh sách rồi thọ trì. Vì trong Mật chú có những giới luật hết sức nghiêm mật, nếu trì chú đúng mức thì người đó phải được thầy truyền và ít lắm người đó phải được quán đảnh.

Quán đảnh có ba bậc: Bậc Thượng, bậc Trung và bậc Hạ rất rõ ràng. Bậc Hạ thì người đó tu tập có thể chứng quả Thanh Văn. Bậc Trung có thể chứng quả Bích Chi Phật và Bồ Tát. Bậc Thượng có thể chứng quả vị Phật. Do vậy, bất kỳ người tu Mật tông nào đều phải có thầy và sau lần thọ Pháp, hoặc được quán đảnh thì người đó tu chân ngôn mới có ích, còn những người tự học, tự trì niệm thì không có lợi ích lớn.

Mật chú là lời nói của chư Phật thì chỉ chư Phật mới hiểu thôi, Bồ Tát không hiểu nổi. Đối với những bài chú thuộc Phật bộ thì chỉ có chư Phật và chư Bồ Tát mới biết. Và mỗi một bài chú, mỗi một câu chú nó đều có Tâm chú. Mỗi một vị sau khi chứng quả để lại một Mật chú riêng biệt, cho nên chúng ta trì niệm tới tâm chú Mật chú của vị nào thì sẽ được sự gia trì hộ niệm của vị Phật hay vị Bồ Tát đó. Cái này rất riêng tư, rất chuyên môn.

Chúng ta không phải người tu chuyên môn Mật tông thì chúng ta chỉ biết như vậy thôi, biết chừng đó thôi để thấy rằng người tu tập theo đạo Phật có những Pháp tu rất rõ ràng. Nếu chúng ta tu về Hiền giáo, đi theo con đường Hiền giáo thì có những phương pháp tu tập Hiền giáo rất rõ ràng. Nếu đi theo con đường Mật tông thì có thầy truyền chúng ta

một cách rất rõ ràng, để chúng ta dụng công từng bước chứng từng Tất Địa để xác định Hành giả đang trì niệm đúng và đang tiến triển công phu.

Tất cả những người tu Mật tông đều phải biết lập Mạn Đà La, mỗi bài chú trì niệm như thế nào đều có nghi quỹ, nghi thức riêng của từng bài Mật chú đó. Chúng ta chứng Tất Địa nào thì có Mạn Đà La riêng. Mạn Đà La đó có bao nhiêu chư Phật giữ gìn, bao nhiêu chư vị Bồ Tát giữ gìn, bao nhiêu vị thần Kim Cang giữ gìn, bao nhiêu chư vị Thánh chúng giữ gìn v.v... Chúng ta ở trong Mạn Đà La suốt mấy ngày mấy đêm để trì niệm thì sẽ chứng được Tất Địa gì, điều đó hết sức chuyên môn trong Mật tông, chúng ta không bàn tới, vì ở đây có một số câu Mật chú nên chúng ta nói khái lược những điều này.

Những bài Mật chú chúng ta đọc vô không thấy một chút nghĩa lý nào, chúng ta không hiểu nổi, nhưng một Hành giả tu Mật chú nếu họ được truyền thừa đúng mức họ sẽ cảm nhận được lực gia trì của vị để lại bài chú này. Tức là theo Mật tạng thì mỗi một vị Bồ Tát sau khi thành tựu quả vị của mình, đều để lại một Tâm chú. Người nào trì niệm Tâm chú đó sẽ đạt được cái gì đó. Chúng ta thấy phần đông các vị ở Tây Tạng sử dụng câu Om Ma Ni Bat Mê Hum, các vị cho đó là Tâm chú của ngài Quán Thế Âm.

Người tu Mật tông thì phải biết được Ấn khế. Tức là khi tu Mật tông thì tam mật phải tương ưng, thân chúng ta phải thanh tịnh kiết ấn. Tâm chúng ta phải thấu hiểu nghĩa lý của Mật chú và miệng chúng ta đọc Chân ngôn. Từng bài chú có Ấn riêng. Thành ra đây là chân trời khác rồi, chúng ta tu Hiền giáo không hiểu nổi điều này. Những vị chuyên môn trong Mật tông, thấy người đệ tử mình còn nặng tâm này thì

chỉ dạy chỉ trì chú bài này, còn người nặng tâm kia thì chỉ dạy trì bài chú kia, trì niệm đúng với bài chú Thầy dạy trong một thời gian ngắn sẽ tẩy rửa được tâm thức chúng ta.

Ví dụ thường trong chùa hay tụng Lăng Nghiêm. Bản Kinh Lăng Nghiêm xuất phát từ chuyện của ngài A Nan bị vương nạn Ma Đăng Già, cho nên trì chú Lăng Nghiêm là Ma Đăng Già không còn đủ khả năng khuấy phá. Người nào biết được Tâm chú của Lăng Nghiêm, kèm theo kiết ấn thì người đó trì niệm một thời gian tâm nhiễm ái sẽ khô đi.

Còn chúng ta tụng hằng ngày thấy còn nguyên là không phải. Đó chưa phải là Tâm chú mà là Thân chú. Và lúc chúng ta tụng Lăng Nghiêm chúng ta cũng không có Ấn, nghĩa là chúng ta chỉ trì niệm mà chúng ta không có ấn khế thì chúng ta không đạt được đến mức độ tam mật tương ưng thì sẽ không có chứng được Tất Địa, không thoát ra khỏi lưới ái. Cho nên cái gì nó cũng có lý do của nó trong đó, nhưng có điều chúng ta không có được chuyên môn thôi.

Do vậy khi chúng ta tu Pháp môn nào thì sẽ có thầy đó. Chúng ta tu Thiền là có Thầy chuyên môn hướng dẫn Thiền. Chúng ta tu Mật tông thì có Thầy chuyên môn Mật tông. Chúng ta tu Tịnh độ là có Thầy chuyên môn hướng dẫn Tịnh độ. Những người chưa bước vào lĩnh vực chuyên môn thì đừng có tự làm sẽ không tốt. Chúng ta tu Thiền mà cũng tu Mật chú, hoặc chúng ta tu Tịnh độ cũng đọc Mật chú, hoặc tu Tịnh độ nói về Thiền, tu Thiền nói Tịnh độ thì nó sẽ có lầm lẫn bởi vì chúng ta không đủ chuyên môn.

Tất cả những người tu Mật chú đều có Thầy. Đối với những tông phái chân truyền thì hiện tại chúng ta biết có dòng Kim Cang được thế giới công nhận là Kim Cang thừa.

Các vị Mật tông chân chánh đạt được đỉnh cao tâm linh thật sự rất đáng kính trọng.

Đối với Mật tông là Thầy tìm trò, chứ trò không thể tìm Thầy được. Người nào chưa được gặp Sư phụ Mật tông thì biết mình chưa có duyên, đừng tìm kiếm mất công lắm. Một người mà có duyên sâu với dòng Kim Cang Thừa thì lúc nhập thai là đã có những điềm lạ báo trước, hoặc lúc sanh ra cũng có những điềm lạ như là sấm sét xung quanh chỗ ra đời hoặc là có hào quang v.v... Hoặc nơi người đó có những tướng lạ như tướng đánh môn cao hoặc chân mày, ánh mắt khác thường v.v... Người nào mà có một trong hai điều trên là có duyên sâu với Mật tông và có khả năng chứng đắc trong đời đó, còn những người không có một trong hai điều trên thì tu Mật tông chỉ là gieo duyên.

Những người tu Mật tông được truyền dạy Mật tông ít lắm, họ phải chứng Tất Địa, được Quán đánh truyền ở bậc Trung, bậc Thượng trở lên và phải chứng Tất Địa rất nhiều bậc thì họ mới đủ sức để truyền Mật tông, còn không là chúng ta chỉ học mật chú và ấn khế bình thường.

Các vị tu theo Mật tông chuyên môn thì các vị ấy rất là thông Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Đại Bộ Bát Nhã, Đại Bảo Tích, Trung Quán Luận. Nếu chúng ta có duyên lành gặp Chân sư Mật tông thì người đó phải dạy cho chúng ta nghĩa lý của Kinh Hoa Nghiêm trước, dạy nghĩa lý của Kinh Bát Nhã trước, dạy nghĩa lý của Kinh Bảo Tích trước và phải dạy chúng ta thông hiểu Trung Quán Luận trước thì chúng ta sẽ cúi đầu làm lễ mà học chân ngôn. Còn nếu không thì khoan hãy học. Cái ngưỡng để có thể truyền dạy Mật tông là các vị phải thông những điều này.

Thật sự các vị Chân sư nếu không thông cảnh giới Tỳ Lô Giá Na thì các vị không đủ sức để truyền. Thông cảnh giới Tỳ Lô Giá Na là thông Kinh Hoa Nghiêm, thông Tạng Tánh, thông Lý Không của Bát Nhã. Trung Quán và Đại Bảo Tích người đó phải thông. Nếu chúng ta thật sự có duyên với Mật tông thì các vị Chân sư tự tìm kiếm chúng ta để truyền. Đa số Chân sư Mật tông khi muốn tìm đệ tử thì các vị nhập trong Mạn Đà La, ở trong Mạn Đà La ấy các vị sẽ biết đệ tử mình ở đâu thì các vị tạo đủ duyên lành để thầy trò được gặp nhau.

Bậc Chân sư thật sự thì tuyệt đối chúng ta có gặp cũng không biết đâu. Gặp được là các vị đủ sức chuyên tâm chúng ta ngay tại chỗ, đầu gối chúng ta có cứng lắm cũng phải quỳ xuống. Còn các vị biểu diễn cái này cái kia cho mình sợ rồi tu theo thì không phải. Dù chúng ta không đi theo con đường Mật tông thì chúng ta phải biết kính trọng các vị Chân sư thật sự. Dòng Mật tông là dòng tu rất chân chính, có rất nhiều người đạt đạo. Các vị biết quá khứ, vị lai tới ngàn đời ngàn kiếp. Và những bậc có căn khí lớn mới đủ duyên đi vào dòng chuyên môn Mật tông. Còn bình thường họ cũng trì một số Thần chú từ khoảng Bảo bộ hay Thần bộ để họ có năng lực, họ có thể làm giàu, họ có thể điều khiển hoặc sai sử người khác, đó là người có năng lực do Mật chú ở tầng thấp.

Các Mật chú thật sự chuyên môn như Phật bộ, hay Liên Hoa bộ mà chúng ta trì niệm liền được khai mở trí huệ, thấu hiểu chân lý. Khi chúng ta thấu hiểu và hòa nhập được đạt tới cảnh giới tam mật tương ưng thật sự thì lúc đó tự động chúng ta có thần thông. Thần thông đó tự mình ra chứ không có trì niệm câu Mật chú. Giai đoạn người còn trì niệm câu Mật chú tức là mượn thần lực của Mật chú.

Những vị Chân sư Mật tông có năng lực thần thông tới nơi tới chốn để độ đời, họ khởi nghĩ là liền có tác dụng. Người nào còn bắt ấn để trì chú, để làm điều gì đó thì biết rằng người đó còn ở tầng rất thấp của Mật tông và cũng chưa chắc họ đã ở trong dòng Chánh Pháp. Mật tông đang trong giai đoạn phát triển cực thịnh, đang xuất hiện rất nhiều cho nên cũng có chánh, có tà. Chúng ta khi nào đủ duyên lành mới gặp được dòng Chánh Pháp thật sự của những vị Pháp Vương truyền.

Pháp Vương là vua của Chánh Pháp, không có nghĩa là vua của dòng truyền thừa, mà người đó phải khai mở được trí tuệ giác ngộ và được quán đánh. Trong lễ quán đánh đó sẽ được chư Phật mười phương dùng tay xoa đầu để thọ ký. Trong lễ quán đánh người đó được truyền ngũ trí Như Lai (Một là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hai là A Súc Bệ Như Lai, ba là Bảo Sanh Như Lai, bốn là A Di Đà Như Lai và năm là Bất Không Thành Tựu Như Lai) và vị ấy chỉ còn một thời gian ngắn nữa là chứng thành Phật quả, tức là đã đạt được trí tuệ giác ngộ giải thoát tận cùng, đồng thời đủ năng lực để khai mở trí tuệ cho người khác đạt ngộ giải thoát để chứng đắc đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, được như vậy mới xứng danh là Pháp Vương. Vì đã đạt được trí tuệ giác ngộ Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thầy của Tam giới là vua của tất cả các pháp, chứ không phải vua của dòng pháp được truyền thừa. Danh từ Pháp Vương ấy chỉ dành cho người chứng đắc Phật quả, còn người nào chưa chứng được quả Phật mà cho mình là Pháp vương là lạm dụng danh nghĩa tối thượng của đạo Phật, hay nói khác là người tăng thượng mạn trong Phật Pháp.

VĂN KINH

Bấy giờ có những La sát nữ: một, tên Lam bà; hai, tên Tỳ lam bà; ba, tên Khúc xỉ; bốn, tên Hoa xỉ; năm, tên Hắc xỉ; sáu, tên Đa phát; bảy, tên Vô yếm túc; tám, tên Trì anh lạc; chín, tên Cao đế; mười, tên Đoạt nhất thiết chúng sanh tinh khí. Mười vị La sát nữ đó cùng với quỷ Tử mẫu, con và quyến thuộc đều đến chỗ Phật, đồng tiếng bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng muốn ủng hộ người đọc tụng thọ trì Kinh Pháp Hoa, trừ sự khổ hoạn cho người đó. Nếu có kẻ rình tìm chỗ dở của Pháp sư thì làm cho chẳng được tiện lợi. Liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

Y đề lý, y đề dẫn, y đề lý, a đề lý, y đề lý, nê lý, nê lý, nê lý, nê lý, lâu hê, lâu hê, lâu hê, lâu hê, đa hê, đa hê, đa hê, đầu hê, nâu hê.

Thà trèo lên đầu chúng con, chớ đừng nào hại Pháp sư, hoặc Dạ xoa, hoặc La sát, hoặc Nga quỷ hoặc Phú đàn na, hoặc Kiết giá hoặc Tỳ đà la, hoặc Kiền đà hoặc Ô ma lạc đà, hoặc A bạt ma la, hoặc Dạ xoa kiết giá, hoặc Nhân kiết giá, hoặc quỷ làm bệnh nóng, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc đến bảy ngày, hoặc làm bệnh nóng luôn, hoặc hình trai, hoặc hình gái, hoặc hình đồng nam, hoặc hình đồng nữ, nhần đến trong chiêm bao cũng lại chớ nào hại.

Ở Ấn độ cây A lê rất cao, nhánh rụng từ trên cao xuống vỡ nát liền. Cho nên người nào chống lại Mật chú này để làm nào hại người trì tụng Kinh Pháp Hoa, là đầu vỡ nát như nhánh cây A lê.

Mỗi khi chúng ta tu tập, phá được một tầng vọng thức của mình là chúng ta tiếp nhận cảnh giới mới, có một tầng hộ vệ mới. Tâm linh chúng ta càng cao thì các vị hộ vệ bên sau chúng ta càng cao.

Cho tới Đức Phật thì trong Tam giới này không ai hơn, Đức Phật có bốn vị đại thần Kim Cang hộ vệ và rất đông chúng thần Kim Cang hộ vệ, có bốn vị đại Hộ pháp hộ vệ cùng với chúng Hộ pháp hộ vệ.

Còn người trì Kinh Pháp Hoa được chư Phật hộ niệm, chư Bồ Tát gia trì, các Long Thiên Hộ Pháp hộ vệ và đến đây thì có các vị nữ La sát cùng quyến thuộc của mình đến đánh lễ Phật và phát nguyện ủng hộ người thọ trì Kinh Pháp Hoa, chúng La sát nói thân chú của mình để làm cho các vị thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa thoát khỏi khổ nạn và không ai có thể tìm thấy chỗ đỡ của Pháp sư đó.

VĂN KINH

Liên ở nơi trước Phật mà nói kệ rằng:

Nếu chẳng thuận chú ta

Não loạn người nói Pháp

Đầu vỡ làm bảy phần

Như nhánh cây A lê.

Như tội giết cha mẹ

Cũng như họa ép dầu

Cân lường khi dối người

Tội Điều Đạt phá Tăng

Kẻ phạm Pháp Sư đây

Sẽ mắc họa như thế.

Những La sát nữ nói kệ đó rồi, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ tự mình ủng hộ người thọ trì

đọc tụng tu hành Kinh này, làm cho được an ổn, lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

Trong đoạn Kinh trên nói những người xúc phạm đến vị nói Kinh Pháp Hoa thì bị vỡ đầu làm bảy mảnh, thân xác bị bỏ vào cối xay nghiền ép cho tan rã như hạt mè bỏ trong bọng dầu ép cho ra nước. Tội ép dầu nặng như tội giết cha giết mẹ. Cân lường dối người cũng là tội rất nặng, cũng nặng như tội phá hòa hợp Tăng. Người phạm tới các vị Pháp sư thì tội nặng giống như các tội trên nên đầu vỡ làm bảy mảnh. Các vị La Sát cũng có năng lực ủng hộ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa và làm cho người đó được yên ổn, lìa các sự khổ hoạn, tiêu các thuốc độc.

VĂN KINH

Phật bảo các La sát nữ: Hay thay! Hay thay! Các người chỉ có thể ủng hộ người thọ trì tên Kinh Pháp Hoa phước chẳng thể lường được rồi, huống là ủng hộ người thọ trì toàn bộ cúng dường quyền Kinh, hoa hương, chuỗi ngọc, hương bột, hương xoa, hương đốt, phan, lọng, kỹ nhạc, thấp các thứ đèn: Đèn nến, đèn dầu, các thứ đèn dầu thơm, đèn dầu hoa tô na ma, đèn dầu hoa chiêm bặc, đèn dầu hoa bà sư ca, đèn dầu hoa ưu bát la, nghìn trăm thứ cúng dường như thế.

Cao Đê! Các người cùng quyền thuộc phải nên ủng hộ những Pháp sư như thế.

Lúc nói phẩm Đà la ni này, có sáu muôn tám nghìn người được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Kết thúc phẩm Đà La Ni, chúng ta thấy từ đầu cho tới đây chỉ toàn các vị đọc chân ngôn thần chú để ủng hộ Kinh

Pháp Hoa, chứ chúng ta không thấy gì khác. Nhưng ngầm ý là phá Hành ấm.

Người tu có công phu thiền định sâu thì họ thấy trong tâm mình cuộn cuộn những ý niệm rõ ràng, nhưng không phải thiền định sâu thì thấy trong đó trống rỗng, không có gì. Trừ trường hợp chúng ta phá hết Hành ấm rồi thì mới thấy trống rỗng. Còn chúng ta chỉ mới phá vỡ Tướng ấm thì những ý niệm thô vừa thấy rỗng và yên chúng ta dễ bị làm.

Trí tuệ chúng ta rất cạn mỏng, không thấy được cái nguồn vô tận của Hành ấm đang vận hành trong tâm chúng ta. Những người định sâu mới thấy nổi Hành ấm, mới phá vỡ Hành ấm, nếu không chúng ta khó thấy nổi Hành ấm là cái gì. Nói đến Hành ấm chưa chắc một người tu bình thường hiểu nổi chứ đừng nói là phá vỡ.

Chúng ta không vượt qua Hành ấm thì không thể thấy sâu hơn nữa trong công phu thiền định, cũng như không chúng được quả vị cao trong Phật Pháp. Tất cả những sanh tử luân hồi, tất cả những chấp trước, tất cả những cư xử hành động giữa dòng đời này đều xuất phát từ Hành ấm, Tướng ấm không làm được, Tướng ấm bị sự chi phối của Hành ấm.

Ví dụ, chúng ta quyết đi bộ hai tiếng đồng hồ ngoài nắng, đó là chuyện của Hành ấm. Hành ấm có khả năng phát sanh năng lực thần thông đủ mọi thứ trong đời sống này. Hành ấm là nguồn vô tận để có thể làm tất cả những chuyện trong Tam giới này. Do đó, muốn phá nguồn cội của Hành ấm không đơn giản. Ở đây chỉ nói những câu chân ngôn thần chú để tẩy trừ cái trược tâm của tận nguồn Hành ấm, chứ không nói Pháp khác để dụng công. Nếu chúng ta

thấy bằng cái thấy biết Phật, tức là Tri Kiến Phật đã soi thấu tận nguồn cội sanh khởi của Hành âm thì Hành âm liền được hóa tán thành không. Đó là cái nhìn theo hiền giáo của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Có những bài chân ngôn mật chú cũng tẩy rửa tâm thức chúng ta, nhưng phải có duyên gặp Chân sư, nếu không là chúng ta không làm được điều này. Đây là điều rất khó tu. Tới đây rồi mình mới thấy đường tu của mình còn xa diệu vợi. Đòi này mình chưa dàn xếp nổi một Tướng âm. Tướng âm còn dày đặc. Mà Tướng âm chỉ là những cái hòn bọt nổi ở trên, còn Hành âm là nguyên đại dương cuộn cuộn như thế thì làm sao chúng ta làm khô kiệt được? Làm sao chúng ta phá vỡ được?

Có những người biểu diễn đi trên lửa là họ vận dụng công phu để họ tắt mất Tướng âm. Chúng ta đi trên lửa mà không có ý tưởng thì không bị phỏng còn có ý tưởng là bị phỏng. Cái tướng nó mới làm chúng ta đau đớn, cái tướng nó mới gây bệnh hoạn, cái tướng mới làm chúng ta đau khổ. Tắt mất cái tướng là chúng ta vượt qua những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống này.

Cái buồn thương giận ghét, cái khổ đau nó chỉ nằm ở phần tướng, nằm phần ngoài hết sức mong manh của tâm thức. Chúng ta tưởng tượng như nhìn xuống biển, thấy có một lớp màng nổi lên trên đó là cái tướng, nó che chắn phần chìm ở bên dưới. Còn Hành âm nó sâu tận bên dưới, dày đặc, mênh mông và rất khó phá vỡ với một người tu bình thường.

Chúng ta không đủ trí lực phá Hành âm. Một người trong một đời tu tập, công phu giỏi lắm chỉ phá được Tướng âm là

nhieu. Khi xong Tưởng âm chúng ta thấy tâm chúng ta được an lạc, chúng ta tưởng mình ngộ đạo rồi. Lúc mình ngồi được định một hai tiếng đồng hồ, không có ý tưởng lằng xằng mình tưởng là xong chuyện, nhưng đó chỉ là phá vỡ bên màng ngoài Tưởng âm chưa đi tới tầng sâu của Hành âm.

Người phá vỡ được Hành âm là người đủ thần thông, chưa phá vỡ Hành âm là chưa có thần thông phép màu trong cõi này. Khi phá vỡ được Hành âm, họ muốn làm gì trong trần gian này là làm được hết. Họ muốn biến mất thân này, muốn biến mất cõi giới này là trong phút chốc biến được. Ai có công phu tốt thì nên khiêm tốn lại, biết lúc chúng ta được yên là cái Tưởng âm nó tạm thời được lắng dịu, chứ chưa chắc phá vỡ được Tưởng âm.

Ví dụ chúng ta chỉ gạt được lớp màng nổi trên biển, chúng ta tự thấy được một miếng nước trong hiện ra vậy thôi, chỉ chùng đó thôi, rồi lớp màng đó lấp trở lại. Khi nào một tay chúng ta hót một cái cạn luôn cái biển thì chùng đó mới gọi là phá Hành âm.

Trong công phu chúng ta phải biết, càng học những bản Kinh chuyên môn chùng nào chúng ta càng biết vị trí đứng của mình chùng đó. Nhiều khi chúng ta tu tưởng tượng mình ngồi thiền được định tưởng là mình ngon, nhưng không phải, chỉ mới vệt cái Tưởng âm cho trống. Như mương bèo chúng ta lấy tay đùa cho nó trống thấy nước, rồi nó cũng lấp trở lại. Nên biết như vậy mà khiêm tốn tu tập.

Khi phá Tưởng âm là ý niệm buồn thương giận ghét hết, đời này không khởi lại ý niệm đó nữa, đi đứng nằm ngồi tâm chúng ta hoàn toàn không có hình bóng và âm thanh. Ví

dụ ngồi đây chúng ta nhớ anh hai, chị ba thì khuôn mặt người đó hiện ra, mình nhớ cái núi nào thì hình cái núi đó hiện ra, mình nhớ thành phố nào thì hình thành phố đó hiện ra. Đó gọi là hình bóng.

Chúng ta nhớ âm thanh, lời nói của người này vui, nhớ lời nói người kia mình thích thì tự động âm thanh đó vang động trong tâm chúng ta. Hình bóng và âm thanh là biểu hiện của Tướng ấm. Lúc nào chúng ta ngồi lại, chúng ta nhớ hình bóng này, chúng ta nhớ âm thanh kia thì lúc đó Tướng chúng ta còn hoạt động mạnh. Cho nên người tu tập tốt là sạch đi hình bóng và âm thanh này. Còn không chúng ta chỉ trống một chút rồi nó trở lại. Người còn hình bóng, âm thanh hiện ra ở trong tâm thì người đó chưa phá sạch Tướng ấm. Phá sạch Tướng ấm thì có chút xiu năng lực biết quá khứ, biết vị lai. Phá Tướng ấm là lên được một cấp. Phá được một tầng vọng thức là chúng ta tăng một đẳng cấp tâm linh.

Chúng ta quyết tâm phá vỡ được thân ngũ uẩn này, chứ chúng ta không đi nửa đường. Học để chúng ta hiểu cái khó trước mặt chúng ta. Đó là một thách thức cho cuộc đời tu của chính mình. Nhưng không phải mình thấy nó khó quá mình rút lui. Khó cỡ nào mình cũng quyết tâm phá vỡ. Một người tu theo đạo Phật phải thấy như vậy, phải có tâm huyết này, phải vượt qua Hành ấm.

Thật sự chưa có mấy người thấy được Hành ấm. Thấy được Hành ấm khó lắm chứ không phải dễ. Nói thì nói như vậy để chúng ta có cái khái niệm, chứ thấy không dễ hướng chi là phá. Những bậc đại căn đại cơ do có nhiều đời họ phá vỡ rồi, đời này họ sống trở lại cho nên khi bắt đầu vào thiền định họ phá nhẹ nhàng sạch luôn Thức ấm. Còn chúng ta từ

xưa tới giờ chưa có tới chỗ này, hoặc một vài đời trước chúng ta đã phá vỡ Tướng âm thì đời này phá Tướng âm rất nhẹ, nhưng tới Hành âm chúng ta gặp khó khăn không dễ vượt qua.

Nếu nhiều đời chúng ta phá được Tướng âm thì đời này chúng ta thấy được Hành âm. Chúng ta dụng công cho tới khi tâm mình yên thì mình sẽ thấy chiều sâu của tâm thức lộn cộn lẫn tẩn mà chưa thành hình gì thì cái dòng chảy đó là Hành âm. Mà không đơn giản, nó cuộn cuộn chứ không phải từng ý niệm thừa thớt, mình không biết cái gì trong đó. Nó cuộn cuộn như biển nước đang vận hành không tạm dừng.

Khi Hành giả đã phá được Tướng âm rồi thì tâm đã yên ổn thanh tịnh và an lạc, những cái buồn, thương, giận, ghét, những ý niệm so sánh phân biệt đều vắng bóng. Khi ấy Hành giả tiếp tục lắng sâu trong thiền định để những ý tưởng buồn, thương, giận, ghét không còn trở dậy.

Vì khi Tướng âm lắng đọng in tuồng như chúng ta đã đạt được định vì lúc đó không còn bóng dáng ý tưởng nào, tâm chúng ta được rỗng rang thanh tịnh, nếu chúng ta không gìn giữ công phu thiền định để bảo nhiệm sự thanh tịnh này thì Hành âm sẽ làm sống Tướng âm trở lại, vì Hành âm là cội nguồn để sanh tất cả những ý tưởng, để dẫn dắt chúng ta đi vào sanh tử tiếp nối, do vậy mà chúng ta phải quyết liệt công phu để có được công lực thật lớn mới đủ sức phá vỡ Hành âm.

Khi được một vài lần yên nhưng nhìn sâu vào bên trong vẫn còn thấy Hành âm vận hành cuộn cuộn hằng hà sa số động niệm, các động niệm tương tục, những động niệm đó

chưa thành ý niệm, chưa thành hình tướng rõ ràng trong tâm. Hành giả tiếp tục công phu, càng lúc càng thấy rõ từng sát na động niệm của Hành âm, tiếp tục công phu nữa thì chúng ta thấy tới tận nguồn của Hành âm. Khi Hành giả đủ năng lực thiền định, đủ trí tuệ để thấy được tận nguồn của Hành âm thì khi ấy Hành âm tan biến và hòa trong Tự Tánh thanh tịnh, được gọi là công phu phá Hành âm, chứ không có bất kỳ công phu nào phá Hành âm.

* * *

PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ” THỨ HAI MƯƠI BẢY

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, Phật bảo hàng đại chúng rằng: Về thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên bất khả tư nghì A tăng kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Nước đó tên Quang Minh Trang Nghiêm, kiếp tên Hỷ Kiến.

Trong Pháp hội của Phật đó có vị vua tên Diêu Trang Nghiêm, phu nhân của vua tên Tịnh Đức có hai người con, một tên Tịnh Tạng, hai tên Tịnh Nhân. Hai người con đó có sức thần thông lớn, phước đức trí huệ, từ lâu tu tập đạo hạnh của Bồ Tát, những là: Thí ba la mật, giới ba la mật, nhẫn nhục ba la mật, tinh tấn ba la mật, thiên định ba la mật, trí huệ ba la mật, phương tiện ba la mật, từ bi hỷ xả, nhẫn đến Ba Mười Bảy Phẩm Trợ Đạo Pháp thấy đều rành rẽ suốt thấu.

Lại được các môn Tam muội của Bồ Tát: Nhật tinh tú tam muội, Tịnh quang tam muội, Tịnh sắc tam muội, Tịnh chiếu minh tam muội, Trường trang nghiêm tam muội, Đại oai đức tạng tam muội, ở nơi các môn Tam muội này cũng đều thấu suốt.

Lúc đó, Đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua Diêu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sanh nên nói Kinh Pháp Hoa này.

Bấy giờ, Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn, hai người con đến chỗ của mẹ chấp tay thưa mẹ rằng: Mong mẹ đến nơi chỗ Đức Phật Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí, chúng con cũng sẽ theo hầu gần gũi cúng dường lễ lạy.

Vì sao? Vì Đức Phật đó ở trong tất cả chúng Trời người mà nói Kinh Pháp Hoa, nên phải nghe và tin nhận.

Mẹ bảo con rằng: Cha con tin theo ngoại đạo, rất ham pháp Bà la môn, các con nên qua thưa với cha để cùng nhau đồng đi.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn chấp tay thưa mẹ: Chúng con là Pháp vương tử mà lại sanh vào nhà tà kiến này!

Mẹ bảo con rằng: Các con nên thương tưởng cha các con, mà vì đó hiển phép thần thông biến hóa, nếu cha con được thấy lòng ắt thanh tịnh, hoặc là chịu cho chúng ta qua đến chỗ Phật.

Phẩm này phá Thức âm, nhưng không đơn giản như Thức âm bình thường mà tận nguồn Thức âm tới A Lại Da thức. Đức Phật kể về thuở xưa, cách đây vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ A tăng kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu là Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Như Lai. Trong Pháp hội của Phật đó có vị vua tên Diệu Trang Nghiêm, phu nhân của vua tên Tịnh Đức có hai người con, một tên Tịnh Tạng, hai tên Tịnh Nhãn. Lúc đó, Đức Phật kia vì muốn dẫn dắt vua Diệu Trang Nghiêm cùng thương tưởng hàng chúng sanh nên nói Kinh Pháp Hoa.

Trong Bát thức tâm vương, vua Diệu Trang Nghiêm là Thức thứ tám (A Lại Da thức). Phu nhân là Thức thứ bảy

(Mạt Na Thức). Tịnh Tạng là Thức thứ sáu (Ý Thức). Tịnh Nhãn là Năm thức trước: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức (Tiền ngũ thức).

Ở đây diễn tả khi chư Phật ra đời thì hai người con phát tâm tu tập trước, mà vua Diệu Trang Nghiêm lại tin tà kiến chưa tin được Chánh Pháp. Khi chúng ta phát tâm tu hành thì nguyên cái kho A Lại Da thức đã dung chứa tất cả những chủng tử nghiệp thức chưa được chuyển hóa. Lúc đó Thức thứ sáu bắt đầu hoạt dụng làm việc. Tức là lúc chúng ta tu là tu Thức thứ sáu. Chúng ta nhận biết đúng Chánh Pháp, chúng ta tu hành đúng Chánh Pháp. Và Tiền ngũ thức điều động đi kè kè với Thức thứ sáu này. Mắt chúng ta thấy sắc không cho dính sắc, tai nghe âm thanh không cho dính âm thanh, mũi ngửi mùi không cho dính mùi, lưỡi nếm vị không cho dính vị.

Lúc đó Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn đã tu, nhưng A Lại Da thức vẫn còn đó chưa được chuyển hóa, do vậy A Lại Da thức vẫn còn tin theo tà kiến, tức là vua Diệu Trang Nghiêm.

Khi muốn chuyển hóa để biến Thức thứ tám A Lại Da thức trở thành Đại Viên Cảnh Trí, từ Thức biến thành Trí thì phải có quá trình tu tập. Như vậy từ cái khởi đầu là Thức thứ sáu tu, tức là Ý thức phân biệt chúng ta nhận đúng Chánh Pháp, chúng ta bắt đầu khởi công phu, chúng ta tu đúng với Chánh Pháp đến giai đoạn thuần thục thì mới chuyển được A Lại Da thức, chứ còn tu bình thường thì biết bao nhiêu chủng tử nghiệp thức vẫn còn nguyên trong đó.

Chúng ta tu mà không chuyển được A Lại Da thức thì chủng tử nghiệp thức vẫn còn tiếp nối. Bao nhiêu cái dung

chứa từ trước tới giờ buồn, thương, giận ghét, hận thù đầy ắp trong tâm chúng ta không hết được, mà nó lại là vua. Tức là người làm chủ cuộc sanh tử, gom chứa hết tất cả chủng tử nghiệp thức, thiện ác có đủ hết, cho nên lúc này A Lại Da thức chưa được chuyển hóa hoàn toàn. Vì vậy muốn cho A Lại Da thức quay trở lại với chuyện tu tập, muốn được chuyển hóa A Lại Da thức để biến thành Trí thì không đơn giản.

Còn Mạt Na Thức là Thức thứ bảy nó không còn tác dụng gì mạnh mẽ lắm, nhưng nó là cái chấp Ngã âm thầm của chúng ta. Ví dụ mình không làm cái gì, nhưng mình ngẫm ngẫm mình cũng thấy rõ là mình không giống ai, mình không giống người này, mình không giống người kia, mình luôn luôn thấy mình khác người ta. Tức là cái dụng lập ngã chấp đầu tiên, nó là Ý căn, mà nó còn trách nhiệm là mắt chúng ta vừa thấy một chuyện dù chúng ta chưa có buồn thương giận ghét, nhưng nó là hiện tượng của Ý căn, nó bỏ trong Tàng thức. Thức thứ bảy có trách nhiệm đó và khi chúng ta nghe chuyện giống giống thì tự động trong Tàng thức bắt đầu moi ra nó so sánh: Cái này hôm trước tôi nghe rồi, nghe ông thầy này giảng giống ông thầy trước. Sau lần so sánh đó, chúng ta tiếp tục huân thành chủng tử, huân thành chủng tử gặp chuyện khởi thành hiện hạnh. Chúng ta cứ liên tục như thế. Thì người đem vô, đem ra đó là Thức thứ bảy, Mạt Na Thức.

Cho nên chúng ta thấy, vừa chớp mắt là chúng ta huân thành hàng loạt chủng tử. Và cũng vừa chớp mắt một cái là hàng loạt chủng tử khởi thành hiện hạnh, khiến cho dòng sanh tử luân hồi này luôn được tiếp nối không dừng lại.

Khởi đầu Đức Phật giới thiệu có vua Diệu Trang Nghiêm, rồi có Tịnh Tạng, Tịnh Nhân và phu nhân Tịnh Đức. Tức là Đức Phật giới thiệu Bát thức tâm vương cho chúng ta thấy. Và Đức Phật cũng khẳng định cái Hàm Tàng Thức là cái chưa có nhận điều gì đúng. Giống như Thầy trò Tam Tạng đi thỉnh Kinh, chỉ có Tề Thiên mới thấy ra đúng, sai, hay, dở. Còn Tam Tạng thì cứ ò ạch ra đó, ai nói cũng nghe, Bát Giới nói cũng nghe, Sa Tăng nói cũng nghe, ma quỷ nói cũng nghe luôn, cái gì cũng có thể gom chứa hết. Chỉ có Tề Thiên mới đủ sức nhận định là đúng, là sai, là hay, là dở, là chân, là ngụy, là tà, là chánh trên đường thỉnh Kinh mà thôi.

Ở đây Kinh Pháp Hoa gọi lên một Hành giả dụng công đắc lực thì Thức này bắt đầu hoạt dụng mãnh liệt để chuyển được Hàm Tàng Thức của chúng ta. Tức là A Lại Da thức này từ trước tới giờ chưa được chuyển toàn triệt. Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn đã thành không thì Thức uẩn cũng liền biến thành không, mà tận nguồn của thức âm là A Lại Da thức là vua Diệu Trang Nghiêm chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí.

VĂN KINH

Lúc ấy, hai người con thương cha nên bay lên hư không cao bằng bảy cây đa la, hiện các món thần biến. Ở trong hư không đi, đứng, ngồi, nằm, trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, dưới thân ra nước, trên thân ra lửa, hoặc hiện thân lớn đầy trong hư không rồi lại hiện nhỏ, nhỏ lại hiện lớn, ở trong hư không ẩn mất, bỗng nhiên hiện trên đất vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất, hiện các món thần biến như thế làm cho vua cha lòng thanh tịnh tin hiểu.

Bấy giờ, cha thấy con có sức thần như thế, lòng rất vui mừng được chưa từng có, chấp tay hướng về phía con mà nói rằng: Thầy các con là ai, con là đệ tử của ai?

Hai người con thưa rằng: Đại vương! Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kia nay đang ngồi trên pháp tòa dưới cây bồ đề bằng bảy báu, ở trong tất cả chúng Trời người thế gian, rộng nói Kinh Pháp Hoa, đó là thầy chúng con, con là đệ tử.

Cha nói với con rằng: Ta nay cũng muốn ra mắt thầy các con, nên cùng nhau đồng đi. Khi đó hai người con từ trong hư không xuống, đến chỗ của mẹ chấp tay thưa mẹ rằng: Phụ vương nay đã tin hiểu, có thể kham phát được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chúng con đã vì cha làm Phật sự rồi, mong mẹ bằng lòng cho chúng con, ở nơi chỗ Đức Phật kia mà xuất gia tu hành Phật đạo.

Lúc đó, hai người con muốn tuyên lại ý mình nói kệ thưa mẹ:

Mong mẹ cho các con
 Xuất gia làm Sa môn
 Các Phật rất khó gặp
 Chúng con theo Phật học
 Như hoa Ưu đàm bát
 Gặp Phật lại khó hơn
 Khỏi các nạn cũng khó
 Mong cho con xuất gia.

Mẹ liền bảo con rằng: Cho các con xuất gia. Vì sao? Vì Phật khó gặp vậy.

Chúng ta tu cho đến lúc tác động được Tầng thức thì là công phu sâu dày. Chúng ta đã từng ngồi thiền, chúng ta đã từng nhập định nhưng chúng ta vẫn còn nguyên chưa có chuyển, chưa có nhúc nhích gì đến Tầng thức hết. Cho nên giai đoạn cuối cùng của một Hành giả tu tập là vận tất cả những thần lực của mình để chuyển hóa Hàm Tầng Thức này. Cuối Kinh Pháp Hoa mới chuyển thức thành trí, là có liên quan đến Duy Thức Học.

Từ lúc chúng ta bắt đầu khởi tu theo đạo Phật, chúng ta tu đủ tất cả các Pháp, chúng ta làm đủ tất cả các hạnh, nhưng mình vẫn còn nguyên đó không có thay đổi gì. Có khi mình cũng yên yên lắm ai nói gì mình cũng bỏ qua được, có khi tâm chúng ta vui vẻ là lúc đó tâm thức chúng ta luôn luôn dao động thay đổi, đến lúc tâm chúng ta hoàn toàn yên và đạt đến thiền định rất sâu thì mới có khả năng tác động chuyển thức thành trí, khi mà thức đã chuyển thành trí rồi thì cuộc đời chúng ta mở bước ngoặt mới.

Như vậy muốn vận dụng tất cả những năng lực tu hành của mình để chuyển cái Tầng thức theo chiều của Ý thức thì không phải chuyện đơn giản, phải nói là rất dày công phu. Chúng ta tọa thiền, chúng ta nhập định, chúng ta sử dụng tất cả những gì vốn có của chính mình trong đời này thì mới động tới cái Tầng thức.

Sáu thức chỉ là những ý niệm nhỏ nhen mong manh ở bên ngoài, còn A Lại Da thức là kho chứa vô tận vô biên ở bên trong. Giống như những ngọn sóng ngoài biển chỉ là những cái động nổi trên mặt biển thôi, chứ không tác động sâu dưới đáy biển được, khi nào công phu thiền định của chúng ta đủ lực tác động và chuyển hóa được Tầng thức giống như cơn dư chấn tác động được tới đáy biển.

Điều này diễn tả trải qua một thời gian dài, một Hành giả đã chuyển được cái thân Sắc âm, Thọ âm, Tưởng âm, Hành âm rồi, bây giờ tới Thức âm. Thức âm mà tới A Lại Da thức chứ không phải Thức âm bình thường nữa. Như vậy Hành giả muốn chuyển hướng toàn bộ nguồn tâm thức của chúng ta đi đến cảnh giới giác ngộ thì không phải là việc đơn giản. Chúng ta tu, chúng ta vận dụng tất cả năng lực công phu vốn có của mình thì mới chuyển động được.

Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn xin phu nhân Tịnh Đức được xuất gia.

Khi chúng ta thấy căn xúc chạm trần cảnh mà không còn có động niệm Ý thức phân biệt nữa, lục căn hoàn toàn thanh tịnh thì mới đủ sức chuyển Tàng thức. Cho nên lúc này chúng ta còn phân biệt sắc, còn phân biệt âm thanh, còn phân biệt mùi, còn phân biệt vị, còn phân biệt nơi xúc chạm và còn phân biệt nơi pháp trần thì không chuyển được Tàng thức.

Khi Hành giả dụng công miên mật, trải qua những ngày tháng tinh tấn tu hành không lười mỏi, đến khi căn không dính với trần và thức không so sánh phân biệt. Đến khi ấy căn, trần, thức thật sự thanh tịnh, không còn vướng mắc với nhau nữa, tức là Hành giả đã thoát ra khỏi mười tám giới, khi ấy mới đúng nghĩa là xuất gia (xuất Tam giới gia).

Ở đây, Vua Diệu Trang nghiêm đã chấp nhận đi đến gặp Phật, có nghĩa là A Lại Da thức đã được tác động để quay về cái nguồn cội giác ngộ và đồng thời lúc ấy bà mẹ đã chấp nhận cho con xuất gia, là căn, trần, thức đã hoàn toàn không còn dính nhiễm nữa. Lúc ấy lục căn tiếp xúc lục trần không huân thành chủng tử, sáu thức đã hoàn toàn thanh tịnh và

khi sáu thức thanh tịnh rồi mới đủ sức tác động đến tàng thức. Vì vậy mà vua cha và hoàng hậu cùng theo hai người con đi đến chỗ Phật. Có nghĩa lúc này Bát thức tâm vương đồng thời quay trở về nguồn cội thanh tịnh giác ngộ của chính mình.

Lục căn thanh tịnh tuyệt đối rồi thì mới gọi là xuất gia. Ý thức và tiền ngũ thức bắt đầu xuất gia. Khi con xuất gia rồi thì cha và mẹ đi theo. Là A Lại Da thức và Mạt Na Thức bắt đầu chuyển hướng trở về thanh tịnh, tức là đi đến chỗ Phật, là quay trở về nguồn cội thanh tịnh giác ngộ tuyệt đối của chính mình. Căn, trần, thức thanh tịnh rồi thì chuyển cả Hàm Tàng thức và Mạt Na thức của chúng ta. Con đã được mẹ chấp nhận cho xuất gia, là lục thức của chúng ta không dính mắc lục trần, lúc đó bắt đầu chuyển hóa người mẹ và cha mình đi theo.

VĂN KINH

Bấy giờ, hai người con thưa cha mẹ rằng: Lành thay, cha mẹ! Xin liền qua đến chỗ Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật để gần gũi cúng dường.

Vì sao? Vì Phật khó gặp được, như hoa Linh Thoại, như rùa một mắt gặp bông cây nổi mà chúng ta do phước đời trước sâu dày, sanh đời này gặp Phật Pháp, xin cha mẹ nên cho chúng con được xuất gia.

Vì sao? Vì các Đức Phật khó gặp được, thời kỳ gặp Phật cũng khó có.

Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn nghìn người thấy đều có thể kham thọ trì Kinh Pháp Hoa này. Tịnh Nhãn Bồ Tát từ lâu đã thông

đạt nơi Pháp Hoa tam muội. Tịnh Tạng Bồ Tát đã từ vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, thông đạt môn Ly chư ác thú tam muội, vì muốn làm cho tất cả chúng sanh lia các đường dữ vậy.

Phu nhân của vua được môn chư Phật Tập tam muội, hay biết được tạng Pháp bí mật của các Đức Phật. Hai người con dùng sức phương tiện khéo hóa độ vua cha như thế, khiến cho lòng Cha tin hiểu ưa mến Phật Pháp.

Lúc này Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn xin vua cha được xuất gia. Lúc đó nơi hậu cung của vua Diệu Trang Nghiêm có tám muôn bốn nghìn người thầy đều có thể kham thọ trì Kinh Pháp Hoa.

Khi chuẩn bị đi về chỗ Phật, là quay trở về nguồn cội giác ngộ của chính mình. Tức là khi chúng ta công phu tu tập là sáu thức trước huân tập chủng tử giác ngộ giải thoát, là những cái thấy hiểu, những kiến thức bây giờ là những cái thấy biết giác ngộ nơi mỗi thức khi tiếp duyên xúc cảnh liền huân thành chủng tử giác ngộ giải thoát nơi tâm của mình, là trở thành những quyến thuộc của vua Diệu Trang Nghiêm.

Khi chúng ta huân tập chuyện ác thì nó cũng rớt vào trong Tàng thức, huân tập điều thiện cũng rớt vào trong Tàng thức. Do vậy mà vua Diệu Trang Nghiêm chưa được chuyển hóa hoàn toàn, nên trong đó có thiện và vẫn còn tà kiến mà lại có tám muôn bốn nghìn người thầy đều có thể kham thọ trì Kinh Pháp Hoa. Tức là trong chủng tử nghiệp thức chúng ta đã vốn có chủng tử giác ngộ bên trong rồi, hơn tám muôn bốn nghìn chớ không phải là không có. Vì sao? Vì ý thức đã tu tập, bản thân Tịnh Nhãn Bồ Tát từ lâu

đã thông đạt nơi “Pháp Hoa Tam Muội”, là cái định của Diệu Pháp Liên Hoa, là Phật định, là Tri Kiến Phật.

Ngài Tịnh Tạng Bồ Tát đã từ vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, thông đạt môn “Ly Chư Ác Thú Tam Muội”. Tức là nơi Ý thức chúng ta từ lâu đã tu tập đạt định không còn dính tới nghiệp ác nữa, không còn nghĩ tới việc ác nữa, không còn phân biệt, không còn làm nghiệp ác nữa, đạt tới định “Ly Chư Ác Thú Tam Muội”. Và nơi Ngũ căn chúng ta đã thấy bằng Tri Kiến Phật, đã nghe bằng Tri Kiến Phật, đã ngửi bằng Tri Kiến Phật, đã nếm bằng Tri Kiến Phật, đã xúc chạm bằng Tri Kiến Phật, do đó mới gọi là Tịnh Nhãn. Nghĩa là đã tịnh được Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân căn và đã nhập trong Pháp Hoa tâm. Tất cả những ác thú trong trần gian này không còn mảy may khởi lên để phân biệt. Thức thứ sáu hoàn toàn không hoạt động theo con đường ác từ lâu rồi và đã đạt được định mà không có móng niệm ác nào dấy khởi trong tâm thức. Do vậy mới có thể quay trở về với nguồn cội thanh tịnh giác ngộ của chính mình.

Và phu nhân của vua được môn “Chư Phật Tập Tam Muội”, hay biết được tạng Pháp bí mật của các Đức Phật. Tức là trước khi lục thức thanh tịnh thì những thấy nghe ngửi nếm và ý thức so sánh phân biệt là thức thứ bảy (Mạt Na thức) huân thành chủng tử và khi căn trần tiếp xúc nhau thì chủng tử khởi thành hiện hạnh để ý thức phân biệt so sánh tiếp tục huân thành chủng tử v.v...

Khi Hành giả tu tập mà căn, trần, thức được thanh tịnh và giác ngộ thì cái thấy, nghe, hay, biết hiện tiền là giác ngộ là Phật, nên Mạt Na thức không còn huân thành chủng tử nữa, Mạt na thức cũng không còn khởi thành hiện hạnh nữa, đó chính là định “Chư Phật Tập Tam Muội”. Tức là được cái

định sáng suốt giác ngộ hoàn toàn của chư Phật. Trí tuệ sáng suốt của chư Phật đã đạt được định đó rồi là Mạt Na thức cũng đã đạt tới chỗ thanh tịnh sáng suốt, chỉ còn A Lại Da thức là cái sau cùng.

Trong chúng tử nghiệp thức chúng ta có tám muôn bốn nghìn người thấy đều có thể kham thọ trì Kinh Pháp Hoa. Tức là trong chúng tử nghiệp thức chúng ta đã tràn ngập cái thấy biết Phật rồi nhưng chưa chuyển hết. Mặc dù chúng tử nghiệp thức đã tràn ngập Phật Tri Kiến, trong đó do Ý thức huân tập, do Tiền ngũ thức huân tập. Như vậy từ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý thức và Mạt Na thức đồng quay trở lại nguồn cội để hóa tán những cù cặn nghiệp tập còn sót đọng trong A Lại Da thức .

Một người muốn đạt sự giác ngộ tuyệt đối thì căn, trần và thức phải hoàn toàn thanh tịnh. Tịnh Tạng cũng đã nhập định Ly Chư Ác Thú Tam Muội là tất cả cái ác trần gian. Tịnh Nhãn cũng nhập Pháp Hoa Tam Muội; nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân đã nhập trong cảnh giới Phật. Mạt Na Thức là thức thứ bảy cũng nhập được định Chư Phật Tập Tam Muội. Như vậy bảy thức đã xong, đã thanh tịnh hoàn toàn thì chỉ còn thức thứ tám là chưa chuyển thành Bạch Tịnh Thức.

VĂN KINH

Bảy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng chung với quần thần quyền thuộc, Tịnh Đức phu nhân cùng chung với thể nữ quyền thuộc nơi hậu cung, hai người con của vua cùng chung với bốn muôn hai nghìn người, đồng một lúc đi qua chỗ Phật. Đến rồi đầu mặt lạy chân Phật, đi quanh Phật ba vòng, rồi đứng qua một phía.

Lúc đó, Đức Phật kia vì vua nói Pháp, chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng. Vua rất vui đẹp.

Bấy giờ, vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân mở chuỗi trân châu giá trị trăm nghìn đeo nơi cổ, để rải trên Đức Phật, chuỗi đó ở giữa hư không hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có giường báu lớn trải trăm nghìn muôn thiên y, trên đó có Đức Phật ngồi xếp bằng phóng hào quang sáng lớn.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm nghĩ rằng: Thân Phật tốt đẹp riêng lạ ít có, thành tựu sắc thân vi diệu thứ nhất.

Bấy giờ, Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo bốn chúng rằng: Các người thấy vua Diệu Trang Nghiêm chấp tay đứng trước Ta đó chăng?

Vị vua này ở trong Pháp Ta làm Tỳ kheo siêng ròng tu tập các món trợ Phật đạo Pháp, sẽ được làm Phật hiệu Ta La Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương.

Đức Ta La Thọ Vương Phật có vô lượng chúng Bồ Tát và vô lượng Thanh Văn, nước đó bằng phẳng công đức như thế.

Khi bảy thức trước đã hoàn toàn thanh tịnh, lúc này vua Diệu Trang Nghiêm được gặp Phật, “*Lúc đó Đức Phật kia vì vua nói Pháp, chỉ dạy làm cho được lợi ích vui mừng. Vua rất vui đẹp*”, đây là hình ảnh trí tuệ giác ngộ sáng suốt của chúng ta đã soi chiếu đến tận nguồn tâm thức (A Lại Da thức). A Lại Da thức tan biến chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí, như vậy là Hành giả đã hoàn toàn giác ngộ giải thoát,

tất cả chủng tử nghiệp thức mê mờ trước đây liền chuyển thành trí tuệ giác ngộ.

Khi vua Diệu Trang Nghiêm và phu nhân dâng chuỗi cúng dường Phật, chuỗi đó ở giữa hư không hóa thành đài báu bốn trụ, trong đài có giương báu lớn trải trăm nghìn muôn thiên y, trên đó có Đức Phật ngồi xếp bằng phóng hào quang sáng lớn, rực rỡ trước hội chúng. Vua Diệu Trang Nghiêm lúc này mới bắt đầu thấy Phật, thân Phật tốt đẹp riêng lạ, thành tựu sắc thân vi diệu thứ nhất. A Lại Da thức đã hoàn toàn hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh, sáng suốt, nhiệm mầu. Cho nên mới diễn tả Vua Diệu Trang Nghiêm thấy được Phật sắc tướng riêng lạ xưa nay chưa từng có. Đó là cái sắc thân Tam muội của Đức Phật, sắc thân vi diệu của Đức Phật từ ngàn xưa tới bây giờ chưa từng được nghe nói, chưa từng mộng thấy, tới giờ phút này mới được chiêm ngưỡng. Đó là cảnh giới của Hành giả đã hoàn toàn tan biến thân ngũ uẩn, đạt tới cảnh giới vô ngã, ngay khi ấy hào quang rực sáng phủ trùm pháp giới. Đó là cảnh giới giác ngộ tận cùng của Hành giả.

Khi hòa nhập vào Tri Kiến Phật rồi thì liền khi đó được Đức Phật thọ ký: *“Vị vua này ở trong Pháp ta làm Tỳ kheo siêng ròng tu tập các món trợ Phật đạo Pháp, sẽ được làm Phật hiệu Ta La Thọ Vương, nước tên Đại Quang, kiếp tên Đại Cao Vương. Đức Ta La Thọ Vương Phật có vô lượng chúng Bồ Tát và vô lượng Thanh Văn, nước đó bằng phẳng công đức như thế”*.

Công đầu là do ngài Tịnh Tạng và Tịnh Nhân. Khi chúng ta huân tập tu hành thì ý thức và tiền ngũ thức rất cực khổ cực công. Khi Tiền ngũ thức thanh tịnh và thức thứ sáu thanh tịnh rồi thì chuyển đến thức thứ bảy, rồi chuyển thức

thứ tám và quay về nguồn cội. Tức là hòa nhập vào cái sáng suốt thanh tịnh tuyệt đối này thì liền thành Đức Ta La Thọ Vương Phật.

Khi năm uẩn thành không thì Hành giả mới giác ngộ hoàn toàn thành Phật, khi ấy Bát thức tâm vương cũng chuyển thành Tứ trí, như vậy là trọn vẹn công hạnh tu hành của mình cho nên được Đức Phật thọ ký sau này sẽ thành Phật.

Tại sao Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn được giác ngộ, người có thần thông bay nhảy khai thị vua Diệu Trang Nghiêm quay lại với Phật Pháp mà không được Phật thọ ký? Tại vì chúng ta đâu thành Phật bằng cái thân này. Thân này không thể thành Phật. Thân vật chất, tiền ngũ thức không thể thành Phật, ý thức cũng không thể thành Phật mà chính cái A Lại Da thức, cái Hàm Tàng thức chuyển thành Bạch Tịnh Thức là hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh, chính Bạch Tịnh Thức đó mới có khả năng thành Phật, còn tiền ngũ thức (Tịnh Nhãn), Ý thức (Tịnh Tạng), Mạt Na Thức (Phu nhân, là thức thứ bảy) khi ấy cũng đã hòa tan vào bể tánh thanh tịnh nhưng không được Đức Phật thọ ký thành Phật, mà chỉ chuyển thành diệu dụng của trí tuệ.

Năm thức trước chuyển thành Thành Sở Tác Trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu Quan Sát Trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng Tánh Trí, thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí. Đến đây thì Hành giả đã hoàn toàn giác ngộ thành Phật không còn tám thức nữa. Khi vua Diệu Trang Nghiêm tức là A Lại Da thức đã chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí thì trí tuệ giác ngộ viên mãn tròn đầy, cho nên trong Kinh mới nói trí tuệ giác ngộ tròn đầy là đã thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì vậy Đức

Phật thọ ký cho ngài Diệu Trang Nghiêm Vương thành Ta La Thọ Vương Phật.

VĂN KINH

Vua Diệu Trang Nghiêm liền đem nước giao cho em, rồi cùng phu nhân hai người con và các quyến thuộc, ở trong Phật Pháp xuất gia tu hành đạo hạnh.

Vua xuất gia rồi trong tám muôn bốn nghìn năm thường siêng tinh tấn tu hành Kinh Diệu Pháp Liên Hoa; qua sau lúc đây, được môn Nhất Thiết Tịnh Công Đức Trang Nghiêm Tam Muội.

Liền bay lên hư không cao bảy cây đa la mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Hai người con của con đây đã làm Phật sự dùng sức thần thông biến hóa, xoay tâm tà của con, làm cho con được an trụ trong Phật Pháp, được thấy Thế Tôn. Hai người con này là thiện tri thức của con, vì muốn phát khởi căn lành đời trước lợi ích cho con nên đến sanh vào nhà con.

Lúc đó, Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật bảo vua Diệu Trang Nghiêm rằng: Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào trồng gốc lành thời đời đời được gặp thiện tri thức, vị thiện tri thức hay làm Phật sự, chỉ dạy cho lợi ích vui mừng, khiến vào đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đại vương nên biết! Vị thiện tri thức đó là nhân duyên lớn, giáo hóa dìu dắt làm cho được thấy Phật, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đại vương! Ông thấy hai người con này chẳng? Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức na do tha hằng hà sa các Đức Phật, gần gũi, cung kính, nơi chỗ các Đức Phật thọ trì Kinh Pháp Hoa, thương tưởng những chúng sanh tà kiến làm cho trụ trong chánh kiến.

Diệu Trang Nghiêm Vương liền từ trong hư không xuống mà bạch Phật rằng: Thế Tôn! Như Lai rất ít có do công đức trí huệ nên nhục kế trên đỉnh sáng suốt chói rõ. Mắt Phật dài rộng mà sắc xanh biếc, tướng lông trắng giữa chầng mày như ngọc kha nguyệt, răng trắng bằng và khít thường có ánh sáng, môi sắc đỏ đẹp như trái tần bà.

Lúc đó, vua Diệu Trang Nghiêm khen ngợi Phật có vô lượng trăm nghìn muôn ức công đức như thế rồi, ở trước Như Lai một lòng chấp tay lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Chưa từng có vậy! Pháp của Như Lai đầy đủ trọn nên bất khả tư nghĩ công đức vi diệu dạy răn chỗ tu hành an ổn rất hay, con từ ngày nay chẳng còn lại tự theo tâm hành của mình chẳng sanh những lòng ác: Kiêu mạn, giận hờn, tà kiến.

Vua thưa lời đó rồi, lạy Phật mà ra.

Vua Diệu Trang Nghiêm hòa nhập vào cảnh giới của chư Phật rồi, mới thấy rõ ràng là nhờ hai người con Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn thì vua mới quay trở về với Phật Pháp được. Tức là muốn chuyển A Lại Da thức thì sáu thức trước của chúng ta phải tu tập đúng với Chánh Pháp và đạt được thanh tịnh rồi thì mới đủ sức tác động chuyển hóa A Lại Da thức .

Lúc này một lần nữa vua Diệu Trang Nghiêm khẳng định

nhờ hai người con này, nếu không có Ý thức và không có Tiền ngũ thức tu tập tốt thì Tàng thức này hoàn toàn vô minh không bao giờ chuyển hóa được. Nếu Căn, Trần, Thức còn dính nhiễm thì không thể giác ngộ. Cho nên muốn giác ngộ giải thoát thì sáu căn và sáu thức phải hoàn toàn thanh tịnh tuyệt đối.

Đức Phật nói nếu chúng ta trong đời này hoặc trong đời nào đó, đã có trồng căn lành rồi thì khi ra đời này, chúng ta mới được học Phật Pháp do Thiên tri thức chỉ dạy. Nếu chúng ta chưa từng gieo duyên lành nào thì dù ở trong chùa còn chưa nghe được Chánh Pháp, đừng nói ở ngoài. Có người ở bên cạnh chùa nhưng suốt đời không bao giờ tới chùa nghe bài Pháp nào. Chúng tỏ những người đó chưa từng gieo căn lành với Phật Pháp cho nên không thể được Thiên tri thức chỉ dạy. Vì vậy chúng ta vẫn còn đi loanh quanh trong vòng sanh tử này, không có ngày cùng.

Ở đây Đức Phật lại nói thêm: Hai người con này đã từng cúng dường sáu mươi lăm trăm nghìn muôn ức na do tha hằng hà sa các Đức Phật, gần gũi, cung kính, nơi chỗ các Đức Phật thọ trì Kinh Pháp Hoa, thương tưởng những chúng sanh tà kiến làm cho trụ trong Chánh kiến. Tức là một lần Ý thức chúng ta được giác ngộ là lần đó ý thức chúng ta đã thân cận gần gũi Đức Phật. Như vậy chúng ta liên tục ở trong chỗ thanh tịnh, sáng suốt là chúng ta liên tục được thân cận chư Phật để lễ lạy cúng dường, gần gũi mà tu tập.

Cho nên từ lúc khởi tu chúng ta liên tục ở cõi giới chư Phật, để gần gũi lễ lạy cúng dường. Trải qua hằng hà sa số ý niệm ở trong cõi giới giác ngộ, cho nên mới trải qua sáu mươi lăm nghìn muôn ức na do tha hằng hà sa các Đức

Phật, gần gũi, cúng dường. Tức là số lượng ý thức và năm thức trước đã từng tiếp cận với cái thanh tịnh giác ngộ từ rất lâu thì A Lại Da thức mới được chuyển hóa. Toàn bộ Căn, Trần, Thức hoàn toàn thanh tịnh thì mới đủ sức chuyển A Lại Da thức .

Thức chúng ta ở trong cảnh giới thanh tịnh tuyệt đối để hay biết mọi duyên cảnh. Năm thức trước của chúng ta ở chỗ thanh tịnh tuyệt đối, tức là Tịnh Nhãn đã từng nhập Pháp Hoa Tam Muội, là ở chỗ Phật Tri Kiến để mà thấy biết tiếp cận duyên trần, là đã từng cúng dường hằng hà sa số chư Phật. Như vậy tất cả những ý niệm nhỏ nhiệm nơi tâm chúng ta hiện ra, nó cũng hiện ra trong sự thanh tịnh giác ngộ hoàn toàn mới đủ sức gây chấn động tới A Lại Da thức, mới khiến A Lại Da thức quay trở lại với Chánh Pháp, quay trở lại với nguồn cội thanh tịnh của mình.

Vua Diệu Trang Nghiêm khẳng định rằng công phu tu hành, cho tới tâm thanh tịnh để hòa nhập trong cảnh giới Phật này, là nhờ Ý thức và năm thức trước. Tới giờ phút này vua Diệu Trang Nghiêm đã thấy rõ thân tướng Đức Phật thế nào, tức là đã hòa nhập trong Phật Tri Kiến. Như vậy cảnh giới chư Phật, hình sắc Đức Phật, vóc dáng Đức Phật, đức hạnh Đức Phật, vua tới giờ này mới cảm nhận một cách toàn triệt.

Khi đã hòa nhập hẳn vào bề tánh giác ngộ hoàn toàn, vua Diệu Trang Nghiêm mới khen Đức Phật: *“Như Lai rất ít có do công đức trí huệ nên nhục kế trên đỉnh sáng suốt chói rõ. Mắt Phật dài rộng mà sắc xanh biếc, tướng lông trắng giữa chạng mây như ngọc kha nguyệt, răng trắng bằng và khít thường có ánh sáng, môi sắc đỏ đẹp như trái tần bà”*. Có nghĩa lúc này Hành giả đang cảm thọ cái đẹp của pháp giới

toàn chân, thấu triệt Pháp giới tánh toàn chân này là đẹp rực rỡ. Lúc đó toàn vũ trụ này đẹp rực rỡ hào quang, mà tất cả những cái đẹp của trần gian này không thể so sánh được trong sát na chúng ta hòa nhập trong bể tánh này. Tất cả những cái quý, cái đẹp hiện ra. Trần gian này biến thành bảy báu rực rỡ hào quang.

Từ đó Hành giả hòa tan thành bể giác sáng suốt, thanh tịnh, dung thông vô ngại trùm khắp pháp giới. Ngã chấp, pháp chấp đã thành không, đã hòa nhập vào cảnh giới thật tướng là vô tướng. Khi ấy toàn pháp giới này chỉ rực sáng ánh sáng trí tuệ giác ngộ phủ trùm, dung thông không giới hạn. Khi ấy Hành giả đã đạt tới cảnh giới giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

VĂN KINH

Phật bảo đại chúng: Ý các ông nghĩ sao? Vua Diệu Trang Nghiêm đâu phải người nào lạ, nay chính là Hoa Đức Bồ Tát, bà Tịnh Đức phu nhân nay chính là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát hiện đang ở trước Phật, vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và quyến thuộc nhà vua nên vị Bồ Tát này sanh sống trong cung. Còn hai hoàng tử nay chính là Dược Vương Bồ Tát cùng Dược Thượng Bồ Tát.

Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát này thành tựu các công đức lớn như thế, đã ở chỗ vô lượng trăm nghìn muôn ức, các Đức Phật trồng các cội công đức, thành tựu bất khả tư nghì những công đức lành. Nếu có người biết danh tự của hai vị Bồ Tát này thì tất cả trong đời, hàng Trời, nhân dân cũng nên lễ lạy.

Lúc Đức Phật nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự này có tám muôn bốn nghìn người xa trần lụy,

rời cấu nhiễm, ở trong các pháp chứng được pháp nhãn tịnh.

Lúc trước nói chuyện bồn sự tức là chuyện quá khứ, đến đây Đức Phật mới nói chuyện thật ngay trên Pháp hội này. Vua Diệu Trang Nghiêm chính là Hoa Đức Bồ Tát, bà Tịnh Đức phu nhân nay chính là Quang Chiếu Trang Nghiêm Tướng Bồ Tát hiện đang ở trước Phật. Vì thương xót vua Diệu Trang Nghiêm và quyến thuộc nhà vua nên vị Bồ Tát này sanh sống trong cung. Còn hai hoàng tử nay chính là Dược Vương Bồ Tát cùng Dược Thượng Bồ Tát.

Dược Vương Bồ Tát là vua của thầy thuốc. Thầy thuốc này không phải trị bệnh của trần gian, không phải trị bệnh nhưc đầu sỏ mũi bình thường, mà vua trị tất cả bệnh của chúng sanh trong Tam giới. Tức là Thầy của tất cả các bậc thầy thuốc ở trần gian. Thầy thuốc thường thường là trị bệnh đau trên thân thể, nhưng đối với Dược Vương là trị tất cả những tâm bệnh của chúng sanh. Trong trần gian này có bao nhiêu tâm bệnh chúng sanh thì ngài Dược Vương Bồ Tát đều trị lành.

Dược Thượng Bồ Tát thì cao hơn Dược Vương Bồ Tát một bậc. Ngoài việc trị lành tâm bệnh cho chúng sanh rồi, còn thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tức là chuyên luôn A Lại Da thức để hòa nhập vào bể tánh giác ngộ. Vì vậy công đức của hai vị này không thể tính lường được. Nếu có người biết danh tự của hai vị Bồ Tát này thì tất cả trong đời, hàng Trời, Người cũng nên lễ lạy cúng dường. Người nào gặp được Dược Vương Bồ Tát cùng Dược Thượng Bồ Tát thì người đó hết cả thân bệnh và tâm bệnh, người đó mới thoát được làm mê trong sanh tử luân hồi.

Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự là phẩm phá toàn triệt Thức ám, phá tận nguồn thức vi tế trong A Lại Da thức để chuyển thành Bạch Tịnh Thức. Hay nói khác hơn chuyển A Lại Da thức thành Đại Viên Cảnh Trí. Thức lúc này biến thành Trí, là thành tựu công phu tu hành. Nếu Hành giả nào tu tập mà Thức chưa biến thành Trí thì biết công phu tu hành chúng ta chưa xong.

Lúc nào chưa hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh tuyệt đối, lục căn và lục thức chưa hóa tán thanh tịnh để biến thành Trí thì người đó công phu vẫn còn xa. Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự, chuyển A Lại Da thức hòa nhập vào bể tánh thanh tịnh giác ngộ tuyệt đối. Tức là xong tất cả công phu tu hành của một Hành giả. Đến đây là đã nhập trọn vẹn trong Tri Kiến Phật để kết thúc một quá trình công phu đạt đến ngũ uẩn giai không của một Hành giả.

Từ phẩm Như Lai Thần Lực là nói lên cảnh giới giác ngộ toàn triệt của Hành giả Pháp Hoa, và Đức Phật muốn diễn tả người tu theo Kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở trong cảnh giới ngũ uẩn như thế nào, nên Đức Phật mới nói thêm các phẩm từ Dược Vương Bồ Tát Bản Sự tới phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự.

Từ phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự cho tới giờ phút này nếu chúng ta nhìn ở phương diện phá Ngũ uẩn thì Dược Vương Bồ Tát Bản Sự là phẩm để phá Thân ngũ uẩn, đến phẩm Diệu Trang Nghiêm là phá thức uẩn. Trong phẩm Dược Vương Bồ Tát Bản Sự, ngài Nhất Thiết Chúng Sinh Hỷ Kiến Bồ Tát được Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dạy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa đạt được định Nhất Thiết Sắc Thân Tam Muội. Từ khởi đầu phá sắc thân ngũ uẩn thì Hành giả đã có cái thấy biết Phật (được học Kinh Pháp

Hoa). Từ cái thấy biết giác ngộ thanh tịnh của Phật Tri Kiến thì mới thấu thoát được thật tướng của các pháp là Vô Tướng nên sắc uẩn là không.

Đến phẩm Diệu Âm Bồ Tát là phẩm phá Thọ âm thì Căn bản trí là ngài Văn Thù Sư Lợi soi thấy cái khởi nguồn của Thọ âm được sanh khởi từ Tự Tánh thanh tịnh, cho nên ngài Diệu Âm Bồ Tát đến cõi Ta Bà thì được Đức Phật Đa Bảo làm cho hiện thân, khi Bồ Tát Diệu Âm đã xuất hiện ở trước Đức Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo để đánh lễ là khi ấy Thọ âm được soi sáng bởi trí tuệ giác ngộ hiện tiền nên liền thành Không.

Đến phẩm Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn là phẩm phá Tướng âm, khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhận chuỗi của ngài Vô Tận Ý Bồ Tát rồi dâng cúng cho Đức Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo, có nghĩa là Tướng âm đã quay trở về nguồn giác ngộ thanh tịnh của chính mình và hiển hiện trí tuệ giác ngộ toàn triệt hiện tiền (Đức Phật Thích Ca Mâu Ni) thì Tướng âm đã hoàn toàn tan biến.

Đến phẩm Đà La Ni là phẩm phá Hành âm thì ngài Dược Vương Bồ Tát, ngài Đông Thích Bồ Tát, ngài Tỳ Sa Môn Thiên Vương v.v... đến trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phát nguyện hộ trì người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa và nói thân chú cùng với các vị chư Thiên ở các cõi Trời. Các chúng La sát nữ cũng phát nguyện trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hộ trì và gìn giữ người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa.

Khởi đầu là Dược Vương Bồ Tát cho tới tận cùng là các quỷ Dạ Xoa La Sát có nghĩa là Hành âm của chúng ta có năng lực giải thoát như Bồ Tát Dược Vương và cũng có

những tâm xấu ác như quỷ Dạ Xoa La Sát cũng đều ở trước Phật phát nguyện hộ trì người thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tức là sâu tận trong Hành âm, chúng ta có tất cả những cội nguồn sanh khởi giác ngộ giải thoát và những chủng tử là những nguồn cội sanh khởi thành thiện ác, đều quay về với Tri Kiến Phật, đều được trí tuệ giác ngộ giải thoát hiện tiền soi thấu và hóa tán thành Không. Tức là Hành âm được hóa tán thành không.

Đến phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự là phẩm phá Thức âm, Thức âm ở đây không phải là ý thức mà là đầy đủ tám thức, tức là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na thức và A lại da thức. Khi Hành giả đã phá được bốn uẩn trước tức là bảy thức đầu tiên đã hoàn toàn thanh tịnh là Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn và Tịnh Đức phu nhân. Cuối cùng thức thứ tám là A Lại Da thức tức là vua Diệu Trang Nghiêm cũng quay trở lại cội nguồn giác ngộ là đến gặp Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật. Lúc đó Đức Phật vì vua nói Pháp, tức là trí tuệ giác ngộ đã chuyển hóa hoàn toàn A Lại Da thức. Khi ấy toàn bộ Tám thức chuyển thành Bốn trí có nghĩa là thức uẩn đã hoàn toàn tan biến. Đến đây Hành giả đã hoàn toàn giác ngộ giải thoát là ngũ uẩn đã thành Không là đã hoàn toàn hòa nhập trong Phật Tri Kiến.

Chúng ta học từ đầu bản Kinh Pháp Hoa tới phẩm Như Lai Thần Lực là Hành giả đã hoàn toàn ngộ nhập Phật Tri Kiến. Ngộ nhập Phật Tri Kiến tức là cảnh giới ngũ uẩn giai không, nên Đức Phật mới nói từ phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự tới phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bốn Sự là muốn cho mọi người thấy hiểu rõ ràng những cảnh tan biến của từng uẩn, nhưng thật sự khoảnh khắc hòa nhập trong Phật Tri Kiến thì ngũ uẩn đã hoàn toàn thành không, chứ không có trải qua thứ tự phá từng uẩn và cũng không có trải

qua từng giai đoạn công phu phá từng uẩn. Vì khi Phật Tri Kiến hiển lộ thì đã thấy thấu suốt thật tướng của vạn pháp là Vô Tướng, cho nên Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn liền hiển hiện trong cái Vô Tướng và được hóa tán thành Vô Tướng.

Vì vậy từ phẩm Dược Vương Bồ Tát Bồn Sự cho tới phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bồn Sự thì tất cả các vị Bồ Tát đều được gặp Phật và nghe Kinh Pháp Hoa, có nghĩa là Phật Tri Kiến, là trí tuệ giác ngộ đã thấu suốt tận nguồn của từng uẩn, uẩn nào đã được thấu suốt thì uẩn đó liền thành Phật, tức là mỗi uẩn đều được trí tuệ giác ngộ hóa tán thành Không, phút giây ấy mỗi vị Bồ Tát đều được Đức Phật thọ ký thành Phật, nghĩa là năm uẩn đều được giác ngộ thành Phật, và sự giác ngộ của năm uẩn là cùng một thời khắc, không trước không sau.

Khi Hành giả đã đạt tới cảnh giới ngũ uẩn giai không là đã hòa nhập vào cảnh giới không không gian, không thời gian thì tất cả các uẩn đều được trí tuệ Phật chuyển hóa thành Phật cùng một thời khắc, nhưng vì muốn cho tất cả chúng sanh thấy hiểu cái trình tự tan biến của năm uẩn nên mới trình bày ở đoạn sau của bản Kinh. Do đó chúng ta nên hiểu là khoảnh khắc tan biến năm uẩn là khoảnh khắc đốn ngộ, đốn tu, đốn chúng.

Khi trí tuệ giác ngộ hiện tiền thì năm uẩn liền thành Không, không trải qua thứ lớp công phu, không có thời khắc sai biệt trong cái thấy biết Phật hiện tiền. Đó là cái nhìn của Hành giả tu Pháp Hoa và đó cũng là thâm ý của Đức Phật chỉ dạy trong bản Kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm.

PHẨM “PHỔ HIỀN KHUYẾN PHÁT” THỨ HAI MƯỜI TÁM

VĂN KINH

Lúc bấy giờ, ngài Phổ Hiền Bồ Tát dùng sức thần thông tự tại oai đức danh văn, cùng vô lượng vô biên bất khả xưng số chúng Đại Bồ Tát từ phương Đông mà đến; các nước đi ngang qua khắp đều rung động, rưới hoa sen báu, trỗi vô lượng trăm nghìn muôn ức các thứ kỹ nhạc.

Lại cùng vô số các đại chúng: Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la dà, Nhân, Phi nhân v.v... vây quanh, đều hiện sức oai đức thần thông đến cõi Ta Bà trong núi Kỳ Xà Quật, đầu mặt lạy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật đi quanh bên hữu bảy vòng, bạch Phật rằng: Thế Tôn! Con ở nơi nước của Đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe cõi Ta Bà này nói Kinh Pháp Hoa, nên cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức chúng Bồ Tát đồng đến để nghe thọ, cúi mong Đức Thế Tôn nên vì chúng con nói đó.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mà có thể được Kinh Pháp Hoa này.

Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát rằng: Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp, thì sau khi Như Lai diệt độ sẽ được Kinh Pháp Hoa này: Một là được các Đức Phật hộ niệm, hai là trồng các gốc công đức, ba là

vào trong chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh.

Thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp như thế, sau khi Như Lai diệt độ quyết được Kinh này.

Khởi đầu phẩm Kinh diễn tả ngài Phổ Hiền từ phương Đông nơi nước Đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe cõi Ta Bà này nói Kinh Pháp Hoa, nên cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức chúng Bồ Tát đồng đến để nghe. Câu hỏi đầu tiên Ngài đặt với Đức Phật là: *“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mà có thể được Kinh Pháp Hoa này”*.

Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát: *“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ sẽ được Kinh Pháp Hoa này: Một là được các Đức Phật hộ niệm, hai là trông các gốc công đức, ba là vào trong Chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh”*.

Đức Phật muốn khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến thì chúng sanh nào ngộ nhập được Phật Tri Kiến là chúng sanh đó được bản Kinh Pháp Hoa. Nếu chúng ta chưa ngộ nhập Phật Tri Kiến thì chúng ta chỉ đọc chữ nghĩa Kinh Pháp Hoa chứ chúng ta chưa có được bản Kinh Pháp Hoa này. Nhưng một người không từng đọc Kinh Pháp Hoa mà ngộ nhập Phật Tri Kiến coi như người đó đã có bản Kinh Pháp Hoa.

“Một là được các Đức Phật hộ niệm”: Dù chúng ta có tu hay không tu lúc nào cũng được chư Phật hộ niệm. Người nào tu đúng Chánh Pháp thì chư Phật sẽ hiển hiện rõ ràng với người đó hơn. Người nào đang sống sai Chánh Pháp thì người đó tự nhiên thấy mình không có Phật. Một phần

chúng ta mặc cảm tội lỗi, thấy mình không làm đúng những điều Đức Phật dạy, cho nên có Phật hộ niệm cũng thành thừa, bởi vì Đức Phật không bao giờ ủng hộ chúng ta làm việc sai quấy. Nếu lúc nào chúng ta làm việc sai quấy thì lúc đó coi như chúng ta tự xa rời Phật.

Trong Kinh Kim Cang, ngài Tu Bồ Đề nói là: “*Đức Phật hay hộ niệm và hay phó chúc cho các vị Bồ Tát*”. Ở đây tất cả chúng sanh, người nào được bản Kinh Pháp Hoa thì thật sự người đó đã bước tới cảnh giới Bồ Tát rồi.

“*Hai là trông các gốc công đức*”: Người thấy được và sống được bằng Tự Tánh mà không có thời khắc nào người đó bị rơi vào chỗ phân biệt hai bên, hay buồn, thương, giận, ghét thì người đó đang lập cội công đức. Những việc làm nào vượt thoát hữu lậu, vượt thoát Tam giới thì mới gọi là công đức. Chúng ta phải thấy rõ công đức khác với phước đức.

Tức là nơi tự tâm chúng ta thanh tịnh thì tự nhiên sanh công đức, tự nhiên sanh phước điền, chứ không cần phải làm bên ngoài nữa.

“*Ba là vào trong chánh định*”: Chánh định là định mà từ xưa tới giờ chưa có ai làm lay động được. Và mãi mãi về sau định này vẫn sáng suốt rõ ràng. Còn định chúng ta nhập được, chúng ta xuất được thì đó chưa phải là Chánh định của chư Phật muốn dạy.

Khi một người nhận ra Phật Tri Kiến thì người đó mới thấy rằng trần gian này chưa có một lần dao động, chúng ta luôn luôn ở trong đại định thật sự. Chúng ta có tin nổi điều này không? Chúng ta thấy mình đi tới, đi lui, mình cười giỡn, mình buồn thương, mình giận ghét đủ thứ thể mà nói

mình chưa một lần dao động thì rất khó tin. Nhưng thật sự từ ngàn xưa tới bây giờ chưa có lúc nào chúng sanh rời khỏi định của mình. Dù chúng ta muốn làm cái này, chúng ta muốn làm cái kia cũng vẫn ở trong định đó chưa thoát ra được. Chưa có ai thoát ra được Tự Tánh. Sở dĩ chúng ta đắm mê những cái vọng chấp chỉ là chúng ta mê chấp nơi vọng mà thôi, chứ chúng ta chưa phá vỡ được cái định này đâu, và cũng không ai đủ sức phá vỡ định này. Cho nên khi nào chúng ta hết đắm mê vọng chấp thì chúng ta ở trong đại định, ở trong Chánh định.

Chánh định luôn hằng hữu nơi cuộc sống này, ở trong cõi này, ở trong Tam giới này. Chánh định luôn hiện hữu chứ không bao giờ khuất lấp, chưa một lần bị dao động.

“Bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh”: Đây là chuẩn một người ngộ Phật Tri Kiến, sống bằng Phật Tri Kiến. Thật sự người nào một lần mà được nhận biết Phật Tri Kiến, cũng như một lần chúng ta tan biến ngã chấp riêng tư của mình thì lần đó chúng ta sẽ thương chúng sanh vô bờ bến. Dù người đó có quen chúng ta hay không quen, dù người đó có thù hay thương chúng ta vẫn thương được người đó. Phút chốc người đó đủ lòng thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài và bắt đầu khởi tâm nguyện sẽ cứu giúp. Đây là chuẩn của người ngộ Tánh. Cho nên ngày nào chúng ta còn thấy có một người đáng để chúng ta ghét bỏ thì biết rằng mình chưa thấy Tánh.

Đối với trần gian này có một việc gì mà mình không thể bỏ qua được thì mình là người không đáng được bỏ qua. Nếu có một chúng sanh nào bị chúng ta ghét bỏ thì chúng ta chưa phải là người từ bi. Như vậy là chúng ta chưa xóa được cái ngã riêng tư của mình, cho nên mình và chúng

sanh vẫn còn có gì ngăn cách, để rồi chúng ta còn thương người này, còn ghét người kia. Người nào một lần ngã chấp thật sự tan biến thì tất cả chúng sanh là ruột thịt, là máu mủ, là xương tủy của mình, không còn bị xa cách nữa. Những động niệm của chúng sanh, những buồn thương giận ghét của chúng sanh mà mình thông cảm một cách tuyệt đối và phát khởi lòng từ bi để cứu thoát tất cả chúng sanh thoát khỏi mê lầm, lúc đó mới gọi là có bản Kinh Pháp Hoa trong tay.

Đó là bốn tiêu chuẩn để một người có thể có được bản Kinh Pháp Hoa.

VĂN KINH

Lúc đó, ngài Phổ Hiền Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn! Năm trăm năm sau trong đời ác trước nếu có người thọ trì Kinh điển này, con sẽ giữ gìn trừ các sự khổ hoạn làm cho được an ổn, khiến không ai được tiện lợi rình tìm làm hại; hoặc ma, hoặc con trai của ma, hoặc con gái của ma, hoặc dân ma, hoặc người bị ma dựa, hoặc Dạ xoa, hoặc La sát, hoặc Cưu bàn trà hoặc Tỳ xá xà, hoặc Kiết giá, hoặc Phú đàn na, hoặc Vi đà la v.v... những kẻ làm hại người đều chẳng được tiện lợi.

Người đó hoặc đi, hoặc đứng, đọc tụng Kinh này, bấy giờ con cõi tượng vương trắng sáu ngà cùng chúng Đại Bồ Tát, đều đến chỗ người đó mà tự hiện thân ra, để cúng dường thủ hộ an ủi tâm người đó, cũng để cúng dường Kinh Pháp Hoa.

Người đó nếu ngồi suy nghĩ Kinh này, bấy giờ con lại cõi tượng vương trắng hiện ra trước người đó, người đó nếu ở trong Kinh Pháp Hoa có quên mất một câu

một bài kệ, con sẽ dạy người đó chung cùng đọc tụng, làm cho thông thuộc.

Bấy giờ, người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa được thấy thân con, lòng rất vui mừng lại càng tinh tấn, do thấy thân con nên liền được Tam muội và Đà la ni tên là Triền đà la ni, trăm ngàn muôn ức Triền đà la ni, Pháp âm phương tiện đà la ni, được những môn Đà la ni như thế.

Ngài Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện hộ trì người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa. Ngài hộ vệ không để cho bất kỳ điều xấu nào đến khuấy phá hãm hại người đó. Nhưng chúng ta lâu nay tụng Kinh Pháp Hoa chúng ta cứ gặp rắc rối hoài, là do chúng ta chỉ đọc trên chữ nghĩa của Kinh Pháp Hoa, chứ chúng ta chưa phải là người trì tụng Kinh Pháp Hoa. Do đó nghiệp chướng nhân quả nó vẫn còn tiếp tục đến với chúng ta. Nếu một người thật sự sống bằng Tri Kiến Phật giữa trần gian này thì người đó sẽ được chư Phật mười phương ủng hộ và đích thân ngài Phổ Hiền theo hộ vệ.

Ngài Phổ Hiền phát nguyện: *“Người nào suy nghĩ tới bản Kinh Pháp Hoa, mà quên chữ nào thì Ngài hiện thân nhắc người đó chữ đó. Cả ngài Phổ Hiền cùng với người đó đọc tụng Kinh Pháp Hoa”*. Chúng ta có suy nghĩ đến bản Kinh Pháp Hoa và chúng ta có quên nhưng chúng ta chưa được ngài Phổ Hiền nhắc. Thậm chí chúng ta cũng chưa thuộc được một phẩm trong hai mươi tám phẩm Kinh Pháp Hoa. Như vậy rõ ràng chúng ta chưa nhớ hết bản Kinh Pháp Hoa, cho nên ngài Phổ Hiền chưa nhắc chúng ta chữ nào. Lý do chúng ta chỉ đọc trên văn tự chữ nghĩa, chứ chúng ta

chưa thật sự là người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa đúng nghĩa, theo như Kinh điển nói.

Khởi đầu Kinh Pháp Hoa, khi Đức Phật phóng hào quang giữa chạng mờ, cả đại chúng không ai hiểu gì. Lúc đó, ngài Di Lặc Bồ Tát mới nghi nên dùng nhiều bài kệ hỏi, được ngài Văn Thù Sư Lợi trả lời: “*Đức Phật muốn nói Pháp lớn, mưa Pháp vũ lớn, thổi Pháp loa lớn, đánh Pháp cổ lớn và diễn Pháp nghĩa lớn*”. Nghĩa là Đức Phật chuẩn bị nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài Văn Thù Sư Lợi kể một loạt chuyện quá khứ Đức Phật phóng quang như thế nào. Ngài Văn Thù và ngài Di Lặc cũng là vị Bồ Tát trong thời đó, nhưng ngài Di Lặc tu không tinh tấn, lười mỏi, cho nên khi Đức Phật thành Phật thì ngài Di Lặc mới là Bồ Tát thôi v.v...

Ngài Văn Thù Sư Lợi là đại diện cho Căn bản trí, Ngài xuất hiện để dẫn khởi đầu bản Kinh Pháp Hoa. Muốn dẫn khởi bản Kinh Pháp Hoa thì trở về cội gốc của trí tuệ mới có thể hiểu thấu được. Còn ngài Phổ Hiền là Sai biệt trí. Nghĩa là khi kết thúc bản Kinh Pháp Hoa thì hạnh Phổ Hiền cứu độ tất cả chúng sanh muôn loài. Cho nên người trì Kinh Pháp Hoa mà quên chữ nghĩa Kinh Pháp Hoa thì ngài Phổ Hiền đi tới để nhắc nhở, để chúng ta thông thuộc Kinh Pháp Hoa.

Tức là khi một người đã ngộ nhập Phật Tri Kiến thì thể dụng viên thông, lúc nào cũng sống hoàn toàn trong Tự Tánh của mình, cho nên sử dụng tất cả những diệu dụng xuất phát từ Tự Tánh, tức là có ngài Văn Thù và có ngài Phổ Hiền. Thể và dụng lúc đó đã dung thông rồi nên ở đây nói là ngài Phổ Hiền đến nhắc nhở chúng ta. Tức là hạnh độ

sanh thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài được hiển lộ với người đã thể nhập Phật Tri Kiến.

Ngài Phổ Hiền hiện thân nhắc nhở và đồng thời tụng Kinh Pháp Hoa. Phần này đã kết thúc tất cả những công hạnh tu tập của Hành giả từ đầu cho tới bây giờ, cho nên cuối cùng là thể dụng bắt đầu viên dung, lý lý sự sự bắt đầu viên tròn, như vậy mới trọn vẹn một bản Kinh. Nếu nhận được Tri Kiến Phật, sống bằng Tri Kiến Phật, mà chưa có đủ diệu dụng thì như chúng ta mới gặp ngài Văn Thù Sư Lợi, mới nhận được Căn bản trí mà thôi, còn cái Sai biệt trí chúng ta chưa có dung thông.

VĂN KINH

Thế Tôn! Nếu đời sau, sau năm trăm năm trong đời ác trước, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, người cầu tìm, người thọ trì, người đọc tụng, người biên chép, mà muốn tu tập Kinh Pháp Hoa này, thì trong hai mươi một ngày, phải một lòng tinh tấn, mãn hai mươi một ngày rồi, con sẽ cưới voi trắng sáu ngà, cùng vô lượng Bồ Tát vây quanh, dùng thân mà tất cả chúng sanh ưa thấy, hiện nơi trước người đó để vì nói Pháp chỉ dạy cho lợi ích vui mừng cũng lại cho chú Đà la ni.

Được chú Đà la ni này thì không có phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoạc loạn. Con cũng đích thân thường hộ người đó. Cúi mong Đức Thế Tôn nghe con nói chú Đà la ni này, liền ở trước Phật mà nói chú rằng:

A đàn địa, đàn đà bà địa, đàn đà bà đế, đàn đà cru xá lệ, đàn đà tu đà lệ, tu đà lệ, tu đà la bà đế, Phật đà ba chuyên nễ, tát bà đà la ni a bà đa ni, tát bà bà sa a bà đa

ni, tu a bà đa ni, tăng già bà lý xoa ni, tăng già niết dà đa ni, a tăng kỳ, tăng già bà dà địa, đế lệ a đọa tăng già đầu lược, a la đế ba la đế, tát bà tăng già địa, tam ma địa, già lan địa, tát bà đạt ma tu ba lợi sát đế, tát bà tát đỏa lâu đà kiêu xá lược, a nâu dà địa, tân a tỳ kiết lợi địa đế.

Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát nào được nghe chú Đà la ni này, phải biết đó là sức thần thông của Phổ Hiền.

Ngài Phổ Hiền nói bài chú để cho người sống trong Tri Kiến Phật, không bị bất kỳ trở lực nào gây khó dễ. Người trì Kinh Pháp Hoa được chú Đà La Ni này thì không có phi nhân nào có thể phá hoại được, cũng chẳng bị người nữ làm hoặc loạn. Ngài Phổ Hiền cũng đích thân thương hộ người đó.

Chúng ta thấy người nào sống đúng Chánh Pháp đều được sự gia trì của chư Phật và chư Bồ Tát. Bài chú là tha lực hỗ trợ người tu tập.

VĂN KINH

Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành trong Diêm phù đề có người thọ trì, thì nên nghĩ rằng: Đây là sức oai thần của Phổ Hiền.

Nếu có người thọ trì đọc tụng ghi nhớ chân chánh hiểu nghĩa thú trong Kinh đúng như lời mà tu hành, phải biết người đó tu hạnh Phổ Hiền, ở nơi vô lượng vô biên các Đức Phật, sâu trồng gốc lành, được các Như Lai, lấy tay xoa đầu. Nếu chỉ in chép, người này mạng chung sẽ sanh lên trời Đạo Lợi.

Bấy giờ, bốn muôn tám nghìn thiên nữ trở các kỹ nhạc mà đến rước, người đó liền đội mũ bảy báu ở trong hàng thể nữ, vui chơi khoái lạc, hưởng là thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh hiểu nghĩa thú Kinh, đúng như lời mà tu hành.

Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa thú Kinh này, người đó khi mạng chung được nghìn Đức Phật trao tay, khiến chẳng sợ sệt, chẳng đọa vào đường dữ, liền lên cung trời Đâu Suất, chỗ Di Lạc Bồ Tát mà sanh vào trong hàng quyến thuộc trăm nghìn muôn ức thiên nữ, Đức Di Lạc Bồ Tát có ba mươi hai tướng, chúng Đại Bồ Tát cùng nhau vây quanh. Có công đức lợi ích như thế cho nên người trí phải một lòng tự chép hoặc bảo người chép thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh đúng như lời mà tu hành.

Thế Tôn! Con nay dùng sức thần thông giữ gìn Kinh này, sau khi Như Lai diệt độ, làm cho rộng lưu bố trong Diêm phù đề khiến chẳng dứt mất.

Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành trong Diêm Phù Đề có người thọ trì, thì nên nghĩ rằng: Đây là sức oai thần của Phổ Hiền. Nếu không có oai thần của ngài Phổ Hiền là chúng ta không thể thọ trì đọc tụng bản Kinh này. Chúng ta thấy sức thần của ngài Phổ Hiền quá lớn.

Khi một người nhập trong Căn bản trí thì sẽ có diệu dụng lợi ích tất cả chúng sanh muôn loài. Muốn diệu dụng lợi ích cho mọi người thì phải sử dụng Sai biệt trí. Cho nên có bản Kinh Pháp Hoa mà không có ngài Phổ Hiền tức là không có dụng của Trí thì bản Kinh Pháp Hoa trở thành bản Kinh chết, không ai biết hết. Do đó mà có Sai biệt trí, có lợi ích

chúng sanh thì có mặt ngài Phổ Hiền. Có Căn bản trí mà hoàn toàn không có diệu dụng thì người sống không có lợi ích.

Người nào tu tập có lợi ích theo đúng nghĩa Kinh Pháp Hoa thì đó là cái dụng của trí bắt đầu vận hành. Vận hành cái diệu dụng của trí thì mới có chữ nghĩa, mới có bản Kinh này ra đời. Nếu Căn bản trí hoàn toàn không có động dụng thì chúng sanh không có bản Kinh Pháp Hoa. Vì vậy mà ngài Phổ Hiền nói rằng có một chúng sanh nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa là do oai thần của ngài Phổ Hiền. Tức là cái diệu dụng của trí bắt đầu hiện tướng để thành bản Kinh Pháp Hoa, để tất cả mọi người đều có lợi ích trong cuộc sống này. Đó là diệu dụng của Tự Tánh phát khởi mới có ra được bản Kinh.

Nơi Chân Không mà không có Diệu Hữu thì không thành cái gì hết. Chân không nó chỉ là chân không. Chân không mà không có diệu dụng giống như nhân gian này không có bản Kinh Pháp Hoa. Mà nhân gian này có bản Kinh Pháp Hoa, tức là từ chân không khởi diệu dụng diệu hữu, là có mặt ngài Phổ Hiền. Ngài Phổ Hiền là Diệu Hữu, còn ngài Văn Thù là Chân Không.

Chúng ta thấy từ đầu thể hiện bản thể chân thật Tự Tánh là Căn bản trí. Và đây là diệu dụng của Tự Tánh, nghĩa là ngài Phổ Hiền dành công, đó là sự thật. Không có ngài Phổ Hiền thì không thể có bản Kinh Pháp Hoa tới giờ phút này chúng ta tụng. Bất kỳ Pháp môn nào khi nhập vào Tự Tánh rồi, muốn lợi ích chúng sanh thì phải khởi diệu dụng này. Lúc đó, ngài Phổ Hiền bắt đầu xuất hiện. Ngài nói nếu người nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa phải biết người đó đang tu hạnh Phổ Hiền. Người đó sử dụng cái dụng của

Trí để lợi ích quần sanh, đó là hạnh nguyện ngài Phổ Hiền. Hạnh nguyện ngài Phổ Hiền cũng là diệu dụng của Tự Tánh chúng ta đi vào pháp giới này.

Ngài nói nếu người nào chỉ cần biên chép bản Kinh Pháp Hoa thì người đó sau khi mạng chung được sanh về cõi Trời. Bảy giờ, bốn muôn tám nghìn thiên nữ trở các kỹ nhạc đến rước, người đó liền đội mũ bảy báu ở trong hàng thể nữ, vui chơi khoái lạc.

Còn người nào thọ trì, đọc tụng, giải nghĩa thú Kinh, người đó khi mạng chung được nghìn Đức Phật trao tay, khiến chẳng sợ sệt, chẳng đọa vào đường dữ, liền lên cung trời Đâu Suất. Cõi Trời Đâu Suất có chúng hội là hằng hà sa số các vị Bồ Tát. Người đó ở chỗ Di Lạc Bồ Tát mà sanh vào trong hàng quyền thuộc trăm nghìn muôn ức thiên nữ, Đức Di Lạc Bồ Tát có ba mươi hai tướng, chúng Đại Bồ Tát cùng nhau vây quanh. Đức Phật Di Lạc tương lai sẽ thành Phật cõi Ta Bà thì hằng hà chư vị Bồ Tát sẽ cùng với Đức Phật Di Lạc xuất hiện ra đời để giáo hóa chúng sanh.

VĂN KINH

Lúc bảy giờ, Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khen rằng: Hay thay! Hay thay! Phổ Hiền! Ông có thể hỗ trợ Kinh này làm cho nhiều chúng sanh an vui lợi ích, ông đã thành tựu bất khả tư nghĩ công đức, lòng từ bi sâu lớn, từ lâu xa đến nay phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà có thể thực hành nguyện thần thông đó, để giữ gìn Kinh này. Ta sẽ dùng sức thần thông giữ gìn người hay thọ trì danh hiệu Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Hiền! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh tu tập biên chép Kinh Pháp Hoa này, phải

biết người đó thì là thấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, như từ miệng Phật mà nghe Kinh điển này. Phải biết người đó cúng dường cho Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, phải biết người đó được Phật ngài khen lành thay, phải biết người đó được Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tay xoa đầu. Phải biết người ấy được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, lấy y trùm cho. Người như thế chẳng còn ham ưa sự vui trong đời, chẳng ưa kinh sách viết chép của ngoại đạo, cũng lại chẳng ưa gần gũi ngoại đạo và các kẻ ác, hoặc kẻ hàng thịt, hoặc kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, hoặc kẻ buôn bán sắc gái. Người đó tâm ý ngay thật có lòng nghĩ nhớ chân chính có sức phước đức. Người đó chẳng bị ba món độc làm não hại, cũng chẳng bị tính ghen ghét, ngã mạn, tà mạn, tăng thượng mạn làm não hại. Người đó ít muốn biết đủ, có thể tu hạnh Phổ Hiền.

Sau khi ngài Phổ Hiền phát nguyện gìn giữ bản Kinh Pháp Hoa rồi, được Đức Phật khen và hứa sẽ gìn giữ gìn thủ hộ người nào trì niệm danh hiệu ngài Phổ Hiền. Như vậy, người nào trì tụng Kinh Pháp Hoa sẽ được ngài Phổ Hiền thủ hộ gìn giữ, người nào trì danh hiệu ngài Phổ Hiền thì sẽ được chư Phật gìn giữ, vậy chúng ta làm sao? Vậy thì mình trì danh hiệu ngài Phổ Hiền để được chư Phật gìn giữ.

Nếu có người thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ chân chánh, tu tập biên chép Kinh Pháp Hoa, phải biết người đó thấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, như từ miệng Phật mà nghe Kinh điển này. Phải biết người đó cúng dường cho Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, phải biết người đó được Phật ngài khen lành thay, phải biết người đó được Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tay xoa đầu. Phải biết người ấy được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lấy y trùm cho. Tức là người đó đích thân gặp Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhưng chúng ta từ hồi trì Kinh tới

giờ có gặp Đức Phật lần nào chưa? Chưa có thì có lẽ chúng ta chưa trì đúng bản Kinh Pháp Hoa gốc. Chúng ta trì bản Kinh Pháp Hoa ngọn cho nên chưa có lần gặp Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Khi nào chúng ta biết bản Kinh Pháp Hoa thật thì lúc đó mình sẽ thấy Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, nói riêng cho mình nghe sự thật này. Người đó được đối diện với Đức Phật và từ miệng Phật nghe Kinh Pháp Hoa, chứ không phải chúng ta đọc trong sách nữa.

Khi một người nhập trong Pháp giới tánh thì người đó sẽ đích thân nghe chư Phật mười phương thuyết Pháp giống như chư Phật đang nói với mình. Và bài Pháp Đức Phật thuyết cho tất cả chúng sanh mười phương pháp giới nghe thì tất cả chúng sanh dường như nghe chính Đức Phật nói cho mình.

Nếu một người trì danh hiệu ngài Phổ Hiền tức là sống trong Sai biệt trí thì khi hòa nhập trong Căn bản trí để khởi Sai biệt trí mà độ sanh, lúc đó người đó thấu hiểu Đức Phật Thích Ca là ai, cho nên chính Đức Phật mới nói Kinh cho mình nghe. Chính Đức Phật gọi cho chúng ta thấy rõ Tri Kiến Phật là cái gì, là lúc đó Đức Phật hiển hiện.

Và chỗ này cũng có một ý khác nữa: Nếu một người hòa nhập vào Tri Kiến Phật thì mười phương pháp giới này là một. Người đó ở trong cảnh giới chư Phật, không phải riêng Đức Phật Thích Ca mà gặp tất cả chư Phật mười phương một lần. Và cũng một lần đó, cũng một sát na đó chúng ta đang nghe tất cả bài Pháp của chư Phật mười phương không trước không sau. Ngay phút giây đó, không phải riêng Đức Phật Thích Ca mà chính miệng của các Đức Phật mười phương thuyết cho mình nghe, chứ không phải nói chung trong đại chúng nữa. Người nào nhập vào Tri Kiến Phật sẽ

biết chuyện này một cách rõ ràng, không còn nghi ngờ gì. Người đó được Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tay xoa đầu. Phải biết người ấy được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lấy y trùm cho. Người ấy được công đức trọn vẹn để sau này có thể thành Phật.

Người như thế chẳng còn ham ưa sự vui trong đời. Người đó bước ra khỏi cõi này rồi thì không lấy tài, sắc, danh, thực, thù làm vui nữa. Người đó chẳng ưa Kinh sách viết chép của ngoại đạo, cũng lại chẳng ưa gần gũi ngoại đạo và các kẻ ác, hoặc kẻ hàng thịt, hoặc kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, hoặc thợ săn, hoặc kẻ buôn bán sắc gái. Có nghĩa khi một phen đã gặp Đức Phật rồi thì người đó từ đó về sau cái nghiệp gần gũi người ác tự động tắt, không thể gần gũi được.

Chúng ta xét lại, nếu mình còn gần gũi với những người làm ác, những người nói ác, những người có hành động ác thì biết chúng ta chưa trì Kinh Pháp Hoa đúng mức. Nếu chúng ta đã hòa nhập vào Phật Tri Kiến thì sống chung với người ác đó thì họ cũng không bao giờ khởi ác. Cái lực của mình đủ có thể cảm hóa được họ không bao giờ khởi ác để giết chóc.

VĂN KINH

Phổ Hiền! Sau khi Như Lai diệt độ, năm trăm năm sau, nếu có người nào thấy người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa phải nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các chúng ma thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển Pháp luân, đánh Pháp cổ, thổi Pháp loa, rưới Pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng Trời người.

Phổ Hiền! Nếu ở đời sau, có người thọ trì đọc tụng Kinh điển này, người đó chẳng còn lại ham ưa y phục, giường nằm, những vật nuôi sống, chỗ mong cầu chẳng luống, cũng ở trong hiện đời được phước báo đó.

Nếu có người khinh chê đó rằng: Ông là người điên cuồng vậy, luống làm hạnh ấy trọn không được lợi ích. Tội báo như thế sẽ đời đời không mất. Nếu có người cúng dường khen ngợi đó, sẽ ở trong đời này được quả báo hiện tại.

Nếu lại thấy người thọ trì Kinh này mà nói bày lỗi quấy của người đó, hoặc thật, hoặc chẳng thật, người này trong hiện đời mắc bệnh bạch lại. Nếu khinh cười người trì Kinh sẽ đời đời rằng nước thừa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghẻ dữ máu mủ, bụng thũng hơi ngắn, bị các bệnh nặng dữ.

Cho nên Phổ Hiền! Nếu thấy người thọ trì Kinh điển này phải đứng dậy xa rước, phải như kính Phật.

Đức Phật nói ở hai chiều. Một chiều là phước báo của người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa thì được tất cả những phước lành, những lợi lớn. Và một chiều Đức Phật nói, nếu ở đời Mạt Pháp về sau người nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa thì người đó sắp sửa thành Phật rồi.

Khi chúng ta thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa là ba độc tham, sân, si không còn khuấy nhiễu chúng ta được nữa. Những ganh tỵ, tà mạn, tăng thượng mạn cũng không còn khuấy nhiễu chúng ta được nữa. Nếu chúng ta còn tham sân si, còn tà mạn, còn tăng thượng mạn là lúc đó chúng ta chưa

trì Kinh đúng. Người nào còn tham sân si, còn tà mạn, còn tăng thượng mạn là còn ở cõi này.

Đức Phật nói trong thời Mạt Pháp nếu còn có người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa phải nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các chúng ma thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển Pháp luân, đánh Pháp cổ, thổi Pháp loa, rưới Pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng Trời, Người. Người đó chuẩn bị thành Phật. Người thành Phật là Thầy của Trời, Người, có thể ngồi tòa sư tử thuyết Pháp cho Trời, Người nghe.

Nếu ở đời sau, có người thọ trì đọc tụng Kinh điển này, người đó chẳng còn lại ham ưa y phục, giường nằm, những vật nuôi sống, người đó không còn ham mê, không còn vướng mắc thì ở trong hiện đời được phước báo.

Ngược lại, nếu có người khinh chê người thọ trì Kinh Pháp Hoa thì người đó mắc những tội báo lớn. Nếu có người cúng dường khen ngợi người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa thì ngay đời này chúng ta sẽ được quả báo tốt lành.

Nếu lại thấy người thọ trì Kinh Pháp Hoa mà nói bậy lỗi quấy của người đó, hoặc thật, hoặc chẳng thật, người này trong hiện đời mắc bệnh bạch lại. Nếu khinh cười người trì Kinh sẽ đời đời rướu thưa thiếu, môi xấu, mũi xẹp, tay chân cong queo, mắt lé, thân thể hôi dơ, ghê dữ máu mủ, bụng thủng hơi ngắn, bị các bệnh nặng dữ, tuổi thọ ngắn ngủi, quả báo rất lớn.

Chúng ta đã từng tụng Kinh Pháp Hoa, cũng rất nhiều lần bị người chê mắng, nhưng thấy người ta cũng đâu có sao. Như vậy biết là mình đang tụng Kinh trên ngọn chửi

chưa tụng bản Kinh gốc. Nếu chúng ta là người thọ trì đọc tụng bản Kinh gốc, tức là chúng ta sống bằng Tri Kiến Phật, đã ngộ nhập Phật Tri Kiến và được chư Phật mười phương hộ niệm thì khó có ai có thể hãm hại được. Đó là sự thật. Vì người đó trở thành của báu trong đời này rồi, được chư Phật gìn giữ để làm lợi lạc cho chúng sanh. Cho nên người nào xúc phạm tới người sống trong Tri Kiến Phật, chắc chắn sẽ bị quả báo lớn. Còn chúng ta đọc tụng chung chung thì phước đức chúng ta không lớn, người ta chê mắng mình không có quả báo gì lắm. Nhưng người đã được chư Phật và ngài Phổ Hiền hộ niệm rồi mà chê mắng là có chuyện.

VĂN KINH

Lúc Phật nói phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Khuyến Phát này có hằng hà sa vô lượng vô biên Bồ Tát được trăm nghìn muôn ức môn Triền đà la ni, Tam thiên Đại thiên thế giới vi trần số các Đại Bồ Tát đủ đạo Phổ Hiền.

Lúc Phật nói Kinh này, Phổ Hiền v.v... các vị Bồ Tát, Xá Lợi Phất v.v... các vị Thanh Văn và hàng Trời, Rồng, Nhân, Phi nhân v.v... tất cả đại chúng đều rất vui thọ trì lời Phật làm lễ mà đi.

Chúng ta rất hạnh phúc được trải qua hai mươi tám phẩm của bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là bản Kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa Xứ Giáo Bồ Tát Pháp Phật Sở Hộ Niệm, đây là *“Tạng bí yếu của các Đức Phật, chẳng có thể chia bủa vọng trao cho người. Kinh đây là của các Đức Phật giữ gìn từ xưa đến nay chưa từng bày nói”*. *“Pháp màu như thế, các Đức Phật Như Lai đến khi đúng thời mới nói, như hoa Linh Thoại đến thời tiết mới hiện một lần”*. Như chư Phật đã nói người nào thọ trì đọc tụng bản Kinh Pháp Hoa này thì

công đức vô lượng vô biên, được chư Phật mười phương chứng biết và thọ ký cho người đó tương lai sẽ được thành Phật v.v...

Rất mong mọi người đủ duyên lành đọc bản Kinh này sẽ trở thành Hành giả của Pháp Hoa là ngộ nhập được Phật Tri Kiến của chính mình, đạt đến cảnh giới ngũ uẩn giai không và hòa tan vào cảnh giới vô ngã, đầy đủ trí tuệ để thấu suốt khắp pháp giới mười phương chỉ thuần là một cõi giác ngộ, bình đẳng tuyệt đối, dung thông vô ngại, hòa tan thành một cõi giới Phật, đủ năng lực trí tuệ và lòng từ bi để cứu thoát tất cả chúng sanh muôn loài đều được giác ngộ thành Phật.

HẾT PHẦN GIẢNG GIẢI KINH VĂN

TÓM LƯỢC KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có tất cả là hai mươi tám phẩm:

PHẨM “TỰA” THỨ NHẤT: Là phẩm nói tổng quát toàn bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Đầu tiên Đức Phật phóng quang từ lông trắng giữa chạng mày chiếu khắp phương Đông, trên thâu cõi Trời Sắc Cứu Cánh, dưới thâu địa ngục A Tỳ. Như vậy là đầu bản Kinh Pháp Hoa muốn nói tới việc Đức Phật dùng trí tuệ lìa thoát hai bên thì trí tuệ đó soi thâu đến chỗ tận cùng cõi ác tức là địa ngục A Tỳ, thâu tận cùng cõi thiện tức là cõi Trời Sắc Cứu Cánh. Trong cõi nước mười phương hiện ra bao nhiêu chư Phật hành đạo, bao nhiêu Bồ Tát, bao nhiêu Thanh Văn v.v... tất cả đều có đủ khi Đức Phật phóng quang. Vượt một muôn tám ngàn cõi nước phương Đông thì thấy có hằng hà sa số các cõi, có những cõi Đức Phật thành Phật rồi thuyết Kinh, giảng Pháp, nhập Niết Bàn v.v... thấy các vị Bồ Tát đang hành đạo, những người đang tu tập thiện để sanh về cõi Trời, có những người đang làm ác bị đọa địa ngục A Tỳ v.v...

Tất cả những điều đó được diễn tả trong phẩm đầu tiên của Kinh Pháp Hoa, muốn nói rằng tất cả mọi người đều có trí tuệ lìa thoát hai bên để thâu tội cõi cực ác trong tâm, thâu tội cõi cực thiện trong tâm, để rồi trong tâm chúng ta có đầy đủ các cõi từ cõi Phật cho tới cõi Bồ Tát, cõi Thanh Văn, cõi Duyên Giác v.v... Do vậy người nào tu tập theo Kinh Pháp Hoa thì người đó sẽ trải qua tất cả cảnh giới để trở lại cảnh giới Phật, tới chỗ không vương mắc hai bên để nhận ra

Phật Tri Kiến, mà phóng quang là thấu suốt mười phương pháp giới và hiện đầy đủ tất cả những cảnh giới từ cảnh giới Phật, Bồ Tát, các vị Thánh Hiền v.v... cho tới địa ngục A Tỳ.

Tất cả cảnh giới đó đều được soi sáng bởi ánh sáng giác ngộ giải thoát, như vậy khi đạt đến cảnh giới giác ngộ giải thoát hoàn toàn, trí tuệ đó phủ khắp và dung chứa pháp giới mười phương, khắp pháp giới mười phương hiển hiện trọn vẹn trong trí tuệ giác ngộ.

PHẨM “PHƯƠNG TIỆN” THỨ HAI: Đức Phật nói tắt cả những chỉ thú của bản Kinh Pháp Hoa. Tức là vì một đại sự nhân duyên mà Đức Phật ra đời để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến. Dù Đức Phật có thuyết Tam thừa v.v... thì đó chỉ là phương tiện tạm thời, mục đích chính của Đức Phật đều muốn cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến mà thôi, chứ không có ý chỉ khác. Do vậy phẩm thứ hai nói lên ý chỉ Kinh Pháp Hoa chính là Đức Phật muốn khai thị cho chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến.

PHẨM “THÍ DỤ” THỨ BA: Phẩm này có hai phần. Phần một là ngài Xá Lợi Phất sau khi nghe Đức Phật nói tâm nguyện chư Phật ra đời, để khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến và thấy được bản hoài của chư Phật mười phương, chứ không riêng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật ra đời vì đại sự nhân duyên muốn chúng sanh ngộ nhập Nhất thừa là Phật thừa, không có thừa nào khác. Ngài Xá Lợi Phất bắt đầu nhận được Tri Kiến Phật nên Ngài trình kiến giải của mình với Đức Phật.

Phần hai là ví dụ nhà lửa: Một Trưởng giả có nhà lửa lớn, ở trong nhà lửa lớn đó kèo cột bị mục rã, bị cháy và

trong đó có đầy đủ các loài thú độc, quỷ dữ, côn trùng v.v... Vị Trưởng giả tự tại ra khỏi nhà lửa rồi nhưng thấy mấy người con còn rong chơi trong đó không chịu ra. Lúc đầu ông Trưởng giả nói nhà lửa này các con không nên ở lâu sẽ nguy hại đến tính mạng nhưng các con không nghe. Cuối cùng, Trưởng giả mới phương tiện dụ tất cả các con hãy ra ngoài, Cha sẽ cho các con ba loại xe: xe dê, xe hươu, xe trâu. Mấy người con nghe ông nói vậy thì vui mừng hơn hờ tranh nhau chạy ra chứ lúc đầu không chịu chạy ra. Và khi chạy ra rồi thì vị Trưởng giả chỉ cho con mình một loại xe trâu mà thôi.

Xe trâu muốn nói tới đạo Nhất thừa của Đức Phật. Nghĩa là dù Đức Phật đã phương tiện chỉ dạy Tam thừa nhưng Đức Phật chỉ muốn cho tất cả chúng sanh đều được thành Phật, đó là mục đích chính của chư Phật chứ không phải hướng dẫn chúng sanh chứng quả Tam thừa.

PHẨM “TÍN GIẢI” THỨ TƯ: Bốn vị đại đệ tử của Đức Phật: Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề, ngài Đại Ca Chiên Diên, ngài Đại Ca Diếp, ngài Đại Mục Kiền Liên đều tin hiểu điều Đức Phật nói trong phẩm thứ hai và thứ ba. Các vị biết bản hoài của chư Phật là muốn chúng sanh nhận Phật Tri Kiến, cho nên các Ngài mới đánh lễ thừa Đức Phật, trình bày kiến giải và sở ngộ của mình bằng ví dụ chàng Cùng tử.

Tức là ngày xưa có vị Trưởng giả rất giàu có, thất lạc đứa con mình nhiều chục năm. Người con sau khi thất lạc Cha thì lang thang khắp nơi kiếm ăn. Một hôm quay về bản quốc thấy Cha của mình ngồi tòa báu sư tử, có ghé báu đỡ chân, xung quanh Cha toàn là vua quan, có kẻ hầu người hạ, có của báu lớn cho nên sợ hãi không dám nhìn.

Người Cha ngồi trong nhà, xa thấy đứa con mình, cũng muốn đứa con quay về với mình nên cho người rượt bắt. Lúc đó chàng Cùng tử sợ quá, ngã ngất trên đất. Người Cha cho người hầu thả ra và bắt đầu phương tiện, Ngài thuê gã chột mắt nghèo cùng rủ chàng Cùng tử trở về làm công. Chàng Cùng tử bắt đầu được gần gũi cha mình nhưng vẫn không dám nhận. Lần lần người Cha cũng phương tiện mặc áo rách đến gần con và nói: Con ở đây Cha sẽ tiếp tục cho con thêm đồ ăn vật mặc, thêm kẻ hầu người hạ. Lần lần người con làm quen, tới một ngày người con dám ra vô nhà để rồi nhận được của báu. Cuối cùng người Cha tuyên bố, đây là con tôi bị thất lạc năm mươi năm rồi và tất cả vật báu giao hết trọn vẹn cho con.

Đây là ví dụ chàng Cùng tử, tức là khi các vị đệ tử Đức Phật ngộ được điều đó rồi, thấy được ý chỉ của Đức Phật tức là các vị đã từng lang thang khắp nẻo luân hồi này được một chút xíu cho là đủ, tìm một miếng cơm ăn cũng thấy đủ, được quần áo mặc cũng thấy đủ, có nhà cửa cũng thấy đủ v.v... như gã Cùng tử lang thang khắp nơi kiếm được miếng ăn là thấy đủ rồi. Thậm chí các vị tu chứng quả vị A La Hán cũng cho mình là đủ rồi, không muốn tăng trưởng thêm, cho tới một ngày nhận ra được rõ ràng mình có kho báu vô cùng tận mà Cha đã dành sẵn cho mình. Đó là ví dụ bốn vị đệ tử của Đức Phật khi nhận ra sứ mạng lớn mà Đức Phật muốn chỉ bày, đó là kho báu mà tất cả chúng ta đều có. Tức là ở phẩm này bốn vị đệ tử lớn của Đức Phật trình kiến giải của mình sau khi ngộ được Tri Kiến Phật.

PHẨM “DƯỢC THẢO DỤ” THỨ NĂM: Phẩm này tiếp tục nói lên việc trình kiến giải. Tức là nói lên Pháp của Đức Phật là bình đẳng. Ví dụ như một trận mưa xối xuống từ cây lớn cho tới cây nhỏ đều được thấm nhuần mưa đó.

Cây lớn hút nước theo kiểu của cây lớn, cây nhỏ hút nước theo kiểu của cây nhỏ, tất cả những cây cối đều được hút nước để nuôi sống bản thân mình.

Cũng như Giáo Pháp của Đức Phật là bình đẳng không cao thấp nhưng tùy tâm của từng người tiếp nhận Giáo Pháp của Đức Phật mà có cao thấp, cho nên mới có ra Giáo Pháp ba thừa. Thật sự chư Phật chỉ nói tới Nhất thừa chứ không nói tới Tam thừa. Sau khi các vị đại đệ tử trình bày những thấy hiểu của mình như vậy, được Đức Phật chấp nhận. Lúc này Đức Phật bắt đầu nói phẩm tiếp theo.

PHẨM “THỌ KÝ” THỨ SÁU: Bây giờ Đức Phật thọ ký cho các vị đệ tử: Xá Lợi Phất, Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Đại Ca Chiên Diên, Đại Mục Kiền Liên được thành Phật. Sau khi Đức Phật thọ ký cho các vị đệ tử lớn thì các vị Thanh Văn cũng bắt đầu có thấy hiểu chút chút về Tri Kiến Phật nhưng chưa đủ lòng tin. Do vậy Đức Phật mới thuyết tiếp đến phẩm Hóa Thành Dụ.

PHẨM “HÓA THÀNH DỤ” THỨ BẢY: Đức Phật ví dụ, có một vị đạo sư dẫn đường thấy mọi người trong đoàn chán nản muốn quay về thì vị đạo sư liền hóa ra một cái thành cho mọi người nghỉ ngơi. Sau khi nghỉ ngơi xong thì vị đạo sư liền nói: Đây chỉ là chỗ nghỉ ngơi tạm thời, là Hóa thành chứ chưa phải là Bảo sở nên cần phải tiến bước nữa. Cũng vậy tất cả các vị Thanh Văn tu chứng quả vị A La Hán thì đó cũng chỉ là Hóa thành chưa phải Bảo sở. Vì vậy mà lúc đó có năm trăm vị A La Hán liền phát tâm cầu thành Phật, tức là các vị thấy chỗ chúng đắc A La Hán của mình từ xưa đến giờ, chưa phải là chỗ cứu cánh giải thoát tận cùng, chưa đạt đến đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác. Lúc đó Đức Phật mới nói tiếp phẩm “Ngũ bá đệ tử thọ ký”.

PHẨM “NGŨ BÁ ĐỆ TỬ THỌ KÝ” THỨ TÁM: Đức Phật thọ ký cho năm trăm vị A La Hán sau này được thành Phật. Chúng ta thấy Kinh Pháp Hoa thứ tự rất rõ ràng. Và tiếp tới phẩm thứ chín.

PHẨM “THỌ HỌC VÔ HỌC NHÂN KÝ” THỨ CHÍN: Người Hữu học và người Vô học cũng được Đức Phật thọ ký. Từ quả vị A Na Hàm trở xuống gọi là quả Hữu học, còn thọ học trong Tam giới này. Còn chúng quả A La Hán gọi là quả Vô học. Trong Pháp hội lúc bấy giờ có hai vị đại đệ tử lớn của Đức Phật là ngài A Nan, ngài La Hầu La và một số vị Tỳ kheo tăng chưa chứng quả A La Hán cũng được Đức Phật thọ ký thành Phật. Chỗ này thì người nữ chưa có phần, chỉ có đệ tử nam thôi.

PHẨM “PHÁP SƯ” THỨ MƯỜI: Sau khi thuyết Kinh Pháp Hoa từ đầu đến bây giờ thì có một số vị đại đệ tử lớn cùng năm trăm vị Tỳ kheo, các vị đệ tử chưa chứng quả A La Hán đều được thọ ký thành Phật. Trong hàng đệ tử của Đức Phật lúc này người ngộ đạo rất đông, với hạnh của chư Phật thì một người ngộ đạo phải đi giáo hóa tất cả chúng sanh, cho nên Đức Phật mới nói phẩm Pháp Sư.

Một Pháp Sư nhận được Tri Kiến Phật rồi muốn giáo hóa, làm lợi ích tất cả chúng sanh thì phải hội đủ ba điều kiện: Vào nhà Như Lai, mặc y Như Lai và ngồi tòa Như Lai.

“Nhà Như Lai chính là tâm từ bi lớn đối với tất cả chúng sanh”: Đây là mấu chốt của tất cả các Kinh điển. Người nào một phen phá vỡ được ngã chấp rồi là đủ lòng từ

bi thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài thì mới nói Kinh Pháp Hoa, còn chưa thì chúng ta không thể thương chúng sanh được.

“*Y Như Lai chính là lòng nhu hòa nhẫn nhục*”: Có nghĩa là Hành giả phải an trú trong Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong cái Vô Sanh đó nó không phải bao phủ mình, mà nó lại bao trùm tất cả chúng sanh nữa. Và trong cái Vô Sanh đó nó sanh vô lượng phước điền, cho nên gọi là “y Như Lai”. Bằng cái Vô Sanh đó chúng ta sống thì không có phút giây nào mà không tạo phước điền giữa trần gian này. Không có phút giây nào không làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh. Do đó mới gọi là mặc y Như Lai.

Lúc chúng ta nói Kinh Pháp Hoa để dẫn dắt mọi người quay về với Chánh Pháp, thật không đơn giản. Chúng ta cũng gặp trở ngại, gặp rắc rối, gặp khó khăn đủ điều thì chúng ta phải kiên nhẫn để giữ vị trí của mình. Có lúc chúng ta phải như nước chảy trên dòng sông, cong chảy theo cong, ngay chảy theo ngay. Chúng ta phải khéo léo giữ hạnh nguyện của mình để cứu độ chúng sanh, chứ chúng ta không thể lúc nào cũng cứng rắn được, có thể bị gãy đổ. Có những chúng sanh ương ngạnh khó độ thì chúng ta phải khéo léo đầy đủ phương tiện, phải đầy đủ lòng từ bi và nhẫn nại.

Ngày này nói không được thì ngày khác chúng ta nói, lúc này nói không được thì lúc khác chúng ta nói, làm sao đó mà mình có thể chuyển hóa tất cả chúng sanh muôn loài, phải nhẫn, phải chịu khó, phải vượt qua tất cả trở ngại chông gai để có thể làm lợi lạc chúng sanh. Làm sao trong lúc giáo hóa chúng sanh, chúng ta phải đủ tâm nhu hòa đó thì chúng ta mới có thể làm lâu bền, nếu không khi gặp

chuyện khó khăn chúng ta dễ dàng bỏ cuộc. Tức là chúng ta không đủ lòng nhu hòa nhẫn nhục thì hạnh nguyện độ sanh của chúng ta sẽ bị gãy đổ.

“*Tòa Như Lai chính là Nhất Thiết Pháp Không*”: Dù chúng ta đủ lòng thương yêu chúng sanh, dù chúng ta có nhu hòa nhẫn nhục, nhưng chúng ta cũng phải có trí tuệ để thấu suốt tận cùng nghĩa Không của tất cả các pháp mà làm Phật sự. Từ chỗ Chân Không mà hiển bày diệu dụng thì chúng ta mới thành tựu việc giáo hóa của mình. Nếu mình ở chỗ Có để mình giáo hóa là có Ngã, có Pháp thì việc làm của chúng ta không bao giờ được thành tựu.

PHẨM “HIỆN BẢO THÁP” THỨ MƯỜI MỘT: Phẩm này nói đến chuyện quá khứ cách thời Đức Phật Thích Ca hằng hà sa số kiếp có Đức Phật Đa Bảo thành Phật và phát nguyện chỗ nào có nói Kinh Pháp Hoa thì tháp báu chứa toàn thân Xá lợi Phật Đa Bảo sẽ hiện ra. Nếu Phật nào muốn đem thân Phật Đa Bảo chỉ bày cho chúng sanh, thì các vị Phật của Phật đó phân thân ra nói Pháp ở các cõi nước trong mười phương đều phải hội tụ về.

Trong phẩm Hiện Bảo Tháp này chúng ta thấy diễn tả trình tự rất là hay. Tức là khi tháp báu hiện ra rồi thì đại chúng đánh lễ cầu Đức Phật mở tháp Đa Bảo, thì Đức Phật nói rằng muốn mở tháp Đa Bảo thì tất cả các phân thân Phật tụ hội về chứ không phải phân thân chúng sanh.

Chúng ta là người chưa ngộ đạo thì suy nghĩ của chúng ta là suy nghĩ chúng sanh. Có nghĩa chúng ta nghĩ ngợi điều gì thì chúng ta nghĩ ngợi trong cái buồn, thương, giận, ghét, bị dính mắc và trói buộc, cho nên chúng ta có gom hết lại cũng là một cục dính mắc.

Còn phân thân của Đức Phật Thích Ca là phân thân của bậc giác ngộ. Do đó, muốn mở Tháp Đa Bảo là chúng ta muốn nhận ra trí tuệ giác ngộ nguyên sơ và trí tuệ giác ngộ hiện tiền của mình. Đức Phật Đa Bảo biểu trưng cho thủy giác của chính mình từ ngàn xưa tới giờ. Và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là trí tuệ giác ngộ hiện tiền của chúng ta, nhưng muốn nhận ra thủy giác này thì trí giác hiện tiền phải hội tụ đủ điều kiện. Trong bản Kinh chúng ta thấy rằng khi Tháp Đa Bảo hiện ra thì ở núi Kỳ Xà Quật lúc bấy giờ có hằng hà sa số cội cây báu hiện ra, dưới cội cây báu có hằng hà sa số tòa sư tử để dung chứa các Đức Phật phân thân từ các cõi nước về rất là đông cho nên phải dời Trời, Người đi cõi khác.

Nếu một người còn chấp trước trong cõi Người tức là chấp trước trong cõi phàm tục của mình, còn chấp trước cõi Trời tức là còn chấp trước thiện thì người đó không thể ở trong cõi Phật được, nên phải dời đi chỗ khác, núi Kỳ Xà Quật bắt đầu rộng khắp, thông đồng cả mười phương pháp giới. Lúc đó các Phật phân thân của Phật Thích Ca ở mười phương bắt đầu hội tụ về.

Lúc này tâm Hành giả trở thành toàn giác. Tất cả những ý niệm xuất phát từ tâm của Hành giả đều là những diệu dụng của trí tuệ giác ngộ giải thoát, không còn bất kỳ ý niệm nào liên quan đến sáu nẻo luân hồi, lúc ấy chỉ hiện toàn trí tuệ giác ngộ mà thôi. Hình ảnh từ lông trắng giữa chặng mày của Đức Phật phóng ra luồng hào quang chiếu khắp mười phương cõi nước ở phương Đông thì hiện tất cả những chư Phật phân thân ở cõi nước ấy chuẩn bị hội tụ về để mở tháp Đa Bảo.

Như vậy có nghĩa là tâm Hành giả đã đạt đến giác ngộ giải thoát cho nên trí tuệ tỏa sáng khắp mười phương pháp giới, lúc ấy khắp mười phương pháp giới hiện hữu sự giác ngộ thuần khiết. Đây là chỗ trí tuệ giác ngộ vượt không gian, vượt thời gian, khắp pháp giới này nơi nơi chốn chốn đều là trí tuệ giác ngộ giải thoát dung thông thành một cõi nước Phật. Đã thành Phật rồi thì khi ấy trí tuệ giác ngộ hiện tiền ở cõi Ta Bà cũng dung thông và đồng đẳng với trí tuệ giác ngộ khắp pháp giới mười phương, khi ấy khắp pháp giới mười phương chỉ hiện một trí tuệ giác ngộ duy nhất, đó là hình ảnh chư Phật mười phương hội tụ về, chứ không phải chư Phật từ phương xa về núi Kỳ Xà Quật.

Khi ấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mở Tháp Đa Bảo thì Đức Phật Đa Bảo nhường nửa tòa ngòai, mời Đức Phật Thích Ca lên ngòai cùng một tòa với Đức Phật Đa Bảo. Tức là trí tuệ giác ngộ nguyên sơ và trí tuệ giác ngộ hiện tiền đã dung hội thành một. Nghĩa là từ cái nguyên sơ là trí tuệ giác ngộ giải thoát của chúng ta đến hiện tại cũng là trí tuệ giác ngộ giải thoát không hề có sự sai biệt nào thì khi ấy chỉ thuần là trí tuệ giác ngộ hiện tiền mà thôi.

Như vậy người ngộ Tri Kiến Phật chỉ là một trí tuệ giác ngộ thuần khiết thanh tịnh, không có quá khứ, không có hiện tại, không có vị lai mà chỉ là sự hiện hữu hiện tiền toàn tri, toàn giác mà thôi.

Lúc này đại chúng mong Đức Như Lai dùng sức thần thông làm cho đại chúng đều được ở trên hư không nhìn thấy hai Đức Phật. Tức thời Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dùng sức thần thông đưa đại chúng lên hư không để thấy được Tháp Đa Bảo.

Khi Hành giả đã đạt đến cảnh giới toàn tri, toàn giác là đã không còn bất kỳ chỗ trụ nào trong Tam giới này, mà chỉ hiện tiền cảnh giới Vô Y, đó chính là cảnh giới của Thật Tướng Vô Tướng hiện tiền.

PHẨM “ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA” THỨ MƯỜI HAI: Trong phẩm này Đức Phật diễn tả, Đề Bà Đạt Đa nhiều đời nhiều kiếp theo phá Đức Phật, mà Đức Phật gọi là Thiện tri thức. Đời nào Đức Phật tu cũng bị Đề Bà Đạt Đa theo phá, nhưng Đức Phật vẫn thọ ký cho Đề Bà Đạt Đa được thành Phật trong tương lai.

Tức là một Hành giả sau khi ngộ Phật Tri Kiến thì thấy rõ những cù cặn nghiệp tập hướng đến thiện hoặc ác cũng được hóa tán thành Phật. Đó là cái thứ nhất.

Thứ hai, người nữ như Long Nữ, là loài rồng không phải loài người cũng thành Phật. Ngài Trí Tích thấy chuyện ngài Văn Thù Sư Lợi giáo hóa ở cung Rồng, bắt đầu trao đổi với nhau. Ngài Trí Tích hỏi ngài Văn Thù giáo hóa ở dưới Ngài nói cái gì? Ngài Văn Thù nói: *“Ta chỉ nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa thôi”*, tức là nói để khai mở Tri Kiến Phật mà thôi, ngoài ra không dạy cái gì khác. Ngài Trí Tích hỏi: *“Ở dưới có ai tinh tấn không?”* Ngài Văn Thù trả lời: *“Có con gái vua Rồng là Long Nữ mới tám tuổi đủ đạo hạnh Bồ Tát và có khả năng thành Phật tức thì”*, Trí Tích không tin nổi.

Ngài Xá Lợi Phất trước đã được Đức Phật thọ ký thành Phật nhưng vẫn chưa thành Phật cho nên vẫn còn trí phân biệt, Ngài nói trong Kinh có năm điều mà mang thân người nữ ô uế không thể làm được. Thứ nhất là không làm Phạm vương, thứ hai là chẳng làm Đế Thích, thứ ba là chẳng làm Ma vương, thứ tư chẳng làm được Chuyển Luân Thánh

Vương, thứ năm chẳng được làm Phật. Long Nữ mới có tám tuổi khả năng thành Phật khó người tin, huống chi là loài Rồng.

Lúc đó, Long Nữ có một hạt châu báu, giá trị bằng cõi Tam thiên Đại thiên đem dâng Đức Phật. Phật liền nhận lấy. Long Nữ nói với Trí Tích Bồ Tát cùng tôn giả Xá Lợi Phất rằng: *“Tôi hiến châu báu, Đức Thế Tôn nạp thọ, việc đó có mau chăng?”*.

Đáp: *“Rất mau”*.

Long Nữ nói: *“Lấy sức thần của các ông xem tôi thành Phật lại mau hơn việc đó”*.

Đang lúc đó cả chúng hội đều thấy Long Nữ thoát nhiên biến thành nam tử, đủ hạnh Bồ Tát, liền qua cõi Vô Cấu ở phương Nam, ngồi tòa sen báu thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, khắp vì tất cả chúng sanh trong mười phương mà diễn nói Pháp mầu.

Phẩm này nói lên hai điều: Thứ nhất là một người ác cũng có khả năng thành Phật. Thứ hai là một người nữ dù là loài súc sanh, loài rồng cũng có khả năng thành Phật. Điều này muốn khẳng định rằng sau khi ngộ Phật Tri Kiến thì tất cả những chúng sanh tâm được hóa tán thành Phật tức thì, mà không trải qua thứ lớp công phu nào nữa.

PHẨM “TRÌ” THỨ MƯỜI BA: Sau khi mở thông việc có một người nữ là Long nữ thành Phật rồi thì bà dì của thái tử Tất Đạt Đa là Ma Ha Ba Xà Ba Đề Tỳ kheo ni và mẹ của La Hầu La là Gia Du Đà La Tỳ kheo ni, cùng chung với bậc hữu học và vô học Tỳ kheo ni sáu nghìn người đồng từ chỗ

ngồi đứng dậy, chắp tay chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt chẳng tạm rời. Các vị cầu mong Đức Phật thọ ký cho mình.

Phẩm trước Đức Phật đã thọ ký chung cho tất cả các bậc Hữu học và Vô học thành Phật rồi. Nhưng giờ Phật hiểu ý họ, vẫn thọ ký lại, Ngài nói rằng bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề cùng bà Gia Du Đà La sau này đều sẽ thành Phật. Như vậy là trong chúng đệ tử Phật, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, người chứng quả, người chưa chứng quả đều được Đức Phật thọ ký hết. Phẩm này là phẩm nói đến việc thọ ký cho hai người nữ thân cận của Đức Phật.

Ý đoạn này muốn nói người đã ngộ được Tri Kiến Phật thì những cù cặn nghiệp tập, những ý niệm thiện ác, những sự dính mắc liền được hóa tán thành Phật, căn bản ái nghiệp sâu tận nơi tâm của Hành giả khi ấy liền được giác ngộ thành Phật, có nghĩa là khi ngộ được Phật Tri Kiến là tận gốc ái nhiễm cũng không còn, mà tâm Hành giả chỉ thuần là trí tuệ giác ngộ và lòng từ bi, tuyệt đối không còn thân sơ và không còn ái nhiễm.

Sau đó Đức Phật dạy đời sống an lạc của người sau khi ngộ Tánh là phẩm “An Lạc Hạnh”.

PHẨM “AN LẠC HẠNH” THỨ MƯỜI BỐN: Đức Phật dạy người sau khi nhận được Phật Tri Kiến rồi phải an trụ trong bốn pháp:

Một là phải an trụ nơi Hành xứ và nơi Thân cận xứ của Bồ Tát. Hành xứ là Hành giả sống an ổn trong trí tuệ giác ngộ của mình mà thể hiện cuộc sống nhu hòa khéo thuận, tức là tâm luôn luôn an định, trí tuệ luôn luôn tỏa sáng để thấu rõ đến tướng như thật của tất cả các pháp là vô tướng.

Đó là Hành xứ. Thân cận xứ của Bồ Tát là Hành giả luôn luôn sống an ổn trong trí tuệ thanh tịnh rõ biết của mình mà không găn gũi quốc vương, đại thần, các ngoại đạo, những người không đồng cái thấy biết giác ngộ giải thoát và những hoàn cảnh không có tương ưng với cuộc sống thanh tịnh.

Thứ hai là Nhất Thiết Pháp Không và Thật tướng. Người đã ngộ Phật Tri Kiến là có đầy đủ trí tuệ để thấu tột thật tướng là vô tướng, cho nên tâm không còn duyên theo, không còn khởi nghĩ đối với tất cả những duyên cảnh.

Hạnh an lạc thứ ba là Hành giả luôn sống trong Phật Tri Kiến, tức là sống trong trí tuệ sáng suốt thanh tịnh của mình, vì vậy mà luôn thấu tột các pháp là bình đẳng nhất như, không còn sanh tâm so sánh cao thấp, không còn tâm thị phi, không thấy lỗi và chê bai người khác và thấy tất cả mọi người đều có khả năng thành Phật nên đều tôn trọng quý kính như vị Phật tương lai. Đó là hạnh an lạc thứ ba.

Hạnh an lạc thứ tư là có lòng Từ Bi lớn, khi Hành giả đang sử dụng phương tiện giáo hóa chúng sanh và muốn khai thị cho tất cả chúng sanh chứng thành đạo quả Vô Thượng Bồ Đề. Nếu có chúng sanh nào chống đối, không tin, không hiểu thì Bồ Tát đó phải phát nguyện sau khi thành Phật sẽ độ những kẻ đó trước. Đồng thời khi được hỏi đáp thì phải an trú nơi đạo Nhất thừa mà vì chúng giảng nói. Đó là hạnh an lạc thứ tư.

Cuối phẩm này Đức Phật nói *“Kinh Pháp Hoa này là tạng bí mật của các Đức Phật Như Lai, ở trong các Kinh thì là bậc trên hết, lâu ngày giữ gìn chẳng vọng tuyên nói, mới ở ngày nay cùng các ông mà bày nói đó”*.

PHẨM “TÙNG ĐỊA DŨNG XUẤT” THỨ MƯỜI LĂM: Chư Đại Bồ Tát mười phương hiện về, xin Đức Phật cho họ sẽ đứng ra gìn giữ bản Kinh Pháp Hoa trường tồn mãi mãi ở cõi Ta Bà này. Đức Phật từ chối.

Bắt đầu trong lòng đất rúng nứt có hằng hà sa số Bồ Tát phóng lên đánh lễ Đức Phật, Đức Phật chấp nhận cho các vị này gìn giữ Kinh Pháp Hoa. Có nghĩa ngang đây Hành giả khẳng định rằng, tất cả những cái từ bên ngoài tới là không thật. Cho nên dù là tri kiến của ai, ở đây nói là chư Đại Bồ Tát ở mười phương, tức là những trí tuệ giác ngộ được thu thập ở mười phương, chứ không phải là những chuyện phàm phu, những kiến thức phàm tình nhưng học được từ bên ngoài vào thì không đủ sức để gìn giữ Phật Tri Kiến của mình.

Như vậy, khi một người ngộ Tri Kiến Phật rồi thì bằng cái thấy biết giác ngộ thanh tịnh của mình mà sống. Khi đối duyên xúc cảnh thì thấy tất cả những cảnh duyên đều là thanh tịnh, đều là cái mới mẽ hiện tiền, đều là rõ ràng thường tri, chứ không còn bất kỳ cái thấy biết khác xen tạp vào. Vì Tự Tánh là trí tuệ giác ngộ hằng hữu, nên tất cả những động dụng của Hành giả đều là những diệu dụng của trí tuệ giác ngộ giải thoát, cho tới ngày đạt ngộ giải thoát hoàn toàn không còn nương tựa bất kỳ phương tiện nào, bất kỳ duyên cảnh nào, vì ở trong Tri Kiến Phật đã có đầy đủ trí tuệ giác ngộ cho nên nói Tự Tánh tự tịnh, tự định.

PHẨM “NHƯ LAI THỌ LƯỢNG” THỨ MƯỜI SÁU: Trong phẩm này Đức Phật ví dụ, như trăm nghìn muôn ức na do tha A tăng kỳ cõi Tam thiên Đại thiên đem nghiền nát thành từng hạt bụi. Rồi mang tất cả hạt bụi đó bay qua phương Đông, cách năm trăm nghìn muôn ức na do

tha A tặng kỳ cỗi nước thì chắm một hạt bụi, cứ như thế cho đến hết những hạt bụi ấy. Rồi khi ấy lấy tất cả những cỗi có chắm hạt bụi và những cỗi đi qua mà không chắm hạt bụi nghiền thành vi trần, mỗi vi trần là một kiếp, từ khi Đức Phật thành Phật đến nay lại lâu hơn số đó trăm nghìn muôn ức na do tha A tặng kỳ kiếp. Ý nói tuổi thọ Như Lai là vô lượng vô biên mà không thể tính đếm được, chỉ có những người ở trong Tri Kiến Phật mới có đủ trí tuệ thấu suốt tuổi thọ của Như Lai, có nghĩa là thọ mạng của Như Lai và tất cả chúng sanh là vô cùng tận, là bất sanh bất diệt, từ ngàn xưa cho tới ngàn sau không bao giờ bị đoạn dứt. Người nào đủ kiến giải này, đủ lòng tin này thì mới có khả năng hòa nhập vào Tri Kiến Phật và có khả năng thành Phật trong tương lai.

PHẨM “PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI BẢY: Trong phẩm này Đức Phật nói, chúng ta có gom hết của báu ở cõi Tam thiên Đại thiên thế giới này đi bố thí cho chúng sanh khắp mười phương pháp giới, rồi nuôi cho họ ăn, uống, mặc, đầy đủ mọi vật đều được thỏa mãn theo ý của họ cho tới ngày họ chứng quả A La Hán v.v... thì phước đức đó vẫn không bằng một người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa dù chỉ một bài kệ bốn câu mà thôi.

Trong phẩm Kinh này, Đức Phật dạy rõ phước báo hữu lậu không so sánh được phước báo vô lậu, vì một người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa tức là người đó đã nhận ra Tri Kiến Phật bất sanh bất diệt, không bị hư hoại thì người đó mới có được công đức, phước đức vô lượng vô biên.

PHẨM “TÙY HỖ CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI TÁM: Trong Kinh diễn tả, ví dụ có người ngồi trong Pháp hội nghe Kinh Pháp Hoa, người đó lại nói cho người thứ hai

nghe, người thứ hai mang Kinh Pháp Hoa nói cho người thứ ba nghe, người thứ ba mang Kinh Pháp Hoa nói cho người thứ tư nghe, nói dần dần cho tới người thứ năm mươi. Thì phước đức người thứ năm mươi đủ lòng tin với bản Kinh Pháp Hoa này vẫn hơn phước đức một người đem của báu khắp Tam thiên Đại thiên thế giới mà bố thí. Tức là người tùy hỷ thứ năm mươi đã có phước báo lớn như vậy rồi.

Như Đức Phật nói trong Kinh, nếu chúng ta đang ngồi đây nghe Kinh Pháp Hoa, sau lại có người đến mà mình nhường chỗ cho họ, hoặc chia sẻ chỗ ngồi, hoặc chỉ cần nhích một bên cho người ta ngồi nghe Pháp là đã có phước báo vô lượng vô biên. Hoặc mình giới thiệu với bạn bè là nơi đó có giảng Kinh Pháp Hoa, rủ bạn cùng đi thì phước báo vô lượng vô biên. Hoặc chúng ta khen tặng, hoặc chúng ta tùy hỷ với người trì tụng Kinh Pháp Hoa thì phước đức chúng ta cũng vô lượng vô biên.

Trong phẩm này Đức Phật đã nói rõ ràng về phước đức của người nghe được Kinh Pháp Hoa, có nghĩa là người đã nhận được Tri Kiến Phật thì người ấy có khả năng thành Phật và có đầy đủ phương tiện độ tận tất cả chúng sanh môn loài chúng đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì công đức người đó mới thật sự lớn.

PHẨM “PHÁP SU CÔNG ĐỨC” THỨ MƯỜI CHÍN: Đến đây Đức Phật nói công đức của người giảng dạy Kinh Pháp Hoa. Một người giảng dạy Kinh Pháp Hoa thì lục căn phải thanh tịnh và hỗ dụng. Có nghĩa, lúc đó Hành giả phải đạt tới cảnh giới ngũ uẩn giai không, đạt tới cảnh giới ngã không và hòa nhập vào Tri Kiến Phật thì khi ấy trí tuệ giác ngộ phủ khắp mười phương pháp giới. Cho nên tất cả những hình sắc, âm thanh, mùi vị v.v... đều được

trí tuệ rõ biết một lượt thông thấu vô ngại và không giới hạn mà không phải cái thấy biết của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

PHẨM “THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI: Ngài Thường Bất Khinh Bồ Tát khi gặp Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni thì đều nói là: *“Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật”*. Gặp một người bình thường cũng nói như vậy, gặp chỗ đông người cũng nói như vậy, gặp chỗ ít người cũng nói như vậy, khiến cho nhiều người không chấp nhận. Người ta đuổi, lấy đá ném, lấy cây rượt, nhưng cũng chạy lui ra mà nói: *“Tôi chẳng dám khinh quý Ngài, quý Ngài đều sẽ thành Phật”*.

Đây là phẩm Kinh muốn khẳng định cái thấy bất thoái chuyển của người đã ngộ được Tri Kiến Phật, dù trong đời sống có trải qua những cảnh thăng trầm bất như ý thì cái thấy biết giác ngộ giải thoát vẫn vững vàng không bị lay chuyển và con đường thành Phật rõ ràng trước mắt không còn bất kỳ sự nghi ngờ nào nữa.

PHẨM “NHƯ LAI THẦN LỰC” THỨ HAI MƯỜI MỐT: Người có lòng tin Bất thoái chuyển thì người đó sẽ được nhập trong Như Lai Tự Tánh, và người đã hòa nhập vào Như Lai Tự Tánh rồi thì có đủ thần lực, le lưỡi một cái là đặng tới trời Hữu đánh và tất cả lỗ chân lông đều phóng hào quang để giáo hóa nhiếp phục chúng sanh, chứ không nói bằng lưỡi, không nói bằng lời nữa. Người đó có đủ thần lực, đủ lực dụng của Tự Tánh để giáo hóa chúng sanh trên tất cả mọi phương diện. Người đó không chỉ giáo hóa cho một cõi, một loài mà giáo hóa hằng hà sa số cõi.

Trong Kinh nói lúc đó Đức Phật le lưỡi là đặng tới cõi Trời Hữu Đánh và toàn bộ lỗ chân lông Đức Phật phóng

muôn vạn hào quang. Mỗi hào quang soi khắp mười phương pháp giới, mười phương pháp giới có tất cả các loài chúng sanh, những cõi không thấy nhau lúc này họ thấy nhau, có những cõi chúng sanh có duyên thì sẽ được đích thân Đức Phật hóa thân giáo hóa và họ nhận ra được chân lý. Họ nghe như chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói riêng một mình họ nghe thôi, chứ không phải họ ở trước hội chúng ở núi Kỳ Xà Quật để nghe như thế này nữa. Tức là tất cả chúng sanh muôn loài ở mười phương pháp giới này, nếu đủ duyên sẽ được hào quang Đức Phật soi sáng và được giác ngộ, đều được thành Phật như Đức Phật đích thân tới đó để khai thị.

Tức là một người khi hòa nhập vào Như Lai Tự Tánh thì thần lực Như Lai đủ sức chuyển hóa tất cả chúng sanh ở mười phương pháp giới này thành Phật. Đó là năng lực của Như Lai Tự Tánh, chứ không phải chúng ta ngộ Tự Tánh rồi không biết gì nữa, không có chút năng lực nào, không làm được lợi ích cho ai.

Phút chốc nhập vào Tri Kiến Phật là phút ấy toàn pháp giới này hiện thành một cõi giới Phật, ở trong cõi giác đó hiện tất cả những năng lực giác ngộ thành tất cả những phương tiện đủ sức có thể chuyển hóa tất cả chúng sanh đạt ngộ giải thoát thành Phật. Đây là cảnh giới giác ngộ toàn triệt của Hành giả là cảnh giới nhập Tri Kiến Phật. Hết phẩm này là kết thúc phần đốn ngộ trong Kinh Pháp Hoa.

PHẨM “CHỨC LUY” THỨ HAI MƯỜI HAI: Đức Phật dặn dò một số đệ tử là phải giữ gìn đọc tụng Kinh Pháp Hoa, để lưu bố rộng khắp cõi trần gian.

Phẩm Như Lai Thần Lực diễn tả Hành giả đã đạt tới đỉnh điểm thật sự ở trong Tự Tánh, giác ngộ toàn triệt thì mới có diệu dụng hằng sa đó. Còn người không nhập trong Tự Tánh thì không thể có diệu dụng đó đâu, không thể le lưỡi một cái liếm đụng tới trời Hữu Đảnh. Người chỉ mới mở Tháp Đa Bảo thì không đủ điều này.

Hành giả sau khi mở Tháp Đa Bảo dần dần phải phá được tư kiến của mình, những cái chấp sai, chấp đúng, thấy người này hơn người kia. Tất cả những sai biệt trần gian này là thấy bình đẳng, thấy hết tất cả chúng sanh tâm đều là Phật tâm hiện hữu, cho nên sống an lạc vì đã tan biến thân ngũ uẩn, bản ngã đã thành không nên lục căn hỗ dụng, tâm hoàn toàn thanh tịnh, không bị lay động bởi thuận nghịch của Tam giới này, hòa nhập hoàn toàn vào bể tánh giác ngộ của Như Lai.

Lúc đó mới bắt đầu thể hiện toàn bộ năng lực Tự Tánh, phóng quang một cái là trong chớp mắt rung động mười phương pháp giới để giáo hóa tất cả chúng sanh muôn loài đều được giác ngộ thành Phật. Đến đây Hành giả đã hoàn toàn ngộ nhập Phật Tri Kiến.

PHẨM “DUỘC VƯƠNG BÒ TÁT BỒN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BA: Phẩm này được gọi là phẩm phá Sắc uẩn. Diễn tả một vị Bồ Tát sau khi thọ nhận Pháp thân của chư Phật, tự nhập Tam Muội đốt thân mình cúng dường chư Phật, đốt hai cánh tay, sau đó hai cánh tay được hoàn y như cũ.

Tức là Hành giả sau khi hòa nhập vào Tự Tánh thì thân này hoàn toàn không còn vương lại nữa, là không chấp thân, gọi là phá thân Sắc ấm, hoàn toàn không còn dính hai bên

nữa nên trong Kinh diễn tả là đốt hai cánh tay của mình, tức là Hành giả không còn vướng mắc bất kỳ điều gì trong trần gian này. Hành giả không còn chấp bên phải bên trái, không còn chấp bên đúng bên sai, không còn chấp bên hay bên dở nơi thân và nơi tâm, phân biệt hai bên v.v... tuyệt đối không còn vướng đọng lại.

PHẨM “DIỆU ÂM BỒ TÁT” THỨ HAI MƯỜI BỐN: Là phẩm phá Thọ âm. Ngài Diệu Âm Bồ Tát từ cõi nước khác đi đến cõi Ta Bà, Ngài có thân hình cao lớn đẹp thù thắng, ánh sáng rực rỡ hơn các vị Bồ Tát trong cõi Ta Bà. Ngài đến thăm hỏi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi Ngài trở về bốn quốc.

Khi Ngài gặp Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đánh lễ thưa hỏi một số điều thì lúc đó đại chúng mới hỏi: Ngài Diệu Âm Bồ Tát ngày xưa tu hạnh gì mà được quả báo thành Bồ Tát có thân hình cao đẹp như thế? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói: Thuở xa xưa Ngài là vị Bồ Tát cúng dường Đức Phật mười muôn ức kỹ nhạc và tám muôn bốn nghìn bát báu cho nên có vẻ đẹp đó.

Cúng dường thực phẩm là người đã xả ly cái cảm thọ về ăn uống. Cúng dường kỹ nhạc là không vướng chấp vào âm thanh tốt xấu của trần gian này, cũng như xả ly những cảm thọ khổ, cảm thọ vui khi lục căn tiếp xúc với lục trần. Vì người còn bị dính mắc trong cảm thọ của căn trần là những ý niệm riêng tư nhỏ nhiệm và như đục, người đã vượt thoát những ý niệm riêng tư nhỏ nhiệm như đục đó thì thân tâm thanh tịnh đẹp đẽ, cao lớn như thân ngài Diệu Âm Bồ Tát, có nghĩa là người đó không còn vướng kẹt trong cảm thọ cảm giác thì trí tuệ của họ rộng rãi và thanh tịnh.

Đến phẩm Diệu Âm Bồ Tát là phẩm phá Thọ âm thì Căn bản trí là ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát soi thấy cái khởi nguồn của Thọ âm được sanh khởi từ Tự Tánh thanh tịnh, cho nên ngài Diệu Âm Bồ Tát đến cõi Ta Bà thì được Đức Phật Đa Bảo làm cho hiện thân, khi Diệu Âm Bồ Tát đã xuất hiện ở trước Đức Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo để đánh lễ là khi ấy Thọ âm được soi sáng bởi trí tuệ giác ngộ hiện tiền nên liền thành không.

PHẨM “QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN” THỨ HAI MƯỜI LĂM: Đây là phẩm phá Tướng âm. Phẩm Phổ Môn diễn tả năng lực cứu khổ chúng sanh và ba mươi hai ứng hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm. Cõi Ta Bà của chúng ta là cõi âm thanh và sắc tướng, chúng ta hiểu điều này điều kia là do chúng ta nghe qua âm thanh và thấy hình sắc, cũng như sự tiếp xúc của lục căn sau đó thành ra những ý niệm là những hình ảnh, những âm thanh, những bóng dáng tiền trần đó là Tướng âm.

Ngài Quán Thế Âm có nghĩa là cái Tự Tánh thanh tịnh của tất cả chúng ta, luôn hằng hữu và rõ thấu căn, trần, thức. Cho nên những tiếng kêu gào đau khổ của chúng sanh tâm, những âm vang ấy xảy ra nơi lòng của chúng ta đều được Tự Tánh thanh tịnh rõ biết rồi liền tan biến thì không còn bất an đau khổ, đồng thời những duyên cảnh bên ngoài mà lục căn tiếp xúc được, khi ấy Tự Tánh thanh tịnh rõ soi nên căn trần không còn vướng mắc và được an lạc, đó là hình ảnh cứu khổ của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Muốn hiện thân Phật được độ thoát thì Quán Thế Âm Bồ Tát liền hiện thân Phật vì đó nói Pháp, muốn hiện thân Bồ Tát liền hiện thân Bồ Tát, muốn hiện thân Thanh Văn, Duyên Giác được độ thoát liền hiện thân Thanh Văn, Duyên

Giác, muốn hiện thân Dạ Xoa, La Sát thì liền hiện thân Dạ Xoa, La Sát v.v... Đây là ba mươi hai ứng hóa thân của một vị Bồ Tát và nói khác đi là nơi tâm của chúng ta có hiện ý niệm giác ngộ, ý niệm thiện, ý niệm ác thì cũng đều hiển hiện trong chân trời Tự Tánh giác ngộ giải thoát, tức là cái trí tuệ giác ngộ soi thấu không còn bất kỳ ý niệm thiện ác nào nơi tâm, đó là gọi là hóa hiện ba mươi hai ứng hóa thân độ thoát.

Đồng thời giả sử muốn cầu con trai thì sanh được con trai, cầu sanh con gái thì sanh được con gái, bị nạn vu oan, bị nạn cướp bóc v.v... Nếu mà niệm danh hiệu Quán Thế Âm đều được xua tan và được cứu thoát.

Như vậy là khi Tự Tánh của mình phát huy tất cả những diệu dụng đó rồi, dù chúng ta bị bắt giác mê làm sanh những ý niệm vương mắc bất an thì liền được Tự Tánh thanh tịnh hóa tán, để thoát khỏi lầm mê đau khổ, để tâm được an lạc.

Như vậy từ ý niệm lầm mê chúng ta đi vào cuộc sanh tử cõi nào cũng được Tự Tánh soi sáng để thoát khỏi đau khổ trầm luân. Cho nên từ cái hình sắc, âm thanh bên ngoài làm cho chúng ta xáo động đau khổ, từ ý niệm buồn thương, giận ghét trong tâm làm cho chúng ta phải buồn thương, giận ghét theo thì bây giờ được Tự Tánh hóa tán, từ bên ngoài cho đến bên trong chúng ta cũng đều được cứu thoát khỏi khổ đau là không bị vương mắc trở lại trong sanh tử này nữa, tức là được Bồ Tát Quán Thế Âm cứu thoát. Khi Bồ Tát Quán Thế Âm nhận chuỗi của ngài Vô Tận Ý Bồ Tát (Tướng âm) rồi dâng cúng cho Đức Phật Thích Ca và Đức Phật Đa Bảo, có nghĩa là Tướng âm đã quay trở về nguồn giác ngộ thanh tịnh của chính mình và hiển hiện trí

tuệ giác ngộ toàn triệt hiện tiền (Đức Phật Thích Ca Mâu Ni) thì Tướng âm đã hoàn toàn tan biến.

PHẨM “ĐÀ LA NI” THỨ HAI MƯỜI SÁU: Đây là phẩm phá Hành âm. Thường trí chúng ta soi lại để có thể nhận biết, thấy được cái vận hành trong tâm thức chúng ta, nếu thiền định đơn giản thì không thể thấy được, cho nên phải dùng Pháp tổng trì. Tức là thu nhiếp tất cả công phu tu tập của chúng ta nhiều đời nhiều kiếp, gom lại những năng lực thấy biết của chúng ta, mới đủ sức thấy rõ cái vận hành của Hành âm mà vượt qua, chứ bình thường chúng ta không thấy nổi đâu. Phá hết Tướng âm là chúng ta dẹp hết âm thanh, hình sắc và bóng dáng tiền trần trong tâm chúng ta, để chúng ta được yên thật sự, trong lòng chúng ta hết sức thanh tịnh. Nhưng phải gom lại tất cả năng lực tu tập thiền định nhiều đời nhiều kiếp thì chúng ta mới đủ sức thấy cái vận hành của Hành âm bên trong.

Hành âm của chúng ta giống như nguyên biển nước mênh mêng. Tướng âm chúng ta nó giống như bọt nước nổi khơi khơi ở trên, cho nên khi chúng ta đã diệt hết Tướng âm, tức là chúng ta đã làm hết những bọt nước và cái màng nổi ở trên mặt biển. Cho nên để phá được cái Hành âm này thì người Hành giả phải có đủ nội lực, vừa có năng lực tu tập của chính mình, vừa có sự gia trì hộ niệm của chư Phật mười phương. Cho nên nói là phẩm Tổng Trì tức là được sự gia trì của chư Phật, chư Đại Bồ Tát, chư vị Thánh Hiền, chư vị Long Thiên Hộ Pháp và các vị Thiện thần v.v... ủng hộ cho người Hành giả trì Kinh Pháp Hoa.

Khi Hành giả đã phá xong Tướng âm, tâm thanh tịnh rồi thì tiếp tục công phu để lắng sâu trong thiền định, để lực định càng lúc càng sâu hơn, đến khi Hành giả đủ năng lực

thiền định và trí tuệ thì mới thấy năng lực vận hành cuộn cuộn mãnh liệt vô biên của Hành âm sâu tận trong tâm của chúng ta, từng sát na niệm nhỏ nhiệm tràn ngập nơi tâm thức của chúng ta, mà nó chưa hình thành ý tưởng, nếu năng lực thiền định yếu kém thì những sát na niệm này nó sẽ làm sống dậy Tướng âm, Hành giả sẽ dao động bất an đau khổ tiếp tục. Do vậy, khi đã lắng được Tướng âm rồi thì Hành giả tiếp tục chuyên sâu vào thiền định, đến khi có được trí tuệ thấu suốt tận nguồn sanh khởi của những sát na niệm thì khi ấy Hành âm được tan biến. Khởi đầu là Dược Vương Bồ Tát cho tới tận cùng là các quý Dạ Xoa La Sát có nghĩa là Hành âm của chúng ta có năng lực giải thoát như Bồ Tát Dược Vương và có những tâm xấu ác như quý Dạ Xoa La Sát cũng đều ở trước Phật phát nguyện hộ trì người thọ trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tức là sâu tận trong Hành âm chúng ta có những cội nguồn sanh khởi giác ngộ giải thoát và tất cả những chủng tử là những nguồn cội sanh khởi thành thiện ác đều quay về với Tri Kiến Phật đều được trí tuệ giác ngộ giải thoát hiện tiền soi thấu và hóa tán thành không. Tức là Hành âm được hóa tán thành Không.

PHẨM “DIỆU TRANG NGHIÊM VƯƠNG BỒN SỰ” THỨ HAI MƯỜI BẢY: Cuối cùng là phá Thức âm. Trong lúc phá Thức âm thì Hành giả phải phá tan hết Tám thức của chính mình, từ Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na thức, A Lại Da thức trong tâm thức.

Ở đây diễn tả vua Diệu Trang Nghiêm và hai người con là Tịnh Tạng và Tịnh Nhãn cùng với hoàng hậu Tịnh Đức. Trong Kinh diễn tả hoàng hậu và hai người con biết Phật Pháp, còn vua Diệu Trang Nghiêm thì không hiểu cho nên hai người con vận thần thông hiện trên thân ra nước, dưới thân ra lửa v.v... đủ hết tất cả mọi thần lực. Vua Diệu Trang

Nghiêm thấy thân lực diệu dụng của con mình mới bắt đầu phát khởi lòng tin Chánh Pháp, hỏi: “Thầy các con là ai?” Người con nói: “Đại vương! Đức Vân Lô Âm Tú Vương Hoa Trí Phật kia nay đương ngồi trên pháp tòa dưới cây Bồ đề bằng bảy báu, ở trong tất cả chúng Trời người thế gian, rộng nói Kinh Pháp Hoa, đó là thầy chúng con, con là đệ tử. Cha nên đến đó đánh lễ để cầu Pháp”.

Khi hai người con làm việc Phật sự để khai mở cho cha mình xong thì đánh lễ thưa với mẹ xin được xuất gia, người mẹ chấp nhận. Hai người con biểu trưng cho sáu thức trước. Sau này người mẹ xuất gia theo (thức thứ bảy) và vua Diệu Trang Nghiêm là A Lại Da thức (thức thứ tám). Như vậy một người công phu tu hành chuyển Tám thức thành Bốn trí, tức là: Năm thức đầu biến thành Thành Sở Tác Trí, thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí, thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí và thức thứ tám thành Đại Viên Cảnh Trí. Chuyển toàn bộ Thức thành Trí thì người đó mới thành tựu công phu tu hành của mình.

Khi Hành giả đã phá được bốn âm trước (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành âm) có nghĩa là bảy thức đã giác ngộ đại diện cho Tịnh Tạng, Tịnh Nhãn và hoàng hậu Tịnh Đức đã xuất gia. Khi ấy vua Diệu Trang Nghiêm cùng phu nhân, hai người con và quần thần quyến thuộc đi đến chỗ Phật. Chính khi ấy toàn tâm toàn ý của Hành giả quay về cái cội nguồn giác ngộ giải thoát, khi ấy trí tuệ giác ngộ của chính mình soi chiếu tỏa sáng tận cùng A Lại Da thức, lúc đó A Lại Da thức biến thành giác ngộ, tức là chuyển thành Đại Viên Cảnh Trí là lúc mà Thức uẩn thành Không, là Hành giả đã đạt đến cảnh giới ngũ uẩn giai không toàn triệt, tức là đã đạt tới cảnh giới giác ngộ giải thoát hoàn toàn.

PHẨM “PHỔ HIỀN BỒ TÁT KHUYẾN PHÁT” THỨ HAI MƯỜI TÁM: Khởi đầu phẩm Kinh diễn tả ngài Phổ Hiền từ phương Đông nơi nước Đức Bảo Oai Đức Thượng Vương Phật, xa nghe cõi Ta Bà này nói Kinh Pháp Hoa, nên cùng với vô lượng vô biên trăm nghìn muôn ức chúng Bồ Tát đồng đến để nghe. Câu hỏi đầu tiên Ngài đặt với Đức Phật là: *“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân sau khi Như Lai diệt độ, thế nào mà có thể được Kinh Pháp Hoa này?”*

Phật bảo Phổ Hiền Bồ Tát: *“Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu bốn pháp thì sau khi Như Lai diệt độ sẽ được Kinh Pháp Hoa này: Một là được các Đức Phật hộ niệm, hai là trồng các cội công đức, ba là vào trong Chánh định, bốn là phát lòng cứu tất cả chúng sanh”.*

Khởi đầu Kinh Pháp Hoa, khi Đức Phật phóng quang chớp mắt cả đại chúng không ai hiểu gì. Lúc đó, ngài Di Lặc Bồ Tát mới thắc mắc dùng nhiều bài kệ hỏi han và được ngài Văn Thù Sư Lợi trả lời: Đức Phật muốn nói Pháp lớn, mưa Pháp vũ lớn, thổi Pháp loa lớn, đánh Pháp cổ lớn và diễn Pháp nghĩa lớn. Nghĩa là Đức Phật chuẩn bị nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Ngài Văn Thù Sư Lợi kể một loạt chuyện quá khứ Đức Phật phóng quang như thế nào. ngài Văn Thù và ngài Di Lặc cũng là vị Bồ Tát trong thời đó, nhưng ngài Di Lặc tu không tinh tấn lười mỗi, cho nên khi Đức Phật thành Phật thì ngài Di Lặc mới là Bồ Tát thôi v.v..

Ngài Văn Thù Sư Lợi là đại diện cho Căn bản trí, Ngài xuất hiện để dẫn khởi đầu bản Kinh Pháp Hoa. Muốn dẫn khởi bản Kinh Pháp Hoa thì trở về cội gốc của trí tuệ mới có thể hiểu thấu được. Còn ngài Phổ Hiền là Sai biệt trí.

Nghĩa là khi kết thúc bản Kinh Pháp Hoa thì hạnh Phổ Hiền cứu độ tất cả chúng sanh muôn loài. Cho nên người trì Kinh Pháp Hoa mà quên chữ nghĩa Kinh Pháp Hoa thì ngài Phổ Hiền đi tới để nhắc nhở, để chúng ta thông thuộc Kinh Pháp Hoa.

Tức là khi một người đã ngộ nhập Phật Tri Kiến thì thể dụng viên thông, lúc nào cũng sống hoàn toàn trong Tự Tánh của mình, cho nên sử dụng tất cả những diệu dụng xuất phát từ Tự Tánh, tức là có ngài Văn Thù và có ngài Phổ Hiền. Thể và dụng lúc đó đã dung thông rồi nên ở đây nói là ngài Phổ Hiền đến nhắc nhở chúng ta. Tức là hạnh độ sanh thương yêu tất cả chúng sanh muôn loài được hiển lộ với người đã thể nhập Phật Tri Kiến.

Ngài Phổ Hiền hiện thân nhắc nhở và đồng thời tụng Kinh Pháp Hoa. Phần này đã kết thúc tất cả những công hạnh tu tập của Hành giả từ đầu cho tới bây giờ, cho nên cuối cùng là thể dụng bắt đầu viên dung, lý lý sự sự bắt đầu viên dung, như vậy mới trọn vẹn một bản Kinh. Nếu nhận được Tri Kiến Phật, sống bằng Tri Kiến Phật, mà chưa có đủ diệu dụng thì như chúng ta mới gặp ngài Văn Thù Sư Lợi, mới nhận được bản thể Căn bản trí thôi, còn Sai biệt trí chúng ta chưa có dung thông.

Nếu Kinh Pháp Hoa lưu hành trong Diêm Phù Đề có người thọ trì, thì nên nghĩ rằng: Đều là sức oai thần của Phổ Hiền. Nếu không có oai thần của ngài Phổ Hiền là chúng ta không thể thọ trì đọc tụng bản Kinh này. Chúng ta thấy sức thần của ngài Phổ Hiền quá lớn.

Khi một người nhập trong Căn bản trí thì sẽ có diệu dụng lợi ích tất cả chúng sanh muôn loài. Muốn diệu dụng lợi ích

cho mọi người thì phải sử dụng Sai biệt trí. Cho nên có bản Kinh Pháp Hoa mà không có ngài Phổ Hiền tức là không có dụng của Trí thì bản Kinh Pháp Hoa trở thành bản Kinh chết, không ai biết hết. Do đó mà có Sai biệt trí, có lợi ích chúng sanh thì có mặt ngài Phổ Hiền. Có Căn bản trí mà hoàn toàn không có diệu dụng thì người sống không có lợi ích.

Người nào tu tập có lợi ích theo đúng nghĩa Kinh Pháp Hoa thì đó là cái dụng của Trí bắt đầu vận hành. Vận hành diệu dụng của Trí thì mới có chữ nghĩa, mới có bản Kinh này ra đời. Nếu Căn bản trí hoàn toàn không có động dụng thì chúng sanh không có bản Kinh Pháp Hoa. Vì vậy mà ngài Phổ Hiền nói rằng có một chúng sanh nào thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa là do oai thần của ngài Phổ Hiền. Tức là diệu dụng của Trí bắt đầu hiện tướng để thành bản Kinh Pháp Hoa, để tất cả mọi người đều có lợi ích trong cuộc sống này. Đó là diệu dụng của Tự Tánh phát khởi mới có ra được bản Kinh.

Nếu một người trì danh hiệu ngài Phổ Hiền tức là sống trong Sai biệt trí thì khi hòa nhập trong Căn bản trí để khởi Sai biệt trí mà độ sanh, lúc đó người này thấu hiểu Đức Phật Thích Ca là ai, cho nên chính Đức Phật mới nói Kinh cho mình nghe. Chính Đức Phật gọi cho chúng ta thấy rõ Tri Kiến Phật là cái gì, là lúc đó Đức Phật hiển hiện.

Chỗ này cũng có một ý khác nữa: Nếu một người hòa nhập vào Tri Kiến Phật thì mười phương pháp giới này là một. Người đó ở trong cảnh giới chư Phật, không phải riêng Đức Phật Thích Ca mà gặp tất cả chư Phật mười phương một lần. Và cũng một lần đó, cũng một sát na đó chúng ta đang nghe tất cả bài Pháp của chư Phật mười phương không

trước không sau. Ngay phút giây đó, không phải riêng Đức Phật Thích Ca mà chính miệng của các Đức Phật mười phương thuyết cho mình nghe, chứ không phải nói chung trong đại chúng nữa. Người nào nhập vào Tri Kiến Phật sẽ hiểu chuyện này một cách rõ ràng, không còn nghi ngờ gì. Người đó được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tay xoa đầu. Phải biết người ấy được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lấy y trùm cho. Người ấy được công đức trọn vẹn để sau này có thể thành Phật.

Đức Phật nói trong thời Mật Pháp nếu còn có người thọ trì đọc tụng Kinh Pháp Hoa phải nghĩ rằng: Người này chẳng bao lâu sẽ đến đạo tràng, phá các chúng ma thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển Pháp luân, đánh Pháp cổ, thổi Pháp loa, rưới Pháp vũ, sẽ ngồi trên pháp tòa sư tử trong đại chúng Trời, Người. Người đó chuẩn bị thành Phật. Người thành Phật là Thầy của Trời, Người, có thể ngồi tòa sư tử thuyết Pháp cho Trời, Người nghe.

HẾT QUYỂN 2

TÊN XBP: KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
GIẢNG GIẢI QUYỂN HAI
Tác giả: TỖ KHEO THÍCH TUỆ HẢI

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi Hoàn Kiếm Hà Nội
ĐT: 024 37822845 Fax: (024). 37822841
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc Tổng biên tập
Nguyễn Công Oánh

BIÊN TẬP: LÊ HỒNG SƠN
TRÌNH BÀY: NGUYỄN DANH
BIÊN TẬP KỸ THUẬT: PHAN GIANG
SỬA BẢN IN: ĐỖ THỊ QUỲNH
ĐƠN VỊ LIÊN KẾT: BÀ PHAN THỊ THU BA
Địa Chỉ: Nhà số 6 ngách 62/2, phố Linh Lang, phường Công Vị, quận
Ba Đình, Hà Nội.

Số lượng in 1000 bản khổ 16 x 24 cm
In tại: Công ty Cổ phần thương mại In Nhật Nam
Địa chỉ: 414/36 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Thạnh, Q. Tân Phú, Tp.HCM
Số ĐKXB: 1708 2018 CXBIPH/07 102/TG.
Mã ISBN: 978 604 61 5623 9
QĐXB: 271/QĐ NXBTG Ngày 26/6/2018.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2018.

ĐÃ PHÁT HÀNH CÁC BẢNG ĐĨA GIẢNG

BẢNG ĐĨA GIẢNG PHẬT PHÁP:

- Kinh Kim Cang
- Kinh Lăng Nghiêm
- Kinh Pháp Cú
- Kinh Pháp Hoa
- Kinh Pháp Bảo Đàn
- Tiểu Bản A Di Đà
- Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
- Kinh Duy Ma Cật
- Tứ Thánh Đế
- Kinh Thập Thiện
- Kinh Ba Cửa Giải Thoát
- Kinh Phước Đức
- Kinh Vô Ngã Tướng
- Kinh Nhất Dạ Hiền Giả
- Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục
- Yếu Quyết Tứ Diệu Đế
- Lời Nguyện Thứ 18 Của Đức Phật A Di Đà
- Tứ Niệm Xứ
- Tứ Nhiếp Pháp
- Bát Đại Nhân Giác
- Lục Độ Ba La Mật
- Thập Nguyện Phổ Hiền
- Mười Bốn Điều Minh Triết
- Yếu Nghĩa Kinh Kim Cang
- Yếu Nghĩa Kinh Pháp Bảo Đàn
- Phương Pháp Tọa Thiền
- Thiền Thư Giãn Và Quán Thân
- Vô thường - Khổ
- Tham vấn Phật Pháp
- Mười Hai Lời Nguyện Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Công Hạnh Của Bồ Tát Quán Thế Âm
- Đức Phật Là Bạc Y Vương
- Niệm Phật Thế Nào Để Có Công Đức
- Hạnh Phúc Chân Thật
- Thương Yêu Và Tôn Kính
- Thiền Tĩnh Song Tu
- Chữ Tu Trong Đạo Phật
- Vượt Qua Nghiệp Chướng Và Tái Sanh
- Tu Tập và Trị Liệu
- Thân Tâm Không Khác
- Sống An Lạc Chết Siêu Thoát
- Lễ Phật Thành Đạo
- Ý Nghĩa Phật Đản Sanh v.v...

BẢNG ĐĨA DƯỠNG SINH:

- Phương Pháp Dưỡng Sinh (bài 1 bài 9)
 - Giải Đáp Câu Hỏi Dưỡng Sinh
 - Thai Giáo
 - Để Hoàn Thiện Một Con Người
 - Phật Pháp và Dưỡng Sinh
 - Ăn Chay với Thực Phẩm Ohsawa
 - Dưỡng Sinh Phòng Bệnh
 - Dưỡng Sinh Hằng Ngày
 - Dưỡng Sinh Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng
 - Dưỡng Sinh Trong Đời Sống
 - Cân Bằng Thân Tâm
 - Cân Bằng Âm Dương Trong Ăn Uống
 - Nâng Cao Đời Sống Vật Chất và Tâm Linh
 - Nguyên Nhân Bệnh Tật
 - Lễ Giỗ Ohsawa
- 2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015



SÁCH ẤN TỔNG KHÔNG BÁN